# ĐÓN NHẬN THÁCH THỨC

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



# ĐÓN NHẬN THÁCH THỨC

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2022

# MỤC LỤC


**THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** 6

**PHẦN 1: TỔNG QUAN** 11

- Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- Thông tin Doanh nghiệp
- Lịch sử phát triển
- Ngành nghề kinh doanh
- Giải thưởng tiêu biểu
- Tóm lược về Công ty và Bộ máy tổ chức

**PHẦN 2: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2022** 31

- Môi trường Kinh doanh 2022
- Báo cáo kết quả Kinh doanh 2022
- Yếu tố thúc đẩy thành công

**PHẦN 3: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN** 75

- Môi trường Kinh doanh 2023
- Chiến lược phát triển trung – dài hạn
- Kế hoạch hành động 2023

**PHẦN 4: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP** 97

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị & Ban Tổng giám đốc
- Quản trị rủi ro
- Thông tin cổ phiếu & hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
- Đánh giá quản trị công ty tại SSI

**PHẦN 5: HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** 141

**PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** 151

**PHẦN 7: THÔNG TIN KHÁC** 241

# THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




*Năm 2022 là một năm đặt tiền đề cho quá trình chuyển đổi của SSI với mong muốn gia tăng giá trị mang lại cho nhà đầu tư theo hướng tiếp cận dựa trên tổng tài sản.*

*2023 sẽ là một năm có nhiều khó khăn nhưng SSI sẽ luôn sẵn sàng đón nhận những thách thức mới, vượt trội hơn mỗi ngày để thực thi sứ mệnh* ***"Kết nối vốn và cơ hội đầu tư".***



**Kính gửi Quý vị ,**

Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã trải qua một năm 2022 biến động mạnh mẽ khi chỉ số VN-Index ghi nhận mức sụt giảm mạnh nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008. Bối cảnh kinh tế vĩ mô chịu nhiều sức ép lớn đến từ bên ngoài như xung đột chính trị Nga – Ukraine; chính sách Không Covid của Chính phủ Trung Quốc; các Ngân hàng Trung ương trên thế giới đẩy nhanh quá trình thắt chặt chính sách tiền tệ để kiềm chế lạm phát; và rủi ro suy thoái kinh tế ở Mỹ và Liên minh Châu Âu (EU). Trong nước, rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp; quá trình thanh lọc sai phạm trên TTCK; áp lực tỷ giá và lạm phát dẫn đến trạng thái thắt chặt thanh khoản và mặt bằng lãi suất tăng cao; cũng như đầu tư công giải ngân chậm tạo áp lực khiến thanh khoản toàn thị trường giảm mạnh. TTCK Việt Nam trở thành một trong những thị trường có diễn biến tiêu cực nhất toàn cầu.

SSI không tránh khỏi những tác động bất lợi từ môi trường kinh doanh, tuy nhiên bằng sự nhạy bén thích nghi với ngoại cảnh, kiên định với nguyên tắc cốt lõi của mình nên dù không đạt được kế hoạch kinh doanh đã đặt ra nhưng Công ty vẫn đạt được kết quả ấn tượng so với các doanh nghiệp cùng ngành. Doanh thu thuần năm 2022 đạt gần 6.517 tỷ VNĐ và Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 2.110 tỷ VNĐ, giảm lần lượt 16% và 37% so với năm trước đó.  Công ty vẫn tiếp tục nằm trong nhóm "Doanh nghiệp đóng góp cao nhất cho Ngân sách Nhà nước" với số tiền 1.586 tỷ VNĐ. Với tôn chỉ hoạt động đề cao quản trị rủi ro chặt chẽ, minh bạch trên tất cả mảng hoạt động của mình, trong cả năm 2022, SSI đã luôn duy trì được trạng thái thanh khoản dồi dào cho tất cả các mảng hoạt động kinh doanh chính, hỗ trợ tốt nhu cầu đầu tư cho khách hàng và không phát sinh các khoản nợ xấu.

Kết quả này được đóng góp tích cực của tất cả các mảng kinh doanh: Dịch vụ Chứng khoán, Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và Quản lý Quỹ. Năm 2022 là một năm đặt tiền đề cho quá trình chuyển đổi của SSI với mong muốn gia tăng giá trị mang lại cho nhà đầu tư theo hướng tiếp cận dựa trên tổng tài sản. Khối Dịch vụ Quản lý Tài sản đã ra đời hướng tới mục tiêu cung cấp chuỗi dịch vụ tài chính đa dạng dựa trên nền tảng phân tích nhu cầu và khẩu vị rủi ro, tư vấn và tối ưu hóa tài sản phù hợp với các phân khúc và đối tượng khách hàng khác nhau.

Thành quả đạt được ngày hôm nay là hội tụ của nhiều nỗ lực, sáng tạo, đổi mới và tinh thần kỷ luật của 1.600 nhân viên SSI. Đó chính là tài sản quý nhất mà SSI sở hữu và vẫn tiếp tục bồi dưỡng để tạo nên nguồn lực phù hợp nhất đồng hành với khách hàng và sự phát triển của TTCK.

Bước sang đầu năm 2023, những sự kiện đổ vỡ ngân hàng lớn trên thế giới kèm với hệ lụy của một số sự vụ trái phiếu đã làm cho các nhà đầu tư mất rất nhiều niềm tin vào thị trường. Đây sẽ là một năm có nhiều khó khăn nhưng SSI sẽ luôn sẵn sàng đón nhận những thách thức mới, vượt trội hơn mỗi ngày để thực thi sứ mệnh ***"Kết nối vốn và cơ hội đầu tư"***. Chúng tôi sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, song song với đó, việc tối ưu hóa lợi nhuận, quản trị rủi ro và kỷ luật trong hoạt động kinh doanh sẽ luôn được SSI đặt lên hàng đầu.

Thay mặt Công ty, xin chân thành cảm ơn các quý Khách hàng, các Đối tác kinh doanh đã đồng hành cùng SSI, cảm ơn sự tin tưởng của các Cổ đông, cảm ơn các thành viên Hội đồng Quản trị đã cùng xây dựng các chiến lược phát triển kinh doanh. Và xin đặc biệt tri ân toàn thể Cán bộ, Nhân viên đã đồng cam cộng khổ kiến tạo nên những dấu ấn sâu sắc, vững bước tương lai đưa SSI lên một tầm cao mới. Với sự hợp tác của Quý vị, năm 2023 chúng ta sẽ tiếp tục gặt hái những thành công vượt trội.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2023

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

**NGUYỄN DUY HƯNG**

# DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2022

*Trước những biến động lớn của tình hình Kinh tế – Xã hội và Thị trường Chứng khoán trong năm 2022, SSI đã nắm bắt từng nhịp chuyển động của thị trường, chủ động đón nhận và biến các thách thức thành cơ hội để tạo ra giá trị bền vững không chỉ cho Công ty mà còn tất cả các bên liên quan trong hành trình bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản.*

**CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ TOÀN DIỆN**

**VỚI HƠN 1.058 TỶ VNĐ** đã được chi trả cho Cán bộ Nhân viên

**HƠN 132 TỶ VNĐ** là ngân sách mà SSI đã dành cho các Hoạt động Cộng đồng trong suốt **22** năm

**PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU**

**496.380.115 CỔ PHIẾU**

**10** năm liên tiếp nằm trong **Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** với 02 năm liên tiếp đóng góp trên 1.000 tỷ VNĐ cho ngân sách Nhà nước

**1.375 TỶ VNĐ** 2021 | **1.586 TỶ VNĐ** 2022

**THÀNH LẬP**

## DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN

Người đồng hành tin cậy trên chặng đường bảo toàn và gia tăng tài sản cho khách hàng.

## DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN

Nâng cao trải nghiệm và mở rộng tập khách hàng

**SẢN PHẨM ĐẦU TƯ ĐA DẠNG**

**Các sản phẩm Chứng khoán**

CỔ PHIẾU | PHÁI SINH | CHỨNG QUYỀN

**Các sản phẩm S-Products**

S-BOND | S-NOTES | S-SAVINGS

**Các sản phẩm Quỹ đầu tư**

QUỸ MỞ | QUỸ ETF | QUỸ HƯU TRÍ TỰ NGUYỆN

**TỔNG TÀI SẢN 52.226 TỶ VNĐ**

**1** **Giữ vững vị trí số 1 trong ngành Chứng khoán** xét về quy mô tài sản

**14.911 TỶ VNĐ** VỐN CHỦ SỞ HỮU

**6.517 TỶ VNĐ** DOANH THU THUẦN

**2.110 TỶ VNĐ** LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**5** Chuỗi chương trình tư vấn và bồi dưỡng kiến thức đầu tư cùng **hàng trăm buổi phát sóng trực tiếp** với hàng triệu lượt xem: Bí mật Đồng tiền | Café Chứng | làm giàu tuổi 20 | Tiền Đi Đâu Về Đâu? | CHỌN DANH MỤC

**Các trò chơi trực tuyến** cung cấp kiến thức chuyên sâu về đầu tư






# 01 TỔNG QUAN


SỨ MỆNH - TẦM NHÌN - GIÁ TRỊ CỐT LÕI 12

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP 14

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN 16

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 18

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU 20

TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY
VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC 24

# TẦM NHÌN

## CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI) hoạt động dựa trên tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công".

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

# SỨ MỆNH

## KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Sứ mệnh gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

# GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## SẴN SÀNG GIẢI PHÁP

Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

## SÂU SÁT CHUYÊN MÔN

Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

## IN DẤU SÁNG TẠO

Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.

# THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI – HOSE) được thành lập vào tháng 12 năm 1999. Sau 22 năm vận hành theo cơ chế thị trường, SSI là một trong những Công ty hoạt động lâu đời nhất đồng thời là định chế tài chính lớn nhất tại Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam với tốc độ phát triển nhanh chóng kèm theo mức vốn điều lệ tăng hơn 2.400 lần. Bằng tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự hùng hậu và chuyên nghiệp, SSI luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt trội và toàn diện, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông. Hiện nay, Công ty có mạng lưới hoạt động rộng rãi tại những thành phố lớn trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng.




Tên doanh nghiệp:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Tên tiếng Anh:

**SSI SECURITIES CORPORATION**

Đại diện theo pháp luật:

**ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Mã chứng khoán:

**SSI**

Ngày thành lập:

**30/12/1999**

Trụ sở chính:

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

+84 28 38242897

www.ssi.com.vn

+84 28 38242997

**VỐN ĐIỀU LỆ (TẠI NGÀY 31/12/2022):**

**14.911.301.370.000 VNĐ**

**VỐN CHỦ SỞ HỮU (TẠI NGÀY 31/12/2022):**

**22.383.881.964.660 VNĐ**

**TỔNG SỐ NHÂN VIÊN (TẠI NGÀY 31/12/2022):**

**1.603 NHÂN VIÊN** trong đó có **506 NHÂN VIÊN** có chứng chỉ hành nghề chứng khoán

# LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

**30/12/1999:** SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ;

**07/2001:** SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán;

**07/2002:** Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.

## 1999-2002

**06/2005:** SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán.

## 2003-2005

**11/2006:** Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường;

**12/2006:** Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội);

**08/2007:** Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập;

**10/2007:** SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh);

**04/2008:** SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ;

**06/2008:** Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI.

## 2006-2008

**07/2009:** SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài;

**05/2010:** SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ.

## 2009-2011






**03/2013:** SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ.

## 2012-2014

**04/2015:** SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 01/2015 với tổng giá trị 500 tỷ VNĐ và đợt 2 vào tháng 04/2015 với tổng giá trị là 300 tỷ VNĐ;

**09/2015:** SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ;

**01/2017:** SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ;

**04/2017:** SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VNĐ;

**05/2017:** SSI được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch TTCK phái sinh.

## 2015-2017

**02/2018:** SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/năm;

**12/2018:** SSI kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên thành "Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI", thống nhất tên gọi với tên viết tắt và mã chứng khoán phát hành trên thị trường;

**06/2019:** SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm;

**02/2020:** SSI tăng vốn điều lệ lên 6.029.456.130.000 VNĐ;

**06/2020:** SSI là Công ty Chứng khoán đầu tiên và duy nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 theo hình thức trực tuyến, thể hiện nỗ lực gia tăng lợi ích cổ đông;

**12/2020:** SSI là đơn vị duy nhất của ngành Chứng khoán được phong tặng danh hiệu cao quý "Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới" do Đảng và Nhà nước trao tặng.



## 2018-2020

**05/2021:** SSI trở thành Công ty Chứng khoán đầu tiên đạt vốn hóa trên 1 tỷ USD;

**11/2021:** SSI phát hành thành công 218,29 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ phát hành 6:2 (tháng 09/2021) và 109,1 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6:1 với giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu (tháng 10/2021). Kết thúc các đợt phát hành, vốn điều lệ Công ty tăng lên mức 9.847.500.220.000 VNĐ;

**09/2022:** SSI đã phát hành thành công hơn 496 triệu cổ phiếu cho cổ đông với giá 15.000 đồng mỗi cổ phiếu. Qua đó, vốn điều lệ nâng lên 14.911.301.370.000 VNĐ, giữ vững vị trí Công ty Chứng khoán lớn nhất Việt Nam.

## 2021-2022



# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

**DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN, DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN VÀ DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN**

**NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH**

## DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN, DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN VÀ DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN

- Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết: Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Bán chứng chỉ quỹ mở; Bán chứng chỉ ETF; Bán chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý đấu giá IPO và chứng quyền có bảo đảm; Giao dịch chứng quyền có bảo đảm;
- Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh: Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền;
- Sản phẩm, Dịch vụ Tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;
- Sản phẩm, Dịch vụ Giao dịch Điện tử: Web Trading, Pro Trading, iBoard, Mobile Trading, Contact Center và SMS;
- Sản phẩm Tư vấn Đầu tư: Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;
- Dịch vụ Quản lý tài sản cho khách hàng cá nhân: Tư vấn xây dựng kế hoạch tài chính và phân bổ tài sản; Cung cấp các gói giải pháp đầu tư phong phú, đáp ứng nhu cầu từ cơ bản đến nâng cao, bao gồm các sản phẩm về tiền gửi, sản phẩm cấu trúc, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, cổ phiếu; Cung cấp hệ thống dịch vụ đặc quyền tập trung vào kiến tạo và gia tăng giá trị về nền tảng kiến thức đầu tư cho khách hàng và thế hệ kế cận;
- Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp: Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.

## NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

- Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, Kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;
- Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của Nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, Bảo lãnh phát hành trái phiếu;
- Dịch vụ thiết kế, xây dựng, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cấu trúc... để đáp ứng các nhu cầu của Công ty và Khách hàng.



**ĐẦU TƯ**

**DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ**

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)**

## ĐẦU TƯ

- Đầu tư Cổ phiếu, Trái phiếu chuyển đổi, Chứng chỉ quỹ, Chứng khoán phái sinh;
- Tạo lập thị trường;
- Phát hành Chứng quyền có bảo đảm.

## DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A);
- Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước: Tư vấn phát hành và Bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ.

## CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

- Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước;
- Quản lý danh mục đầu tư, bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, Quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;
- Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.

# GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

TRẢI QUA 22 NĂM HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÓNG GÓP CHO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM, SSI ĐÃ ĐƯỢC VINH DANH BỞI RẤT NHIỀU TỔ CHỨC UY TÍN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC NHƯ ASIAMONEY BROKERS POLL 10 NĂM LIÊN TIẾP.




NĂM 2022, SSI ĐÃ CHIẾN THẮNG ÁP ĐẢO VỚI 28 TRÊN 29 HẠNG MỤC. ĐÁNG CHÚ Ý, SSI TIẾP TỤC DẪN ĐẦU HẠNG MỤC "NHÀ MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TỐT NHẤT VIỆT NAM".

Hàng trăm giải thưởng đã khẳng định vị thế tiên phong và công nhận cho nỗ lực không ngừng nghỉ của SSI nhằm mang đến những dịch vụ chất lượng nhất cho khách hàng. Đồng thời cho thấy uy tín vượt trội của thương hiệu SSI trên thị trường, minh chứng cho tiềm lực mạnh mẽ của Công ty cả về chất lượng nhân lực, nguồn lực tài chính và mạng lưới đối tác rộng khắp.



**06**

**HẠNG MỤC GIẢI THƯỞNG CHO DỊCH VỤ MÔI GIỚI**

1. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NỘI ĐỊA TỐT NHẤT VIỆT NAM
2. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH VÀ NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG
3. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VIỆT NAM VỀ DỊCH VỤ MÔI GIỚI
4. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VIỆT NAM VỀ DỊCH VỤ QUAN HỆ DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ
5. CÔNG TY THỰC HIỆN LỆNH TỐT NHẤT VIỆT NAM
6. NHÀ MÔI GIỚI BÁN LẺ TỐT NHẤT VIỆT NAM

**22**

**GIẢI THƯỞNG CÁ NHÂN CHO MÔI GIỚI VÀ CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH CỦA SSI**

1. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH CHIẾN LƯỢC HÀNG ĐẦU
2. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH KINH TẾ HÀNG ĐẦU
3. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO CÁC CÔNG TY VỪA VÀ NHỎ
4. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP
5. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC NGÂN HÀNG
6. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC XÂY DỰNG VÀ KĨ THUẬT
7. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC TIÊU DÙNG KHÔNG THIẾT YẾU
8. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC TIÊU DÙNG THIẾT YẾU
9. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG
10. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (KHÔNG BAO GỒM NGÂN HÀNG)
11. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP
12. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC DỊCH VỤ CNTT
13. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC NGUYÊN VẬT LIỆU
14. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN
15. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC VIỄN THÔNG
16. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC VẬN TẢI VÀ KHO BÃI
17. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC DỊCH VỤ CÔNG CỘNG
18. MÔI GIỚI TỔ CHỨC TỐT NHẤT
19. MÔI GIỚI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
20. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC Ô TÔ VÀ LINH KIỆN
21. CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC SỨC KHỎE
22. MÔI GIỚI TỐT NHẤT VỀ DỊCH VỤ QUAN HỆ DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

**Giải thưởng do Tạp chí Euromoney trao tặng**

- **Nhóm dẫn đầu thị trường** năm 2022

**Giải thưởng do The Asset trao tặng**

- **Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất** năm 2017 | 2020 | 2021 | 2022
- **Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp** trong 4 năm liên tiếp (2018 – 2022)
- **Công ty Quản lý Quỹ của năm - SSIAM** năm 2012 | 2014 | 2021 | 2022

**Giải thưởng do FinanceAsia trao tặng**

- **Nhà tư vấn huy động vốn tốt nhất Viêt Nam** năm 2014 | 2015 2018 | 2019 | 2022

**Giải thưởng do Tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng**

- **Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam** năm 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2022
- **Nhà tư vấn về cổ phiếu tốt nhất Việt Nam** năm 2021 | 2022
- **Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam - SSIAM** năm 2020| 2021 | 2022

**Giải thưởng do Asian Investor trao tặng**

- **Hoạt động Phát triển Kinh doanh tốt nhất - SSIAM** năm 2022

**Giải thưởng do Asia Asset Management trao tặng**

- **Tổng giám đốc của năm - SSIAM** năm 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2020 | 2022

**Giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng**

- **Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam** trong 9 năm liên tiếp (2014 – 2022)
- **Top 20 Nữ quản lý chuyên nghiệp** năm 2022

**Giải thưởng do Anphabe trao tặng**

- **Top 1 Nơi làm việc tốt nhất** ngành Dịch vụ Tài chính 2022
- **Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam** năm 2021 | 2022
- **Top 50 Thương hiệu Nhà tuyển dụng hấp dẫn - Khối Doanh nghiệp Việt** lần thứ 4 được vinh danh năm 2017 | 2018 | 2021 | 2022

**Giải thưởng do Asia Business Review trao tặng**

- **Giải thưởng Công nghệ Xuất sắc Châu Á** – hạng mục Fintech Brokerage năm 2022 vinh danh sản phẩm iBoard





**Giải thưởng do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư trao tặng**

- **50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam** trong các năm 2014 | 2016 | 2020 | 2021 | 2022

**Giải thưởng do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX), Báo Đầu tư Chứng khoán (VIR) và Công ty quản lý quỹ Dragon Capital tổ chức trao tặng**

- **Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất cho nhóm vốn hóa lớn** từ năm 2009 – 2018 và 2020 – 2022

**Giải thưởng do Vietstock và VAFE (Cơ quan của Hiệp hội các nhà quản trị Tài chính Việt Nam) trao tặng**

- **Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin (IR Award)** trong 3 năm liên tiếp (2020 – 2022)
- **Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500)** trong 15 năm liên tiếp (2008 –2022)
- **Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)** trong 7 năm liên tiếp (2016 – 2022)
- **Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)** trong 5 năm liên tiếp (2018 – 2022)
- **Top 50 Công ty đại chúng uy tín & hiệu quả (VIX50)** năm 2021 | 2022
- **Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam** năm 2021 | 2022

**Giải thưởng do Viet Research (Công ty CP Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam) và Báo Đầu tư trao tặng**

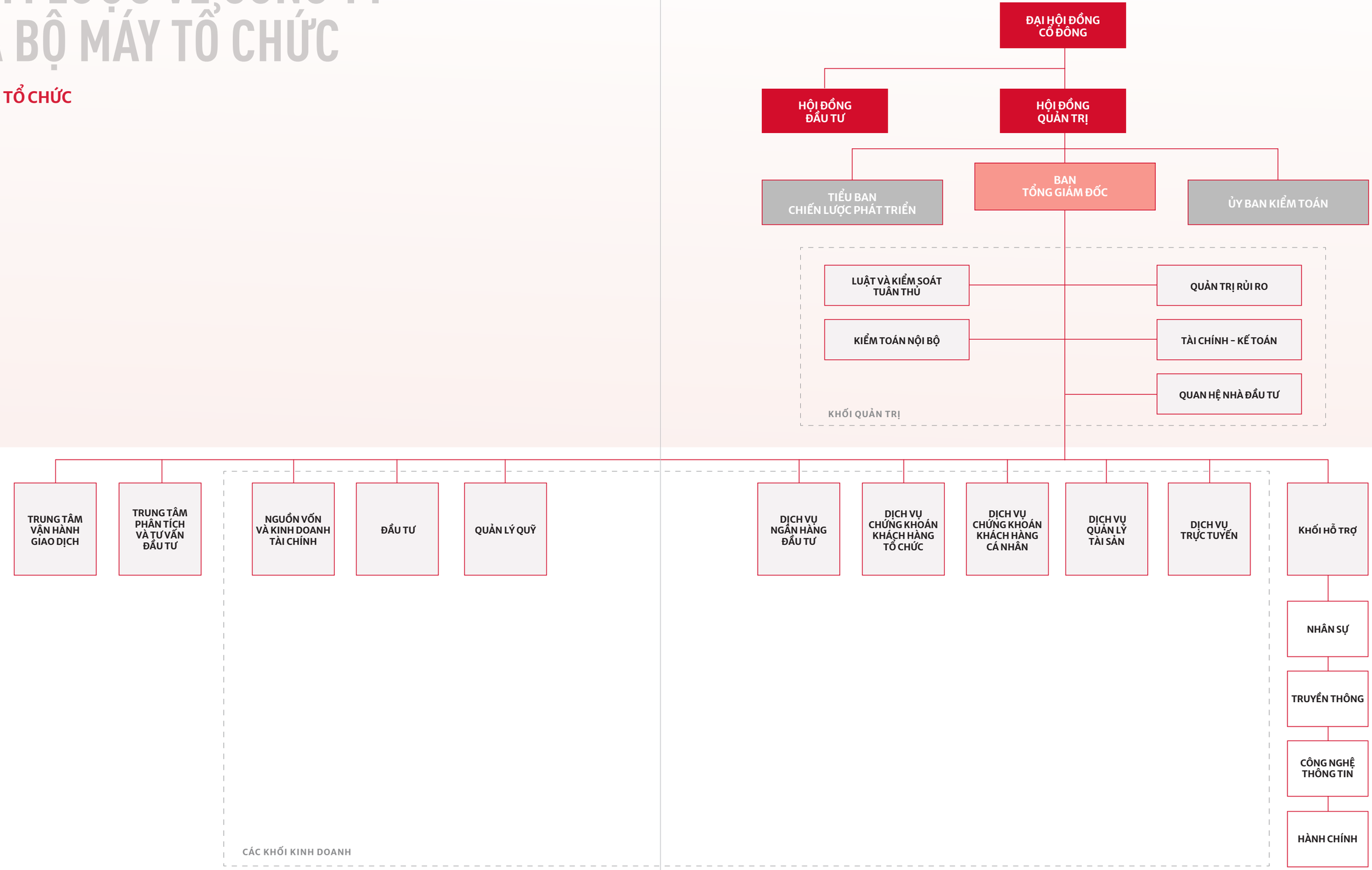
- **Top 500 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam** năm 2022

**Giải thưởng do báo VnEconomy trao tặng**

- **Top 10 Thương hiệu mạnh** – Ngành Dịch vụ Tài chính với chủ đề "Kiến tạo & Phát triển thương hiệu Việt Nam Xanh" năm 2022

# TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



# TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC *(tiếp theo)*

## NHÂN SỰ TỔ CHỨC



### Ông Nguyễn Duy Hưng

*Chủ tịch Hội đồng Quản trị*

Ông Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) - Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao.



### Ông Nguyễn Hồng Nam

*Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc*

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.



### Ông Nguyễn Duy Khánh

*Thành viên HĐQT*

Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người giúp sáng lập SSI International Corp. và có nhiều đóng góp vào những thành công của SSI International Corp. Ông đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).

Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính, Đại học The George Washington, Hoa Kỳ.





### Ông Hironori Oka

*Thành viên HĐQT*

Ông Hironori Oka đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.



### Ông Phạm Viết Muôn

*Thành viên HĐQT Trưởng Uỷ ban Kiểm toán*

Ông Muôn đồng thời là Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE). Trước đó, ông nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp. Ông là người có hiểu biết sâu rộng và có kinh nghiệm trên 15 năm trong việc tái cấu trúc và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Ông Muôn có bằng Tiến sĩ Kinh tế.



### Ông Nguyễn Quốc Cường

*Thành viên HĐQT Thành viên Uỷ ban Kiểm toán*

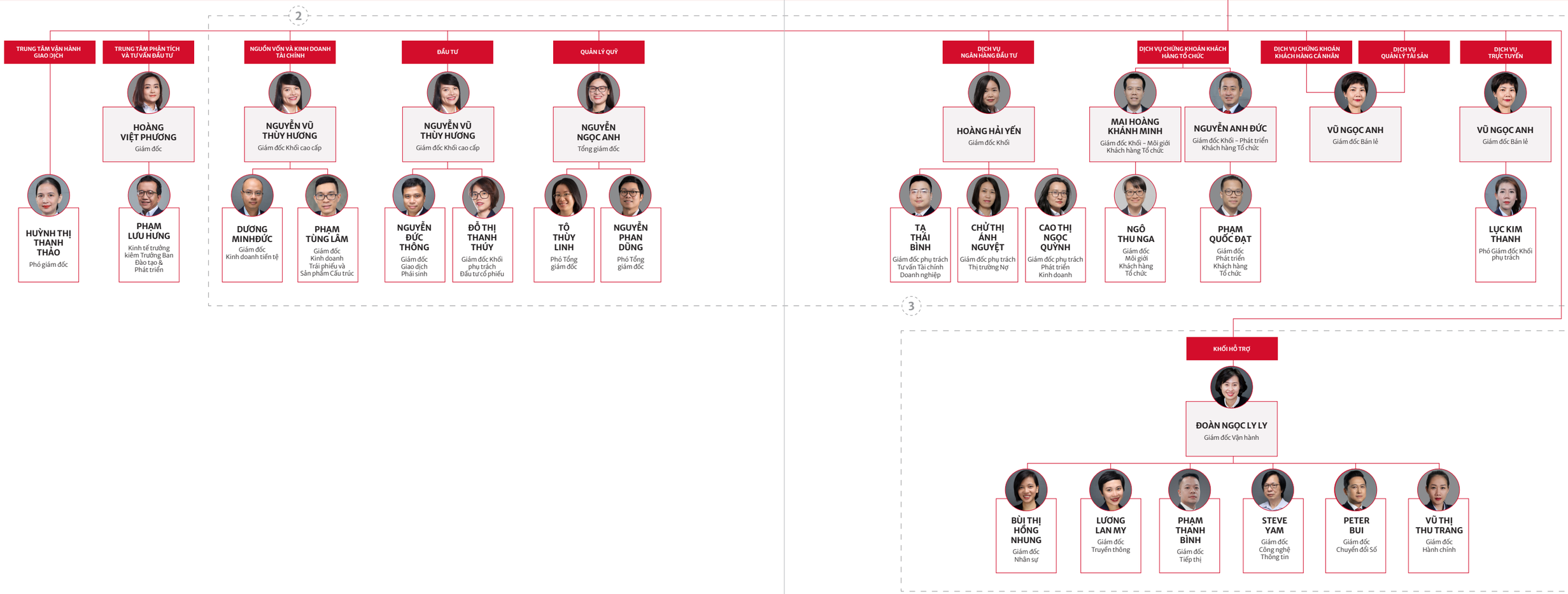
Ông Cường là một chính khách nổi tiếng, một nhà ngoại giao kỳ cựu của Việt Nam. Ông nguyên là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ và Nhật Bản. Hiện nay ông cũng là Cố vấn cao cấp tại Học viện Ngoại giao Việt Nam, đồng thời là chuyên gia tư vấn Hội đồng Lý luận Trung ương.

Ông Cường có bằng Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế tại Hoa Kỳ.

# TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC *(tiếp theo)*

## CÁN BỘ CHỦ CHỐT

1. KHỐI QUẢN TRỊ
2. CÁC KHỐI KINH DOANH
3. KHỐI HỖ TRỢ




*Thông tin cập nhật ngày 17/04/2023*

02

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2022


MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2022 32

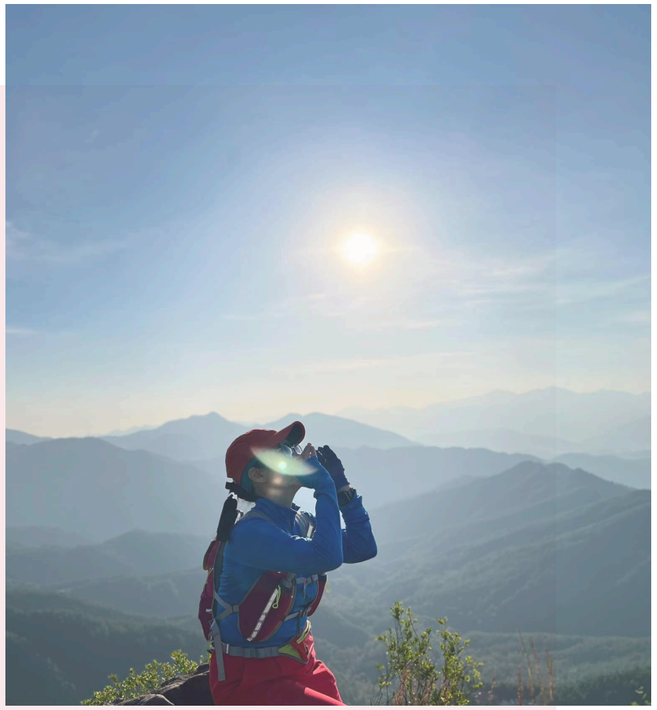
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2022 40

YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG 60

# MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2022

## KINH TẾ VIỆT NAM 2022

Sau hai năm chống chọi với đại dịch Covid-19, thế giới lại tiếp tục phải đón nhận thêm nhiều thách thức mới trong năm 2022, trong đó xung đột địa chính trị và những bất ổn về nguồn cung đã làm gia tăng áp lực lạm phát, buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh chóng. Làn sóng tăng lãi suất với tốc độ và quy mô kỷ lục trong hơn 20 năm của một loạt Ngân hàng Trung ương (NHTW) lớn trên thế giới đã khiến điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt và kéo lùi tăng trưởng kinh tế thế giới. Xu hướng này cũng khiến giá đồng đô la Mỹ (USD) lên cao nhất trong hai thập kỷ, càng làm trầm trọng hơn gánh nặng nợ ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Bức tranh về tình hình kinh tế và thương mại thế giới năm 2022 không có nhiều gam màu sáng, đặc biệt vào nửa sau của năm 2022 khi các tổ chức kinh tế lớn liên tục hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu.



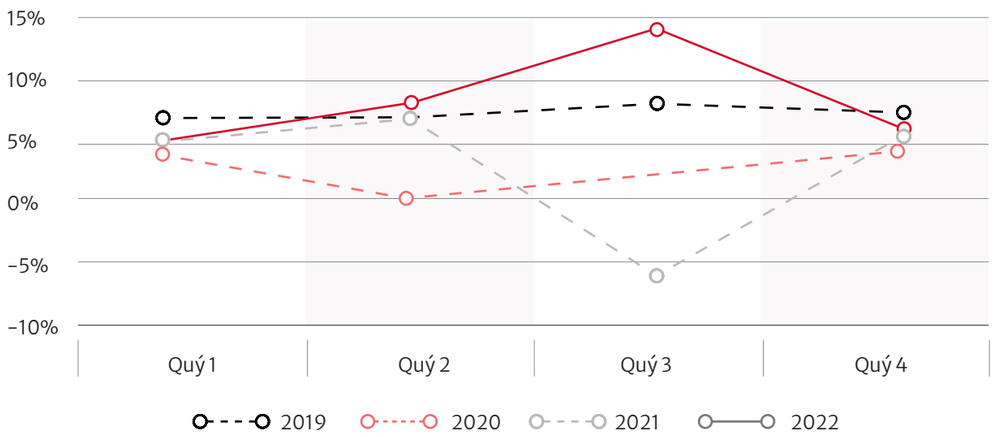







**Tăng trưởng GDP theo Quý (năm 2022)**

*Đơn vị: % so với cùng kỳ*

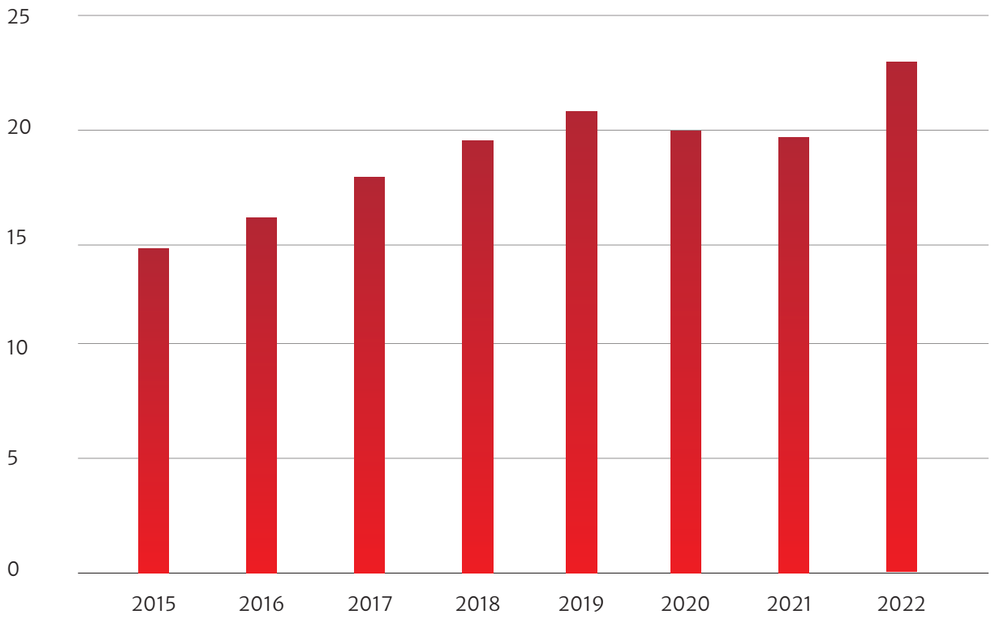



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam năm 2022 dù không tránh khỏi những tác động bất lợi, nhưng vẫn cho thấy sức chống chịu mạnh mẽ và ghi nhận những kết quả khả quan. Tăng trưởng GDP trong cả năm 2022 đạt 8,02% so với cùng kỳ, đánh dấu mức tăng trưởng nhanh nhất kể từ năm 1997 và giúp Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực Châu Á. Động lực tăng trưởng trải đều trên hầu hết các ngành, lĩnh vực chính của nền kinh tế khi nền kinh tế mở cửa hoàn toàn sau Covid-19, cũng như những yếu tố nền tảng đến từ tiêu dùng nội địa và dòng vốn FDI. Giải ngân vốn FDI trong năm 2022 có mức tăng trưởng tốt, đạt 22,4 tỷ USD và tăng 13,5% so với cùng kỳ – cao hơn mức tăng trưởng trung bình trước Covid-19 nhờ việc Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi trực tiếp từ xu hướng chuyển dịch sản xuất nhằm đa dạng hóa chuỗi cung ứng. Các dự án giải ngân tập trung ở nhóm ngành Chế biến chế tạo, trong đó nổi bật nhất bao gồm khoản đầu tư mới của các nhà cung ứng của Apple, dự án của Lego, hay việc mở rộng sản xuất linh kiện bán dẫn của Samsung.

**FDI giải ngân**

*Đơn vị: tỷ USD*

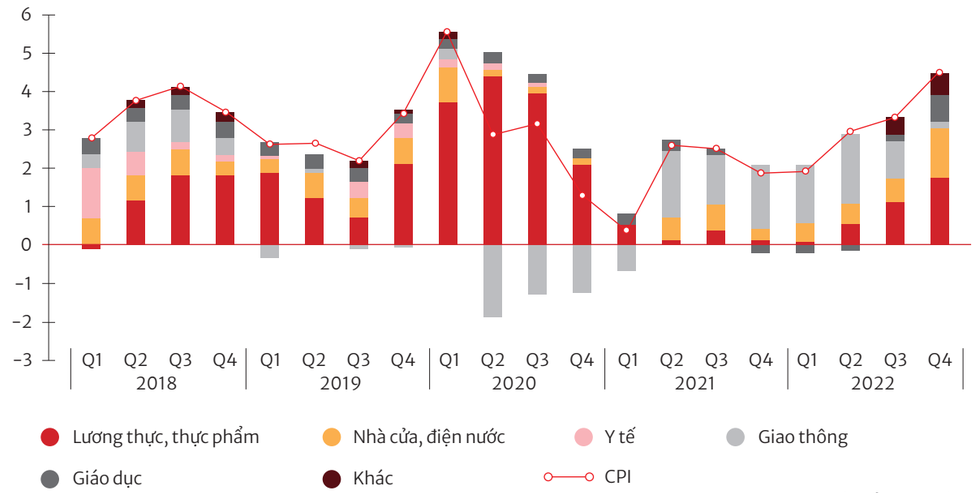



*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Việt Nam cũng duy trì được năng lực sản xuất, chế biến chế tạo trong năm 2022, thể hiện ở việc tăng trưởng xuất khẩu ở mức khá (10%), xuất siêu ở mức cao (12 tỷ USD) và ngành Chế biến chế tạo là động lực chính của tăng trưởng GDP. Trong khi đó, khối các ngành Dịch vụ (trừ Dịch vụ Tài chính), đặc biệt là các ngành liên quan tới Du lịch, Vận tải hành khách ghi nhận sức bật mạnh mẽ sau khi nền kinh tế mở cửa hoàn toàn.

Lạm phát cũng là một điểm sáng trong công tác điều hành của Chính phủ, khi chỉ ghi nhận mức CPI tổng thể tăng trung bình 3,15% trong năm 2022 – thấp hơn nhiều so với mức mục tiêu 4%, cũng như so với các quốc gia khác trong khu vực. Mức tăng của lạm phát cơ bản chỉ ở mức 2,59%, thấp hơn so với lạm phát tổng thể, được giải thích bởi phần CPI tăng chủ yếu đến từ những nhóm như lương thực, thực phẩm, xăng, dầu và gas.

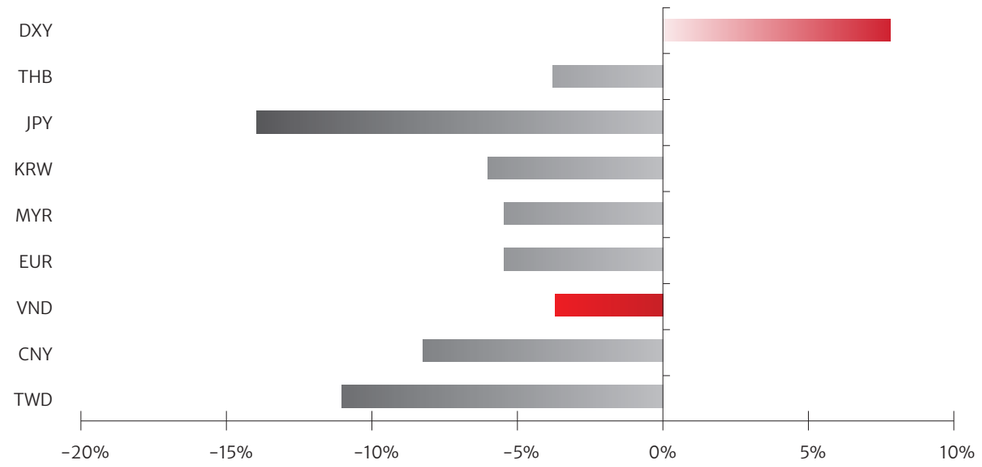
**Biến động các nhóm ngành trong rổ CPI**




*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Năm 2022 là một năm vô cùng thách thức đối với việc điều hành chính sách tiền tệ, khi cùng một lúc nền kinh tế Việt Nam chịu áp lực bởi xu hướng tăng lạm phát, lãi suất, đồng đô la Mỹ trên phạm vi toàn cầu và những khó khăn của Thị trường Chứng khoán (TTCK), Bất động sản, Trái phiếu Doanh nghiệp (TPDN) ở trong nước. Chính sách tiền tệ xuyên suốt năm 2022 là linh hoạt với xu hướng thắt chặt, hướng tới việc ổn định thị trường tiền tệ trong nước, đồng thời vẫn phải duy trì điều kiện thuận lợi để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã thực hiện tăng lãi suất điều hành hai lần trong năm 2022 (với tổng mức tăng 200 điểm cơ bản) nhằm giảm áp lực lên tỷ giá và lạm phát. Mặt bằng lãi suất trên thị trường nhìn chung đã về giai đoạn trước Covid-19 (hoặc thậm chí cao hơn ở một số lãi suất ví dụ như lãi suất cho vay mua nhà). Đồng nội tệ chỉ giảm giá 3,5% so với USD trong năm 2022, mức giảm thấp hơn nhiều so với các quốc gia trong khu vực. Tín dụng ước tăng khoảng 14,5% và thanh khoản hệ thống cơ bản được đảm bảo.

**Biến động tỷ giá USD/VNĐ và các quốc gia trong khu vực**



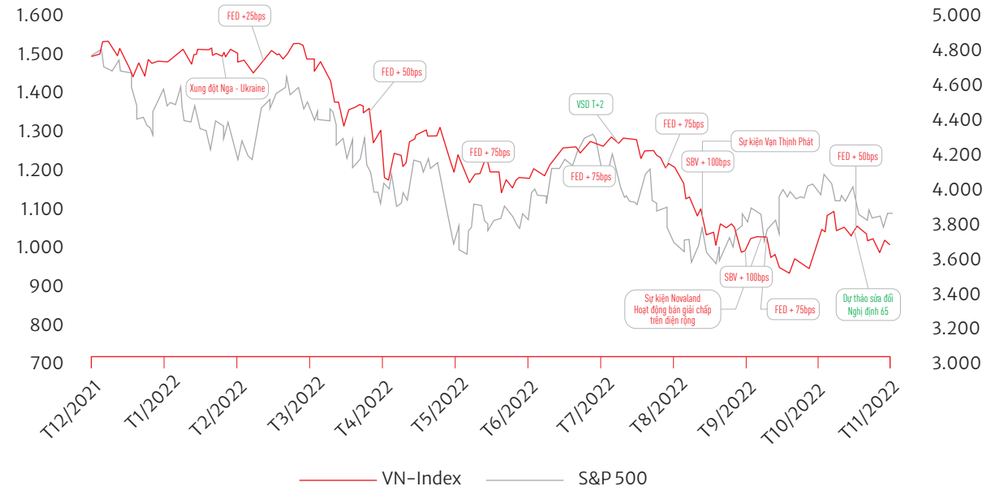

*Nguồn: Bloomberg*



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2022

*Năm 2022 đã đánh dấu một giai đoạn rất nhiều biến động và khó khăn với TTCK Việt Nam khi chỉ số VN-Index giảm 32,78% so với cuối năm 2021, ghi nhận mức sụt giảm mạnh nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008. Mức đỉnh của chỉ số VN-Index là 1.536,45 điểm thiết lập trong tháng 01/2022 trong khi mức đáy 873,78 điểm thiết lập trong tháng 11/2022, đồng nghĩa chỉ số giảm đến 43% từ đỉnh.*

**Biến động chỉ số VN-Index trong năm 2022**

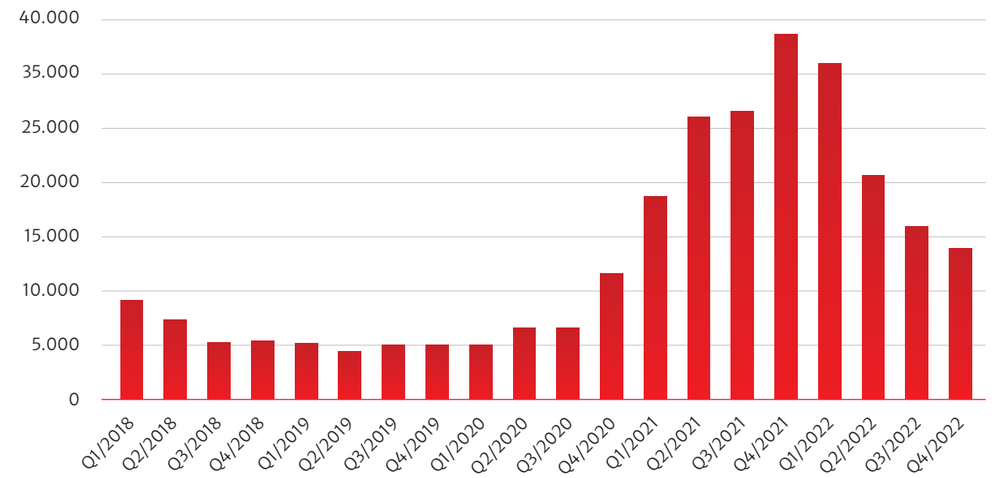



*Nguồn: Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI*

Biến động mạnh đến từ các tác động bên ngoài và cả các cú sốc nội tại, bao gồm cả các yếu tố bất ngờ và những câu chuyện đã được dự báo trước. Thanh khoản dồi dào trong giai đoạn đại dịch Covid-19 (2020 – 2021) trong bối cảnh "tiền rẻ" đã nhanh chóng thu hẹp trong năm 2022. Cụ thể, giá trị giao dịch trung bình ngày đạt 20.367 tỷ VNĐ, giảm 25% so với cùng kỳ. Nhìn chung thanh khoản giảm đều qua các quý, với quy mô trong Quý 4/2022 chỉ bằng một phần ba so với mức thanh khoản ghi nhận trong Quý 4/2021.

**Thanh khoản giao dịch trung bình mỗi ngày**

*Đơn vị: tỷ VNĐ*

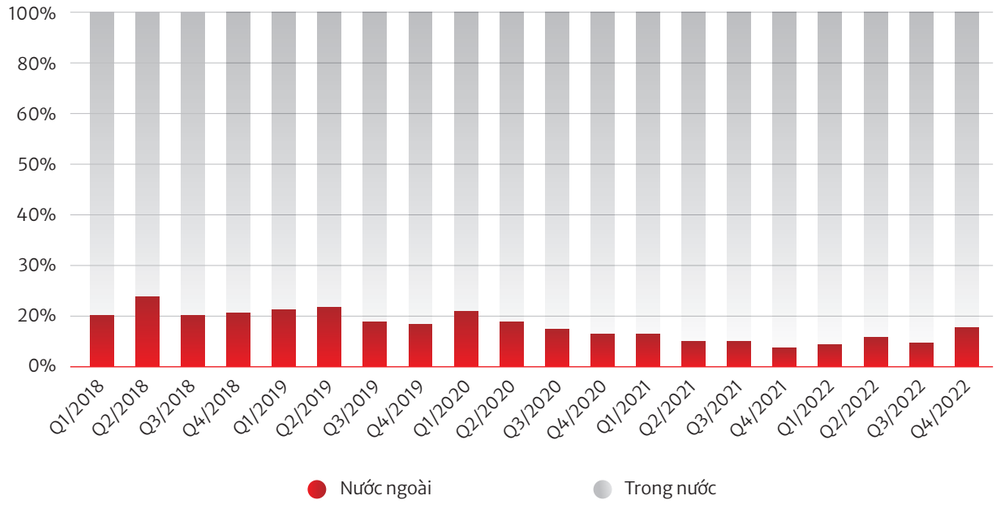



*Nguồn: HNX & HOSE*

Dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân trong nước vẫn chiếm đa số thị trường, với ước tính đóng góp 92,6% tổng khối lượng giao dịch của thị trường năm 2022. Trong khi đó, tỷ lệ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài có sự cải thiện nhẹ, ở mức 7,4%, từ mức thấp lịch sử là 6,7% trong năm 2021, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức hai con số trong giai đoạn trước khi bùng phát đại dịch Covid-19.

**Tỷ trọng giao dịch của Nhà đầu tư trong nước & nước ngoài**

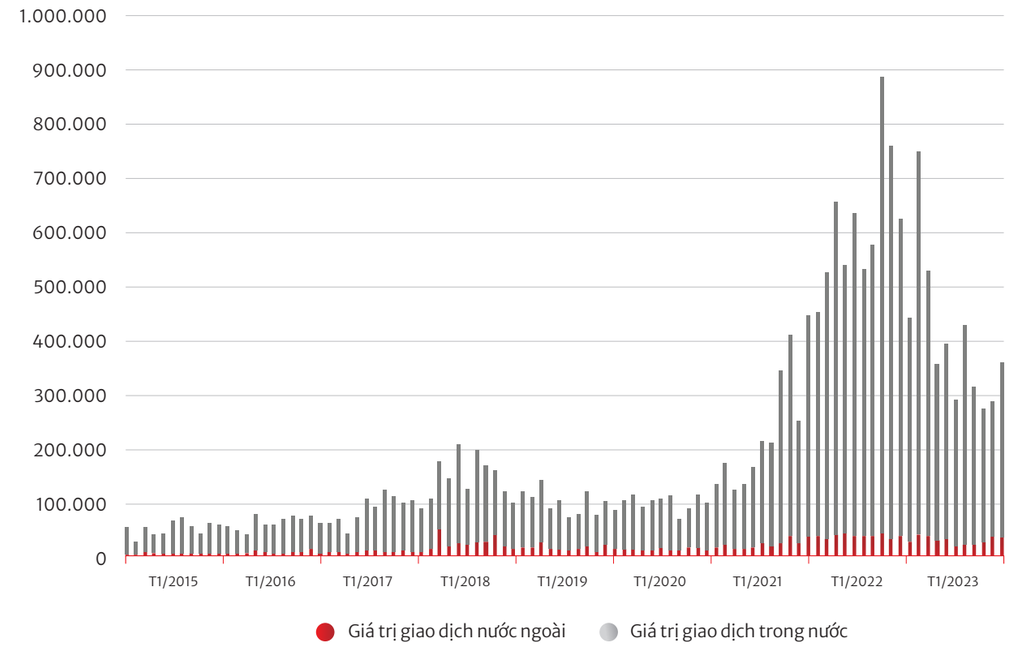
*Đơn vị: %*




*Nguồn: HNX & HOSE*

**Giá trị giao dịch của Nhà đầu tư trong nước & nước ngoài**

*Đơn vị: tỷ VNĐ*

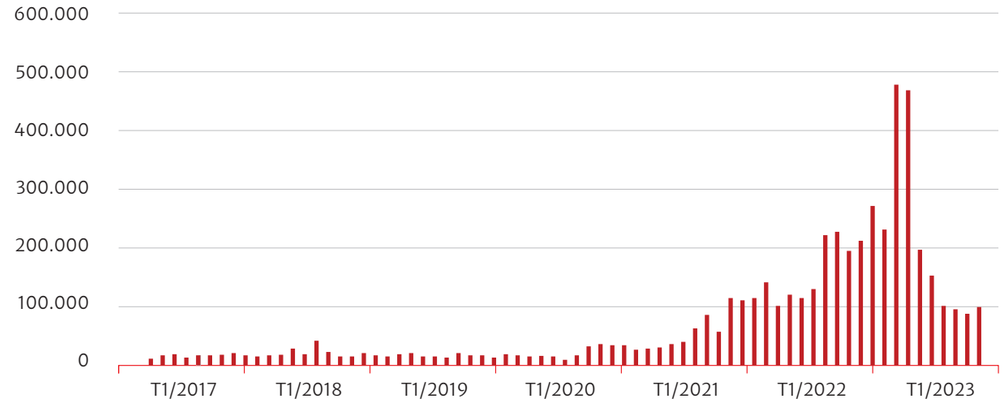



*Nguồn: FiinPro*



TTCK dù giảm mạnh trong năm tuy nhiên số lượng nhà đầu tư chứng khoán mới tham gia thị trường tiếp tục lập những kỷ lục. Tính đến hết 2022, số lượng tài khoản mở mới tăng hơn 60% so với năm trước, đạt 6,8 triệu nhà đầu tư, tương đương với khoảng 6,8% dân số. Sự tham gia của các nhà đầu tư mới đã góp phần cải thiện mức thanh khoản của thị trường và giúp thị trường bước vào một giai đoạn phát triển mới với cơ sở nhà đầu tư nhỏ lẻ chiếm tỷ trọng rất lớn trên thị trường.

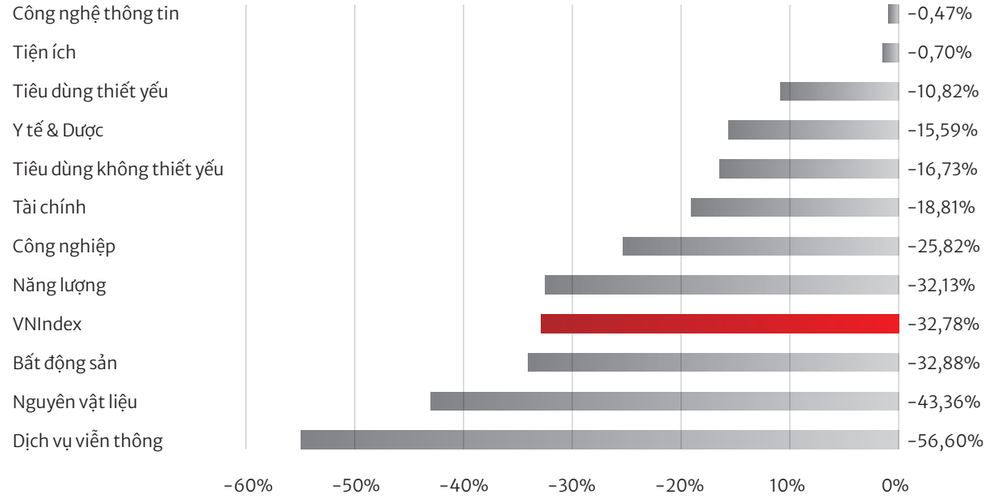
**Số lượng tài khoản mở mới theo tháng**




*Nguồn: Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD)*

**Về diễn biến ngành,** không có bất ngờ khi nhóm ngành giảm mạnh hơn thị trường chung bao gồm Bất động sản (-32,9%) và Nguyên vật liệu (-43,4%). Các cổ phiếu Bất động sản chịu ảnh hưởng nhiều nhất do các biến cố xảy ra trên thị trường TPDN và môi trường lãi suất tăng cao. Ngành Nguyên vật liệu ghi nhận mức điều chỉnh mạnh về giá cả hàng hóa từ nửa cuối năm 2022. Các ngành Công nghệ thông tin (-0,5%) và Tiện ích (-0,7%) là những ngành có diễn biến khả quan nếu so với thị trường chung, cho thấy mức độ chống chịu tốt hơn trong bối cảnh thị trường giá xuống.

**Diễn biến các ngành năm 2022**

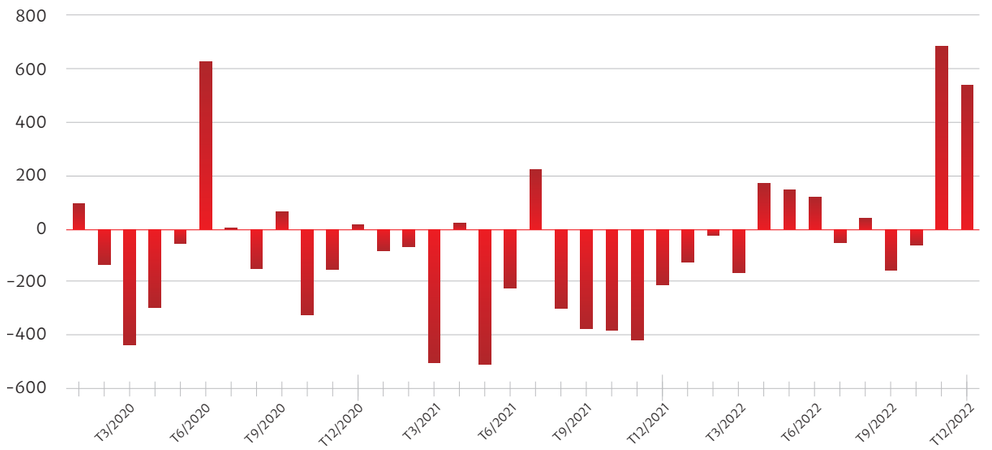



*Nguồn: Bloomberg*

Thị trường sụt giảm về mức định giá hấp dẫn hơn đã thu hút dòng vốn ngoại đổ vào TTCK Việt Nam, đặc biệt là trong Quý 4/2022. Bất chấp diễn biến kém tích cực của TTCK Việt Nam, dòng tiền từ các quỹ ETF khởi sắc trong năm 2022. Tính tổng cả năm 2022, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 29.262 tỷ VNĐ (tương đương 1,24 tỷ USD), đây là mức cao nhất kể từ năm 2017. Trong đó, 14 quỹ ETF mà SSI theo dõi ghi nhận dòng vốn tăng thêm 24.220 tỷ VNĐ (tương đương 1,1 tỷ USD) cho năm 2022.

**Dòng vốn ròng từ nước ngoài**

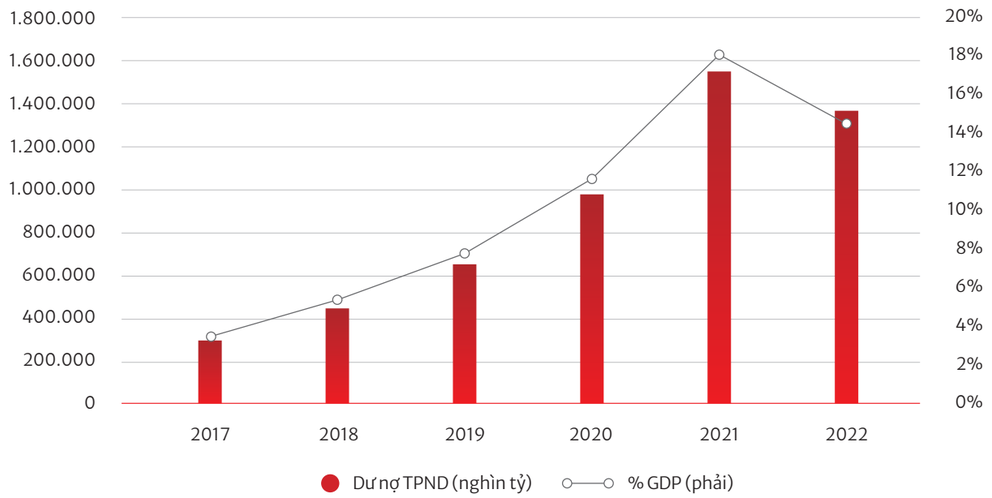
*Đơn vị: triệu USD*




*Nguồn: Bloomberg*

**Về thị trường TPDN**, sau giai đoạn bùng nổ vào năm 2018 – 2021, thị trường TPDN đã có bước điều chỉnh rất mạnh trong năm 2022, sau những động thái mang tính siết chặt từ Chính phủ. Cụ thể, dư nợ thị trường TPDN đã tăng đáng kể qua các năm và đã đạt 18% GDP vào năm 2021, từ mức chỉ 4% vào năm 2017. Tuy nhiên, dư nợ trái phiếu/GDP đã giảm trong năm 2022 xuống chỉ còn 15% GDP khi số lượng phát hành và khối lượng mua lại tăng tốc. Nếu so với các quốc gia trong khu vực, dư nợ TPDN của Việt Nam vẫn ở mức thấp so với Malaysia (54,3% GDP) hay Thái Lan (25,5% GDP).

**Dư nợ Trái phiếu Doanh nghiệp và % GDP**



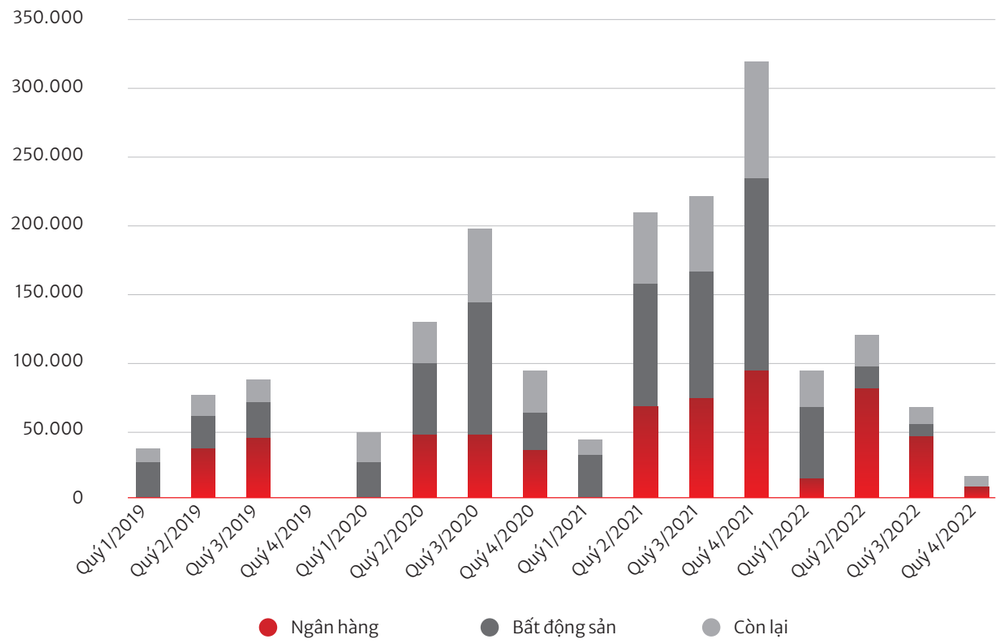

*Nguồn: HNX, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI*



**Về diễn biến của thị trường,** theo số liệu công bố từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), khối lượng phát hành TPDN trong năm 2022 là 271.400 tỷ VNĐ, giảm 65,7% so với năm 2021 và có xu hướng giảm dần qua các quý. Phát hành qua hình thức riêng lẻ vẫn chiếm tỷ trọng lớn (92,9%) tổng lượng phát hành. Theo nhóm ngành, Bất động sản là nhóm ngành ghi nhận sự sụt giảm lớn nhất, khi chỉ có 81.000 tỷ VNĐ được phát hành (so với mức 357.000 tỷ VNĐ vào năm 2021). Các tổ chức tín dụng tuy vẫn chịu ảnh hưởng từ môi trường pháp lý và môi trường lãi suất nhưng mức sụt giảm khá khiêm tốn, chỉ giảm 38% so với cùng kỳ. Một đặc điểm đáng chú ý của thị trường trái phiếu trong năm qua đó sự gia tăng rất lớn của lượng trái phiếu được mua lại. Tính cả năm 2022 thì tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại đạt gần 182.742 tỷ VNĐ, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2021.

**Phát hành Trái phiếu Doanh nghiệp theo Quý**

*Đơn vị: tỷ VNĐ*




*Nguồn: HNX & Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI*

**Về mặt pháp lý,** ngày 16/9/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP để tiếp tục phát triển thị trường TPDN minh bạch, bền vững, bảo vệ quyền lợi cho cả doanh nghiệp phát hành và nhà đầu tư, khắc phục bất cập trên thị trường thời gian vừa qua. Những thay đổi của Nghị định 65 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153 chia thành 4 phần chính:

- ***Đối với các doanh nghiệp phát hành:*** Nghị định đưa ra những quy định chặt chẽ hơn về hồ sơ phát hành cũng như các yêu cầu về công bố thông tin của các doanh nghiệp;
- ***Đối với nhà đầu tư:*** Nghị định có các điều khoản nhằm siết chặt hơn việc giao dịch của các nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp, kể cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp;
- ***Đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian:*** Nghị định đã quy định một cách rõ ràng hơn về các trách nhiệm của tất cả các đối tượng tham gia thị trường;
- ***Đối với việc giao dịch TPDN:*** Nghị định đã yêu cầu tất cả những trái phiếu phát hành riêng lẻ sẽ phải được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD) và đưa ra một lộ trình cụ thể cho việc giao dịch trên thị trường thứ cấp các trái phiếu này ở trên Sở Giao dịch.

# BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2022

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2022

### CƠ CẤU TÀI SẢN

*Trước những thách thức đến từ nền kinh tế, đặc biệt là từ TTCK, SSI đã phát huy tối đa những thế mạnh đến từ tiềm lực tài chính nội tại, cùng với sự nhạy bén, sát sao chỉ đạo từ Ban Điều hành để vượt qua các khó khăn và ghi nhận những kết quả khả quan.*

Năm 2022, Tổng tài sản đạt mức **52.226 tỷ VNĐ**, ghi nhận mức tăng trưởng **3% so với năm 2021**, đồng thời giữ vững vị trí số 1 trong ngành Chứng khoán xét về quy mô tài sản. Trong năm, SSI thực hiện cơ cấu danh mục tài sản theo hướng tập trung vào các tài sản tài chính an toàn như tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và cổ phiếu đầu tư là tài sản phòng ngừa rủi ro (hedging) cho chứng quyền. Đây vừa là những tài sản tài chính sinh lời với thanh khoản tốt, vừa là công cụ để sử dụng đòn bẩy tài chính và hỗ trợ thanh khoản.

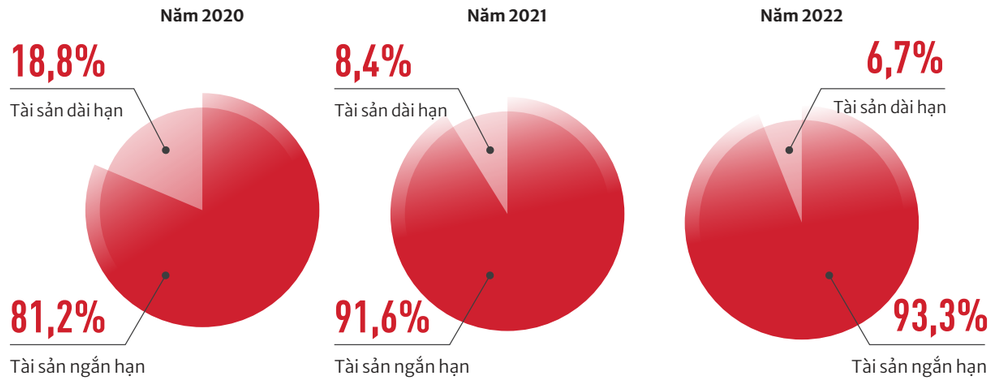
**Bảng cân đối tài sản giai đoạn 2020-2022**

*Đơn vị: tỷ VNĐ*

| Chỉ tiêu | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|
| **Tài sản ngắn hạn** | **29.040** | **46.540** | **48.732** |
| Tài sản tài chính ngắn hạn | 28.889 | 46.464 | 48.622 |
| Tiền và tương đương tiền | 363 | 1.114 | 1.418 |
| Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 13.252 | 12.023 | 30.493 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 5.592 | 7.834 | 3.508 |
| Các khoản cho vay | 9.226 | 23.698 | 11.057 |
| Các khoản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 186 | 272 | 382 |
| Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp | (48) | (62) | (37) |
| Tổng các khoản phải thu | 318 | 1.586 | 1.801 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 151 | 75 | 110 |
| **Tài sản dài hạn** | **6.730** | **4.253** | **3.494** |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | 785 | 602 | 617 |
| Đầu tư chứng khoán dài hạn | 5.465 | 3.087 | 2.156 |
| Tài sản cố định | 148 | 189 | 282 |
| Bất động sản đầu tư | 197 | 233 | 265 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 43 | 35 | 26 |
| Tài sản dài hạn khác | 92 | 107 | 148 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **35.770** | **50.793** | **52.226** |
| | | | |
| **Nợ phải trả ngắn hạn** | **25.824** | **36.479** | **29.788** |
| Vay ngắn hạn | 23.351 | 31.121 | 27.892 |
| Nợ phải trả ngắn hạn khác | 2.473 | 5.358 | 1.896 |
| **Nợ phải trả dài hạn** | **73** | **94** | **54** |
| Nợ phải trả dài hạn khác | 73 | 94 | 54 |
| **Vốn chủ sở hữu** | **9.873** | **14.220** | **22.384** |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **35.770** | **50.793** | **52.226** |



**Cơ cấu tài sản SSI từ năm 2020 – 2022**




*Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI*

Tài sản ngắn hạn là nhân tố chủ đạo khi chiếm 93,3% cơ cấu Tổng tài sản, với giá trị đạt gần 48.732 tỷ VNĐ, tăng 5,7% so với cùng kỳ. Trong đó, tiền và tương đương tiền ở mức gần 1.418 tỷ VNĐ, tăng 27,2% so với thời điểm cuối năm 2021. Đây phần lớn là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng, sẵn sàng đảm bảo khả năng thanh khoản cho hoạt động kinh doanh, đồng thời góp phần đem lại doanh thu tài chính cho SSI.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) tại thời điểm 31/12/2022 đạt mức 30.493 tỷ VNĐ, tăng mạnh 153,6% so với năm 2021. Đây cũng là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất (62,6%) trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Với việc chủ động nắm bắt và đánh giá thị trường, danh mục FVTPL được duy trì tập trung vào các nhóm tài sản an toàn, thanh khoản tốt và ít bị tác động bởi biến động thị trường. Cụ thể, danh mục cổ phiếu và chứng khoán/chứng chỉ quỹ đã được thu hẹp 43,5% so với cùng kỳ, ghi nhận số dư ở mức 1.095 tỷ VNĐ, được phân bổ tập trung vào các cổ phiếu đầu ngành, tiềm năng sinh lời tốt và phù hợp với chiến lược đầu tư của SSI. Trong danh mục đầu tư cổ phiếu, có 32 tỷ VNĐ là phục vụ cho mục đích phòng ngừa rủi ro (hedging) cho sản phẩm chứng quyền mà Công ty phát hành. SSI được biết đến là một trong ba công ty hoạt động tích cực nhất trong hoạt động phát hành và tạo lập thị trường cho sản phẩm chứng quyền.

Danh mục trái phiếu thuộc nhóm FVTPL cũng tăng mạnh so với cùng kỳ, ghi nhận 12.961 tỷ VNĐ tại thời điểm cuối năm 2022. Đây là kênh đầu tư an toàn và mang lại hiệu quả tốt khi SSI tăng trạng thái đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu ngân hàng lớn và có tín nhiệm cao, thực hiện cam kết thanh toán đúng hạn. Bên cạnh đó, chứng chỉ tiền gửi cũng tăng mạnh, gấp 2,4 lần so với năm 2021, đạt 16.437 tỷ VNĐ. Đây cũng là một kênh phân bổ vốn an toàn, đem lại lợi nhuận ổn định cho Công ty trên cơ sở tận dụng lợi thế của SSI về quy mô nguồn vốn cũng như các dự đoán chính xác về xu thế lãi suất.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) ghi nhận 382 tỷ VNĐ tại 31/12/2022, tăng 40,5% so với cùng kỳ năm 2021. Danh mục AFS chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Pan Farm và ConCung. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) có số dư 3.508 tỷ VNĐ, bao gồm tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của SSI và đảm bảo cho ngân hàng cấp bảo lãnh.

Các khoản cho vay, bao gồm cho vay hoạt động ký quỹ và ứng trước tiền bán của khách hàng, ghi nhận tại ngày 31/12/2022 là 11.057 tỷ VNĐ, chiếm 22,7% Tài sản ngắn hạn và giảm mạnh 53,3% so với số dư tại thời điểm cuối năm 2021. Nguyên nhân khiến khoản mục này sụt giảm là do bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của TTCK, nhà đầu tư hạn chế giao dịch và thanh khoản thị trường ở mức thấp so với cùng kỳ. Tuy nhiên, dư địa mở rộng việc cho vay ký quỹ luôn dồi dào khi SSI có sẵn nguồn vốn để tăng dư nợ margin lên mức tối đa cho phép và trong phạm vi khẩu vị rủi ro. Công ty luôn bám sát các xu hướng biến động và nhu cầu thị trường, sẵn sàng nguồn lực để phục vụ nhà đầu tư khi thị trường khởi sắc trở lại.

Đồng thời, hoạt động cho vay ký quỹ của SSI hoàn toàn nằm trong phạm vi kiểm soát rủi ro chặt chẽ nhờ sự phối hợp kiểm tra, kiểm soát nhiều vòng của các bộ phận Kiểm soát Nghiệp vụ, Dịch vụ Tài chính, Quản trị Rủi ro (QTRR) và rà soát hậu kiểm định kỳ của Kiểm toán Nội bộ (KTNB) cùng Kiểm soát Nội bộ (KSNB). Quy trình quản trị rủi ro đối với hoạt động cho vay ký quỹ được thực hiện toàn diện, từ xây dựng hệ thống chấm điểm cổ phiếu được phép vay ký quỹ, xác định các tỷ lệ hạn mức hợp lý, giám sát biến động rủi ro tiềm tàng hàng ngày, đến tuân thủ kỷ luật quản lý rủi ro khi phát sinh các khoản vay chạm ngưỡng cảnh báo. Công tác quản lý rủi ro chặt chẽ vừa hỗ trợ khách hàng thực hiện giao dịch đầu tư linh hoạt, an toàn, vừa đảm bảo bảo toàn vốn cho Công ty, tiếp tục một năm không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi.

Tài sản dài hạn ghi nhận ở mức 3.494 tỷ VNĐ, chiếm 6,7% Tổng tài sản. Danh mục đầu tư bao gồm trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn có số dư 2.156 tỷ VNĐ. Bên cạnh đó, SSI vẫn trực tiếp nắm giữ12,7% cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) và 20% cổ phần tại Quỹ Đầu Tư Công Nghệ Số Việt Nam (VDF). Đây là các công ty phù hợp với định hướng đầu tư dài hạn của SSI, do đó SSI sẽ tiếp tục đồng hành trên chặng đường phát triển của các đơn vị này.

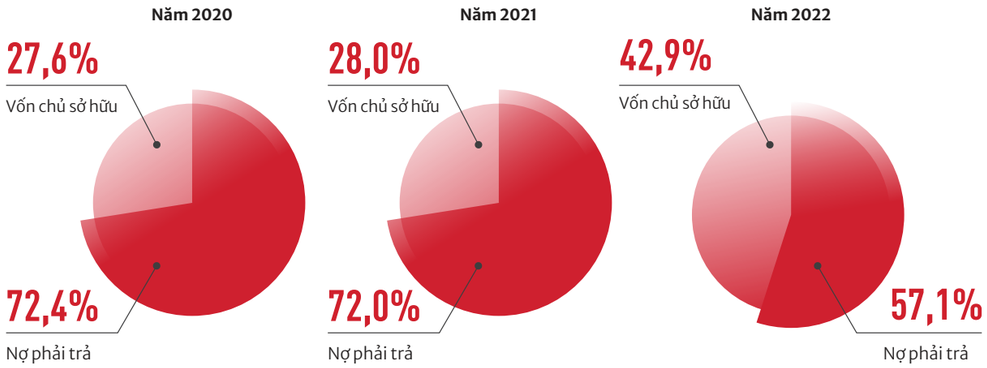
## CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Hoạt động Nguồn vốn đóng vai trò then chốt trong việc phân bổ hiệu quả nguồn lực, góp phần giúp SSI kinh doanh hiệu quả, đồng thời duy trì được một nền tảng tài sản an toàn và tăng trưởng bền vững qua các năm. Vốn chủ sở hữu của SSI tại ngày 31/12/2022 đạt mức 22.384 tỷ VNĐ, chiếm 42,9% Tổng nguồn vốn và đánh dấu mức tăng trưởng 57,4% so với cùng kỳ năm 2021. Qua đó, SSI củng cố vị thế là Công ty Chứng khoán có vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường. Vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2022 đạt mức 14.911 tỷ VNĐ, tăng trưởng 51,4% so với cùng kỳ năm 2021, duy trì vị thế của SSI là công ty có vốn điều lệ lớn nhất trong số các công ty chứng khoán đang niêm yết trên thị trường. Tăng trưởng vốn chủ sở hữu đến từ việc Công ty hoàn tất chào bán cổ phiếu ra công chúng trong năm 2022. Trong bối cảnh lãi suất tăng mạnh trên phạm vi toàn cầu khiến việc huy động vốn trở nên khó khăn, sở hữu nền tảng Vốn chủ sở hữu dồi dào không chỉ giúp SSI đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh mà còn giúp Công ty nâng cao năng lực triển khai các sản phẩm, dịch vụ tài chính tới khách hàng, đặc biệt là năng lực cho vay giao dịch ký quỹ và năng lực đầu tư, với chi phí hợp lý nhất.

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2022 ghi nhận ở mức gần 29.843 tỷ VNĐ, chiếm 57,1% Tổng nguồn vốn. Bên cạnh việc sở hữu nền tảng Vốn chủ sở hữu vững mạnh, SSI luôn kết hợp sử dụng đòn bẩy tài chính để tối ưu chi phí sử dụng vốn. Số dư Vay ngắn hạn thời điểm cuối năm 2022 là 27.892 tỷ VNĐ. Các khoản vay này chủ yếu đến từ các khoản vay thấu chi và vay ngắn hạn, với số dư cuối năm lần lượt là 8.517 tỷ VNĐ và 19.375 tỷ VNĐ. Về huy động vốn trong nước, nhờ sở hữu nguồn Vốn chủ sở hữu đối ứng lớn cùng với uy tín, mối quan hệ lâu dài với các ngân hàng, SSI thực hiện việc tăng hạn mức với nhóm ngân hàng trong nước, đồng thời mở rộng thêm các khoản tín dụng mới thông qua việc hợp tác với nhóm các ngân hàng nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam, đặc biệt là nhóm các ngân hàng từ Hàn Quốc và Đài Loan. Về huy động vốn nước ngoài, SSI đã thành công trong việc duy trì nguồn vốn vay nước ngoài với tổng mức huy động 254 triệu USD trong năm, thông qua các khoản vay hợp vốn (syndication) và song phương (bilateral) với các đối tác quen thuộc là các định chế tài chính nước ngoài từ Đài Loan, Hong Kong, Singapore, Malaysia, v.v... Khi tham gia vào thị trường vốn quốc tế, SSI cũng thực hiện mở vị thế vào các hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn để phòng ngừa biến động lỗ tỷ giá, giảm thiểu tối đa tác động lên kết quả kinh doanh.

*Trước những áp lực đến từ mặt bằng lãi suất gia tăng cùng với quan điểm quản trị nguồn vốn thắt chặt từ các định chế tài chính trong nước và quốc tế, việc huy động vốn với chi phí hợp lý là bài toán khó với toàn bộ nền kinh tế. Đối mặt với thách thức trên, SSI vẫn huy động thành công và duy trì được nguồn vốn vay ngắn hạn ổn định. Điều này không chỉ thể hiện năng lực điều hành, khả năng đánh giá tình hình thị trường nhạy bén của SSI, mà còn thể hiện tín nhiệm của SSI đang ngày càng được nâng cao đối với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.*

**Cơ cấu nguồn vốn SSI giai đoạn 2020 – 2022**




*Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI*

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính cơ bản, theo đó ngoài những kết quả nêu trên thì SSI còn luôn duy trì được các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận cao hơn trung bình ngành, đồng thời các chỉ tiêu về khả năng thanh toán cũng luôn được tăng cường, đảm bảo SSI có thể thanh toán đầy đủ mọi nghĩa vụ đến hạn



**Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản**

| Kết quả kinh doanh | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|
| Doanh thu thuần (tỷ VNĐ) | 3.939 | 3.301 | 4.576 | 7.786 | 6.517 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (tỷ VNĐ) | 1.567 | 1.099 | 1.552 | 3.252 | 2.100 |
| Lợi nhuận khác (tỷ VNĐ) | 56 | 7 | 5 | 113 | 10 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế (tỷ VNĐ) | 1.623 | 1.106 | 1.558 | 3.365 | 2.110 |
| Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ) | 1.303 | 907 | 1.256 | 2.695 | 1.698 |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (tỷ VNĐ) | 1.305 | 909 | 1.257 | 2.696 | 1.699 |

| Bảng cân đối tài sản | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|
| Tổng tài sản (tỷ VNĐ) | 23.826 | 27.044 | 35.770 | 50.793 | 52.226 |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | 5.101 | 5.101 | 6.029 | 9.848 | 14.911 |
| Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền | 499.834.406 | 591.654.887 | 600.489.827 | 880.992.801 | 1.187.083.380 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ VNĐ) | 9.156 | 9.401 | 9.873 | 14.220 | 22.384 |

| Cơ cấu tài sản | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|
| Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | 93,5% | 82,4% | 81,2% | 91,6% | 93,3% |
| Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | 6,5% | 17,6% | 18,8% | 8,4% | 6,7% |

| Cơ cấu nguồn vốn | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|
| Nợ phải trả/ Tổng tài sản | 61,6% | 65,2% | 72,4% | 72,0% | 57,1% |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản | 38,4% | 34,8% | 27,6% | 28,0% | 42,9% |

| Tỷ suất lợi nhuận | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) | 5,5% | 3,4% | 3,5% | 5,3% | 3,25% |
| Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) | 14,3% | 9,7% | 12,8% | 19,0% | 7,6% |
| Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ | 25,5% | 17,8% | 20,8% | 27,4% | 11,39% |
| Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 33,1% | 27,5% | 27,4% | 34,6% | 26,05% |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ) | 2.428 | 1.430 | 1.955 | 2.852 | 1.432 |

| Khả năng thanh toán | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|
| Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn) | 1,65 | 1,36 | 1,12 | 1,28 | 1,64 |
| Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn] / Nợ ngắn hạn) | 1,65 | 1,35 | 1,11 | 1,23 | 1,57 |

# KẾT QUẢ KINH DOANH 2022

Năm 2022 là năm có nhiều biến động và khó khăn với TTCK Việt Nam; chỉ số VN-Index giảm 32,78%. Đây là mức sụt giảm mạnh nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008. Thanh khoản dồi dào trong giai đoạn Covid-19 (2020 – 2021) trong bối cảnh "tiền rẻ" đã thu hẹp mạnh mẽ trong năm qua. Nhìn chung, thanh khoản liên tục có xu hướng giảm dần xuyên suốt năm 2022, với quy mô trong Quý 4/2022 chỉ bằng một phần ba so với mức thanh khoản ghi nhận trong Quý 4/2021.

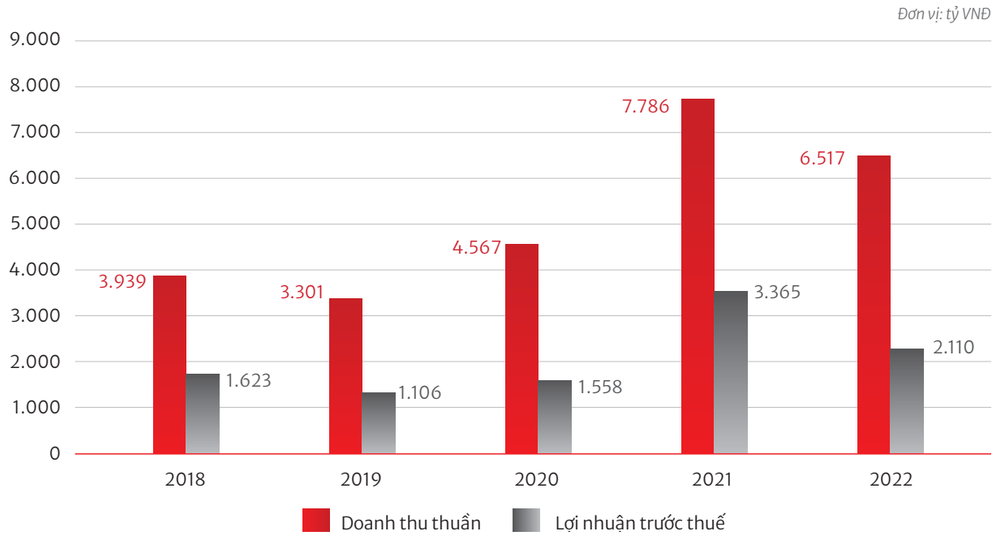
Đan xen với những gam màu trầm, vẫn có những gam màu tích cực trong bối cảnh giảm mạnh của TTCK. Đầu tiên là số lượng nhà đầu tư chứng khoán mới tham gia thị trường tiếp tục tăng trưởng tốt, với lượng tài khoản mở mới năm 2022 tăng hơn 60% so với năm trước, góp phần hỗ trợ cho thanh khoản của thị trường. Thứ hai là tín hiệu khởi sắc đến từ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, khi khối ngoại trở lại mua ròng với giá trị khoảng 29.262 tỷ VNĐ trong năm 2022, chấm dứt chuỗi bán ròng liên tục từ 2020 – 2021.

*Sự sụt giảm của thị trường và thanh khoản đã ảnh hưởng nhiều tới hoạt động của các công ty chứng khoán. Bằng sự nhạy bén của một tổ chức đầu ngành đồng hành với Thị trường Tài chính Việt Nam từ những ngày tạo lập, SSI đã sớm nhận diện tình hình và xem đây là một nhịp quan trọng trong chu kỳ phát triển của nền kinh tế. Với tâm thế đón nhận thách thức, Ban Điều hành đã sát sao chỉ đạo, nắm bắt từng nhịp chuyển động của thị trường để biến các khó khăn thành cơ hội.*

Kết thúc năm 2022, Doanh thu thuần đạt gần 6.517 tỷ VNĐ, hoàn thành 63,2% kế hoạch, Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt xấp xỉ 2.110 tỷ VNĐ, hoàn thành 48,3% kế hoạch. Tuy không hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra, nhưng kết quả này vẫn đáng ghi nhận trong bối cảnh sụt giảm mạnh của TTCK. Hoạt động kinh doanh vẫn duy trì được sự ổn định và hiệu quả nhờ đóng góp của tất cả các mảng kinh doanh, bao gồm: Dịch vụ Chứng khoán, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, và Quản lý Quỹ; đồng thời ghi nhận những chỉ đạo đúng đắn của Ban Lãnh đạo cùng sự hiệp lực, đồng lòng vượt qua khó khăn của toàn thể nhân viên Công ty.

**Kết quả kinh doanh SSI giai đoạn 2018 – 2022**

*Đơn vị: tỷ VNĐ*



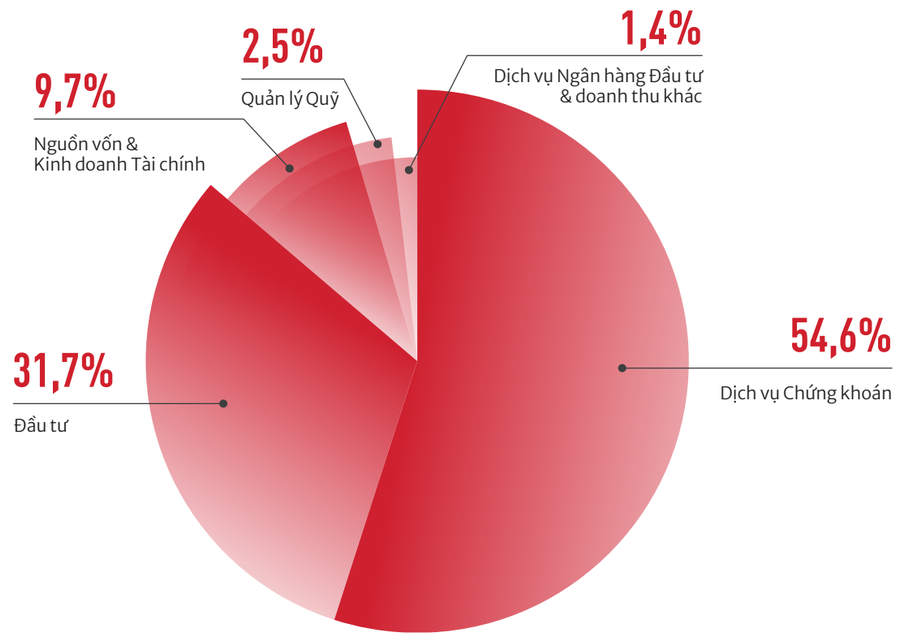

*Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI*

Trong năm 2022, Công ty không có sự thay đổi nào trong Ban Điều hành. Bên cạnh đó, các lĩnh vực kinh doanh đều tích cực kiện toàn, tối ưu bộ máy hoạt động và quy trình vận hành để đem lại hiệu quả cao nhất trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.



Trong đó, Doanh thu vẫn đến từ các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là Dịch vụ Chứng khoán, Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính.

**Cơ cấu doanh thu 2022**




*Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI*

Cụ thể, năm 2022, Dịch vụ Chứng khoán SSI đạt doanh thu ở mức hơn 3.564 tỷ VNĐ, đóng góp 54,6% vào Tổng doanh thu. Trong đó, doanh thu từ hoạt động môi giới, lưu ký và tư vấn đầu tư đạt xấp xỉ 1.774 tỷ VNĐ, đóng góp 27% của Tổng doanh thu. Doanh thu đến từ hoạt động cho vay ký quỹ và phải thu đạt khoảng 1.800 tỷ VNĐ, chiếm 27,6% Tổng doanh thu. SSI cũng ghi nhận những nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư, kết nối giao dịch hiệu quả, phát triển các sản phẩm mới và tính năng mới trên nền tảng giao dịch, mở rộng tập khách hàng đại chúng, phủ rộng mạng lưới chi nhánh và nhân viên môi giới, đáp ứng nhu cầu khác nhau của từng phân khúc khách hàng. Đáng chú ý, trong năm SSI đã triển khai cung cấp Dịch vụ Quản lý Tài sản, hướng tới mục tiêu đưa SSI trở thành trung tâm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện, cung cấp chuỗi dịch vụ tài chính đa dạng dựa trên nền tảng phân tích, tư vấn và tối ưu hóa tài sản cho khách hàng.

Hoạt động Đầu tư mang lại doanh thu lớn thứ hai cho Công ty với 2.069 tỷ VNĐ, chiếm 31,7% Tổng doanh thu. Danh mục giao dịch thường xuyên tiếp tục tập trung vào các công ty đầu ngành, định giá hợp lý, đồng thời có thanh khoản lớn, có triển vọng tăng trưởng và minh bạch nhằm hạn chế rủi ro khi thị trường biến động mạnh. Ngoài ra, Công ty cũng giao dịch các sản phẩm phái sinh như hợp đồng tương lai chỉ số VN30 nhằm đưa mức rủi ro về thấp nhất cho danh mục và các khoản đầu tư ngắn hạn.

Với kết quả doanh thu đạt được xấp xỉ 635 tỷ VNĐ, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đóng góp doanh thu lớn thứ ba của Công ty với tỉ lệ 9,7%. Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong việc quản lý hiệu quả dòng vốn của Công ty và khách hàng, đảm bảo khả năng thanh khoản trong mọi thời điểm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về thanh khoản cho hoạt động của Công ty và đảm bảo dòng vốn được phân bổ vào những kênh đầu tư an toàn, đem lại hiệu quả cao.

Mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và các bộ phận khác cũng ghi nhận một năm hoạt động thành công khi đạt được doanh thu ở mức 94 tỷ VNĐ trong năm 2022. Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đã thực hiện triển khai các thương vụ lớn trên thị trường với chất lượng tư vấn cao và tích cực bám sát, hỗ trợ doanh nghiệp. Đồng thời, SSI cũng thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và có những bước điều chỉnh, cải tiến cơ cấu nhân sự phù hợp với tình hình mới cho mảng này, nhằm giữ vững vị trí dẫn đầu của một nhà tư vấn tài chính uy tín và linh hoạt đáp ứng tính biến động của thị trường trong bối cảnh đầy thử thách.

Hoạt động Quản lý Quỹ và Danh mục đầu tư đóng góp gần 165 tỷ VNĐ vào Tổng doanh thu, tương ứng với tỷ trọng 2,5%, nhờ tích cực tìm kiếm nhà đầu tư, đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm, phát triển các sản phẩm mới như sản phẩm Quỹ Hưu Trí Tự Nguyện nhằm mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm cho khách hàng.

Chi tiết báo cáo hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh được trình bày dưới đây.

# DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Trước những thách thức từ TTCK trong năm 2022, doanh thu và lợi nhuận của mảng Dịch vụ Chứng khoán (DVCK) SSI cũng chịu ảnh hưởng mạnh. Tuy nhiên, bằng sự chủ động trong công tác điều hành và nhanh nhạy trong việc nắm bắt tình hình thị trường, DVCK SSI đã được những thành tích đáng ghi nhận. Doanh thu Khối DVCK đạt 3.564 tỷ VNĐ và lợi nhuận trước thuế đạt gần 1.351 tỷ VNĐ. Về cơ cấu doanh thu, mảng Khách hàng Cá nhân chiếm 94%, chủ yếu bao gồm phí môi giới và cung cấp các dịch vụ tài chính tới khách hàng. Doanh thu từ mảng Khách hàng Tổ chức chiếm 6% doanh thu, bao gồm phí môi giới, các khoản thu đến từ các hợp đồng tư vấn khuyến nghị cho các quỹ đầu tư, các hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư cho các doanh nghiệp và các hoạt động bán chéo với các khối kinh doanh khác. Bên cạnh đó, thị phần môi giới cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của SSI trong năm 2022 tiếp tục duy trì trong Top 3 công ty có thị phần môi giới lớn nhất, đạt 9,84% trên sàn HOSE và 6,89% trên sàn HNX.




## KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

### Lợi thế cạnh tranh đến từ sự thấu hiểu và liên tục gia tăng tiện ích cho khách hàng

Bên cạnh những khó khăn chung từ các yếu tố vĩ mô, cạnh tranh trong ngành Chứng khoán cũng trở nên khốc liệt hơn trong năm 2022. Các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam đều hướng tới mục tiêu mở rộng tập khách hàng và tiếp cận khách hàng theo nhiều chiến lược khác nhau, nhưng tựu chung đa số đặt mục tiêu tăng trưởng thị phần bằng các chương trình tăng ưu đãi hoặc giảm phí tối đa để thu hút khách hàng. Tuy nhiên, SSI lại hướng tới việc tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững thông qua gia tăng tiện tích trên các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng; giúp khách hàng bảo toàn và gia tăng tài sản với chi phí hợp lý nhất.

Để hiện thực hóa định hướng trên, SSI luôn nỗ lực nghiên cứu để thấu hiểu nhu cầu về tài chính cũng như trải nghiệm khách hàng. Công ty đã triển khai hệ thống Quản lý Khách hàng CRM giúp cung cấp góc nhìn 360 độ về khách hàng, quản lý tập trung các dịch vụ chăm sóc khách hàng giữa các bộ phận, có thể đo lường trải nghiệm khách hàng thông qua các điểm chạm dịch vụ, đồng thời giúp giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh theo từng cấp. Các kênh truyền thông, mạng xã hội cũng được SSI tận dụng trong việc nghiên cứu nhu cầu và mong đợi của khách hàng, qua đó đưa ra chiến lược tiếp cận và chăm sóc khách hàng phù hợp.

SSI đồng thời cung cấp thêm nhiều tiện ích hỗ trợ khách hàng, nâng cao chất lượng trải nghiệm khách hàng qua các điểm chạm dịch vụ trực tuyến. Trong năm 2022, SSI cũng chú trọng đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ để cải tiến chất lượng giao dịch trực tuyến và nâng cấp các hệ thống để gia tăng năng lực, tốc độ xử lý, đảm bảo các giao dịch trực tuyến của khách hàng được nhanh chóng và chính xác. Các tính năng trên bảng giá tốc độ cao iBoard liên tục được hoàn thiện giúp nhà đầu tư có thể quản lý rủi ro, tối ưu lợi nhuận cũng như dễ dàng tìm kiếm và đăng ký các sản phẩm đầu tư tài chính ưu việt mà SSI cung cấp.



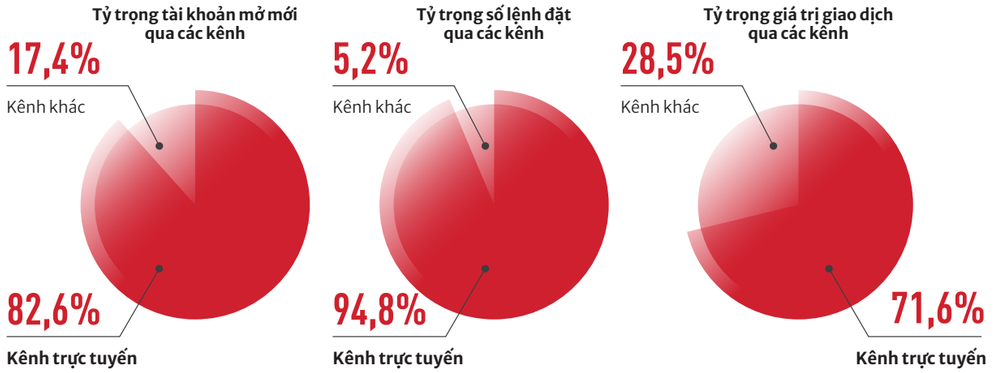
Trong một năm TTCK trải qua nhiều biến động, SSI luôn giữ vững cam kết đồng hành cùng nhà đầu tư, liên tục nâng cấp sản phẩm, dịch vụ và triển khai các chương trình khuyến mãi, ưu đãi, cũng như các chương trình tư vấn, cung cấp kiến thức chuyên sâu về đầu tư tới khách hàng:

- **01/2022:** SSI lần đầu cho ra mắt trò chơi trực tuyến dành riêng cho Tết "Soi mã thần tài" được tích hợp ngay trên hệ thống giao dịch chứng khoán iBoard, thu hút nhiều lượt chơi của khách hàng, tạo thêm sân chơi mới, thúc đẩy khách hàng tham gia giao dịch thêm phần thú vị. Triển khai chương trình khuyến mãi "Giao dịch ngay – Lộc về đầy tay" trong suốt năm 2022 với giải đặc biệt 01 Ô tô Vinfast Lux Premium SA và nhiều phần quà giá trị lên tới 3 tỷ VNĐ;
- **02/2022:** Nằm trong lộ trình triển khai liên kết với các ngân hàng đã được khởi động từ 2021, nhằm giúp khách hàng dễ dàng nộp tiền từ tài khoản ngân hàng vào tài khoản giao dịch chứng khoán ngay trên các hệ thống giao dịch trực tuyến của SSI, SSI chính thức đưa vào hoạt động tính năng Liên kết ngân hàng với BIDV, đồng thời tiếp tục phối hợp triển khai tiếp cùng các ngân hàng Techcombank, Vietcombank, v.v…
- **03/2022:** Nâng cao hoạt động Quản lý tài khoản, lịch sử lãi lỗ, hiệu quả đầu tư trên ứng dụng iBoard, giúp khách hàng theo dõi và quản lý danh mục đầu tư dễ dàng và thuận tiện;
- **04/2022:** SSI chính thức giới thiệu tới nhà đầu tư "phiên bản mới iBoard Web 2022" với giao diện hiện đại và nhiều tiện ích vượt trội như: Quản lý lãi/lỗ, Quản lý danh mục tối ưu, Xác nhận lệnh trực tuyến, IPO chứng quyền, v.v…
- **06/2022:** SSI nâng cấp phiên bản cải tiến chất lượng eKYC tại website mở tài khoản, các thao tác mở tài khoản trực tuyến được đơn giản hóa, dễ dàng thao tác với độ chính xác cao. Tại iBoard web, những nghiệp vụ tài chính mới hỗ trợ nhà đầu tư tối ưu hóa sử dụng vốn cũng đã ra mắt và nhận được nhiều sự quan tâm và tham gia giao dịch của khách hàng;
- **07/2022:** SSI tiếp tục ra mắt chương trình "SSI Town – Cú già phố Win" với nhiều phần chơi hấp dẫn trên hệ thống iBoard, tiếp tục bổ sung các kiến thức về TTCK và tư vấn đầu tư. Các trò chơi trực tuyến được liên tục cập nhật bổ sung điểm mới qua từng tháng đa dạng trải nghiệm của khách hàng tại SSI;
- **11/2022:** SSI ra mắt tính năng mới Tài sản và Hiệu suất đầu tư trên iBoard Web, nâng cấp bổ sung các tính năng hướng dẫn khách hàng giao dịch phái sinh hiệu quả như đóng vị thế, đảo chiều vị thế, v.v…
- **12/2022:** SSI bổ sung thêm màn hình theo dõi Diễn biến dòng tiền trên thị trường, thêm một bước hoàn thiện bức tranh thông tin thị trường toàn cảnh, giúp khách hàng có đầy đủ thông tin phụ trợ khi ra quyết định đầu tư.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, SSI tiếp tục giữ vững thị phần trong năm 2022 và thậm chí còn cải thiện ở một số phân khúc khách hàng. Thị phần môi giới cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của SSI vẫn duy trì trong Top 3 công ty có thị phần môi giới lớn nhất. Với tiềm lực tài chính dồi dào, dư nợ cho vay ký quỹ của SSI liên tục đứng đầu thị trường với bình quân 16.200 tỷ VNĐ, cao điểm lên tới 22.700 tỷ VNĐ trong thời điểm đầu năm 2022, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng tại mọi thời điểm.

### Duy trì tập khách hàng chủ lực, đồng thời trẻ hóa và mở rộng tập khách hàng đại chúng

Với xu hướng phát triển của thị trường tài chính cũng như sự phổ cập của công nghệ và mạng xã hội, độ tuổi trung bình tham gia TTCK của nhà đầu tư dần được trẻ hóa. Không đứng ngoài xu hướng đó, SSI đã tiếp tục đẩy mạnh hoạt động Dịch vụ Trực tuyến trong năm 2022 để mở rộng và phục vụ tập khách hàng trẻ, khách hàng trực tuyến. Thông qua việc cắt lớp và nghiên cứu tập khách hàng tiềm năng theo nhân khẩu học, nhu cầu đầu tư tài chính và tổng tài sản, SSI đã thiết kế các sản phẩm, dịch vụ có giá trị vừa và nhỏ, tính linh hoạt cao phù hợp với điều kiện đầu tư và khẩu vị rủi ro của mỗi nhóm khách hàng. Ngoài ra, SSI cũng thay đổi trải nghiệm đầu tư và bổ trợ kiến thức thông qua các trò chơi đầu tư mô phỏng như "Soi mã thần tài" hay "SSI Town – Cú già phố Win" ngay trên ứng dụng giao dịch iBoard – nơi khách hàng có thể thực hành đầu tư một cách dễ dàng, thư giãn, song song còn nhận được nhiều phần quà, ưu đãi đến từ SSI. Kết quả, Dịch vụ Trực tuyến SSI trở thành một kênh hiệu quả trong việc xây dựng và mở rộng tập khách hàng, khi trong năm 2022 tỷ lệ tài khoản mở mới qua kênh trực tuyến chiếm 82,6% số tài khoản mở mới tại SSI. Tập khách hàng trẻ, có độ tuổi từ 18 – 35 tuổi của SSI ghi nhận sự tăng trưởng 33% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị giao dịch cổ phiếu thông qua kênh trực tuyến cũng chiếm tới 71,6% giá trị giao dịch toàn bộ các kênh giao dịch.



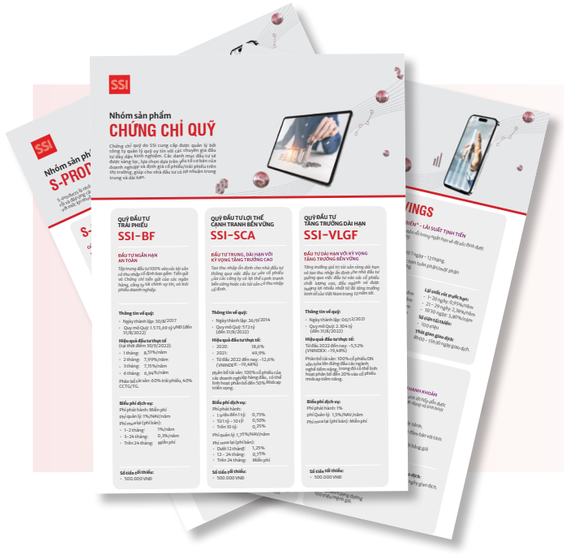

*Nguồn: Dịch vụ Trực tuyến SSI*

**Người đồng hành tin cậy trên hành trình bảo toàn và gia tăng tài sản của khách hàng**




Dịch vụ Quản lý tài sản SSI được thành lập vào tháng 6/2022 với mục tiêu xuyên suốt hướng tới trở thành người đồng hành tin cậy, am hiểu và kết nối thông qua cung cấp chuỗi dịch vụ tài chính đa dạng dựa trên nền tảng phân tích, tư vấn và tối ưu hóa tài sản cho khách hàng, thể hiện qua các giải pháp đầu tư, chính sách dịch vụ và đặc quyền, cụ thể:

- Phân tích, tìm hiểu khẩu vị rủi ro và hoạch định tài chính;
- Phân bổ tài sản theo mục tiêu tài chính và mức độ chấp nhận rủi ro của khách hàng;
- Chính sách chăm sóc tiêu chuẩn và chuyên gia tư vấn chuyên biệt;
- Chuỗi đặc quyền kết nối giá trị dành cho khách hàng và thế hệ kế cận.














Năm 2022, Dịch vụ Quản lý tài sản SSI đã hoàn thành xây dựng mô hình, cơ cấu tổ chức, kiện toàn bộ máy nhân sự và bước đầu đi vào triển khai với những dấu mốc chính như sau:

- Thực hiện nghiên cứu chuyên sâu về thị trường và khách hàng tại Việt Nam, cũng như tham khảo các mô hình dịch vụ quản lý tài sản thành công trên thế giới, từ đó xác định phương pháp tiếp cận nhất quán "Khách hàng – Sản phẩm dịch vụ – Kênh phân phối – Quản trị hiệu quả & Kiểm soát tuân thủ";
- Xây dựng mô hình kinh doanh, cơ cấu tổ chức và bộ máy nhân sự nòng cốt. Bước đầu thiết lập hệ thống kênh phân phối với nền tảng là lực lượng bán hàng và lực lượng tư vấn đầu tư;
- Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường và đối thủ về danh mục sản phẩm; xây dựng quy trình phối hợp cung cấp sản phẩm dịch vụ và chuẩn hóa bộ sản phẩm đầu tư dành cho khách hàng tại SSI;
- Xây dựng chính sách hội viên và hệ thống đặc quyền hội viên tập trung vào giá trị giáo dục tài chính dành cho thế hệ kế cận của khách hàng;
- Triển khai thí điểm kinh doanh ra thị trường với chương trình ưu đãi đầu tư và bộ công cụ đánh giá khẩu vị rủi ro, tự động phân bổ danh mục tài sản cho khách hàng.

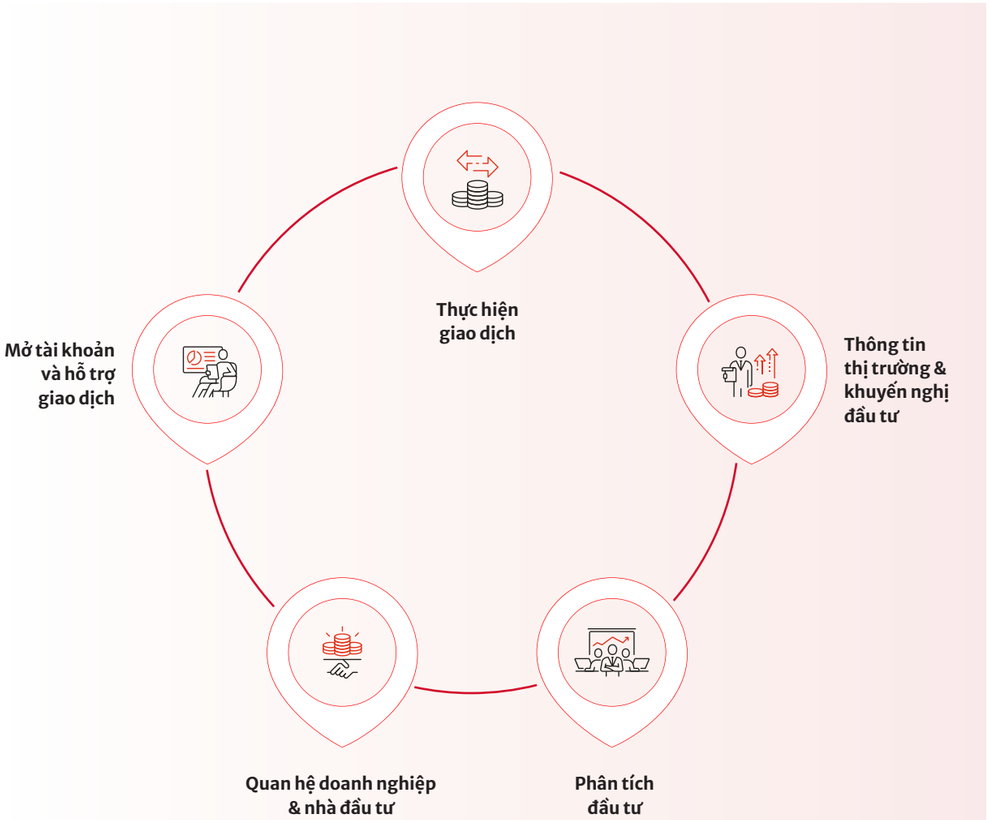
Mặc dù Dịch vụ Quản lý tài sản SSI ra đời trong bối cảnh nhiều thách thức, tuy nhiên chương trình triển khai thí điểm ra thị trường đã đạt được những kết quả tích cực nhất định, bước đầu khẳng định "Dịch vụ Quản lý Tài sản" là một hướng đi đúng đắn và phù hợp với xu thế thị trường và nhu cầu của nhà đầu tư trong tương lai.

## KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

### Nâng cao năng lực phục vụ khách hàng tổ chức trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn và biến động lớn, giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài nói chung và các tổ chức nước ngoài nói riêng cũng suy giảm về giá trị tuyệt đối trong năm 2022. Tuy nhiên, mức độ giảm là thấp hơn so với mức trung bình của toàn thị trường. Về mặt tích cực, nhà đầu tư nước ngoài đã trở lại mua ròng trong năm 2022 khi mức định giá của thị trường trở nên hấp dẫn, chấm dứt chuỗi bán ròng khá mạnh trong 2 năm liên tiếp 2020 & 2021. Việc nền kinh tế mở cửa lại hoàn toàn sau đại dịch Covid-19 cũng là một yếu tố hỗ trợ tốt cho nhu cầu của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường Việt Nam.

SSI luôn chủ động nắm bắt và đánh giá xu hướng thị trường trong nước và quốc tế, phát huy tối đa nguồn lực của Công ty để kịp thời cung cấp các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng tổ chức, nhằm giúp khách hàng bảo toàn hiệu quả danh mục, nâng cao giá trị gia tăng cũng như nắm bắt kịp thời cơ hội đầu tư. SSI là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên và hàng đầu tại Việt Nam cung cấp dịch vụ môi giới và quản lý giao dịch cho các khách hàng định chế trên khắp thế giới. Đồng thời, SSI cũng chú trọng cải thiện chiều sâu trong xây dựng mối quan hệ với khách hàng, hoàn thiện trình độ và kỹ năng của đội ngũ nhân viên. Từ đó nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng và tiến tới giúp củng cố thị phần giao dịch của Công ty.




Thị phần của mảng khách hàng tổ chức của SSI vẫn duy trì tốt so với năm 2021. Thị phần chung của SSI trên tổng thị trường vẫn tăng trưởng do tỷ trọng giao dịch của nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài tăng lên, giá trị giao dịch thỏa thuận thực hiện được vẫn ở mức cao, đi kèm với mức độ hài lòng của khách hàng khá tốt.



### Đẩy mạnh phát triển mạng lưới đối tác trên phạm vi toàn cầu

Về số tài khoản khách hàng tổ chức mở mới, SSI đã thành công trong việc mở mới 77,6% tổng số tài khoản mới trên toàn thị trường Việt Nam. Con số này đến từ việc mở thành công tài khoản mới cho cả nhà đầu tư mới gia nhập thị trường Việt Nam và nhà đầu tư đã hoạt động trên thị trường Việt Nam nhưng chưa có tài khoản tại SSI. Trong số này, có khá nhiều tài khoản quan trọng, quy mô lớn, và tỷ lệ tài khoản phát sinh giao dịch luôn ở mức cao. Điều này chứng tỏ khả năng cạnh tranh và uy tín của SSI đã được tăng cường trong năm qua.

Về mặt phát triển khách hàng, SSI tập trung vào cả hai chiến lược chính bao gồm: (1) Đẩy mạnh việc mở tài khoản với nhóm khách hàng trực tiếp và (2) Phát triển mạng lưới đối tác:

- **Đối với việc phát triển khách hàng trực tiếp (direct fund):** SSI tích cực phát triển mạng lưới khách hàng tại Đài Loan và đã mở được tài khoản cũng như giao dịch tốt với các quỹ đầu tư từ khu vực này. Hầu hết các tổ chức lớn từ Đài Loan đầu tư vào Việt Nam đều đã là khách hàng của SSI. Ngoài ra, SSI cũng đã tiếp cận thành công các tổ chức tại các khu vực thị trường lớn khác như Thái Lan, Singapore, Hong Kong, v.v... và đã mở được tài khoản với một số các quỹ đầu tư lớn mà trước đây chưa có tài khoản giao dịch tại SSI.
- **Đối với việc phát triển mạng lưới đối tác (prime broker):** SSI đẩy mạnh việc phát huy hiệu quả của đối tác từ Mỹ mới thiết lập từ cuối năm 2021 và tìm kiếm các đối tác mới tại các khu vực thị trường mới. Theo đó, SSI đã tiếp cận và đàm phán hiệu quả với một số đối tác lớn và đang tiến tới việc ký kết thỏa thuận hợp tác các đối tác này trong thời gian ngắn sắp tới. Các đối tác này đóng vai trò quan trọng trong việc giới thiệu và chăm sóc khách hàng, cũng như việc triển khai các sản phẩm quỹ chỉ số ETF và Pnote dành cho các nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể trong năm 2022, nhóm khách hàng quỹ chỉ số và khách hàng giao dịch qua các đối tác quốc tế của SSI đã tăng trưởng tích cực về giá trị giao dịch trong bối cảnh suy giảm chung của khối ngoại, trong đó riêng nhóm khách quỹ chỉ số đã đạt tăng trưởng kép về giá trị giao dịch và số lượng ETF mới.



### Các giải thưởng/thành tích đặc biệt trong năm 2022

| Tên giải thưởng | Tổ chức trao tặng |
|---|---|
| Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới | Asiamoney |
| Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư | Asiamoney |
| Công ty thực hiện lệnh tốt nhất Việt Nam | Asiamoney |
| Môi giới tổ chức tốt nhất | Asiamoney |
| Môi giới giao dịch chứng khoán tốt nhất | Asiamoney |
| Môi giới tốt nhất về Dịch vụ Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư | Asiamoney |
| Nhà Tư vấn về cổ phiếu tốt nhất Việt Nam | Alpha Southeast Asia |
| Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp | The Asset Triple A Country Awards |

# NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Trong một năm khó khăn của thị trường tài chính trong nước và quốc tế, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI tiếp tục giữ vững và phát huy được các nền tảng của một định chế tài chính đầu ngành, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về thanh khoản cho hoạt động của Công ty đồng thời đảm bảo dòng vốn được phân bổ vào những kênh đầu tư an toàn, đem lại hiệu quả cao. Đối mặt với những thách thức, hoạt động Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính vẫn ghi nhận những kết quả tích cực trên cơ sở đề cao công tác quản trị rủi ro. Cụ thể, doanh thu từ Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính ghi nhận gần 635 tỷ VNĐ và lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 151 tỷ VNĐ trong năm 2022. Hoạt động Nguồn vốn hiệu quả đã giúp SSI duy trì quy mô tổng tài sản lớn nhất trong ngành Chứng khoán với 52.226 tỷ VNĐ, đồng thời là Công ty Chứng khoán có vốn chủ sở hữu cũng như vốn điều lệ lớn nhất ngành; lần lượt đạt khoảng 22.384 tỷ VNĐ và 14.911 tỷ VNĐ.



## ỔN ĐỊNH VÀ DUY TRÌ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Trong năm 2022, việc FED và hàng loạt các NHTW trên thế giới tăng lãi suất khiến cho chi phí huy động vốn từ nước ngoài cũng tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, nhờ việc dự đoán và nắm bắt được tình hình, đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời trong kinh doanh, SSI vẫn thành công trong việc duy trì nguồn vốn vay nước ngoài thông qua các khoản vay hợp vốn (syndication) và song phương (bilateral) với các đối tác định chế tài chính nước ngoài là khách hàng quen thuộc từ Đài Loan, Hong Kong, Singapore, Malaysia, v.v... Cụ thể trong năm qua, Công ty đã huy động thành công tổng vốn vay nước ngoài là 254 triệu USD, trong đó các khoản vay hợp vốn là 208 triệu USD và các khoản vay song phương là 46 triệu USD. Các khoản vay không những góp phần ổn định và duy trì nguồn vốn vay nước ngoài mà còn đạt hiệu quả cao trong việc chọn thời điểm giải ngân khi hầu hết các khoản vay này được thực hiện vào thời điểm nửa đầu năm 2022 khi mặt bằng lãi suất và biến động tỷ giá USD/VNĐ chưa cao.

Về việc huy động vốn trong nước, năm 2022 cũng chứng kiến việc hệ thống ngân hàng trong nước thực hiện đánh giá và phân bổ lại dư nợ tín dụng dẫn tới nguồn vốn vay từ nhóm ngân hàng trong nước tương đối khó khăn. Tuy nhiên, nhờ một nền tảng tài chính nội tại vững mạnh từ vốn chủ sở hữu cũng như việc duy trì mối quan hệ kinh doanh lâu dài, SSI vẫn tiếp tục duy trì và mở rộng các hạn mức tín dụng sẵn có, cộng thêm việc mở rộng các khoản tín dụng mới thông qua việc hợp tác với nhóm các ngân hàng nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam đặc biệt là nhóm các ngân hàng từ Hàn Quốc và Đài Loan. Đồng thời, việc sở hữu một nguồn vốn chủ lớn cũng tạo điều kiện cho SSI thực hiện việc tăng hạn mức với nhóm ngân hàng trong nước đặc biệt là nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần lớn như Vietcombank, BIDV, VietinBank, VPBank, Techcombank, v.v... Đây là cơ sở để SSI có thể đáp ứng đầy đủ và hiệu quả các nhu cầu kinh doanh đa dạng, cung cấp ra thị trường nhiều sản phẩm tài chính phong phú với mức chi phí tối ưu nhất cho khách hàng.

*Nhờ việc nhanh chóng thu xếp được nguồn vốn vay trong nước và nước ngoài trước thời điểm lãi suất tăng cao, SSI đã dự trữ được nguồn vốn với chi phí hợp lý, đồng thời tiếp tục phân bổ vốn vào các hoạt động kinh doanh an toàn như cho vay ký quỹ cũng như các tài sản tài chính có mức lãi suất thả nổi theo xu hướng thị trường tiền tệ. Do đó, SSI không những hạn chế được các biến động của chi phí lãi vay lên kết quả kinh doanh, mà còn đảm bảo được mức lợi nhuận cao cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn của Công ty.*





## MỞ RỘNG VÀ TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ DANH MỤC TRÁI PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Năm 2022 là năm có nhiều khó khăn với thị trường trái phiếu. Điều này thể hiện ở khối lượng trái phiếu phát hành mới giảm mạnh và khối lượng trái phiếu mua lại trước hạn tăng cao so với năm 2021. Cụ thể, khối lượng phát hành trái phiếu cả năm 2022 chỉ đạt 271.400 tỷ VNĐ, giảm 65,7% so với cả năm 2021, trái phiếu được mua lại trước hạn đạt gần 182.742 tỷ VNĐ, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2021(*). Bên cạnh thị trường sơ cấp, thị trường giao dịch thứ cấp giao dịch cũng trầm lắng, đặc biệt là nhóm ngành Bất động sản.

Trong giai đoạn bị giới hạn lựa chọn về số lượng và nhóm ngành đầu tư, đồng thời thanh khoản của các ngân hàng căng thẳng dẫn tới lãi suất tăng vốn tăng vọt, SSI đã tự chủ về nguồn vốn và tích cực tìm kiếm thêm các cơ hội đầu tư mới trên thị trường thứ cấp. Danh mục Trái phiếu đầu tư ngắn hạn của SSI tại thời điểm 31/12/2022 ở mức gần 12.983 tỷ VNĐ, tăng gấp gần 4 lần so với cùng kỳ. Danh mục SSI nắm giữ đa dạng về nhóm ngành từ Sản xuất, Ngân hàng, Bất động sản đến Thương mại, Du lịch; trong đó, không có tổ chức phát hành nào gặp vấn đề về khả năng chi trả gốc, lãi trong giai đoạn thị trường trái phiếu gặp khó khăn.

*(*) Nguồn: Báo cáo Tóm tắt Thị trường Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu Doanh nghiệp tháng 12/2022 của VBMA.*

## PHỐI HỢP MỞ RỘNG VÀ ĐẠNG HÓA CÁC NHÓM SẢN PHẨM TÀI CHÍNH

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng từ nhóm khách hàng trong và ngoài nước với các sản phẩm và dịch vụ với yêu cầu tài chính cao và độ an toàn luôn được đảm bảo. Trong năm 2022, SSI tiếp tục hoàn thiện nhóm các sản phẩm đầu tư vốn trên cơ sở tăng thêm tính linh hoạt và tiện ích của sản phẩm đồng thời giảm chi phí tối đa cho khách hàng. Dựa trên nền tảng công nghệ cao, SSI đã thực hiện hàng loạt những cải tiến và tối ưu việc bán chéo các sản phẩm hiện có, đồng thời thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về thị trường và đối thủ cạnh tranh nhằm không ngừng tìm kiếm các cơ hội mới trên thị trường ngày càng cạnh tranh.

## QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TỐI ĐA HÓA LỢI NHUẬN TỪ DANH MỤC TÀI SẢN

Trong một năm với hàng loạt các biến động đến từ trong và ngoài nước dẫn tới sụt giảm mạnh mẽ về lợi nhuận và các cơ hội kinh doanh, SSI luôn ý thức về việc nâng cao và đánh giá các cơ hội kinh doanh với việc nghiêm khắc quản trị rủi ro danh mục tài sản đầu tư. Có thể nói năm 2022 là một năm khó khăn trong việc tìm kiếm lợi nhuận nhưng Công ty đã thành công trong việc quản trị rủi ro đối với các khoản đầu tư của mình và hỗ trợ tư vấn cho khách hàng và đối tác trong một năm đầy biến động.

# DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Bước vào năm 2022, Thị trường Tài chính Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức mặc dù nền kinh tế nhìn chung được kỳ vọng sẽ phục hồi và phát triển sau hai năm đại dịch. Nhu cầu huy động vốn từ các doanh nghiệp Việt Nam gia tăng mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19 nhằm bắt nhịp với nhu cầu sản xuất, tiêu dùng, xuất nhập khẩu tăng trưởng vượt trội đi cùng với sự mở cửa của nền kinh tế. Các cuộc gặp gỡ và đối thoại với các nhà đầu tư quốc tế và khách hàng cũng được nối lại ngay sau khi các nước nới lỏng các biện pháp cách ly. Tuy nhiên, các rủi ro toàn cầu như xung đột địa chính trị, các NHTW quốc tế tăng lãi suất cùng với các biện pháp kiên quyết xử lý sai phạm trên thị trường tài chính của Việt Nam cũng tác động lớn đến thị trường tài chính nói chung và khả năng huy động vốn của các doanh nghiệp nói riêng. Trong bối cảnh đó, Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI đã liên tục đồng hành cùng các khách hàng, phân tích thấu đáo thị trường, tư vấn sản phẩm phù hợp cho doanh nghiệp, cũng như chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và có những bước điều chỉnh, cải tiến cơ cấu nhân sự phù hợp với tình hình mới, giữ vững vị trí dẫn đầu của một nhà tư vấn tài chính uy tín và linh hoạt đáp ứng tính biến động của thị trường trong bối cảnh đầy thử thách.



## THƯƠNG VỤ THỊ TRƯỜNG VỐN (ECM)

Năm 2022 chứng kiến giai đoạn điều chỉnh mạnh mẽ của thị trường cổ phiếu Việt Nam trong 10 năm trở lại đây, khi VN-Index giảm đến 32,8% so với cuối năm 2021. Vốn hoá của 3 sàn giao dịch cũng giảm 30%. Sự sụt giảm về định giá trên thị trường cổ phiếu bắt đầu diễn ra kể từ đầu Quý 2/2022, đã hạn chế các cơ hội huy động vốn qua thị trường vốn. Trong bối cảnh đó, SSI đã nỗ lực hoàn tất tư vấn các thương vụ thu xếp vốn trong đó tiêu biểu là:

- Tư vấn IPO cho CTCP Tôn Đông Á với giá trị 26,7 triệu USD;
- Tư vấn IPO cho Tập đoàn Nova Consumer (NCG): SSI là đơn vị tư vấn duy nhất trong giao dịch này đã thực hiện tư vấn IPO thành công trị giá gần 21 triệu USD, đã có hơn 200 nhà đầu tư trở thành cổ đông của NCG. Đáng chú ý, SSI hoàn tất đàm phán và giao dịch trong vòng 8 tháng, bất kể khó khăn do ảnh hưởng của 5 tháng phong tỏa nghiêm trọng do Covid-19 tại Việt Nam;
- CTCP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare: thương vụ M&A ngành Chăm sóc sức khỏe trị giá 26 triệu USD với sự quan tâm và gửi đề nghị chào mua của 7 quỹ đầu tư;
- Tư vấn giao dịch phát hành cổ phần ưu đãi cho DEG của CTCP Điện Gia Lai – Doanh nghiệp năng lượng tái tạo lớn nhất trên sàn niêm yết. DEG là định chế tài chính thuộc Ngân hàng Tái thiết CHLB Đức (Kreditanstalt für Wiederaufbau - KfW), với hoạt động chính hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp hoạt động theo Chuẩn mực ESG về môi trường, xã hội và quản trị, đặc biệt tập trung phát triển ngành năng lượng tái tạo. Tại Việt Nam, DEG đã đầu tư khoảng 350 triệu USD trong 25 năm qua, tập trung vào các nhóm doanh nghiệp lớn thuộc ngành Nông nghiệp, Dịch vụ Tài chính Ngân hàng, Tiêu dùng và Công nghiệp.



## THƯƠNG VỤ THỊ TRƯỜNG NỢ (DCM)

Ngoài việc kế thừa đà tăng trưởng mạnh mẽ kể từ năm 2021, các thương vụ trên thị trường nợ cũng chứng kiến mức độ gia tăng đáng kể cả về số lượng lẫn giá trị khi các doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược huy động vốn sang công cụ nợ trong bối cảnh TTCK diễn biến kém khả quan. Trong năm 2022, Khối Ngân hàng Đầu tư đã thực hiện bảy thương vụ với tổng trị giá hơn 400 triệu USD với vai trò chủ yếu là Đại lý phát hành với các thương vụ có giá trị lớn gồm:

- CTCP Tập đoàn Đầu tư địa ốc Nova: Đại lý phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền trị giá 245,7 triệu USD phát hành cho quỹ đầu tư Warburg Pincus;
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam: chào bán trái phiếu cho các nhà đầu tư tài chính với tổng giá trị thương vụ 47,8 triệu USD;
- CTCP Xây dựng Coteccons: phát hành trái phiếu ra công chúng trị giá 20,8 triệu USD với khối lượng đặt mua lên đến 100 triệu USD, gấp 5 lần khối lượng chào bán.

Kết thúc năm 2022, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư & khác đạt doanh thu khoảng 94 tỷ VNĐ, tăng nhẹ so với năm 2021 và đạt được mục tiêu đề ra. Những thành quả của năm 2022 là bệ đỡ và nền tảng để SSI tiếp tục gặt hái được những kết quả tốt hơn trong năm 2023.

## KIỆN TOÀN BỘ MÁY TỔ CHỨC & CƠ CẤU NHÂN SỰ

Điểm nổi bật nhất của năm 2022 là sự thay đổi về Bộ máy tổ chức và Cơ cấu nhân sự nhằm kiện toàn mô hình, sắp xếp đội ngũ và điều chỉnh chiến lược trong bối cảnh mới đầy biến động của thị trường tài chính. Các nhân sự cấp cao có sự điều chỉnh và phân bổ cùng lúc với việc phân cấp lại các bộ phận chức năng phụ trách các mảng kinh doanh đặc thù. Việc thay đổi này là phù hợp để tận dụng các thế mạnh vốn có của SSI về mối quan hệ sâu rộng với các khách hàng doanh nghiệp Việt Nam cũng như mạng lưới khách hàng tổ chức tài chính và quỹ đầu tư phủ khắp toàn cầu, đồng thời mang lại nhiều cơ hội cung cấp các sản phẩm tài chính mới thông qua việc bán chéo với các khối kinh doanh nội bộ. Từ đó tăng cường mối quan hệ liên kết giữa các bộ phận trong việc cùng nhau thực hiện chiến lược phát triển chung của toàn Công ty trong giai đoạn mới.

## Các giải thưởng/thành tích đặc biệt trong năm 2022

Với vị thế là doanh nghiệp hàng đầu dẫn dắt TTCK Việt Nam, SSI tiếp tục nhận được các giải thưởng từ các tổ chức uy tín trong khu vực:

| Tên giải thưởng | Tổ chức trao tặng |
|---|---|
| **Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất** | The Asset |
| **Nhà tư vấn huy động vốn tốt nhất** | FinanceAsia |
| **Nhà tư vấn về cổ phiếu tốt nhất Việt Nam** | Alpha Southeast Asia |
| **Nhóm dẫn đầu thị trường** | Euromoney |

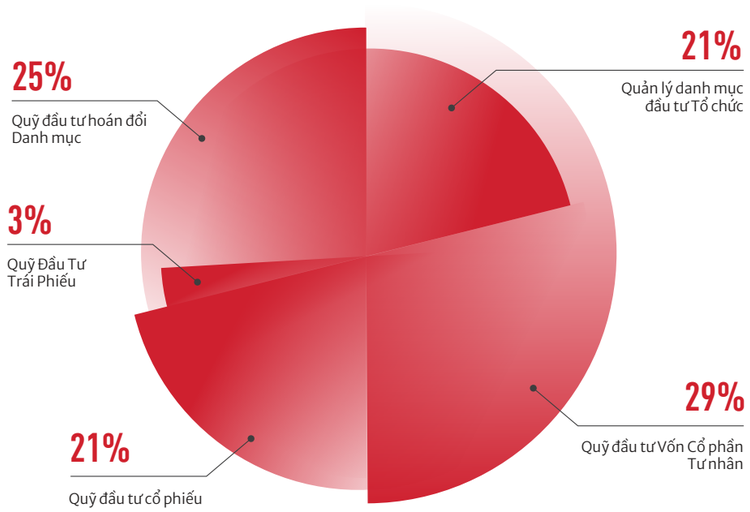
Những giải thưởng trên đã khẳng định vị thế tiên phong và công nhận cho nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI nhằm mang đến những dịch vụ chất lượng nhất cho khách hàng. Đồng thời cho thấy uy tín vượt trội của SSI trên thị trường, minh chứng cho tiềm lực mạnh mẽ của Công ty cả về chất lượng nhân lực, nguồn lực tài chính và mạng lưới đối tác rộng khắp.



# QUẢN LÝ QUỸ

Năm 2022 là một năm đặc biệt khó khăn đối với hoạt động quản lý quỹ tại Việt Nam, tuy nhiên với vị thế của một trong các công ty quản lý quỹ dẫn đầu thị trường, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) đã cố gắng duy trì hiệu suất vượt trội trong suốt cả năm và giúp các nhà đầu tư đáp ứng nhu cầu đầu tư tài sản. Cuối năm 2022, SSIAM quản lý gần 13.700 tỷ VNĐ, chỉ tăng 6% so với năm 2021. Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn của thị trường tài chính vào cuối năm và một số quỹ đã không tăng được tổng tài sản quản lý, đây là một nỗ lực của SSIAM. Thậm chí trong những năm bị ảnh hưởng nặng nề bởi Covid-19, tổng số tài sản do SSIAM quản lý vẫn tăng trưởng, cuối năm 2022 tăng 191% so với năm 2019. Hết năm 2022, lợi nhuận trước thuế của Quản lý Quỹ đạt hơn 81 tỷ VNĐ, tăng trưởng ấn tượng 67,1% so với năm 2021.

**Cơ cấu tổng tài sản do SSIAM quản lý**




*Dữ liệu tại ngày 31/12/2022 - Nguồn: SSIAM*

## DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

Với những khó khăn và biến động lớn của năm 2022, SSI luôn xác định mục tiêu quan trọng là bảo toàn vốn cho nhà đầu tư. Thông tin tiêu cực về thị trường trái phiếu dẫn đến làn sóng rút vốn từ các quỹ mở trái phiếu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thanh khoản thị trường trong giai đoạn cuối năm 2022. Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu SSI (SSIBF) cũng không ngoại lệ khi bị rút đến 69,02% tài sản ròng riêng trong Quý 4/2022. Trước tình hình này, SSIAM luôn chủ động thông tin đến khách hàng về hoạt động của Quỹ, mặt khác tích cực đàm phán và tìm kiếm cơ hội thanh lý tài sản một cách hiệu quả nhất. Nhờ đó, SSIBF là một trong những quỹ mở trái phiếu hiếm hoi đã duy trì được thanh khoản trong suốt giai đoạn thị trường biến động, đồng thời sớm trở lại tăng trưởng giá trị chứng chỉ quỹ. Bên cạnh đó, SSIAM cũng đã quyết liệt đàm phán với các tổ chức phát hành trái phiếu, đề nghị bổ sung tài sản bảo đảm để tối ưu lợi ích cho nhà đầu tư.

Đối với các quỹ cổ phiếu, năm 2022, chứng chỉ Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Dài Hạn Việt Nam (VLGF) ghi nhận mức giảm 16,48%, thấp hơn đáng kể so với chỉ số VN-Index (giảm 32,78%), Quỹ VLGF là quỹ mở cổ phiếu có hiệu quả đầu tư tốt nhất trong năm, vượt trội so với thị trường. Nhờ đó, Quỹ vẫn tiếp tục thu hút dòng tiền đầu tư mới trong năm (2.826 tỷ VNĐ) dù thị trường đã có những nhịp giảm mạnh. Bên cạnh đó, Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA) cũng có hiệu quả đầu tư tốt so với thị trường, với hiệu suất cao hơn chỉ số VN-Index 6,73% và tổng tài sản quản lý hơn 427 tỷ VNĐ vào năm 2022. Ngoài ra, các Quỹ Hoán Đổi Danh Mục (ETF) của SSIAM vẫn duy trì được sự thu hút của nhà đầu tư nước ngoài, nhất là quỹ ETF SSIAM VN-FIN LEAD, với hơn 96% tổng tài sản quản lý (3.258 tỷ VNĐ tại thời điểm 31/12/2022) đến từ nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, các Quỹ Đầu Tư Cổ Phần Tư Nhân (Private Equity) của SSIAM cũng đã có một năm thành công khi Quỹ Đầu Tư Công Nghệ Số Việt Nam (VDF) đã huy động thành công 40 triệu USD (giai đoạn 1) để tham gia đầu tư vào lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng vượt bậc trong những năm tới và là xu hướng đầu tư có lợi nhuận cao.

SSIAM cũng đã tích cực tiếp tục làm việc với các tập đoàn bảo hiểm nhân thọ uy tín trên thị trường và được lựa chọn là đơn vị quản lý quỹ cho các công ty bảo hiểm nhân thọ để quản lý các quỹ bảo hiểm liên kết đơn vị (ILP) mới. Bên cạnh các đối tác bảo hiểm hiện tại, năm 2022 SSIAM đã tiếp tục được lựa chọn là nhà quản lý quỹ cho các quỹ ILP của một công ty bảo hiểm nhân thọ lớn nước ngoài.



## TRIỂN KHAI SẢN PHẨM QUỸ HƯU TRÍ TỰ NGUYỆN

Trong năm 2022, SSIAM cũng đã chính thức triển khai sản phẩm Quỹ Hưu Trí Tự Nguyện bao gồm 3 quỹ: Độc Lập, An Yên, Sung Túc. Ngay sau khi triển khai, SSI đã ký kết được với một số đối tác là doanh nghiệp lớn, góp phần giúp phổ cập sản phẩm mới này trên thị trường. Ngoài việc nâng cao lợi ích và sự gắn bó giữa người lao động và doanh nghiệp tham gia bảo hiểm, Quỹ Hưu Trí Tự Nguyện cũng được kỳ vọng là sản phẩm giúp giảm bớt áp lực cho Quỹ Bảo Hiểm Xã Hội Việt Nam.

## KIỆN TOÀN VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Ngoài những nỗ lực vượt trội về mặt kinh doanh, khâu vận hành của SSIAM thông qua các hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ (SSIAM OTG) và kế toán quỹ (BRAVO) liên tục được cập nhật, nâng cấp để mang lại những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, đồng thời đảm bảo việc quản lý rủi ro một cách hiệu quả. Trong năm 2022, SSI cũng đã chính thức triển khai dự án phát triển hệ thống quản lý thông tin quan hệ khách hàng (CRM), và dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2023 sắp tới. Trong năm 2022, SSIAM đã tiếp tục đơn giản hóa quá trình đầu tư cho khách hàng cá nhân với mục tiêu trở thành đơn vị cung cấp giải pháp quản lý tài chính cá nhân một cách đơn giản và hiệu quả nhất. Đặc biệt, vào năm 2022, SSIAM đã hợp tác với kỳ lân công nghệ MoMo, để cung cấp các sản phẩm quỹ mở của công ty cho các khách hàng bán lẻ, giúp họ dễ tiếp cận các sản phẩm đầu tư trên nền tảng ví thanh toán.

Trong giai đoạn cuối năm 2022, SSIAM cũng đã bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo quan trọng của Công ty: bà Lê Thị Lệ Hằng đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch Điều hành và bà Nguyễn Ngọc Anh được bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc. Đây đều là những nhân sự cấp cao với nhiều năm đóng góp, xây dựng hệ thống SSI nói chung và SSIAM nói riêng. Những thay đổi lớn về nhân sự cũng được kỳ vọng sẽ giúp SSIAM tiếp tục duy trì những giá trị cốt lõi, đồng thời phát triển và thích nghi với môi trường kinh doanh luôn biến động.

## Các giải thưởng/thành tích đặc biệt trong năm 2022

| Tên giải thưởng | Tổ chức trao tặng |
|---|---|
| **Công ty Quản lý Quỹ của năm** năm 2022 | Tạp chí The Asset |
| **Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam** năm 2022 | Tạp chí Alpha SouthEast Asia |
| **Hoạt động Phát triển Kinh doanh tốt nhất** năm 2022 | Tạp chí Asian Investor |
| **Tổng giám đốc của năm** năm 2022 | Tạp chí Asia Asset Management |



# ĐẦU TƯ

Trong năm 2022, nhận thấy thị trường có nhiều rủi ro do chính sách tiền tệ thắt chặt, áp lực tỷ giá, lãi suất và các rủi ro tiềm tàng địa chính trị khác, SSI chủ trương không mở rộng quy mô danh mục tự doanh, chủ động nâng cao tỷ trọng tiền mặt để đảm bảo tính thanh khoản và dòng tiền của Công ty cũng như bảo toàn lợi nhuận đã đạt được. Danh mục giao dịch thường xuyên tiếp tục tập trung vào các công ty đầu ngành, định giá hợp lý, đồng thời có thanh khoản lớn, có triển vọng tăng trưởng và minh bạch nhằm hạn chế rủi ro khi thị trường biến động mạnh. Ngoài ra, Công ty cũng giao dịch các sản phẩm phái sinh như hợp đồng tương lai chỉ số VN30 nhằm đưa mức rủi ro về thấp nhất cho danh mục và các khoản đầu tư ngắn hạn.

Nhằm đa dạng hóa danh mục và sản phẩm đầu tư, SSI đã phát hành thêm 28 chứng quyền trong năm 2022 với số lượng và thanh khoản tốt giúp nhà đầu tư có thêm nhiều sản phẩm để lựa chọn. Các mã chứng quyền phát hành bởi SSI luôn nằm trong nhóm có thanh khoản cao và giá trị giao dịch cao trên thị trường.

Trong chiến lược đầu tư chủ động, SSI tiếp tục cử các nhân sự có nhiều kinh nghiệm quản lý và điều hành tham gia vào HĐQT và Ban Kiểm soát các công ty có vốn đầu tư của SSI. Các nhân sự đại diện của SSI đã làm việc sâu sát cùng doanh nghiệp, kịp thời đưa ra những định hướng và chỉ đạo phù hợp với tình hình thị trường cũng như chiến lược chung của SSI, qua đó tăng cường hiệu quả hoạt động ở các công ty.

## Kết quả hoạt động công ty liên kết

| Tên, Địa chỉ và Logo công ty | Lĩnh vực kinh doanh | Vốn điều lệ (VNĐ) | Tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết | Kết quả kinh doanh 2021 | Thành viên (SSI) trong HĐQT/ BKS | Hình thức sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|---|
| THE PAN GROUP<br>Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN<br>(PAN – HOSE)<br>Lô A1-9, Đường VL3, khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An | Nông nghiệp<br>Thực phẩm (lĩnh vực bánh kẹo, thủy sản, nước mắm và chế biến thực phẩm) | 2.163.585.800.000 | 12,73% | Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2022 lần lượt đạt 13.663 tỷ VNĐ và 363 tỷ VNĐ | 02 thành viên | Trực tiếp |

# YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

## CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trong năm 2022, Bộ phận Công nghệ Thông tin SSI (CNTT SSI) vẫn tiếp tục các hoạt động cải tiến công nghệ để đáp ứng nhu cầu kinh doanh hiện tại cũng như hoàn thành bốn mục tiêu kỹ thuật số với lộ trình 3 năm, bao gồm:

- Kinh doanh dựa trên dữ liệu và liên tục cải tiến sản phẩm để thâm nhập thị trường tốt hơn;
- Tự động hóa và Số hóa quy trình trong toàn tổ chức để cải thiện hiệu quả;
- Chuẩn bị tốt cho việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới để giảm thiểu thời gian cung cấp ra thị trường;
- Nâng cao chất lượng và tính sẵn có của các sản phẩm và dịch vụ để làm hài lòng khách hàng.





## CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong năm 2022, Văn phòng chuyển đổi số SSI (Digital Transformation Office – DTO) đã chính thức đi vào hoạt động. DTO đóng vai trò quan trọng trong việc áp dụng công nghệ và phương pháp mới nhất để cải thiện sự ổn định trong kinh doanh và không ngừng cải tiến của doanh nghiệp. Phạm vi công việc trọng tâm bao gồm cải tiến và tự động hóa quy trình, rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường, mô hình vận hành cho các bộ phận kinh doanh mới, phát triển sản phẩm cũng như liên kết với các công ty trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính (Fintech). DTO sẽ tập trung vào việc chuyển đổi sang mô hình phát triển và vận hành linh hoạt hơn, kinh doanh dựa trên dữ liệu, sản phẩm dựa trên dữ liệu, văn phòng không giấy tờ và các khía cạnh khác liên quan đến liên tục cải tiến và tự động hóa quy trình và công việc.

Điện toán đám mây cũng là một trong những chuyển đổi công nghệ chính của SSI trong năm vừa qua. Bên cạnh việc SSI liên tục phát triển và tự mở rộng hạ tầng máy chủ sẵn có, tùy thuộc vào yêu cầu của ứng dụng, một số cấu phần được chạy trên hạ tầng điện toán đám mây đã được bổ sung thuê ngoài từ cả các nhà cung cấp dịch vụ đám mây trong nước và nước ngoài để tăng tính linh hoạt trong việc cấp phát hạ tầng cũng như tối ưu chi phí đầu tư. CNTT SSI cũng đang thử nghiệm các dịch vụ trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence) và học máy (Machine learning) được tích hợp sẵn trên các hạ tầng điện toán đám mây của các nhà cung cấp để tìm giải pháp cải thiện hoạt động kinh doanh.



## DỊCH VỤ KỸ THUẬT SỐ

SSI đã thực hiện một số tiện ích mở rộng cho khách hàng nhằm cung cấp đầy đủ các công cụ số tiện lợi cho các phân khúc khách hàng khác nhau có thể thực hiện giao dịch trực tuyến một cách nhanh chóng và hiệu quả.

**iBoard** là một trong những cổng thông tin phổ biến nhất về phần mềm giao dịch chứng khoán hiện nay. Số lượng người dùng iBoard tính tới tháng 12/2022 đã tăng gần gấp đôi so với tháng 12/2021. Bên cạnh đó, bảng giá thông minh iBoard của SSI vinh dự được tạp chí Asia Business Review vinh danh với giải thưởng "Công nghệ xuất sắc Việt Nam" hạng mục "Fintech – Môi giới chứng khoán" trong khuôn khổ giải thưởng quốc tế uy tín "Asian Technology Excellence Awards 2022". Vào năm 2022, Công ty đã phát hành các tính năng mới để hỗ trợ toàn diện cho các Sản phẩm Tài chính S-Products; Thông tin giao diện bảng giá có khả năng cá nhân hóa tùy theo nhu cầu của nhà đầu tư; Quản lý tài khoản & danh mục đầu tư một cách toàn diện và nhiều các tính năng tiện ích khác. Ví dụ, nhà đầu tư có thể dễ dàng cài đặt và sử dụng mô hình so sánh ngang hàng một cách đơn giản và nhanh chóng thay vì dành thời gian cho việc thiết lập nhiều màn hình giao dịch mỗi ngày.

**iBundle** là một dịch vụ dành cho nhà đầu tư chuyên nghiệp có nhu cầu thực hiện các phân tích số liệu riêng. iBundle hỗ trợ plug-in cho AMIBroker và Excel. Nhà đầu tư có thể tra cứu thông tin thị trường theo thời gian thực cũng như thông tin lịch sử một cách dễ dàng và các chức năng đặt lệnh cũng được hỗ trợ giúp gia tăng trải nghiệm của khách hàng khi sử dụng sản phẩm/dịch vụ này. Tất cả những sản phẩm và dịch vụ này được xây dựng và phát triển dựa theo mô hình phát triển phần mềm hiện đại áp dụng DevOps, kiểm thử tự động, áp dụng CI/CD để có thể phát hành sản phẩm với tần suất cao. Bên cạnh đó, phần lớn công việc sẽ được tự động hóa và được quản lý bằng các công cụ.

SSI tiếp tục tập trung nghiên cứu và triển khai các dự án phục vụ giao dịch với mục tiêu cung cấp hiệu năng xử lý cao, năng lực xử lý các giao dịch có độ trễ thấp và tăng trải nghiệm của khách hàng. Các dự án này được kì vọng sớm được đưa vào vận hành chính thức.

## HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ VÀ VẬN HÀNH

Trung tâm dữ liệu trong miền Nam đã được dịch chuyển sang Trung tậm dữ liệu cấp độ 3 theo tiêu chuẩn của tổ chức UPTIME. Trung tâm dữ liệu tại miền Bắc sẽ được dịch chuyển vào nửa đầu năm 2023. Điều này nhằm đảm bảo cho việc hạ tầng trung tâm dữ liệu SSI đi vào hoạt động với đầy đủ dự phòng và vận hành theo tiêu chuẩn cao nhất hiện có tại Việt Nam, được chứng nhận bởi các tổ chức đánh giá độc lập về Trung tâm dữ liệu. Bên cạnh đó, giờ dịch vụ của SSI cũng được điều chỉnh, thực hiện từ 5h00 sáng thay vì 7h00 sáng như trước đây để kiểm tra lại toàn bộ hạ tầng công nghệ và dịch vụ, để hạn chế rủi ro và đảm bảo sẵn sàng trước giờ giao dịch. Công ty nhận thức được tầm quan trọng của thời gian lệnh được gửi tới hệ thống của các Sở giao dịch. Việc điều chỉnh kênh truyền và vị trí đặt máy chủ đã được tối ưu, tinh chỉnh hệ thống máy chủ và cơ sở dữ liệu đã góp phần giảm đáng kể độ trễ của việc đặt lệnh giao dịch.

Việc phát triển các Sản phẩm Tài chính (S-Products) được SSI ưu tiên cao để có thể đáp ứng được các yêu cầu cấp thiết trong kinh doanh. Công ty đã áp dụng cách thức làm việc mới để rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường bằng phương pháp phát triển phần mềm linh hoạt Agile và kết hợp các công việc phát triển và vận hành DevOps, tự động hóa việc triển khai, liên tục ghi nhận phản hồi từ các nhà đầu tư cũng như phản hồi từ các hệ thống giám sát hiệu năng để liên tục cải tiến sản phẩm và dịch vụ.

Dịch vụ vận hành sẽ được áp dụng phương pháp cải tiến liên tục vào trong các hoạt động của Công ty. Năm 2022, Bộ phận CNTT SSI đã mở rộng phạm vi triển khai hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng (CRM) để quản lý khách hàng tiềm năng tốt hơn, giao tiếp bán hàng đa kênh, v.v... SSI cũng đã xây dựng hệ thống Contact Center mới để hỗ trợ Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của Công ty. Các quy trình trực tuyến cũng được tối giản và tinh gọn, các công cụ mới cũng được bổ sung liên tục để phục vụ các bộ phận nghiệp vụ của Công ty. Các chức năng CNTT khác điển hình như xây dựng hệ thống dự phòng, lập kế hoạch xây dựng hệ thống, bảo mật thông tin đang được cải thiện và mở rộng.





## VĂN HÓA & QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC SỐ

Để đạt được các mục tiêu chuyển đổi số, việc đảm bảo nguồn nhân lực số trở thành một trong những ưu tiên hàng đầu của SSI. Nguồn lực trong bộ phận CNTT SSI đã tăng lên 220 nhân viên với nhiều chuyên gia CNTT có chuyên môn cao về Kiến trúc, Tự động hóa, Nghiên cứu & Phân tích, Phát triển phần mềm theo mô hình hiện đại và kỹ năng Phân tích dữ liệu. Nâng cao năng suất làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên CNTT cũng đặc biệt được chú trọng. Phần Chuyển đổi Công nghệ từ cách làm Dự án sang định hướng Sản phẩm được bắt đầu vào nửa cuối năm 2022 và sẽ hoàn thành vào nửa đầu năm 2023. Việc áp dụng cách thức quản lý theo mục tiêu và kết quả then chốt (Objectives and Key Results – OKR) của từng nhân viên đã được thiết lập. Bên cạnh đó, đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ nhân viên sẽ được thực hiện hàng quý thay vì hàng năm như trước đây.

Song song việc việc thực hiện các khóa đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ, văn hóa và tư duy làm việc kiểu mới theo hướng linh hoạt hơn dần trở thành một trong những hoạt động thường xuyên trong việc xây dựng văn hóa và phát triển của Công ty. SSI tin rằng tư duy trong việc xây dựng các đội nhóm tự quản, được trao quyền và chịu trách nhiệm về công việc được phân công một cách phù hợp, gắn với tầm nhìn và sứ mệnh của Công ty là yếu tố then chốt đảm bảo thành công.

**Hướng tới năm 2023, nhằm tiếp tục thực hiện bốn Mục tiêu kỹ thuật số, CNTT SSI ưu tiên các công việc chính sau:**

- Tiếp tục hoàn thiện và mở rộng các công việc liên quan tới Chuyển đổi số;
- Tập trung vào hai dự án chiến lược là SuperCore & iTrading để có thể đưa vào vận hành chính thức một cách sớm nhất;
- Thiết lập mục tiêu cốt lõi cho iBoard trong việc hỗ trợ khách hàng chiến thắng thị trường. Nhiều công cụ được đưa ra hơn như: các biểu đồ xu hướng, các cơ chế chọn lọc cổ phiếu mới, giao diện cá nhân hóa cho các mục đích khác nhau của người dùng trong việc phân tích/giao dịch, v.v...
- Hỗ trợ tốt hơn cho đa dạng các nhóm người dùng với các mức độ hiểu biết khác nhau về thị trường chứng khoán, từ những người mới tham gia đến các chuyên gia trong ngành;
- Mở rộng các dịch vụ Giao diện lập trình ứng dụng (API) phục vụ Giao dịch thuật toán với các chiến lược kiểm nghiệm lại các qui tắc giao dịch của nhà đầu tư dựa trên dữ liệu quá khứ, tạo ra các mô phỏng giao dịch trong quá khứ (back-testing), đồng thời cung cấp các phiên bản tích hợp phù hợp cho từng đối tác;
- Phát hành các công cụ về quản lý tài sản tập trung vào cả thị trường cơ sở và thị trường phái sinh;
- Mở rộng hiệu năng của hệ thống, thắt chặt kiểm soát an ninh và tự động hóa các công việc vận hành;
- Thúc đẩy hơn nữa việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực số và văn hóa làm việc hiện đại, đáp ứng các yêu cầu phát triển sản phẩm và dịch vụ với tốc độ nhanh hơn nhằm phục vụ tốt hơn các yêu cầu kinh doanh.

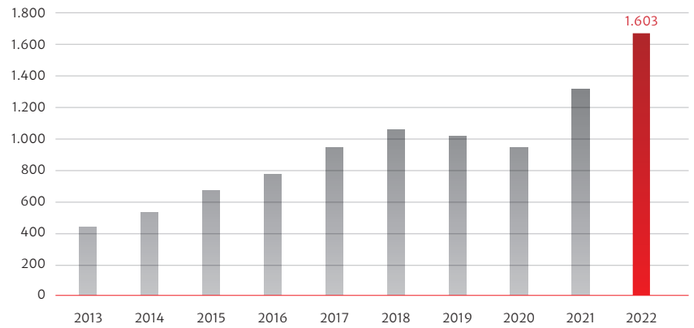


# QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

*Chiến lược phát triển nhân sự của SSI tập trung vào xây dựng nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn tốt đồng thời có khả năng thích ứng cao với những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh. Công ty tin rằng đội ngũ nhân sự chính là nguồn tài sản quý giá nhất và là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của doanh nghiệp, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, gia tăng sự hài lòng của khách hàng và tối đa hóa giá trị mang lại cho cổ đông.*

Cùng với các chính sách thu hút những tài năng trong ngành Tài chính, các hoạt động phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong những lĩnh vực then chốt, SSI luôn cố gắng tạo cho đội ngũ của mình một môi trường làm việc minh bạch, cởi mở, là nơi nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự đổi mới và có chế độ đãi ngộ tương xứng.

**Tăng trưởng nhân sự SSI qua các năm**




*Nguồn: SSI*

## CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Tính đến hết tháng 12/2022, số lượng nhân sự SSI đạt 1.603 người, tăng trưởng 22,2% so với cuối năm 2021.

Trong đó, nhân sự thuộc các Khối Kinh doanh chiếm 73,4% toàn nguồn lực SSI. Xét về trình độ học vấn, nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ rất cao – 98,8%. Xét về độ tuổi, lực lượng lao động SSI thuộc đối tượng lao động trẻ với 84,97% nhân sự có độ tuổi dưới 40.



**Cơ cấu nhân sự năm 2022**

***THEO KHỐI NGHIỆP VỤ***

| | |
|---|---|
| KHỐI QUẢN TRỊ | 4,1% |
| KHỐI HỖ TRỢ | 25,5% |
| KHỐI KINH DOANH | 73,4% |

***THEO GIỚI TÍNH***

| | |
|---|---|
| NAM | 45,2% |
| NỮ | 54,8% |

***THEO ĐỘ TUỔI***

| | |
|---|---|
| DƯỚI 30 | 39,1% |
| TỪ 30 ĐẾN DƯỚI 40 | 45,9% |
| TỪ 40 ĐẾN DƯỚI 50 | 13,7% |
| TRÊN 50 | 1,3% |

***THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN***

| | |
|---|---|
| THẠC SỸ | 6,7% |
| ĐẠI HỌC | 92,1% |
| CAO ĐẲNG | 0,5% |
| KHÁC | 0,7% |

*Nguồn: SSI*



## HOẠT ĐỘNG TUYỂN CHỌN NHÂN TÀI

SSI tin rằng bằng việc thu hút nhân sự mới với nền tảng học vấn tốt, kinh nghiệm tại các tổ chức uy tín trong nước và nước ngoài cộng hưởng cùng với việc gắn kết các nhân sự trưởng thành từ SSI sẽ tạo nên sức mạnh vượt trội nhằm thực thi và hiện thực hóa các chiến lược phát triển của Công ty qua từng thời kỳ.

TTCK Việt Nam nói riêng và thị trường tài chính nói chung trong nhiều năm trở lại đây luôn chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa không chỉ trong việc cung cấp sản phẩm – dịch vụ tới khách hàng mà còn trên thị trường lao động thông qua nhiều chính sách, chương trình hấp dẫn nhằm thu hút nhân sự có kinh nghiệm trong ngành. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển các mảng kinh doanh mới, phát triển sản phẩm, chuyển đổi số, v.v... cũng khiến SSI phải đối mặt với sự cạnh tranh không chỉ trong ngành Tài chính, Ngân hàng, mà còn mở rộng ra các công ty công nghệ, khởi nghiệp, v.v... Điều này đòi hỏi các hoạt động thu hút nhân tài của Công ty không chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm ứng viên đáp ứng nhu cầu hiện tại, mà còn cần xây dựng nguồn nhân lực để bổ sung cho đội ngũ trong tương lai.

SSI đã phát triển và hoàn thiện nhiều kênh đăng tuyển, ứng tuyển trực tuyến; kết nối với các cộng đồng tuyển dụng; hợp tác hiệu quả với các đối tác trong lĩnh vực tuyển dụng để tiếp cận, kết nối với ứng viên tiềm năng. Cơ hội tuyển dụng tại Công ty luôn được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng. Bộ tiêu chí phục vụ công tác tuyển dụng được xây dựng và áp dụng, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên, cũng như tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập SSI của thành viên mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phối hợp với nhiều trường đại học lớn trên cả nước và một số tổ chức du học sinh quốc tế nhằm triển khai các chuỗi chương trình hợp tác đa chiều, thường niên trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, công nghệ tại Việt Nam v.v... theo định hướng xây dựng thương hiệu tuyển dụng mạnh, thu hút nguồn nhân lực giàu sức trẻ, năng động và sáng tạo. SSI đã có nhiều năm tham gia tài trợ và bảo trợ chuyên môn cho hàng loạt các cuộc thi về đầu tư chứng khoán, hội thảo nghề nghiệp của sinh viên; phát triển sản phẩm làm quen với chứng khoán, tổ chức chương trình tham quan doanh nghiệp, thực tập sinh v.v... Các hoạt động này không chỉ dừng ở mục đích phục vụ công tác tuyển dụng nhân sự, mà còn góp phần thực hiện xây dựng cộng đồng nhà đầu tư với trọng tâm là thế hệ trẻ, đưa chứng khoán đến gần hơn với người dân, hướng tới TTCK phát triển bền vững.

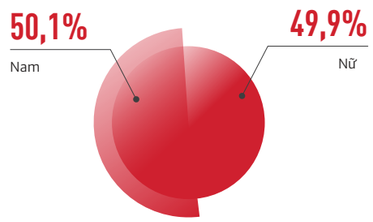
Năm 2022, SSI chào đón 531 thành viên mới trong năm, tăng trưởng mạnh so với số lượng và nhu cầu của những năm trước đó, bổ sung lực lượng cũng như thay thế nhân sự đáp ứng chiến lược phát triển Công ty. Hoạt động thu hút nhân tài đã thực hiện tốt vai trò đảm bảo nguồn lực phục vụ công việc cũng như xây dựng nền tảng vững chắc cho những giai đoạn phát triển mới, đáp ứng nhu cầu về nhân sự của các Bộ phận.

Về cơ cấu, 64,6% số lượng nhân sự tuyển mới nhằm phục vụ các khối Kinh doanh, 96,23% có độ tuổi dưới 40 và có sự phân bổ đều về mặt giới tính.

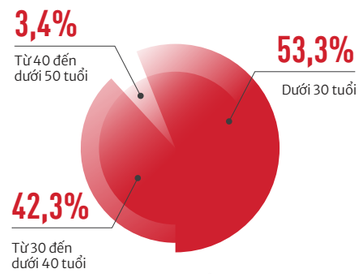



Công ty tiếp tục góp mặt trong ***"Top 50 thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn"*** trong khuôn khổ cuộc khảo sát thường niên về nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2022 do Công ty Anphabe thực hiện.

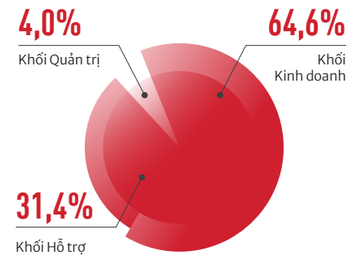
**Cơ cấu nhân sự tuyển mới năm 2022**




**Theo Giới tính**




**Theo độ tuổi**




**Theo Khối nghiệp vụ**

*Nguồn: SSI*

## TỔ CHỨC HỌC TẬP – 22 NĂM HỌC HỎI ĐỂ TIÊN PHONG

Xác định rõ nguồn nhân lực chính là yếu tố mang lại tính cạnh tranh, SSI tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường. Ngoài việc tuyển chọn kỹ càng từ đầu vào, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo Chương trình Đào tạo của Công ty, bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc theo yêu cầu của UBCKNN, các khóa huấn luyện về kỹ năng chuyên môn chuyên biệt, các chương trình đào tạo phát triển kĩ năng quản trị (khách hàng, đội ngũ, tổ chức) mang tính ứng dụng cao giúp nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tựu trong nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với tổ chức.

*SSI dành trên 4,3 tỷ VNĐ ngân sách cho hoạt động đào tạo năm 2022, tăng mạnh so với chi phí năm 2020 và 2021 khi dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát tốt, nhiều khóa đào tạo trực tiếp đã được triển khai trở lại, đặc biệt là các chương trình đào tạo chuyên môn chứng khoán.*

Công tác đào tạo nội bộ cũng tiếp tục được đẩy mạnh thông qua các chương trình đào tạo tân tuyển áp dụng chung cho nhân viên cũng như được thiết kế riêng cho từng Khối/Bộ phận độc lập. Các hội thảo chuyên môn, huấn luyện nghiệp vụ, v.v... tạo điều kiện để nhân viên nhanh chóng bắt nhịp với công việc, phát triển chuyên môn nghiệp vụ, cùng chia sẻ định hướng hoạt động & kinh nghiệm vận hành, kết nối tinh thần, cùng nhau tạo dựng môi trường làm việc "minh bạch, trung thực, hiệu quả, sáng tạo".

Hệ thống đào tạo trực tuyến SSI E-Learning là một công cụ học tập thuận tiện mọi lúc, mọi nơi dành cho nhân viên, thiết lập môi trường giúp mỗi cá nhân "tự học tập, tự nghiên cứu" và có thêm phương thức học tập mới linh hoạt hơn về thời gian, địa điểm và các tương tác trong quá trình học, cập nhật nhanh hơn các yêu cầu từ tổ chức. Năm 2022, Công ty bổ sung thêm trên 20 khóa đào tạo mới trên hệ thống SSI E-Learning, thuộc các nhóm như đào tạo hội nhập, đào tạo kiến thức chung, đào tạo kĩ năng v.v... với hàng ngàn lượt tham gia học tập. SSI E-learning đã trở thành kênh chia sẻ, trao đổi về chuyên môn, kỹ năng giữa các học viên, giảng viên thuận tiện và nhanh chóng.

Các hoạt động đào tạo nội bộ – bên ngoài, trực tuyến – trực tiếp được thiết kế dựa trên nhu cầu của cán bộ nhân viên, nhằm đảm bảo hiệu quả về mặt tổ chức, tối ưu về mặt chi phí. Chính vì vậy, tổng số giờ đào tạo năm 2022 đã tăng trưởng rất mạnh so với 2021 (gấp trên 4 lần), đạt trên 80 nghìn giờ học, trung bình mỗi nhân viên tham gia 50 giờ đào tạo trong năm 2022.





**Tổng thời gian đào tạo**

80.715 GIỜ 2022

16.249 GIỜ 2021

**Tổng chi phí đào tạo**

4,33 TỶ VNĐ 2022

1,2 TỶ VNĐ 2021

**Tổng số lượt tham gia đào tạo**

25.289 LƯỢT 2022

8.420 LƯỢT 2021

**Tổng số khóa đào tạo**

204 KHOÁ 2022

59 KHOÁ 2021

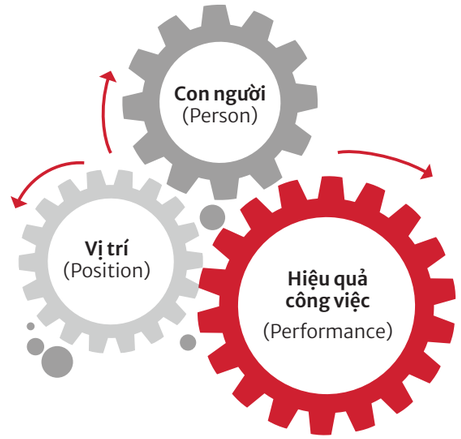


## NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG THÔNG QUA CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ TOÀN DIỆN

Lấy hiệu quả là nguyên tắc trong kinh doanh và quản trị, SSI vận hành hệ thống các chính sách xoay quanh hiệu quả chung của tổ chức. Các chính sách đãi ngộ – phúc lợi, cơ hội thăng tiến được gắn liền với năng lực, thành tích, đóng góp của cá nhân trong tương quan hiệu quả chung của Bộ phận và của Công ty, đảm bảo cơ hội bình đẳng cho tất cả nhân sự, không phân biệt giới tính, vùng miền.

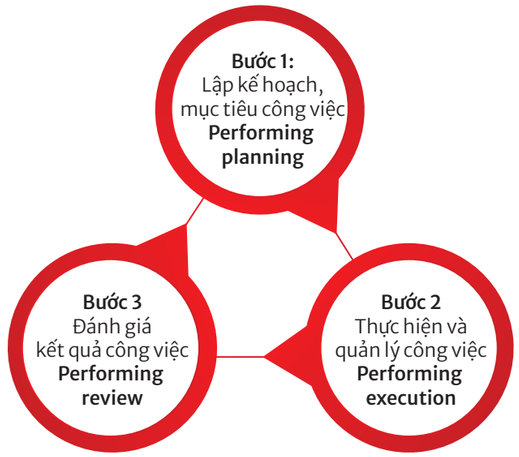
SSI rất chú trọng đến việc xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo mô hình 3P (Positon – vị trí; Person – con người; Performance – Hiệu quả công việc). Phương pháp chi trả lương 3P khắc phục được các nhược điểm của phương pháp trả lương truyền thống như quá chú trọng đến bằng cấp hoặc thâm niên, không phân biệt được năng lực thực hiện công việc và đóng góp của cá nhân vào hiện thực hóa mục tiêu doanh nghiệp. Với phương pháp này SSI có thể:

- Trả lương phù hợp với sự đóng góp của từng vị trí đối với doanh nghiệp, tạo tính cạnh tranh so với thị trường của cùng một tập hợp các chức năng;
- Thu hút và giữ chân nhân viên giỏi nhờ tạo động lực thông qua thực thi sự công bằng khi trả lương tương xứng với năng lực;
- Khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc do trả lương tương xứng với đóng góp của nhân viên vào kết quả chung của doanh nghiệp.




Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (PMS) được áp dụng đảm bảo sự công bằng và dễ tiếp cận cho nhân viên ở tất cả các vị trí. Hệ thống đánh giá được xây dựng nhằm nâng cao tính chính xác trong việc đánh giá xếp loại nhân viên dựa trên hoạt động thực tế trong năm, gắn liền kết quả đánh giá với chế độ khen thưởng cá nhân; và quan trọng hơn nữa là định hướng, cải thiện và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng cho từng nhân viên thông qua việc xác lập mục tiêu cho kỳ đánh giá tới tiếp theo. Quy trình đánh giá kết quả công việc trực tuyến, có sự tương tác vào trao đổi hai chiều giữa người đánh giá và người được đánh giá tạo điều kiện cho nhân viên hiểu rõ được sự kỳ vọng của người quản lý, cũng như người quản lý nắm được các vấn đề trong quá trình thực hiện công việc của nhân viên

**Chu trình Đánh giá hiệu quả công việc**
**bao gồm 3 giai đoạn diễn ra nối tiếp nhau, liên tục và quay vòng**



SSI duy trì hệ thống đãi ngộ – phúc lợi toàn diện, hấp dẫn với hình ảnh biểu trưng 365 ngày phúc lợi dành cho người lao động.

Cơ cấu thu nhập của nhân viên SSI:

## 365 NGÀY PHÚC LỢI

SSI duy trì hệ thống đãi ngộ – phúc lợi toàn diện, hấp dẫn với hình ảnh biểu trưng 365 ngày phúc lợi dành cho người lao động.

**Tiền lương**

- **Lương cơ bản/ Lương cố định hàng tháng**
- **Lương tháng thứ 13**
- **Lương theo hiệu quả làm việc/ Lương doanh số**

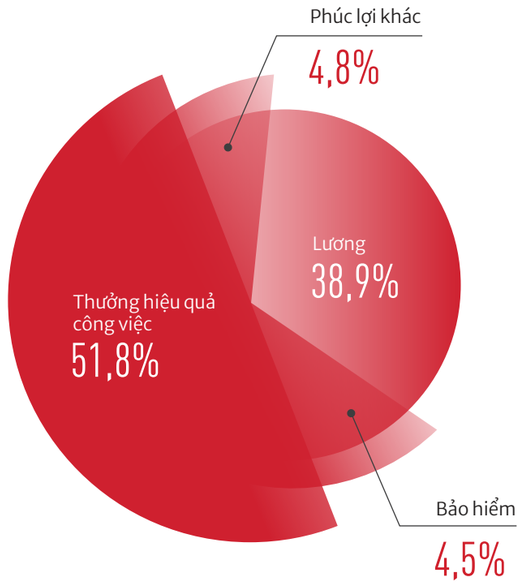
- **Thưởng Đánh giá công việc**
- **Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm Xã hội bắt buộc: bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**
- **Phúc lợi các dịp lễ tết trong năm**
- **Thực hiện Khám sức khỏe định kỳ**

**Chế độ đãi ngộ khác**

- **Thưởng thâm niên**
- **Bảo hiểm sức khỏe cao cấp, đồng thời hỗ trợ thêm nhân viên qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân quả làm việc/ Lương doanh số**
- **Các khoản phụ cấp điện thoại, công tác phí, chi phí đi lại, đồng phục**
- **Bảo hiểm du lịch đối với các đối tượng thường xuyên đi công tác nước ngoài**



### Cơ cấu các hạng mục đãi ngộ tại SSI




*Nguồn: SSI*

*Kết thúc năm 2022, SSI đã thực hiện chi trả trên 1.058 tỷ VNĐ cho cán bộ nhân viên, trong đó hạng mục chi thưởng và phúc lợi chiếm 56,6% tổng các đãi ngộ chi trả.*

Song song với việc duy trì các chính sách lương – thưởng công bằng và cạnh tranh trên thị trường, năm 2022 SSI tiếp tục phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu lựa chọn cho nhân viên (ESOP), nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên với SSI; thu hút, duy trì và thúc đẩy những nhân sự có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

Bên cạnh đó, sức khỏe của người lao động luôn được SSI đặt lên hàng đầu, điều này càng thể hiện rõ nét hơn nữa trong giai đoạn đối mặt với đại dịch Covid-19. Hàng loạt các chương trình hành động nhằm bảo vệ an toàn và sức khỏe cho nhân viên đã được triển khai. Ngay từ đầu mùa dịch năm 2020, Công ty đã làm việc cùng đơn vị Tư vấn bảo hiểm để rà soát lại quyền lợi của nhân viên và người thân theo chương trình Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn bổ sung trong trường hợp rủi ro. Cũng với mục tiêu sức khỏe của nhân viên là ưu tiên cao nhất trong giai đoạn cao điểm phòng, chống đại dịch Covid-19, SSI nhanh chóng ban hành chính sách chi trả đầy đủ lương đối với các nhân sự không thể thực hiện công việc do nhiễm virus Covid-19 hoặc thuộc diện phải cách ly theo yêu cầu. Bên cạnh đó, 100% nhân sự Công ty đều được bố trí tiêm kịp thời theo các chương trình triển khai cho nhân sự của doanh nghiệp thuộc loại hình kinh doanh thiết yếu, hoặc các chương trình tiêm theo khu vực hoạt động.

SSI cũng đẩy mạnh thông tin truyền thông để nhân viên dễ dàng tiếp cận và có trách nhiệm thực hiện các biện pháp tự theo dõi và đánh giá các dấu hiệu nhiễm virus; tự chăm sóc bản thân và gia đình trong trường hợp nhiễm virus; thông báo tới Bộ phận Nhân sự tình hình sức khỏe của bản thân và người thân trong gia đình để có biện pháp phù hợp và lấy ý kiến tư vấn của đơn vị y tế chuyên môn.

Bước qua đại dịch Covid-19, SSI đã thành công trong việc duy trì hoạt động kinh doanh liên tục, song song với đó là giữ vững chính sách đãi ngộ toàn diện với người lao động, bảo đảm an toàn sức khỏe cho các cán bộ nhân viên, giữ được sự ổn định cho cuộc sống của mỗi thành viên và gia đình. Bên cạnh lợi ích về tài chính, điều mà SSI chú trọng hơn cả chính là sự đồng hành, sẻ chia và hỗ trợ từng cán bộ nhân viên trên mọi mặt của cuộc sống. Các chính sách và hoạt động quản trị nguồn nhân lực năm vừa qua càng củng cố hơn nét đặc trưng trong văn hóa doanh nghiệp, tạo niềm tin cho người lao động, từ đó làm gia tăng sự đoàn kết chung, sự chuyên nghiệp, nhiệt tình trong công việc của mỗi người SSI, tạo nên sự hòa hợp, thống nhất và tinh thần đồng đội mang đậm bản sắc SSI.

## VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Trải qua hành trình 22 năm xây dựng và phát triển, SSI luôn tự hào về văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của Công ty. Nét văn hóa của SSI được xây dựng, bồi đắp qua nhiều giai đoạn và càng được chú trọng khi quy mô của Công ty ngày một phát triển và mở rộng. Bước vào thời kỳ bình thường mới, hoạt động văn hóa doanh nghiệp của SSI trở lại mạnh mẽ trong năm 2022, đồng thời các hoạt động này cũng được đẩy mạnh và đổi mới, sáng tạo hơn. Trong năm qua, với tinh thần tôn vinh và phát huy những giá trị nội tại của SSI đồng thời duy trì một nền tảng vững chắc về mọi mặt để ứng phó với những thách thức và cả cơ hội của thị trường, các hoạt động văn hóa doanh nghiệp của SSI đã để lại nhiều dấu ấn.  Các hoạt động đã góp phần đề cao những phẩm chất quý báu của các thành viên SSI và tạo động lực cho tập thể người SSI sẵn sàng vượt qua những thách thức để chinh phục những thành tựu mới.








## VỮNG VÀNG TỪ NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Ở SSI, 3 giá trị cốt lõi và 9 tôn chỉ kinh doanh được coi là những giá trị quan trọng nhất, là kim chỉ nam cho mỗi quyết định, hiện hữu trong mỗi hoạt động của doanh nghiệp. Những ý nghĩa bao hàm trong 9 tôn chỉ kinh doanh của SSI đã bao trọn các khía cạnh tư vấn, văn hóa làm việc, giao tiếp trong Công ty, với khách hàng, và văn hóa ứng xử ra cộng đồng và xã hội. Đây chính là những giá trị bền vững không thay đổi bất chấp thời gian và ngoại cảnh. Những nét riêng mang đậm dấu ấn SSI được thể hiện không chỉ ở "9 tôn chỉ kinh doanh" mà còn ở sự thống nhất trong truyền tải thông tin, phát triển nguồn nhân lực hạt nhân, sự đoàn kết cùng chung tầm nhìn sứ mệnh của từng thành viên trong nội bộ Công ty.

**9** *tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được khắc ghi trong từng hoạt động của Công ty, là dấu ấn và bản sắc của thương hiệu SSI*

1. **Chúng tôi đặt hết tâm huyết vào sự thành công của khách hàng.**
2. **Chúng tôi chú trọng đến thành quả đem lại cho khách hàng, và luôn tự hào về điều đó.**
3. **Chúng tôi trân trọng giá trị đầu tư vào công ty của các cổ đông và cộng sự, đồng thời đáp trả bằng những quyền lợi tương xứng.**
4. **Chúng tôi tuyển chọn và đãi ngộ những tài năng xuất chúng trong ngành tài chính**
5. **Chúng tôi luôn khuyến khích và đánh giá cao năng lực chủ động sáng tạo của các cộng sự.**
6. **Chúng tôi tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trên mọi phương diện**
7. **Tinh thần hợp tác là phần tất yếu trong nét văn hóa công ty**
8. **Chúng tôi tận tâm trong mọi hoạt động vì sự tăng trưởng của ngành tài chính tại Việt Nam**
9. **Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng**

Cùng với Tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công" và Sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", các giá trị cốt lõi và những tôn chỉ kinh doanh trên giúp người SSI hiểu rõ được vị thế, trách nhiệm và giá trị của mình và tập thể. Tình yêu đối với SSI, sự tự hào với những giá trị và thành quả của Công ty trong suốt hành trình 22 năm lan tỏa ánh sáng tiên phong là những giá trị được truyền tải tới nhân viên ngay từ buổi học định hướng gia nhập Công ty, và sau đó liên tục được nhắc đến trên các kênh truyền thông, sự kiện và đào tạo nội bộ trực tuyến và trực tiếp. Đây cũng chính là di sản và động lực để trao truyền, duy trì cùng nhau qua thời gian và từ đó dù ở bất cứ vai trò hay vị trí nào, mỗi cá nhân luôn tự hào là một thành viên của SSI.

## VỮNG VÀNG TỪ NHỮNG HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT

2022 là một năm chứng kiến nhiều biến động của thị trường, tuy nhiên SSI GALA – sự kiện văn hóa doanh nghiệp thường niên lớn nhất năm đã được tổ chức thành công, thắt chặt thêm tinh thần gắn kết nội bộ của cán bộ nhân viên SSI. GALA là sự kiện nội bộ quan trọng, mang đậm dấu ấn, tinh thần và bản sắc con người SSI. Chuỗi sự kiện GALA không chỉ là nơi các thành viên trên khắp cả nước được trực tiếp gặp gỡ, mà còn là cơ hội cho người SSI cùng nhau đặt mục tiêu và quyết tâm, đồng lòng bước tiếp trên hành trình phía trước. Với chủ đề ***"Vững nền tảng – Ứng vạn biến"***, các thành viên mang bên mình những giá trị cốt lõi, là nhân tố kết nối tạo thành nền tảng vững chắc. Lớp thế hệ lớn lên cùng SSI đủ vững chãi, đủ kinh nghiệm, lại tiếp tục bồi đắp thêm lớp thế hệ mới mang nhiều sáng tạo, tự tin kết nối sản sinh nguồn năng lượng mới để cùng nhau ứng phó với mọi biến động, cùng nhau tạo ra những giá trị bền vững mới.

Trong 3 ngày diễn ra sự kiện văn hóa này, SSI GALA đã ghi nhận những dấu mốc chưa từng có từ trước đến nay trong các hoạt động văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Lần đầu tiên có gần 1.500 nhân sự SSI cùng nhau thể hiện sức bền và ý chí cá nhân cho các cự ly trên cung đường chạy ven biển của SSI Run, chinh phục cự ly tối đa 22km – đại diện cho 22 năm hình thành và phát triển của Công ty. Lần đầu tiên giải bóng đá SSI Cup được tổ chức vòng loại tại hai miền Nam – Bắc với 13 đội bóng tham gia, thể hiện tinh thần đồng đội cùng nhau thi đấu. Lần đầu tiên có tới 15 đội văn nghệ tài năng tham gia tranh tài trong đêm GALA Night với những tiết mục đầu tư và công phu chưa từng có, là minh chứng cho tinh thần đoàn kết và dấu ấn sáng tạo của người SSI trên nhiều phương diện

Không chỉ gắn kết qua các hoạt động văn hóa doanh nghiệp lớn như GALA, cán bộ nhân viên SSI còn gắn bó, đồng hành cùng nhau thông qua các hoạt động đào tạo, hướng dẫn, trau dồi kiến thức với tinh thần ***"kế thừa nhiệt huyết – tiếp lửa chuyên môn"***. Mỗi nhân viên khi gia nhập SSI được chính các giảng viên nội bộ là những người đồng nghiệp đi trước đào tạo, đồng hành và hướng dẫn. Lớp thế hệ đi trước với lòng nhiệt huyết, sự yêu nghề và tận tâm cùng những kinh nghiệm quý báu được trau dồi theo năm tháng, truyền lại cho các thế hệ kế cận ngọn lửa chuyên môn. Tuyến bài truyền thông nội bộ nhằm tri ân, tôn vinh các giảng viên nội bộ và hoạt động đào tạo, gắn kết chuyên môn từ đó cũng được ra đời, thúc đẩy tinh thần đoàn kết, gắn bó và luôn noi theo những tấm gương thành công của thế hệ đi trước, đồng thời xây dựng tinh thần ham học hỏi và không ngừng sáng tạo trong công việc, nỗ lực xây dựng giấc mơ chung SSI.
















## VỮNG VÀNG VỀ SỨC KHỎE THỂ CHẤT VÀ SỨC KHỎE TINH THẦN

Chủ tịch HĐQT Nguyễn Duy Hưng đã từng nói: "Không có sức khỏe thì mọi thứ đều trở nên vô nghĩa". Quả thực như vậy, để ứng phó với những bất định, biến động của xã hội và thị trường, người SSI rất quan tâm và chú trọng duy trì thể trạng khỏe mạnh với một tinh thần lạc quan, bền bỉ trước mọi sóng gió.

Trong năm 2022, các hoạt động rèn luyện sức khỏe và tinh thần đã được Truyền thông Nội bộ cũng như các Cậu lạc bộ, phòng ban, cán bộ nhân viên SSI duy trì và đẩy mạnh, nổi bật nhất là hoạt động chạy, leo núi. Nếu như SSI GALA là giải chạy tập thể có sự tham gia tập trung của gần 1.500 thành viên thì năm 2022 cũng đánh dấu một năm hoạt động vô cùng tích cực của Câu lạc bộ SSI Runners khi các thành viên của CLB đều ghi dấu chân của người SSI trên những giải chạy, cung đường chạy thách thức nhất cả nước. Các buổi hướng dẫn kĩ thuật chạy bộ do Truyền thông Nội bộ tổ chức cũng nhận được sự tham gia đông đảo của người SSI.

Không chỉ khỏe thể chất, người SSI còn rèn luyện để vững tinh thần. Bên cạnh các bản tin sức khỏe về dinh dưỡng, tập luyện, phòng chống các dịch bệnh theo mùa, Truyền thông Nội bộ còn cung cấp thường xuyên và đầy đủ về các biện pháp, bí quyết cho tâm trí và sức khỏe tinh thần lành mạnh, tích cực và vững vàng. Các buổi hội thảo trao đổi kiến thức về nhiếp ảnh, hội họa, yoga, kiểm soát cảm xúc và căng thẳng cũng được tổ chức định kỳ nhằm mang đến những giờ phút thư giãn, gia tăng tính sáng tạo đồng thời cung cấp các kiến thức cần thiết, giúp cán bộ nhân viên SSI điều hòa và cân bằng cuộc sống.

Có thể nói, trước những thăng trầm của thị trường, các thành viên SSI luôn sẵn sàng về cả thể chất và tinh thần để vững vàng đón nhận và ứng biến với những thách thức và cơ hội phía trước.

## VỮNG VÀNG, BỀN BỈ VÀ SÁNG TẠO THỂ HIỆN SỰ ĐỒNG LÒNG DÀNH CHO SSI

Trải qua 22 năm thành lập và phát triển, SSI của ngày hôm nay là thành quả của sự tận tâm, cống hiến, vun đắp và tình yêu của mỗi cán bộ nhân viên SSI dành cho Công ty. SSI là sự giao thoa của thế hệ đi trước với tình yêu SSI một cách bền bỉ, sâu lắng cùng thế hệ thành viên trẻ tuổi đầy nhiệt huyết và đam mê. Mỗi thế hệ lại bày tỏ tinh thần gắn bó và tình cảm với SSI theo một cách riêng đầy bản sắc, để rồi in đậm dấu ấn sáng tạo trong những dấu mốc kỷ niệm đặc biệt của SSI. Trong chuỗi sự kiện kỷ niệm 22 năm thành lập SSI, cuộc thi sáng tạo video "Chúc mừng sinh nhật SSI" đã nhận được 12 tác phẩm dự thi đặc sắc và độc đáo đến từ 12 đội khác nhau, tạo ra sức ảnh hưởng và lan tỏa mạnh mẽ trên mạng xã hội. Trong bối cảnh thời điểm thị trường có những thăng trầm, biến động từng ngày, việc hàng nghìn người SSI cùng nhau sáng tạo những nội dung ý nghĩa và cùng nhau thổi nến chúc mừng sinh nhật SSI là minh chứng cho sợi dây gắn kết giữa từng thành viên SSI với Công ty. Điều này thể hiện sự đồng lòng, chung chí hướng, luôn trong tâm thế sẵn sàng ứng phó với mọi bất định phía trước.

Trải qua hơn hai thập kỷ gắn bó và phát triển, mỗi thành viên SSI là những giọt nước hòa vào dòng chảy lớn, cùng nhau hướng về một bể đưa SSI vươn ra đại dương hướng đến những ước mơ cao rộng hơn. Nỗ lực của mỗi cá nhân cộng hưởng với lý tưởng tập thể là nền tảng để đội ngũ SSI kết nối chặt chẽ, tìm kiếm những động lực tăng trưởng mới. Trong hành trình SSI theo đuổi sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", người SSI không chỉ cùng nhau theo đuổi ước mơ đưa SSI mãi mãi trường tồn phát triển mà mỗi thành viên còn nhìn thấy được giá trị và sứ mệnh của bản thân mình: viết tiếp khát vọng người Việt Nam trên bản đồ tài chính thế giới.

# 03 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN


MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2023 76

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN 84

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2023 90

# MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2023

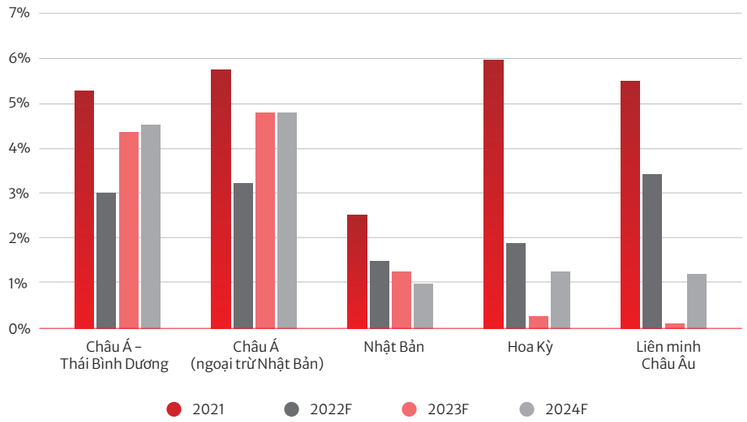
## TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU 2023

Các vấn đề bao gồm rủi ro suy thoái, lạm phát và chính sách tiền tệ vẫn là mối lo ngại lớn đối kinh tế toàn cầu trong năm 2023, tác động trực tiếp tới bối cảnh kinh tế vĩ mô của Việt Nam.

**Về rủi ro suy thoái:** Trên thực tế, các số liệu kinh tế hiện tại đang chỉ ra rằng nền kinh tế toàn cầu sẽ đối mặt với rủi ro suy thoái trong năm 2023. Môi trường lãi suất ở mức cao, lạm phát cao kéo dài và thu nhập suy giảm đã và đang tác động tới tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng tiếp tục có sự chênh lệch lớn giữa các quốc gia và khu vực. Cụ thể, xác suất xảy ra suy thoái kinh tế tại Liên minh Châu Âu (EU) trong nửa đầu năm 2023 hiện đang tương đối cao, trong khi các dữ liệu kinh tế của Mỹ vẫn cho thấy sự vững vàng nhất định từ tiêu dùng nội địa. Mặc dù vậy, trong kịch bản cơ sở, SSI vẫn cho rằng nước Mỹ sẽ rơi vào suy thoái nhẹ (và ngắn) vào cuối năm 2023. Khu vực Châu Á, sẽ tiếp tục có sự vượt trội so với các khu vực khác, với sự trở lại của Trung Quốc (nhờ việc dỡ bỏ dần chính sách Không Covid và mở cửa trở lại nền kinh tế).

**Dự báo GDP toàn cầu theo khu vực**

*Đơn vị: % so với cùng kỳ*




*Nguồn : Bloomberg, tính đến tháng 12 /2022*

**Về vấn đề lạm phát:** Một vấn đề đáng chú ý khác cần theo dõi trong năm 2023 đó là tốc độ giảm của lạm phát sẽ có diễn biến ra sao sau những động thái thắt chặt chính sách tiền tệ trong năm 2022. Mặc dù lạm phát đang cho thấy các tín hiệu hạ nhiệt rõ ràng hơn, tốc độ sụt giảm và khi nào lạm phát quay về mức mục tiêu dài hạn vẫn là những câu hỏi khó có thể đưa ra đáp án, đặc biệt đối với nước Mỹ khi lạm phát dịch vụ hiện vẫn duy trì mức cao trong thời gian dài. Cũng cần lưu ý là lạm phát tổng thể có thể có dấu hiệu dịu lại, nhưng lạm phát cơ bản duy trì ở mức cao vẫn là vấn đề làm đau đầu các NHTW.

**Về chính sách tiền tệ:** Thị trường hiện đang kỳ vọng Cục dự trữ liên bang Mỹ sẽ tăng lãi suất từ 50 – 75 điểm cơ bản trong nửa đầu năm 2023 và bắt đầu đẩy mạnh chu kỳ nới lỏng vào cuối năm 2023 và 2024, với mức giảm kỳ vọng là 200 điểm cơ bản từ mức đỉnh. Việt Nam đã có một năm 2022 với kết quả tương đối thành công, nhờ đóng góp lớn từ nhu cầu nội địa, dòng vốn FDI và hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, đà phục hồi đã có tín hiệu chậm dần vào nửa cuối năm 2022, với những rủi ro đến từ nội tại nền kinh tế và thế giới. SSI kỳ vọng tăng trưởng GDP trong năm 2023 vào khoảng 6% – 6,2%. Trong đó, Chính phủ sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách tài khóa mở rộng thông qua việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và Chương trình hồi phục và phát triển kinh tế 2022 – 2023 và NHNN với chính sách tiền tệ linh hoạt hơn so với giai đoạn cuối năm 2022.

**Các chỉ tiêu kinh tế chính 2023**

| | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023F |
|---|---|---|---|---|---|
| Tăng trưởng GDP (%- 2010p) | 7,02 | 2,91 | 2,58 | 8,02 | 6,0 – 6,2 |
| CPI (trung bình, % so với cùng kỳ) | 2,79 | 3,23 | 1,84 | 3,15 | 4,3 |
| CPI (cuối kỳ, % so với cùng kỳ) | 5,23 | 0,19 | 1,89 | 4,55 | 3,4 |
| Xuất khẩu (tỷ USD) | 264,19 | 281,5 | 336,25 | 371,3 | 375 |
| Nhập khẩu (tỷ USD) | 253,07 | 262,4 | 332,25 | 358,9 | 365 |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | 11,1 | 19,1 | 4,0 | 12,4 | 10 |
| Tỷ giá (USD/VNĐ) | 23.230 | 23.215 | 22.930 | 23.780 | 23.500 |
| Cán cân vãng lai (tỷ USD) | 12 | 14 | -3,8 | 0 | 1 |
| Dự trữ ngoại hối (tỷ USD) | 79 | 94,4 | 107 | 84,00 | 85 |
| Tăng trưởng tín dụng (% so với cùng kỳ) | 13,7 | 12 | 12,97 | 14,50 | 14,0 |
| Lãi suất huy động trung bình (%/năm) | 6,9 | 5,8 | 5,5 | 6,50 | 8,0 |

*Nguồn : Trung tâm Phân tích và tư vấn đầu tư SSI*

## TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM 2023

Các kịch bản kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2023:

**Kịch bản tích cực:** Nền kinh tế toàn cầu hạ cánh mềm, xung đột Nga – Ukraine kết thúc trong năm 2023, và Trung Quốc hủy bỏ hoàn toàn chính sách Không Covid. Trong nước, chính sách mở rộng tài khóa được sử dụng hiệu quả trong 2023.

**Kịch bản cơ sở:** Nền kinh tế toàn cầu hạ cánh cứng (nhưng không phải suy thoái kéo dài). Mặc dù các bất ổn địa chính trị có thể lắng dịu, xung đột Nga – Ukraine có thể vẫn tiếp diễn. Trung Quốc hủy bỏ hoàn toàn chính sách Không Covid. Trong nước, chính sách tài khóa và gói hỗ trợ được giải ngân tương đối tốt.

**Kịch bản kém khả quan:** Nền kinh tế toàn cầu hạ cánh cứng và suy thoái kéo dài hơn. Bất ổn địa chính trị nghiêm trọng và cần nhiều thời gian hơn để giải quyết. Trong nước, các khó khăn trong việc giải ngân đầu tư công vẫn tiếp tục kéo dài trong năm 2023.

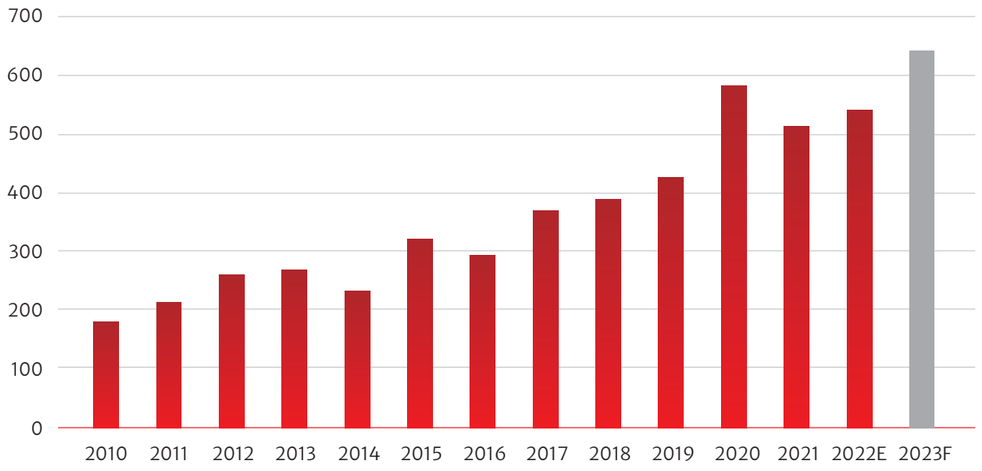
| | Kịch bản tích cực | Kịch bản cơ sở | Kịch bản kém khả quản |
|---|---|---|---|
| Tăng trưởng GDP (%) | 7%++ | 6,0 – 6,2% | 4,5 – 5,0% |
| CPI (bình quân, %) | 4,5% | 4,3% | 5++% |
| Lãi suất tái cấp vốn (%/năm) | 5,5% | 6,0% | 6,5% |
| USD/VNĐ (% YTD) | -1,5%++ | -0,2% – 0% | 3%++ |

### ĐẦU TƯ CÔNG LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CHÍNH TRONG 2023

Năm 2023, Việt Nam có nhiều dư địa để thúc đẩy nhu cầu trong nước thông qua các biện pháp kích thích tài khóa nhờ cơ cấu nợ công vẫn đang được kiểm soát ở mức hợp lý (ước tính nợ công trong năm 2023 đạt 45% GDP, thấp hơn mức trần 60% của Chính phủ). Trong đó, chương trình phục hồi và phát triển kinh tế vẫn là điểm khác biệt của Việt Nam so với phần còn lại của thế giới, và là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng. Trên thực tế, kế hoạch đầu tư công trong năm 2023 đã được thông qua với ước tính vào khoảng 726 nghìn tỷ VNĐ – mức lớn nhất từ trước đến nay và tập trung vào các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng như Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam tuyến phía đông (giai đoạn 2), các dự án vành đai ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khởi công đúng hạn không có nghĩa là có thể hoàn thành đúng tiến độ, và còn cần các nỗ lực nhiều hơn từ tất cả các bên để có thể đẩy mạnh tốc độ giải ngân.

**Giải ngân đầu tư công**

*Đơn vị: nghìn tỷ VNĐ*




*Nguồn: Bộ Tài chính, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI*





### TRUNG QUỐC MỞ CỬA TRỞ LẠI: CƠ HỘI NÀO CHO VIỆT NAM?

Việc Trung Quốc chính thức mở cửa hoàn toàn sau ba năm chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 chắc chắn tác động tích cực đến các hoạt động kinh tế của Việt Nam, ví dụ như đối với ngành Xuất khẩu, Du lịch. Tuy nhiên, tác động rõ rệt có thể chỉ đến từ nửa cuối năm 2023, và cũng cần phải nhắc lại rằng ba năm Covid đã phần nào thay đổi thói quen tiêu dùng cũng như du lịch của du khách Trung Quốc, và các doanh nghiệp của Việt Nam sẽ cần phải nỗ lực hơn để thích ứng với xu hướng du lịch đó. Với ước tính tích cực (dựa trên số liệu về chi tiêu của du khách Trung Quốc giai đoạn trước Covid), SSI kỳ vọng khách Trung Quốc sẽ có tiềm năng đóng góp 2,8 tỷ USD doanh thu cho mảng Khách sạn và Dịch vụ cho Việt Nam trong năm 2023.

Về thương mại, bên cạnh việc phục hồi của cầu nội địa của Trung Quốc, việc các hoạt động thương mại tại các cửa khẩu đường bộ có thể diễn ra mạnh mẽ hơn là nhân tố quan trọng giúp hỗ trợ xuất khẩu. Cụ thể, xuất khẩu các mặt hàng sản phẩm nông nghiệp ước tính tăng sau thời gian gặp khó khăn do chính sách Không Covid kéo dài trong khi đó tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm chủ chốt khác như hàng điện tử, giày dép, gỗ và bông vẫn được duy trì.

**Doanh thu từ hoạt động du lịch và tỷ trọng khách Trung Quốc (năm 2019)**

| | Doanh thu du lịch (% GDP) | Tỷ trọng khách Trung Quốc (trên tổng số khách du lịch nước ngoài) |
|---|---|---|
| Thái Lan | 11,3% | 28,6% |
| Hong Kong | 10,4% | 79,1% |
| Việt Nam | 9,8% | 29,6% |
| Malaysia | 5,7% | 11,4% |
| Singapore | 5,4% | 19,4% |
| Đài Loan | 2,3% | 28,1% |
| Indonesia | 1,6% | 13,5% |

*Nguồn: CEIC, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI*







## CÁC RỦI RO CHÍNH ẢNH HƯỞNG TỚI CÂN ĐỐI VĨ MÔ VIỆT NAM TRONG 2023

Xét tổng quát, tăng trưởng GDP trong cả năm 2022 đạt 8,02%, đánh dấu mức tăng trưởng nhanh nhất kể từ năm 1997 và giúp Việt Nam có thể nằm trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực Châu Á. Động lực đến từ hầu hết các khu vực kinh tế chính khi nền kinh tế mở cửa hoàn toàn sau Covid-19, cũng như những yếu tố nền tảng đến từ tiêu dùng nội địa và dòng vốn FDI. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng ngay cả khi tăng trưởng mạnh mẽ vào năm 2022, nền kinh tế vẫn chưa tiến gần đến mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn trước Covid (6,5%/năm), khi tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2020 – 2022 ước tính khoảng 4,5%/năm. Có thể thấy chất lượng tăng trưởng trong những năm vừa qua còn chưa cao, phụ thuộc quá nhiều vào vốn trong khi không có sự cải thiện về năng suất lao động. Do đó, khi các điều kiện tài chính trở nên thắt chặt hơn, tăng trưởng kinh tế sẽ chịu nhiều áp lực.

### Rủi ro lạm phát

Trong khi lạm phát trung bình trong năm 2022 được kiểm soát ở mức 3,15% so với cùng kỳ, thấp hơn mục tiêu của Chính phủ là 4%, dữ liệu theo tháng cho thấy chỉ số CPI đã bắt đầu tăng tốc mạnh từ Quý 3/2022 với các yếu tố tác động tăng dịch chuyển dần từ nhóm Năng lượng sang nhóm Hàng hóa liên quan đến giáo dục và nhà ở. Điều này cũng khiến cho lạm phát cơ bản tăng mạnh hơn lạm phát chung, và áp lực lạm phát sẽ lớn dần hơn trong nửa đầu năm 2023, đặc biệt khi xem xét việc điều chỉnh giá các nhóm hàng thuộc quản lý của Chính phủ như nhóm Điện hay Y tế hay từ yếu tố mùa vụ. Bên cạnh đó, lạm phát lương thực và thực phẩm có thể là yếu tố rủi ro trong năm 2023, khi các biện pháp hỗ trợ Covid-19 không còn nữa (như VAT trở lại 10% cho năm 2023) hay giá thịt heo trong nước có thể sẽ bật tăng do việc mở cửa của Trung Quốc (khiến cầu tăng).

Trên thực tế, các kịch bản lạm phát trong năm 2023 từ các cơ quan Chính phủ cũng có sự phân hóa (dao động từ 3,8% – 5%), cho thấy các yếu tố tác động đến lạm phát sẽ khó lường hơn rất nhiều và thậm chí mục tiêu 4,5% mà Chính phủ đưa ra cũng khá thách thức. SSI kỳ vọng lạm phát bình quân trong kịch bản cơ sở là khoảng 4,3% cho năm 2023, trong đó CPI bình quân cho nửa đầu và cuối năm 2023 lần lượt là 5,1% và 3,6%.



### Rủi ro thanh khoản

Sự kiện Vạn Thịnh Phát xảy ra vào đầu tháng 10 năm 2022 đã tạo áp lực lớn lên thanh khoản hệ thống, kết hợp với các điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt hơn đã cho thấy những điểm yếu trong Thị trường Tài chính Việt Nam. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính quá đà trong môi trường lãi suất thấp (khi tăng trưởng kinh tế dựa nhiều vào tăng trưởng tín dụng), dưới hình thức các khoản vay ngân hàng trong nước, TPDN và các khoản vay nước ngoài đi kèm với việc không có nhận thức đầy đủ về rủi ro đi kèm, đã và sẽ gây ra rủi ro thanh khoản cho Việt Nam trong năm 2023 và 2024.

Trên thực tế, cũng không khó để nhận ra giai đoạn khó khăn này và giai đoạn 2010 – 2011 có khá nhiều điểm tương đồng. Xét về bối cảnh trong nước và quốc tế, sau một giai đoạn khủng hoảng (dù là khủng khoảng tài chính 2007 – 2008, hay khủng hoảng do đại dịch Covid-19 năm 2020 – 2021), kinh tế thế giới và Việt Nam đều có một giai đoạn hồi phục nhẹ một năm sau đó (2010, 2021 – 2022) và ngay lập tức bước vào một giai đoạn khó khăn hơn với rủi ro tiếp tục suy thoái. Nếu giai đoạn 2010 – 2011 thế giới có cuộc khủng hoảng nợ công tại châu u, rồi ngay cả Mỹ cũng bị S&P hạ xếp hạng tín nhiệm, thì tới năm 2022 châu u lại phải đương đầu với xung đột Nga – Ukraine và cả thế giới cùng phải đương đầu với lạm phát tăng cao (khủng hoảng về chi phí sinh hoạt). Và khi đều phải đối diện với một điều kiện tài chính thắt chặt (lãi suất tăng) đi kèm với rủi ro suy thoái tăng lên, thì có thể thấy các vấn đề về tỷ giá, tín dụng, thanh khoản, hay ảnh hưởng tới các thị trường có độ nhạy cao với lãi suất như thị trường bất động sản, TTCK hoặc những câu chuyện thiếu đơn hàng xuất khẩu là những điểm chung dễ thấy giữa giai đoạn 2011 và 2022 tại Việt Nam.

**Tuy nhiên, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI nhận định rằng có một số điểm khác biệt trong 2022 – 2023 có thể giúp Việt Nam vượt qua giai đoạn khó khăn này, thay vì rơi vào khủng hoảng như thời kỳ trước.**

***Thứ nhất***, sức khỏe ngành Ngân hàng của Việt Nam đã tốt hơn nhiều so với trước đây. Các điều kiện đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II đã được triển khai kể từ sau cuộc khủng hoảng năm 2011 và tính đến hiện tại, hai phần ba số ngân hàng đã đáp ứng mức tỷ lệ an toàn vốn từ 11% đến 12%. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng hiện chỉ ở mức 1,7% từ mức 5% vào năm 2012, trong khi tỷ lệ nợ có vấn đề ước tính trên 7%, thấp hơn nhiều so với mức hơn 17% vào năm 2022.

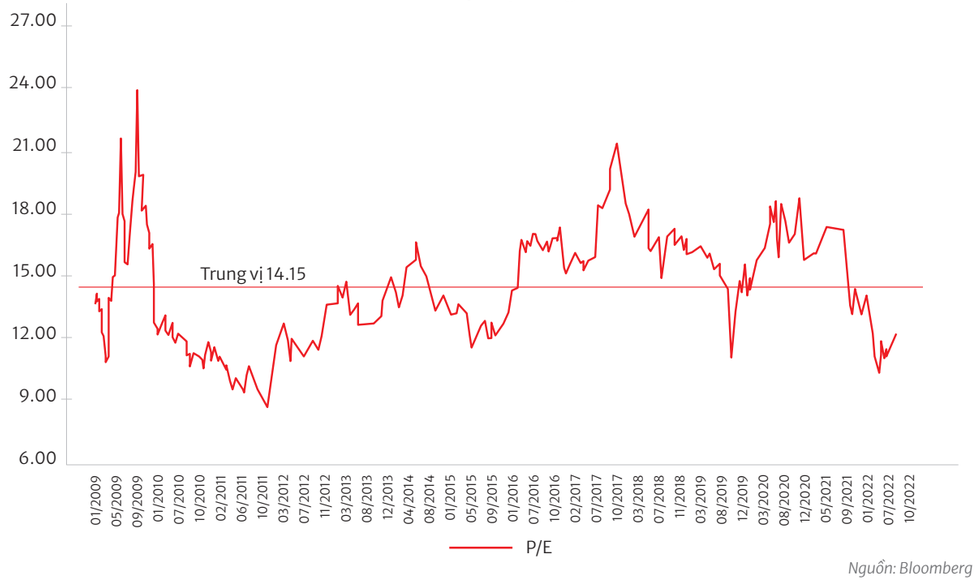
***Thứ hai***, các yếu tố giúp cân bằng vĩ mô của Việt Nam được kiểm soát tốt, bao gồm tăng trưởng tín dụng, lạm phát, tỷ giá và lãi suất. Lạm phát tại Việt Nam trong năm 2022 được kiểm soát tốt, các đợt tăng lãi suất của NHNN trong năm phù hợp với diễn biến toàn cầu và giảm áp lực lên tỷ giá.

***Thứ ba***, các chính sách được sử dụng linh hoạt, bớt cứng nhắc hơn, phù hợp với giai đ oạn có nhiều yếu tố bất đ ịnh như hiện nay.

# TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2023: CHỌN LỌC CƠ HỘI

**Sau những biến cố trong năm 2022, TTCK Việt Nam bước sang năm 2023 với các yếu tố tích cực và tiêu cực đan xen:** Một điểm tích cực có thể kể đến là thị trường đã phản ánh khá nhiều rủi ro, bao gồm cả rủi ro định giá lại trong chu kỳ lãi suất tăng, cũng như triển vọng tăng trưởng kém khả quan hơn cho năm 2023. P/E thị trường dự phóng cho năm 2023 là 10,3 lần (tính tại ngày 17/02/2023), thấp hơn 25% so với mức P/E trung bình của thị trường là 14,16 lần trong giai đoạn 2009 – 2022. Một điểm cộng quan trọng khác cho năm 2023 là đồng nội tệ có thể sẽ ổn định hơn. Ngược lại, rủi ro về thanh khoản vẫn tồn tại xuyên suốt trong năm, do áp lực lớn đến từ lượng TPDN đến hạn. Mặc dù lãi suất có thể sẽ đạt đỉnh nhưng sẽ quay đầu với tốc độ khá chậm. Do đó thị trường bất động sản vẫn sẽ đối mặt với khó khăn kéo dài. Mặt khác, kì vọng được đẩy lên cao khi Chính phủ đang có những động thái thực tế hơn nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường vốn, cụ thể là chuyển biến tích cực từ quá trình sửa đổi Nghị định 65, nhưng đây cũng không phải là câu chuyện có thể giải quyết được trong ngắn hạn.

**Biểu đồ: P/E thị trường**




*Nguồn: Bloomberg*

Với kịch bản cơ sở, chỉ số VN-Index được kỳ vọng sẽ tăng 15% vào cuối năm 2023, cao hơn một chút so với ước tính tăng trưởng lợi nhuận là 11,2% cho năm nay (vùng điểm mục tiêu của VN-Index là 1.160 vào cuối năm 2023). Mặc dù vậy, sẽ có những thời điểm trong năm chỉ số có thể vượt cao hơn so với ngưỡng mục tiêu nói trên. Với những động thái chủ động và quyết liệt của Chính phủ để đối phó với các thách thức vĩ mô, TTCK trong năm 2023 được kỳ vọng sẽ khả quan hơn nếu so sánh với năm 2022, nhưng còn quá sớm để trở nên quá lạc quan về khả năng bứt phá mạnh của thị trường. Các giả định chính liên quan đến thị trường bao gồm: (i) Về thị trường TPDN, rủi ro vỡ nợ vẫn tồn tại, đặc biệt đối với các tổ chức phát hành có quy mô nhỏ. (ii) Các tổ chức phát hành lớn trên thị trường TPDN có thể vẫn đứng vững trước rủi ro vỡ nợ nhưng vẫn cần được theo dõi chặt chẽ. (iii) Quá trình thanh lọc thị trường và xử lý các sai phạm vẫn tiếp diễn nhưng sẽ không ảnh hưởng quá mạnh mẽ đến thị trường như trong năm 2022.



## TTCK SẼ CÓ 3 CHỦ ĐỀ NỔI BẬT TRONG NĂM, BAO GỒM:

- **Đầu tư công:** Câu chuyện đẩy mạnh đầu tư công vẫn luôn là yếu tố xúc tác cho thị trường trong vài năm nay, tuy nhiên mức độ giải ngân thực tế là khá chậm so với kế hoạch. Bộ Tài chính đã công bố kế hoạch ngân sách cho đầu tư phát triển năm 2023 ở mức 726 nghìn tỷ VNĐ (khoảng 30,5 tỷ USD, cao hơn mức kế hoạch đã sửa đổi cho năm 2022 là 27,2 tỷ USD).
- **Trung Quốc mở cửa trở lại hoàn toàn:** Khách du lịch Trung Quốc chiếm 32% lưu lượng khách hàng không quốc tế đến Việt Nam trong năm 2019, trong khi Trung Quốc là điểm đến du lịch lớn nhất của người dân Việt Nam. Lượng khách từ Trung Quốc đến Việt Nam được kì vọng sẽ phục hồi dần dần từ Quý 2/2023. Lượng khách quốc tế vào năm 2024 có thể vượt mức của năm 2019, đánh dấu sự phục hồi hoàn toàn của ngành Hàng không Việt Nam.
- **Dòng vốn từ nhà đầu tư nước ngoài:** Xét về chu kỳ kinh tế, 2023 được nhìn nhận là một năm Việt Nam sẽ gặp nhiều thách thức và khó có thể đưa ra dự đoán, tuy nhiên đây cũng thường là thời điểm các dòng tiền lớn giải ngân vào TTCK. Các yếu tố khác hỗ trợ thị trường mang tính chất dài hạn như việc Trung Quốc nới lỏng chính sách với dịch Covid-19 kích hoạt dòng tiền chảy vào các quốc gia sẽ được hưởng lợi về xuất khẩu và du lịch hay việc các cơ quan quản lý đã bước đầu triển khai các biện pháp giúp Việt Nam có thể nâng hạng lên thị trường mới nổi. Do vậy, SSI đưa ra quan điểm tích cực về dòng vốn các quỹ đầu tư TTCK Việt Nam trong năm 2023.

**Thị trường được đánh giá sẽ biến động mạnh theo cả 2 chiều do thanh khoản dự kiến duy trì ở mức thấp** (giả định giá trị giao dịch bình quân của thị trường sẽ giảm 25% trong năm 2023). Với thanh khoản ở mức thấp, khi có dòng tiền lớn xuất hiện như dòng tiền từ khối ngoại, thị trường có thể đảo chiều nhanh chóng. Khối ngoại bắt đầu mua ròng mạnh kể từ tuần thứ 2 của tháng 11 năm 2022 và đây là động lực chính cho diễn biến tích cực của thị trường từ thời điểm đó cho đến nay. Tuy nhiên, có thể vẫn còn quá sớm để kết luận rằng TTCK Việt Nam có thể bứt phá mạnh trở lại trong cả năm nay trước khi suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu có tác động rõ rệt đến Việt Nam (và trước khi tất cả các thách thức vĩ mô dịu bớt). Các đợt hồi phục ngắn hạn của thị trường có thể sẽ dựa trên kỳ vọng về khả năng "hạ cánh mềm" của các nền kinh tế trên thế giới cũng như các rủi ro vĩ mô trong nước hạ nhiệt, trong khi định giá thị trường trở nên hấp dẫn hơn cho tầm nhìn dài hạn.









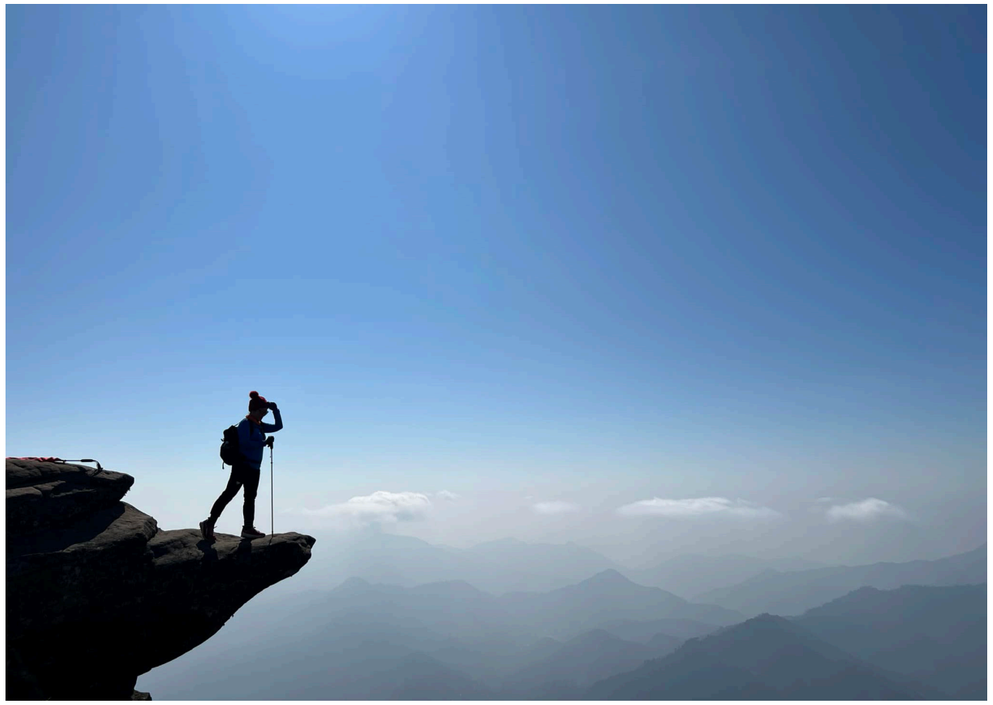
# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN

*Trung thành với sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", SSI đã không ngừng nỗ lực kết nối các đối tác, nhà đầu tư tới những cơ hội đầu tư trên TTCK, góp phần hình thành một kênh dẫn vốn trung và dài hạn hiệu quả cho nền kinh tế. Công ty đã luôn giữ vững mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam, dần vươn ra thị trường quốc tế; với nguyên tắc lấy sự thành công của khách hàng làm tôn chỉ kinh doanh để không chỉ hoạt động hiệu quả, có lãi, mà còn giúp nhà đầu tư tăng trưởng tài sản theo thời gian.*

Kiên định với mục tiêu và chiến lược hoạt động linh hoạt, nhạy bén theo từng giai đoạn và bối cảnh thị trường đã giúp SSI trụ vững qua nhiều thăng trầm của TTCK, tiếp tục khẳng định vị thế Công ty Chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Đi cùng với mỗi chiến lược phát triển 5 năm, luôn là một kế hoạch 3 năm hành động đã đưa SSI có những bước phát triển ấn tượng. Công ty xác định 3 yếu tố tạo nên thành công của một chiến lược phát triển bền vững chính là: chất lượng sản phẩm – dịch vụ, trình độ của nguồn nhân lực, và sự phát triển của hệ thống công nghệ.

SSI là Công ty Chứng khoán hiếm hoi trên thị trường có cơ cấu doanh thu đến từ nhiều mảng và có vị thế dẫn đầu tại các mảng kinh doanh này. Điều này khiến SSI có khả năng duy trì hiệu quả kinh doanh tốt, tăng trưởng bền vững ngay cả khi thị trường có biến động khó đoán định. Trong những năm tới, Công ty tiếp tục phân bổ nguồn lực để phát triển tốt các mảng kinh doanh này.

Chiến lược trung – dài hạn giai đoạn tiếp theo của từng mảng kinh doanh được đặt ra như sau:





## DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN, DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN VÀ DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN

### ĐÁP ỨNG TỐT NHU CẦU KHÁCH HÀNG HIỆN TẠI VÀ ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG MỚI

Khách hàng là trọng tâm trong việc hoạch định các chiến lược và chính sách. Trong xu thế phát triển của thị trường, Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân SSI đã thay đổi cách tiếp cận và phục vụ các phân khúc khách hàng một cách hoàn hảo hơn.

SSI đặt mục tiêu cần sớm quay trở lại vị trí dẫn đầu về thị phần môi giới chứng khoán KHCN trong thời gian sớm nhất bằng việc đẩy mạnh các chiến lược quảng bá đa dạng sản phẩm dịch vụ tới nhiều nhà đầu tư, kết nối lại các nhà đầu tư đang tạm dừng giao dịch để giúp nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội trên thị trường, mở rộng thêm nhiều đối tác liên kết để tăng số lượng khách hàng mở tài khoản và giao dịch tại SSI.

Về số lượng tài khoản mở mới, SSI đặt mục tiêu thị phần tài khoản mới duy trì ở mức tối thiểu 10% toàn thị trường, đảm bảo trong thời gian ngắn nhất đưa số lượng tổng tài khoản quản lý tại SSI đứng đầu trong các công ty chứng khoán, đặc biệt thêm nhiều các chương trình tiếp cận đối tượng dân số trẻ, bằng việc đẩy mạnh triển khai mở tài khoản và chia sẻ kiến thức tài chính với các nhóm sinh viên, người lao động, biến những khái niệm về đầu tư chứng khoán trở nên đơn giản, dễ hiểu và dễ tiếp cận. Việc này thể hiện thông qua chuỗi hoạt động chia sẻ kiến thức của SSI với nhà đầu tư như Bí mật đồng tiền, Café chứng, Gõ cửa tháng mới, v.v... cũng như các hoạt động hợp tác của SSI với các trường đại học trên cả nước.

### ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM PHÙ HỢP VỚI TỪNG PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG VÀ BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG

Các sản phẩm của SSI được thiết kế phù hợp với từng phân khúc khách hàng, phù hợp với điều kiện đầu tư, và khẩu vị rủi ro của từng khách hàng. Cùng với đó, các công cụ và tiện ích giao dịch trực tuyến ngày càng được cải thiện, gia tăng điểm chạm và nâng cao trải nghiệm của khách hàng trong mọi quá trình từ những bước đầu tiếp cận với nền tảng đầu tư của SSI cho đến định hướng, tích luỹ kiến thức và hỗ trợ khách hàng trên con đường đầu tư hiệu quả.

Bên cạnh đó, Dịch vụ Quản lý Tài sản SSI sẽ tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ sinh thái sản phẩm, hướng đến mục tiêu trở thành người đồng hành trên hành trình kiến tạo tài sản và tối ưu lợi ích đầu tư cho khách hàng.

### NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG CỦA ĐỘI NGŨ MÔI GIỚI

Quy mô thị trường ngày càng phát triển cùng với nhu cầu và hành vi của khách hàng được thay đổi liên tục và trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi chất lượng tư vấn và chăm sóc của đội ngũ môi giới ngày càng phải được nâng cao, ứng biến với những thay đổi để luôn đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đi kèm với đó là nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến quy trình nghiệp vụ, đảm bảo đem đến cho khách hàng trải nghiệm giao dịch tốt nhất. Bên cạnh đó, Công ty cần tiếp tục mở rộng quy mô nhân sự trẻ, tâm huyết để tận dụng cơ hội thị trường và phù hợp với xu thế phát triển, không chỉ cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư mà còn quản lý tài sản cho khách hàng.

### CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH PHÙ HỢP DÀNH CHO MÔI GIỚI VÀ KHÁCH HÀNG

Với xu thế phát triển của thị trường và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, chính sách thúc đẩy bán hàng và khuyến khích khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ trở nên cực kỳ quan trọng. Chính sách dành cho môi giới và khách hàng luôn được xem như là chất xúc tác quan trọng để thành công. Các chính sách này luôn được SSI chú trọng để cập nhật, điều chỉnh và thay đổi phù hợp nhằm hướng đến sự đồng thuận và lựa chọn SSI là nơi giao dịch của khách hàng.



# DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức SSI sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới dựa trên việc củng cố các hoạt động cốt lõi của Bộ phận bao gồm:

## CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG HIỆN TẠI

SSI chú trọng cung cấp dịch vụ đa dạng bao gồm báo cáo phân tích, giao dịch, gặp gỡ và tham quan doanh nghiệp (corporate access), cập nhật thị trường, ý tưởng đầu tư, v.v... đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng trong việc cập nhật thông tin và ra quyết định đầu tư. Bên cạnh đó Bộ phận Môi giới Khách hàng Tổ chức đảm bảo khả năng thực hiện lệnh tốt nhất cho khách hàng, đẩy mạnh bán các sản phẩm tự động, nâng cao chất lượng giao dịch và đặc biệt cung cấp nguồn giao dịch lô lớn (block trade) để mang lại giá trị giao dịch lớn, tăng tần suất giao dịch của khách hàng tại SSI và từ đó nâng cao thị phần.

## PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC MỚI

SSI định hướng hoạt động tiếp cận 2 nhóm khách hàng tiềm năng là nhóm các tổ chức đã đầu tư vào Việt Nam mà chưa có tài khoản giao dịch tại SSI và nhóm các quỹ đầu tư tiềm năng lớn chưa đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó các quỹ đầu tư lớn chuyên đầu tư vào thị trường cận biên và thị trường mới nổi đang quan tâm tới thị trường Việt Nam cũng sẽ được SSI hướng tới và đồng hành trong quá trình tìm hiểu thị trường, ra chiến lược đầu tư, lập danh mục đầu tư và thực hiện giải ngân đầu tư. Ngoài ra, bộ phận cũng tập trung mở rộng mạng lưới các đối tác của SSI trong việc phát triển khách hàng tổ chức tại từng khu vực địa lý, từ đó có thể tiếp cận được một lượng khách hàng lớn hơn và tận dụng được nguồn khách hàng của các đối tác.

## DỊCH VỤ QUAN HỆ DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ (CA – CORPORATE ACCESS)

SSI hướng tới việc khẳng định vị thế dẫn đầu về dịch vụ CA tại Việt Nam thông qua việc tổ chức hàng loạt các sự kiện kết nối đầu tư giữa các tổ chức đầu tư và doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, bao gồm các hội thảo đầu tư, gặp gỡ, tham quan doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty chủ động đưa ra các chuỗi gặp gỡ doanh nghiệp theo ngành, theo từng chủ đề đầu tư khác nhau mà thị trường đang quan tâm để có thể nhanh chóng cập nhật ý tưởng đầu tư và đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin của khách hàng.

## HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ



Với việc xác định hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư là một trong những dịch vụ cốt lõi mang lại lợi thế cạnh tranh, SSI tiếp tục đưa ra những sản phẩm phân tích tốt hơn và phù hợp hơn với nhu cầu của nhà đầu tư. Tận dụng nguồn lực và lợi thế sẵn có của Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI, DVCK Khách hàng Tổ chức sẽ phối hợp chặt chẽ với Trung tâm để cung cấp các sản phẩm phân tích chuyên sâu, tư vấn đầu tư cho khách hàng theo hướng nâng cao tính chủ động. Ngoài các báo cáo phân tích truyền thống, các dịch vụ như khuyến nghị chiến lược đầu tư (investment strategy pitch), báo cáo ngành/công ty (sector/company pitch), khuyến nghị mua – bán (buy/sell call) sẽ được thực hiện thường xuyên và chủ động hơn, qua đó nhanh chóng đưa thông tin tới khách hàng. Bên cạnh đó, Khối cũng hướng tới việc đa dạng hóa các kênh thông tin và liên lạc với khách hàng theo hướng hiệu quả và nhanh nhất thay vì sử dụng các kệnh liên lạc truyền thống như email.

Ngoài ra, việc phối hợp bán chéo giữa DVCK Khách hàng Tổ chức cùng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, Quản lý Quỹ sẽ được tập trung đẩy mạnh, từ đó đa dạng hóa các sản phẩm – dịch vụ cung cấp tới khách hàng và mang lại lợi thế cạnh tranh cho SSI.

## NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Để thực hiện tốt các định hướng như trên, DVCK Khách hàng Tổ chức cũng sẽ tập trung mở rộng đội ngũ nhân sự và nâng cao chất lượng nhân sự một cách toàn diện. Theo đó từng thành viên sẽ được chú trọng bồi dưỡng nâng cao khả năng bán hàng, kỹ năng chăm sóc khách hàng, phát triển mạng lưới khách hàng, hiểu biết về thị trường và doanh nghiệp v.v... để từ đó có thể mang lại hiệu quả công việc cao nhất. Việc bổ sung đội ngũ nhân sự và nâng cao trình độ về chuyên môn sẽ được thực hiện đồng thời, đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động của từng thành viên.





# DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư luôn có cơ hội phát triển trong tất cả các chu kỳ kinh tế với các giải pháp thu xếp và cấu trúc linh hoạt. Do vậy, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI luôn chủ động nắm bắt xu hướng dòng tiền, kết hợp với cấu trúc linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường để luôn duy trì hoạt động ổn định của Khối và giúp khơi thông dòng chảy của vốn. Bên cạnh đó, Việt Nam đang là sân chơi tài chính tiềm năng thu hút các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư lớn, cạnh tranh đến từ các Ngân hàng Đầu tư toàn cầu. Điều này không chỉ đặt ra thách thức mà còn khơi gợi cơ hội phát triển cũng như nỗ lực hoàn thiện về chuyên môn, nhân sự, sản phẩm của Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI.

Khối tiếp tục đặt mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư trên TTCK thông qua:

- Cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện tới khách hàng;
- Thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các Tổ chức Tài chính, Quỹ Đầu tư lớn trên thế giới;
- Chuyên môn hóa đội ngũ nhân sự.

# NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Khẳng định vị thế Công ty Chứng khoán có tiềm lực tài chính số 1 trên thị trường thông qua:

- Duy trì vị thế tài chính lớn nhất thị trường với Tổng tài sản tăng trưởng ổn định, bền vững hàng năm;
- Đảm bảo chất lượng quản lý nguồn vốn an toàn và hiệu quả;
- Cung cấp các sản phẩm tài chính cấu trúc linh hoạt, phù hợp nhu cầu đa dạng trên thị trường.

# ĐẦU TƯ

## ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

- Phân bổ tỷ trọng hợp lý của từng chiến lược đầu tư trong danh mục: giữa danh mục dài hạn và ngắn hạn; giữa danh mục tăng trưởng, giá trị và phòng thủ; giữa danh mục cổ phiếu niêm yết và IPO/OTC. Tỷ trọng của từng chiến lược đầu tư được thay đổi tùy từng thời kỳ phụ thuộc vào tình hình kinh tế vĩ mô cũng như nền tảng kinh doanh của từng nhóm ngành, doanh nghiệp;
- Đầu tư vào những công ty hoạt động trong những lĩnh vực, ngành nghề được hưởng lợi từ nền kinh tế cùng với định giá hợp lý và bộ máy quản trị công ty tốt.

## ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

- Xác định đầu tư linh hoạt, tập trung vào tạo lập thị trường giúp khách hàng có thể tiếp cận được các sản phẩm phái sinh (chứng quyền, quyền chọn, v.v...);
- Tập trung xây dựng các chiến thuật giao dịch định lượng và mua/bán tự động, tránh các yếu tố rủi ro phát sinh do chủ quan con người;
- Đẩy mạnh mảng phát hành, tạo lập thị trường chứng quyền; tham gia trở thành thành viên thành lập quỹ và nhà tạo lập thị trường cho các quỹ ETF trên thị trường.

# QUẢN LÝ QUỸ

Mục tiêu trung, dài hạn của SSIAM là quản lý hiệu quả nguồn vốn ủy thác của nhà đầu tư và tăng trưởng tổng tài sản quản lý một cách bền vững. Để đạt được điều đó, Công ty cần chú trọng nâng cao năng lực quản lý đầu tư, quản trị rủi ro và chất lượng dịch vụ khách hàng. SSIAM luôn hướng tới việc cung cấp các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư, đồng thời dẫn dắt nhà đầu tư tham gia những sản phẩm mới chưa được biết đến trên thị trường. Do đó, Công ty sẽ duy trì việc tiếp xúc nhà đầu tư để hiểu được nhu cầu, cũng như xu hướng đầu tư trong tương lai và học hỏi kinh nghiệm tại các thị trường lớn hơn để phát triển các dòng sản phẩm phù hợp.

Việc phát triển và đa dạng hóa các kênh phân phối vẫn là việc mà SSIAM phải chú trọng để sản phẩm tiếp cận được đến với rộng rãi các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các sản phẩm đầu tư và hệ thống báo cáo, quản trị dữ liệu; đồng thời tăng cường nhận diện thương hiệu, truyền thông rộng rãi hơn để góp phần nâng cao nhận thức đại chúng về các sản phẩm đầu tư.





# KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2023

Tiềm năng của TTCK Việt Nam còn rất nhiều tuy nhiên trong năm 2023 sẽ có nhiều biến động do những lo lắng về trái phiếu Bất động sản, tình hình lạm phát, biến động tỷ giá, và những bất ổn đến từ bên ngoài.

Trong bối cảnh thị trường sẽ còn có nhiều biến động, lãi suất tiền gửi mặc dù đã giảm nhưng vẫn cao, và sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng khốc liệt, SSI dự kiến năm 2023 sẽ là một năm thách thức cho Công ty cũng như cho ngành Chứng khoán. Với tiêu chí khách hàng là trọng tâm, Công ty sẽ tiếp tục chú trọng tới sản phẩm, dịch vụ và công nghệ để gia tăng trải nghiệm của khách hàng tại SSI. Các sản phẩm SSI đưa ra, ngoài việc sẽ phù hợp với từng khẩu vị rủi ro của khách hàng, mà còn là những sản phẩm khác biệt và giúp cho khách hàng có thể có được lợi nhuận vượt trội. Với sản phẩm ưu việt, dịch vụ nổi bật, và công nghệ cải tiến, Công ty kỳ vọng mỗi khách hàng tới SSI sẽ sử dụng từ 2 – 3 dịch vụ của SSI. Như vậy sẽ xây dựng được một mối quan hệ khách hàng dài lâu cùng lúc nâng cao tổng tài sản quản lý ở Công ty.






Kế hoạch hành động 2023 đối với từng mảng kinh doanh được trình bày như dưới đây.

## DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN, DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN VÀ DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN

### TRIỂN KHAI CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ PHÙ HỢP VỚI NHU CẦU KHÁCH HÀNG

Về lộ trình tiếp cận, SSI tập trung thực hiện phân tích khách hàng dựa trên nhu cầu đầu tư, đặc tính đầu tư, tổng tài sản, nhân khẩu học, v.v… từ đó xây dựng, cung cấp đúng sản phẩm và kênh giao dịch cho từng phân khúc khách hàng. Kết hợp với Dịch vụ Quản lý tài sản, SSI sẽ mang lại cho khách hàng không chỉ các sản phẩm đầu tư riêng lẻ, mà còn tư vấn và hoạch định lộ trình đầu tư phù hợp, hướng tới việc củng cố kiến thức đầu tư và gia tăng bền vững giá trị tài sản cho khách hàng.

Về sản phẩm cung cấp, bên cạnh việc tìm kiếm cơ hội từ thị trường cơ sở, SSI cũng tập trung mở rộng tập khách hàng sang các kênh sản phẩm khác như thị trường phái sinh, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ quỹ mở, v.v… để cung cấp giải pháp về tài chính cho khách hàng theo từng thời điểm và đa dạng hóa doanh thu cho Công ty. Với việc xác định hoạt động phân tích và đầu tư là một trong những dịch vụ cốt lõi mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng, SSI sẽ tiếp tục phân phối những báo cáo phân tích truyền thống về ngành và công ty, cộng thêm các dịch vụ khuyến nghị chiến lược đầu tư tới khách hàng thông qua các kênh tương tác chủ động. Đồng thời, các chương trình ưu đãi về lãi suất, phí giao dịch cũng được chú trọng đẩy mạnh nhằm giúp khách hàng tối ưu hiệu suất đầu tư và gia tăng lợi nhuận. Với tiềm lực nguồn vốn dồi dào, SSI luôn duy trì số dư cho vay ký quỹ đứng đầu thị trường và có thể đáp ứng được nhu cầu của khách hàng tại mọi thời điểm. Các sản phẩm cho vay ký quỹ được đa dạng hóa theo gói dịch vụ, thang lãi suất và nhóm đối tượng khách hàng. Qua đó, khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận được với nguồn vốn dồi dào cùng chi phí hợp lý.

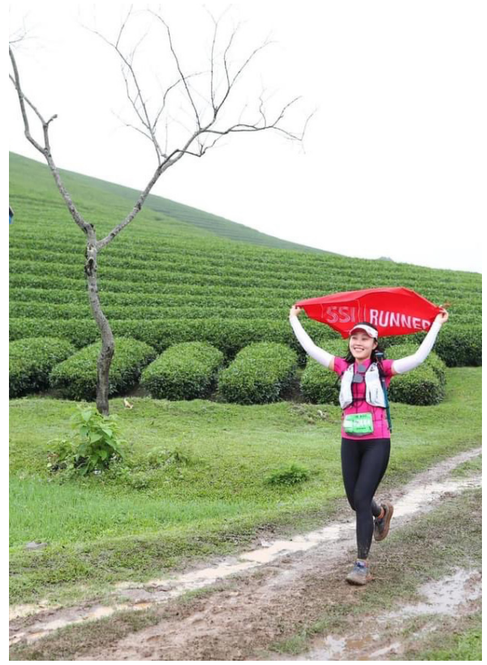
Các chương trình nhằm gắn kết và tri ân khách hàng cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong thời gian tới. Đầu năm 2023, SSI đã chính thức triển khai chương trình "Gắn kết dài lâu" để tạo ra một kênh chăm sóc, tri ân dành cho khách hàng khi tham gia giao dịch tại SSI. Với mỗi một triệu giá trị giao dịch trên TTCK cơ sở, khách hàng sẽ đổi được 01 điểm. Số điểm tích lũy khi giao dịch tại SSI sẽ quy đổi thành nhiều phần quà giá trị và hấp dẫn như hoàn phí giao dịch, e-voucher chi tiêu tại các trung tâm thương mại, siêu thị, vé xem phim, v.v… Khách hàng chủ động theo dõi số điểm và đổi quà tiện ích và nhanh chóng trên hệ thống giao dịch trực tuyến tại SSI. Ngoài ra, khách hàng có thể tham gia vào các chương trình được tổ chức liên tục như hoàn tiền may mắn khi giao dịch, ưu đãi phí cơ sở, ký quỹ, v.v… vào các ngày/giờ đặc biệt.

### KIỆN TOÀN BỘ MÁY NHẰM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TƯ VẤN VÀ TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

Nhận định TTCK Việt Nam bước sang năm 2023 với các triển vọng tăng trưởng cùng các yếu tố tiêu cực đan xen, DVCK Khách hàng Cá nhân tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự theo mô hình hình hiện đại và tinh gọn, nhằm bắt kịp xu thế vận hành của thị trường. Khối cũng dựng sẵn các kịch bản và truyền thông tới các cấp nhân viên để có thể nhanh chóng và linh hoạt nhất ứng phó với tình hình thị trường cũng như tư vấn nhà đầu tư các thời điểm giao dịch phù hợp.

SSI cũng tiếp tục cải tiến và xây dựng các kênh tương tác với khách hàng theo tiêu chí cá nhân hoá, hiệu quả và tiết kiệm. Công ty cũng đẩy mạnh các chương trình liên kết với đối tác để hợp tác trao đổi, đảm bảo hai bên cùng có lợi và chăm sóc khách hàng hiệu quả. Đồng thời gia tăng các điểm chạm và nâng cao trải nghiệm khách hàng, phân phối các kiến thức, báo cáo, khuyến nghị đầu tư một cách nhanh chóng, góp phần cung cấp thông tin cho khách hàng để ra quyết định giao dịch hiệu quả. Các quy trình nội bộ cũng được cải tiến liên tục nhằm tăng hiệu suất làm việc của nhân viên.

Ngoài ra, SSI sẽ dành nguồn lực để đầu tư, nâng cấp hạ tầng, năng lực xử lý của các hệ thống trực tuyến, cải tiến các tính năng phục vụ việc giao dịch của nhà đầu tư, đảm bảo sự nhanh chóng, chính xác và thuận lợi khi khách hàng giao dịch, qua đó nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại SSI.





## DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức SSI theo đuổi kế hoạch hoạt động với những trọng tâm chính trong năm 2023 như sau:

### PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC:

- Chú trọng phát triển mạng lưới khách hàng tại thị trường Mỹ thông qua việc hợp tác với các đối tác tại thị trường này. Phối hợp với đối tác chăm sóc hiệu quả các tổ chức đầu tư lớn tại Mỹ;
- Tìm kiếm đối tác để phát triển khách hàng tổ chức tại Châu u;
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới các đối tác của SSI, làm việc chặt chẽ hơn với các môi giới quốc tế để tiến tới hợp tác;
- Quyết liệt tiếp cận các tổ chức chưa có tài khoản tại SSI, cung cấp các dịch vụ phù hợp để tiến tới mở tài khoản;
- Tiếp cận mới các quỹ đầu tư toàn cầu và các quỹ đầu tư chuyên vào thị trường mới nổi đang quan tâm tới Việt Nam;
- Cải thiện mối quan hệ với các tổ chức khách hàng hiện tại của SSI;
- Nâng cao chất lượng của hệ thống sản phẩm/dịch vụ hiện tại để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng;
- Mở rộng đội ngũ nhân sự để có đủ khả năng bao phủ hết số lượng khách hàng hiện tại và tiềm năng của SSI. Nâng cao trình độ của từng thành viên thông qua việc đào tạo và phát triển nội bộ.

### GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC:

- Nghiên cứu và triển khai hiệu quả hơn nữa các sản phẩm giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về số lượng lệnh khi mạng lưới khách hàng phát triển, đặc biệt là các khách hàng ETFs, giao dịch theo rổ chỉ số;
- Tìm hiểu và phối hợp với các bộ phận có liên quan để hoàn thiện về mặt hệ thống, quản trị, sản phẩm để đón đầu giao dịch trong ngày.

### DỊCH VỤ QUAN HỆ DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ (CORPORATE ACCESS – CA):

- Thực hiện thành công lịch CA trong năm 2023 bao gồm 3-4 hội thảo đầu tư, 6-8 chuyến tham quan ngành và hơn 500 cuộc gặp gỡ doanh nghiệp theo yêu cầu của khách hàng;
- Nâng cao quan hệ với các công ty lớn, đặc biệt là các công ty mới niêm yết hoặc chuyển sàn;
- Dẫn đầu thị trường trong việc chủ động thực hiện các hoạt động CA với các doanh nghiệp nổi bật trong năm, đặc biệt là các doanh nghiệp có tiềm năng và khách hàng quan tâm.



## DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Bước sang năm 2023, mặc dù nền kinh tế và thị trường tài chính được dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng cũng sẽ mở ra cơ hội thu xếp vốn với các công cụ huy động vốn linh hoạt từ cổ phần, trái phiếu chuyển đổi, cổ phần ưu đãi, khoản vay, v.v... phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp và nhà đầu tư. SSI kỳ vọng Việt Nam vẫn tiếp tục là một môi trường đầu tư hấp dẫn thu hút dòng vốn ngoại trên thế giới, song song với lực hút từ lượng vốn đầu tư toàn cầu đổ vào qua các dự án FDI, hoạt động M&A vẫn tiếp tục được kỳ vọng duy trì ổn định.

Các giao dịch thu xếp vốn cổ phần tư nhân cũng như phát hành riêng lẻ, huy động công cụ nợ của các doanh nghiệp niêm yết vẫn là trọng tâm thực hiện trong năm 2023, song song với việc chuẩn bị cho việc triển khai các thương vụ IPO và các giải pháp huy động vốn kịp thời như giao dịch pre-IPO, cấu trúc nợv.v... được thực hiện linh hoạt đáp ứng nhu cầu các khách hàng doanh nghiệp.

### ĐỐI VỚI MẢNG THỊ TRƯỜNG NỢ

- Việc huy động vốn qua các công cụ nợ được dự báo sẽ có sự suy giảm đáng kể sau các biện pháp của Cơ quan Quản lý Nhà nước. Tuy nhiên, các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ổn định và dòng tiền bền vững vẫn sẽ chiếm ưu thế khi huy động vốn qua kênh này, điển hình là nhóm Năng lượng, Cảng biển và Hậu cần, Xây dựng cơ bản, v.v...

### ĐỐI VỚI MẢNG THỊ TRƯỜNG VỐN

- Hoạt động thu xếp vốn thông qua hình thức vốn cổ phần và công cụ chuyển đổi dự báo diễn ra mạnh mẽ trên diện rộng ở nhiều ngành nghề kinh doanh trong bối cảnh chi phí vốn vẫn còn neo ở mức cao và nhu cầu về cấu trúc phù hợp với kỳ vọng về giá giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư. Với mạng lưới các khách hàng doanh nghiệp rộng rãi, SSI đặt mục tiêu cung cấp đa dạng các sản phẩm tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tài chính, năng lực tiếp cận thị trường vốn, tối ưu hóa cấu trúc vốn, giúp doanh nghiệp huy động đủ nguồn lực cho mục tiêu duy trì và phát triển trong giai đoạn mới, cụ thể là chủ động kết hợp các cơ hội bán chéo các sản phẩm tài chính giữa các mảng kinh doanh của SSI.
- Các hoạt động, sự kiện trao đổi với nhà đầu tư được tổ chức đồng bộ, thường xuyên phối hợp cùng các bộ phận khác để cập nhật kịp thời xu hướng dòng vốn quốc tế và nhu cầu nhà đầu tư để triển khai các giao dịch phù hợp.



## DỊCH VỤ NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Khối Nguồn vốn sẽ đánh giá lại các cơ hội đầu tư mới trên thị trường trên cơ sở các chiến lược mới:

- Tích cực tìm kiếm để mở rộng, đa dạng danh mục đầu tư vào các giấy tờ có giá có chất lượng tín dụng và lãi suất và thanh khoản cao, đặc biệt các mã phát hành trong thời điểm nửa đầu năm nhằm thu về lợi nhuận cho Công ty trong bối cảnh lạm phát và lãi suất đầu vào đang có xu hướng chững lại và có thể giảm từ giữa năm;
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ với các định chế tài chính trong nước bao gồm nhóm Ngân hàng, Công ty Tài chính, Bảo hiểm, v.v... nhằm duy trì nguồn vốn ổn định và linh hoạt, thúc đẩy và mở rộng cơ hội kinh doanh mới đồng thời duy trì các mối quan hệ hiện tại;
- Tăng trưởng tổng tài sản tài chính thông qua các giao dịch mua bán cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp với các đối tác quen thuộc và đánh giá các cơ hội giao dịch mới trên thị trường;
- Chủ động nâng cấp và phát triển dòng sản phẩm tài chính cá nhân S-Products gắn liền với thương hiệu SSI nhằm cung cấp thêm sản phẩm mới cho đối tượng khách hàng truyền thống của Khối Dịch vụ Chứng khoán, mở rộng tệp khách hàng mới có nhu cầu đầu tư vào các sản phẩm tài chính có lãi suất cố định;
- Phát triển thêm nhiều quyền lợi và tiện ích đi kèm nhằm làm tốt hơn nữa trải nghiệm khách hàng khi sử dụng sản phẩm tài chính cá nhân S-Products; đồng thời gia tăng tính linh hoạt, tạo ra lợi thế và ưu điểm vượt trội để thu hút thêm nhiều khách hàng sử dụng sản phẩm;
- Kiện toàn và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng các yêu cầu về kinh doanh mới trên thị trường.





## ĐẦU TƯ

Thị trường năm 2023 được dự đoán là một năm có nhiều biến động. Một mặt, kinh tế thế giới sẽ đối mặt với rủi ro suy thoái. Mặt khác, Việt Nam tiếp tục đối mặt với các thách thức do suy giảm sức cầu, tăng trưởng xuất khẩu thấp, môi trường lãi suất cao cũng như các rủi ro liên quan đến các điểm nghẽn trong vấn đề huy động vốn và trái phiếu doanh nghiệp. Ngoài ra, các căng thẳng địa chính trị cũng có thể gây áp lực điều chỉnh lên TTCK toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng.

Trong bối cảnh đó, Khối Đầu tư sẽ tập trung vào các ngành được hưởng lợi trong năm 2023 như từ đầu tư công, dòng vốn FDI giải ngân và từ việc Trung Quốc mở cửa. Khối tiếp tục lựa chọn các doanh nghiệp tiêu biểu trong ngành có định giá hợp lý, tình hình quản trị tốt và tiềm năng tăng trưởng cao. Bên cạnh đó, Khối sẽ tập trung phòng hộ rủi ro thông qua các công cụ phái sinh nhằm hạn chế các biến động lớn trên thị trường. Khối đã, đang và sẽ tiếp tục nghiên cứu các chiến lược giao dịch định lượng nhằm thu lợi nhuận  bền vững và kết hợp với công nghệ để có thể thực hiện giao dịch chiến thuật một cách tối ưu nhất.

Khối Đầu tư sẽ tích cực kết hợp với các Khối và Bộ phận khác trong Công ty như Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư cũng như Khối Dịch vụ Chứng khoán để tìm kiếm các cơ hội mới nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, xây dựng đa dạng sản phẩm hơn nữa cho SSI nhằm giúp nhà đầu tư có thể tiếp cận thị trường tối ưu và an toàn.

## QUẢN LÝ QUỸ

Định hướng hoạt động trong năm 2023 của SSIAM sẽ tập trung vào ba mảng công việc chính, bao gồm:

- SSIAM sẽ tiếp tục nghiên cứu nhằm tối ưu hóa những sản phẩm hiện hữu cũng như phát triển những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, thích ứng với những thay đổi của thị trường, chính sách. Với thắng lợi của Quỹ Hưu Trí Tự Nguyện trong giai đoạn cuối năm 2022, SSIAM sẽ tiếp tục hướng đến phổ cập sản phẩm này cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước cũng như tư nhân;
- Việc huy động vốn sẽ được đẩy mạnh hơn nữa đến các thị trường lân cận đã có sự đầu tư nhất định vào thị trường Việt Nam như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan, v.v...
- Hoạt động hợp tác, phân phối trong nước thông qua các đại lý, đối tác cũng tiếp tục được chú trọng thông qua công tác đào tạo lực lượng bán hàng, tổ chức tài trợ sự kiện cập nhật thị trường và chia sẻ kinh nghiệm về sản phẩm đầu tư.

Trong suốt chặng đường phát triển, SSIAM luôn hướng tới tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công". Thành công của SSIAM cũng chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng.



# 04 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP


BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 98

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 108

QUẢN TRỊ RỦI RO 110

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ 136

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI SSI 139

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## THÔNG TIN CHUNG

Năm 2022 Hội đồng Quản trị (HĐQT) SSI có 06 thành viên, trong đó có hai thành viên độc lập là ông Ngô Văn Điểm (hết nhiệm kỳ Thành viên HĐQT kể từ ngày 07/05/2022), ông Nguyễn Quốc Cường (Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 07/05/2022) và ông Phạm Viết Muôn. Cơ cấu HĐQT hiện tại là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, có kiến thức và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như chức trách, nhiệm vụ của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập HĐQT và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.



Danh sách chi tiết các thành viên HĐQT cùng tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

| STT | Thành viên | Chức danh | Năm sinh | Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2022 (*)(**) | | Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2022 (*)(***) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ |
| 1 | Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT<br>Người đại diện theo pháp luật | 1962 | 6.284.700 | 0,638% | 10.177.050 | 0,68% |
| 2 | Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT kiêm | 1967 | 2.792.999 | 0,284% | 5.239.498 | 0,35% |
| 3 | Ngô Văn Điểm | Thành viên HĐQT<br>Trưởng Ủy ban Kiểm toán<br>*Thành viên độc lập*<br>*Thành viên không điều hành*<br>*(Không còn là Thành viên HĐQT kể từ ngày 07/05/2022)* | 1951 | 115.700 | 0,012% | 218.550 | 0,015% |
| 4 | Nguyễn Quốc Cường | Thành viên HĐQT<br>Thành viên Ủy ban Kiểm toán<br>*Thành viên độc lập*<br>*Thành viên không điều hành*<br>*(Trở thành Thành viên HĐQT kể từ ngày 07/05/2022)* | 1959 | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 5 | Phạm Viết Muôn | Thành viên HĐQT<br>Trưởng Ủy ban Kiểm toán<br>*Thành viên độc lập*<br>*Thành viên không điều hành*<br>*(Trở thành Trưởng Ủy ban Kiểm toán kể từ ngày 18/7/2022)* | 1954 | 145.199 | 0,015% | 292.798 | 0,02% |
| 6 | Nguyễn Duy Khánh | Thành viên HĐQT<br>*Thành viên không điều hành* | 1991 | 1.865.999 | 0,189% | 3.098.998 | 0,21% |
| 7 | Hironori Oka | Thành viên HĐQT<br>*Thành viên không điều hành* | 1963 | 0 | 0% | 0 | 0% |

*(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông*
*(**) Tỷ lệ trên 100% vốn điều lệ thực góp 984.750.022 cổ phiếu*
*(***) Tỷ lệ trên 100% vốn điều lệ thực góp: 1.491.130.137 cổ phiếu*

Một số các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã hoàn thành các khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Các thành viên mới được bầu sẽ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số chứng chỉ QTCT | Ngày cấp |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT | 36 QTCT 21/QĐ-TTNC | 12/11/2009 |
| 2 | Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc | 22 QTCT 122/QĐ-TTNC | 29/01/2010 |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh Hà | Giám đốc Tài chính | 38 QTCT 21/QĐ-TTNC | 12/11/2009 |
| 4 | Nguyễn Kim Long | Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư kí Công ty | 31 QTCT 96/QĐ-TTNC | 30/06/2009 |
| 5 | Hoàng Thị Minh Thủy | Kế toán trưởng | 61 QTCT 96/QĐ-TTNC | 30/06/2009 |

Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty cũng hoàn tất Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị lần thứ 3 (DCP3) do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam tổ chức tháng 08/2019.

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT thực hiện vai trò lãnh đạo, định hướng, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT triển khai hoạt động thông qua việc ban hành Nghị quyết và chỉ đạo Ban Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết.

Bên cạnh đó, HĐQT đã có những nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty, tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ quản trị tốt được khuyến nghị bởi các tổ chức quốc tế và cơ quan quản lý.

Cụ thể:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi thành viên HĐQT, giữa thành viên độc lập HĐQT và thành viên HĐQT điều hành để bảo đảm lợi ích theo pháp luật cho các cổ đông;
- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo lợi ích cho khách hàng, cổ đông và quyền lợi của người lao động; tôn trọng đối tác, chung tay xây dựng cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh, từ đó đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty;
- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết của Công ty; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới;
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Lãnh đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Lãnh đạo, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Năm 2022, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp, thông qua 22 Nghị quyết để triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp được tổ chức bằng hình thức trực tuyến và/hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trong đó, 100% các thành viên tham dự đủ 10/10 cuộc họp.





Chi tiết về các Nghị quyết đã được thông qua như sau:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | 01/2022/NQ-HĐQT | 19/01/2022 | Thông qua chi tiết phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu |
| 2 | 02/2022/NQ-HĐQT | 14/02/2022 | Thông qua thực hiện dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán |
| 3 | 03/2022/NQ-HĐQT | 22/02/2022 | Thông qua miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng đối với ông Lê Công Hiệp |
| 4 | 04/2022/NQ-HĐQT | 22/02/2022 | Thông qua bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng đối với ông Tạ Mạnh Tùng |
| 5 | 05/2022/NQ-HĐQT | 22/02/2022 | Thông qua thay đổi địa điểm đặt Chi nhánh Mỹ Đình |
| 6 | 06/2022/NQ-HĐQT | 22/02/2022 | Thông qua thay đổi địa điểm đặt Phòng giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh |
| 7 | 07/2022/NQ-HĐQT | 22/02/2022 | Thông qua thay đổi địa điểm đặt Phòng giao dịch Vạn Phúc |
| 8 | 08/2022/NQ-HĐQT | 22/02/2022 | Thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán |
| 9 | 09/2022/NQ-HĐQT | 10/03/2022 | Thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 |
| 10 | 10/2022/NQ-HĐQT | 13/04/2022 | Thông qua Kế hoạch kinh doanh và Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 |
| 11 | 12/2022/NQ-HĐQT | 09/06/2022 | Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức và thực hiện quyền mua cổ phiếu |
| 12 | 13/2022/NQ-HĐQT | 18/07/2022 | Thông qua sửa đổi nội dung Nghị quyết về Chào bán chứng quyền có bảo đảm |
| 13 | 14/2022/NQ-HĐQT | 18/07/2022 | Thông qua bổ nhiệm Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Trưởng Ủy ban Kiểm toán |
| 14 | 15/2022/NQ-HĐQT | 18/07/2022 | Thông qua cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 26/GPĐC-UBCK về việc thay đổi vốn điều lệ |
| 15 | 16/2022/NQ-HĐQT | 08/08/2022 | Thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ |
| 16 | 17/2022/NQ-HĐQT | 08/08/2022 | Thành lập mới hai Khối Kinh doanh, thay đổi địa chỉ Phòng giao dịch Times City và các giao dịch với các bên liên quan |
| 17 | 18/2022/NQ-HĐQT | 03/11/2022 | Thông qua việc cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Vốn điều lệ mới |
| 18 | 19/2022/NQ-HĐQT | 03/11/2022 | Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm năm 2023 |
| 19 | 20/2022/NQ-HĐQT | 19/12/2022 | Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2022 của ĐHĐCĐ |
| 20 | 21/2022/NQ-HĐQT | 19/12/2022 | Thông qua quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động |
| 21 | 22/2022/NQ-HĐQT | 19/12/2022 | Thông qua tiêu chí phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động |
| 22 | 23/2022/NQ-HĐQT | 19/12/2022 | Thông qua danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động |

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2022 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua;
- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2022 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua;
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;
- Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2021, soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 tại ngày 30/06/2022;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị và kiểm soát rủi ro;
- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tại các mảng nghiệp vụ trọng yếu, phù hợp với định hướng, chiến lược kinh doanh của Công ty;
- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ;
- Tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các sản phẩm kinh doanh mới của Công ty và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Rà soát hệ thống, bảo đảm an toàn, chủ động phòng rủi ro;
- Thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2021 cho cổ đông;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.

## HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã thành lập Ủy ban Kiểm toán, Tiểu ban Chiến lược Phát triển trực thuộc HĐQT.

Tiểu ban Chiến lược Phát triển có chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh từng thời kỳ, giám sát triển khai, quản trị các dự án nhằm đảm bảo Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động của Công ty.

Ủy ban Kiểm toán có chức năng kiểm tra, đánh giá độc lập hoạt động của Công ty. Chi tiết hoạt động của Ủy ban Kiểm toán được trình bày dưới đây.





### Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Tháng 06 năm 2020, Công ty đã thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình hoạt động có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT, và không còn Ban Kiểm soát. Đến nay, hoạt động của Ủy ban Kiểm toán cũng như các Thành viên đã cơ bản đi vào nề nếp. Thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm 02 thành viên HĐQT độc lập, chi tiết như sau:

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Ông Ngô Văn Điểm | Trưởng ban | Ngày bắt đầu: 09/10/2020<br>Ngày không còn là thành viên UBKT: 18/07/2022 | Tiến sĩ kinh tế, Cử nhân chính trị |
| 2. | Ông Phạm Viết Muôn | Trưởng ban | Ngày bắt đầu là thành viên UBKT: 09/10/2020<br>Ngày bắt đầu là Trưởng ban UBKT: 18/07/2022 | Tiến sĩ kinh tế |
| 3. | Ông Nguyễn Quốc Cường | Thành viên | Ngày bắt đầu là thành viên UBKT: 18/07/2022 | Thạc sĩ Quan hệ quốc tế |

Năm 2022, Ủy ban Kiểm toán đã tiến hành 02 cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp của các thành viên là 100%.

### Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Tổng giám đốc;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong kỳ;
- Giám sát hoạt động của HĐQT và điều hành của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động kinh doanh;
- Thẩm tra báo cáo tài chính riêng và hợp nhất trong kỳ của Công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ thông qua việc rà soát các báo cáo của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ (KTNB), Kiểm soát Nội bộ (KSNB) và Quản trị rủi ro (QTRR);
- Thẩm định kế hoạch thành lập mới hai Khối Kinh doanh là Khối Dịch vụ Quản lý Tài sản và Khối Dịch vụ Trực tuyến;
- Giám sát việc hoàn thiện các loại giấy phép phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty

### Hoạt động giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Hoạt động của Công ty trong năm 2022 cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, công ty niêm yết tại HOSE. Những người nội bộ và người có liên quan thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin trước và sau khi giao dịch cổ phiếu SSI. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được triển khai thi hành đầy đủ.

### Định hướng hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong năm 2023

Trong năm 2023, Ủy ban Kiểm toán sẽ tập trung vào những công việc sau:

- Tiếp tục phối hợp với kiểm toán độc lập rà soát phạm vi và nội dung công việc của kiểm toán độc lập, tiếp nhận và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán;
- Lên kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính và việc tuân thủ pháp luật của Công ty trong năm;
- Thẩm tra các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của năm 2023.




## HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty cũng như theo quy định hiện hành của Pháp luật, cụ thể là:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT;
- Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của HĐQT;
- Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của HĐQT;
- Thường xuyên gặp gỡ Tổng giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa HĐQT với Tổng giám đốc;
- Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên HĐQT với Chủ tịch HĐQT;
- Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
- Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập HĐQT hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong HĐQT;
- Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và HĐQT theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế. Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro;

## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên độc lập HĐQT được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng giám đốc và Bộ phận QTRR và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động QTRR của toàn Công ty;
- Tham gia quản lý, điều hành các hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, các tiểu ban trực thuộc HĐQT và báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên về các mặt hoạt động, bao gồm đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và QTRR;
- Thẩm định kế hoạch thành lập mới hai Khối Kinh doanh là Khối Dịch vụ Quản lý Tài sản và Khối Dịch vụ Trực tuyến.

Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng giám đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng có nhiều biến động khó lường. Cuộc chiến Nga – Ukraine dẫn đến nhiều hệ lụy chi phối nền kinh tế trên toàn thế giới bao gồm việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và sự tăng vọt của giá cả hàng hóa đầu vào. Bất chấp thách thức đó, kinh tế Việt Nam có sự phục hồi rõ rệt sau ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. Tăng trưởng GDP trong cả năm 2022 đạt 8,02% so với cùng kỳ, đánh dấu mức tăng trưởng nhanh nhất kể từ năm 1997 và giúp Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực Châu Á. Việt Nam cũng duy trì được năng lực sản xuất, chế biến chế tạo trong năm 2022, thể hiện ở việc tăng trưởng xuất khẩu ở mức khá (10%), xuất siêu ở mức cao (12 tỷ USD) và ngành Chế biến chế tạo là động lực chính của tăng trưởng GDP. Lạm phát cũng là một điểm sáng trong công tác điều hành của Chính phủ, khi chỉ ghi nhận mức CPI tổng thể tăng trung bình 3,15% trong năm 2022 – thấp hơn nhiều so với mức mục tiêu 4%, cũng như so với các quốc gia khác trong khu vực.

Tuy nhiên, trong năm 2022, TTCK Việt Nam cũng như nhiều thị trường khác rơi vào vòng xoáy giảm giá nhanh và mạnh. Trải qua một năm đầy biến động, chỉ số VN-Index đã giảm 32,8% so với cuối năm 2021. Nhiều biến cố phát sinh ở trong nước và nước ngoài ảnh hưởng tiêu cực đến TTCK nói chung và giao dịch của nhà đầu tư nói riêng, có thể kể đến như cuộc chiến Nga – Ukraine, chính sách Không Covid của Trung Quốc khiến chuỗi cung ứng bị đứt gãy, tăng lãi suất nhằm kiềm chế lạm phát từ Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) hay các sai phạm của các cá nhân, doanh nghiệp trong nước, rủi ro liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp, v.v...

Những biến động trên đã tác động và ảnh hưởng bất lợi đến tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và của SSI nói riêng. Kết thúc năm 2022, Công ty ghi nhận Doanh thu thuần đạt gần 6.517 tỷ VNĐ, Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt xấp xỉ 2.110 tỷ VNĐ. Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản của SSI đạt hơn 52.226 tỷ VNĐ, trong đó vốn chủ sở hữu đạt hơn 22.384 tỷ VNĐ. Trong năm 2022, quy mô vốn điều lệ của SSI cũng tăng từ 9.847 tỷ VNĐ lên đến 14.911 tỷ VNĐ sau khi hoàn thành kế hoạch chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ chào bán 2:1 và phát hành 10 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Kết quả kinh doanh nói trên đã phản ánh những nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên Công ty trong năm 2022 khi vừa phải đối mặt với những khó khăn vĩ mô vừa phải tìm các giải pháp tận dụng các thuận lợi và thế mạnh của mình trong tình hình thị trường với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Một số nhóm hoạt động đã được thực hiện có thể kể đến bao gồm:

- Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến, bao gồm từ cung cấp thông tin thị trường, mở tài khoản giao dịch, chuyển tiền điện tử, tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch, thanh toán sau giao dịch;
- Cung cấp các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng giao dịch điện tử và nhu cầu của các nhà đầu tư mới tham gia thị trường;
- Gia tăng quy mô vốn qua việc huy động tăng nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay nhằm bảo đảm an toàn tài chính và bắt kịp với sự gia tăng quy mô thị trường, đáp ứng nhu cầu vốn của nhà đầu tư;
- Hạn chế rủi ro, quản lý chặt chẽ giao dịch ký quỹ;
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược hoạt động an toàn, phòng ngừa rủi ro từ xa.



## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tuy kết quả kinh doanh năm 2022 không đạt được theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên đặt ra, Công ty cũng đã tăng đáng kể quy mô vốn hoạt động và không để xảy ra tổn thất về tài chính trong tình hình thị trường có nhiều biến động xấu. HĐQT đánh giá cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa rủi ro của Ban Tổng giám đốc năm vừa qua cũng như hiệu quả chuyển đổi các quy trình hoạt động từ trực tiếp sang môi trường Internet, tạo tiền đề cho chuyển đổi số và gia tăng các trải nghiệm của khách hàng với các sản phẩm mới trong năm 2023. Công ty đã tận dụng thế mạnh công nghệ cũng như các quy trình nghiệp vụ đã được thiết kế mới thích ứng với nhu cầu làm việc trực tuyến từ sau dịch Covid-19 để thay đổi môi trường làm việc mà không làm ảnh hưởng đến năng suất lao động và vẫn đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Các kênh báo cáo, quản trị, giám sát cũng được chuyển sang thực hiện online để đảm bảo yêu cầu quản trị. Công ty đã thành lập mới hai Khối Kinh doanh là Khối Dịch vụ Quản lý Tài sản và Khối Dịch vụ Trực tuyến nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu giao dịch của khách hàng về quản lý tài sản, cũng như hướng đến phục vụ các đối tượng khách hàng mới có nhu cầu chuyên biệt bên cạnh nhóm khách hàng truyền thống hiện đang là thế mạnh của Công ty.

Ban Tổng giám đốc cũng thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT về các vấn đề phát sinh, thực hiện tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

## ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2023

HĐQT Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2023 và xác định một số định hướng cho hoạt động của Công ty như sau:

2023

1 Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số để đổi mới mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn, hướng đến các tập khách hàng có nhu cầu chuyên biệt;

2 Tận dụng thế mạnh về quy mô vốn để cung cấp các sản phẩm độc đáo cho khách hàng;

3 Rà soát cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực phù hợp với mô hình kinh doanh đổi mới;

4 Quản lý an toàn, hiệu quả nguồn vốn của cổ đông và nguồn vốn vay;

5 Sẵn sàng hệ thống, quy trình, con người, nguồn vốn để có thể nhanh chóng triển khai các sản phẩm mới như thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, giao dịch trong ngày, v.v...

6 Tiếp tục hoạt động của Công ty một cách an toàn, hạn chế rủi ro, minh bạch thông tin với các bên liên quan.

# THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Quỹ hoạt động của HĐQT SSI được ĐHĐCĐ thông qua là 5 tỷ VNĐ cho năm tài chính 2022, theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2022 của ĐHĐCĐ.

Chế độ thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc như sau:

| STT | Họ tên | Chức danh | Không điều hành | Kiêm điều hành | Hưởng lương | Hưởng thù lao | Hưởng thưởng thành tích | Hưởng phúc lợi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** | | | | | | | | |
| 1 | Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT (kiêm Chủ tịch Hội đồng Đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược) | | ✓ | ✓ | | ✓ | ✓ |
| 2 | Ông Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | | ✓ | ✓ | | ✓ | ✓ |
| 3 | Ông Ngô Văn Điểm | Thành viên *Hết nhiệm kỳ từ 07/05/2022* | ✓ | | | ✓ | | |
| 4 | Ông Nguyễn Quốc Cường | Thành viên *Bầu bổ sung từ 07/05/2022* | ✓ | | | ✓ | | |
| 5 | Ông Phạm Viết Muôn | Thành viên | ✓ | | | ✓ | | |
| 4 | Ông Nguyễn Duy Khánh | Thành viên | ✓ | | | ✓ | | |
| 7 | Ông Hironori Oka | Thành viên | ✓ | | | | | |

## THÙ LAO & TIỀN LƯƠNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2022

Chi tiết về thù lao và tiền lương của từng thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc SSI năm 2022 như sau:

| Họ tên | Chức danh | Tiền lương (VNĐ) | Thù lao (VNĐ) |
|---|---|---|---|
| Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT (kiêm Chủ tịch Hội đồng Đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược) | 7.796.400.000 | - |
| Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 6.593.900.000 | - |
| Ngô Văn Điểm | Thành viên HĐQT | - | 296.400.000 |
| Nguyễn Quốc Cường | Thành viên HĐQT | - | 452.500.000 |
| Phạm Viết Muôn | Thành viên HĐQT | - | 1.646.000.002 |
| Nguyễn Duy Khánh | Thành viên HĐQT | - | 300.000.000 |
| Hironori Oka | Thành viên HĐQT | - | - |



## VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI THEO KỲ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT tham gia công việc của Công ty cũng nhận được thưởng & phúc lợi các kỳ của Quỹ phúc lợi được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

## PHÂN BỔ ESOP ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2021 của ĐHĐCĐ, SSI thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy đội ngũ lãnh đạo và những cán bộ nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Đợt phát hành ESOP 2021 hoàn thành vào ngày 23/02/2022. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT đã thực hiện mua số lượng cổ phiếu ESOP như sau:

| Họ tên | Chức danh | Số lượng CP đăng ký mua |
|---|---|---|
| Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT | 500.000 |
| Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 700.000 |
| Ngô Văn Điểm | Thành viên HĐQT | 30.000 |
| Phạm Viết Muôn | Thành viên HĐQT | 50.000 |
| Nguyễn Duy Khánh | Thành viên HĐQT | 200.000 |

## CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ KHÁC ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hiện tại các chế độ chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty, chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác, chế độ khám sức khỏe định kỳ, v.v...) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm điều hành, thành viên HĐQT tham gia vào các công việc của Công ty. Các thành viên HĐQT còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có).

# QUẢN TRỊ RỦI RO



## TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA SSI

Năm 2022, các sự kiện lớn trên thế giới như chiến tranh Nga – Ukraine, tăng lạm phát và lãi suất, cùng hàng loạt các sự kiện trong nước đã tác động mạnh mẽ tới TTCK Việt Nam, từ những biến động mang tính hệ thống toàn thị trường (VN-Index đã giảm từ vùng đỉnh 1.536,45 điểm về 873,78 điểm tương ứng với mức giảm khoảng 43%) đến những biến động mang tính đơn lẻ ở một số doanh nghiệp cụ thể (một số cổ phiếu có mức giảm giá đến 70% – 80% và mất thanh khoản ở nhiều phiên giao dịch) đã đẩy rủi ro tín dụng của hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ lên mức báo động. Tuy nhiên, với đội ngũ nhân sự mạnh bên cạnh chiến lược rõ ràng từ Ban Lãnh đạo, Công ty đã tiến hành các hoạt động điều chỉnh chính sách kịp thời, cũng như áp dụng các giải pháp linh hoạt trong khuôn khổ. Nhờ đó năm 2022 tiếp tục là một năm chứng kiến sự tăng trưởng vượt trội của SSI về số lượng khách hàng mới, và các rủi ro tiếp tục được hạn chế ở mức thấp nhất, luôn nằm dưới hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt và đặc biệt là không phát sinh nợ xấu từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.



Cụ thể, một số nhóm hành động ứng phó với rủi ro tín dụng phát sinh từ rủi ro thị trường đã được thực hiện quyết liệt như:

- Trong những tháng đầu năm 2022 khi dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tăng mạnh và ở mức cao kèm theo đó là các yếu tố có thể gây ra rủi ro thị trường như việc tăng lãi suất đã khá rõ ràng, Ban Lãnh đạo đã thảo luận và chủ động điều chỉnh các hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ thận trọng hơn, từ đó giảm thiểu rủi ro tín dụng khi thị trường có những biến động mạnh cũng như duy trì được sự ổn định của chính sách sản phẩm;
- Trong những giai đoạn thị trường có khủng hoảng mạnh do hoạt động ép bán diễn ra trên diện rộng bất chấp chất lượng của cổ phiếu xảy ra vào tháng 11/2022, đi cùng với đó là nhiều cổ phiếu mất thanh khoản dư bán giá sàn khối lượng lớn, Ban Lãnh đạo liên tục thảo luận, đánh giá tình hình để có các giải pháp xử lý linh hoạt trong khuôn khổ vừa đảm bảo an toàn cho SSI cũng như có thể đồng hành với khách hàng ở mức tốt nhất có thể.

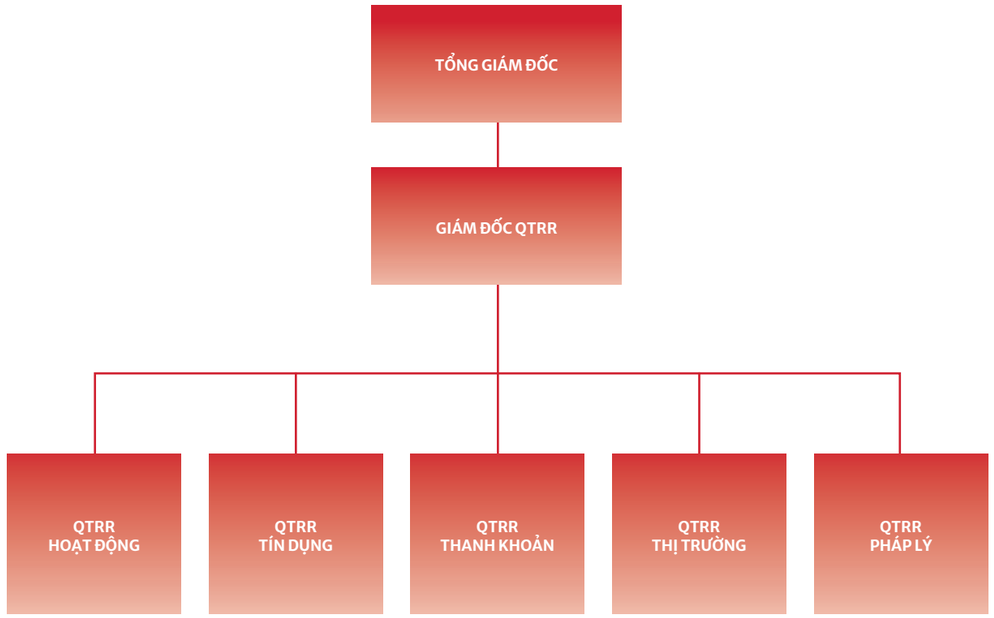
Trong năm 2022, hệ thống chính sách, quy trình về QTRR của Công ty tiếp tục được đánh giá lại, hoàn thiện và cập nhật nhằm đảm bảo hoạt động QTRR phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro tiếp tục được tiến hành phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên trong Công ty bằng nhiều hình thức khác nhau.

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT của Công ty với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ của Công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR đến từng nhân viên trong Công ty theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động QTRR;
- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức;
- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép;
- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp xác định nhằm giúp xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi Bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát định kỳ thường xuyên từ các bộ phận Kiểm soát Nội bộ (KSNB) và Kiểm toán Nội bộ (KTNB).

Bộ phận QTRR được tổ chức chi tiết theo từng loại rủi ro nhằm đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao.



## HOẠT ĐỘNG QTRR ĐƯỢC TIẾN HÀNH CỤ THỂ THEO TIẾN TRÌNH 5 BƯỚC NHƯ SAU:

### 1. Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định dựa trên những yếu tố chỉ báo hoặc những khu vực tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro như sau:

- Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện, và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động KSNB, KTNB, và Kiểm toán Độc lập. Dựa trên các dữ liệu này, Công ty có thể đánh giá và dự đoán các rủi ro có khuynh hướng/khả năng xảy ra trong tương lai;
- Dựa trên việc phân tích dữ liệu quá khứ về các rủi ro đã xảy ra và xu hướng rủi ro xảy ra để xác định những nơi có khả năng phát sinh rủi ro cao. Việc này góp phần nâng cao khả năng QTRR dựa trên tính kế thừa từ những kinh nghiệm và những bài học trong quá khứ;
- Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới, các hoạt động kinh doanh mới hoặc trong trường hợp tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh;
- Những khuyến cáo, nhận xét của Cơ quan Quản lý Nhà nước, Kiểm toán Độc lập, KTNB, KSNB;
- Những thay đổi trong môi trường kinh doanh và chính sách pháp luật;
- Các yếu tố từ bên ngoài tác động đến kinh tế, và/hoặc chính trị, và/hoặc xã hội, và/hoặc thị trường tài chính Việt Nam như chiến tranh thương mại, dịch bệnh, biến động địa chính trị thế giới, v.v...

### 2. Đo lường và đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro cụ thể.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này được định lượng bằng một con số cụ thể hay một tỷ lệ % cụ thể. Một số mô hình tiêu biểu SSI sử dụng để đo lường rủi ro như sau:

- Các mô hình chuẩn quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính;
- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) được sử dụng để tính toán mức độ biến động tối đa cho một cổ phiếu, danh mục đầu tư trong một khoảng thời gian xác định, hoặc xác định độ biến động của chỉ số phái sinh với một độ tin cậy và một khoảng thời gian xác định trước;
- Mô hình stress testing được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra cho Công ty theo các kịch bản xác định trước, để từ đó Công ty có các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra nếu cần;
- Mô hình chấm điểm cơ bản, và định lượng cổ phiếu dựa trên dữ liệu quá khứ về biến động giá cổ phiếu, biến động thanh khoản của cổ phiếu;
- Mô hình thẩm định và xếp hạng ngân hàng để từ đó xây dựng hạn mức tiền gửi cho từng ngân hàng.

### 3. Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất, mức có thể chấp nhận được cũng như để nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát rủi ro, Công ty đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro cùng hạn mức cho các rủi ro trọng yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát;
- Khẩu vị rủi ro và mong muốn của HĐQT;
- Tình hình thực tế vận hành của các Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận Nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các trưởng bộ phận.

Giám đốc QTRR đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Nghiệp vụ lên Tổng giám đốc phê duyệt.

Tổng giám đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro cùng với hạn mức rủi ro của từng Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Nghiệp vụ lên HĐQT phê duyệt.

### 4. Giám sát rủi ro

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày, chủ yếu thông qua các chỉ báo rủi ro và hạn mức của các chỉ báo. Một số hạn mức rủi ro được cài đặt và giới hạn một cách tự động trên hệ thống, một số hạn mức khác dựa trên các báo cáo QTRR hàng ngày theo biểu mẫu định trước, hoặc cả hai.

Công tác giám sát và phòng ngừa rủi ro được thực hiện đầu tiên bởi chính các Bộ phận Nghiệp vụ, các Bộ phận Kinh doanh – nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, bên cạnh đó có sự hướng dẫn, giám sát của các bộ phận độc lập như QTRR, KSNB và cuối cùng là KTNB.

Khi các trạng thái rủi ro tiệm cận với các ngưỡng cảnh báo rủi ro, Bộ phận QTRR sẽ đưa ra cảnh báo và yêu cầu các biện pháp xử lý cụ thể từ các bộ phận nghiệp vụ phát sinh rủi ro, bên cạnh đó phối hợp với bộ phận phát sinh rủi ro để đưa kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về lại ngưỡng an toàn.



## 5. Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc xem xét và đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra rủi ro, chi phí để giảm thiểu rủi ro, đặc tính của rủi ro, v.v...

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- **Chấp nhận rủi ro:** Khi chi phí để xử lý rủi ro lớn hơn rất nhiều so với tổn thất có thể xảy ra từ rủi ro này thì sẽ không tiến hành xử lý rủi ro;
- **Tránh rủi ro:** Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể dẫn tới phát sinh rủi ro mà HĐQT có hạn mức chấp nhận rủi ro bằng không hoặc rất thấp, hoặc nếu rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh và hoạt động của Công ty;
- **Giảm thiểu rủi ro:** Áp dụng các biện pháp nhằm giảm tác động của rủi ro đến Công ty, hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai;
- **Chia sẻ rủi ro:** Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như tiến hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh;
- **Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro** để kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro gia tăng, từ đó có các biện pháp xử lý rủi ro kịp thời.





## QUY TRÌNH XỬ LÝ RỦI RO TỔNG QUÁT

1. Tìm hiểu nguyên nhân làm tăng trạng thái rủi ro và/hoặc nguyên nhân gây ra sự kiện rủi ro;
2. Lựa chọn và xây dựng kế hoạch xử lý, trong đó xác định rõ đơn vị có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, kết quả mong muốn, hoạch định và xem xét nguồn lực cũng như thủ tục thực hiện;
3. Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn;
4. Xem xét cập nhật những chính sách và quy trình liên quan để không xảy ra sự cố tương tự;
5. Điều chỉnh những hạn mức liên quan (nếu cần) để phù hợp với thực tế.

*Trong quá trình hoạt động, các loại rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh, tài chính, vận hành và danh tiếng của SSI là: Rủi ro thị trường, Rủi ro tín dụng, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro tuân thủ, Rủi ro pháp lý, Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin, Rủi ro thương hiệu, Rủi ro quản trị nguồn nhân lực. Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán, không sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên nên Rủi ro về môi trường đối với Công ty là không đáng kể.*



Chi tiết mỗi loại rủi ro trọng yếu cùng cách thức kiểm soát và kết quả năm 2022 sẽ được trình bày dưới đây.

## RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh chính của SSI liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh.

Doanh thu và lợi nhuận từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, có thể do những biến động về địa chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, có thể do các yếu tố như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên, chiến tranh cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro này, SSI đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với Bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

### Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/ chứng chỉ tiền gửi/ kỳ phiếu/ trái phiếu/ cho vay ký quỹ

Với vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2022 hơn 22.383 tỷ VNĐ, gấp 1,5 lần so với cuối năm 2021, tổng tài sản lên tới trên 52.226 tỷ VNĐ, dòng tiền ra vào, tăng giảm do hoạt động thanh toán, vay/ trả của khách hàng và giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên hàng ngày không giới hạn trong một khung thời gian nào. Điều này dẫn tới việc SSI phải cân đối nguồn vốn và lãi suất nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và phù hợp với dự đoán về xu thế lãi suất. Lãi suất năm 2022 đã biến động theo chiều hướng tăng khá mạnh so với năm 2021 và SSI tiếp tục tối ưu hóa được hoạt động kinh doanh lãi suất, đóng góp nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty mà vẫn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện các đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, rủi ro hệ thống của thị trường, xu hướng tỷ giá, lãi suất, các thay đổi trong quy định pháp lý, chính sách của Chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành cụ thể, các vấn đề địa chính trị, các vấn đề về kinh tế và thương mại thế giới, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh có thể ảnh hưởng tới thị trường hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể một cách định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra các sự kiện, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

### Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của doanh nghiệp, của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động và/hoặc tác động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán.

Trong năm 2022, SSI chủ trương tăng tỷ trọng tiền mặt trong danh mục trước những biến động khó dự đoán của thị trường. Ngoài ra, hoạt động quản lý các khoản đầu tư sau giải ngân cũng được thực hiện một cách chặt chẽ và sâu sát, điển hình là việc phân công nhân viên chuyên trách cho từng nhóm doanh nghiệp, thực hiện việc thăm doanh nghiệp thường xuyên, trực tiếp làm việc với lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp nhằm hiểu rõ tầm nhìn, chiến lược, và kế hoạch hoạt động của những doanh nghiệp này. Đặc biệt, SSI tiếp tục cử đại diện tham gia vào các vị trí HĐQT và/hoặc BKS và/hoặc Ban Điều hành tại doanh nghiệp mà SSI có tỷ lệ sở hữu đủ lớn. Nhờ vậy, Công ty có thể đồng hành cùng doanh nghiệp trong mọi hoạt động, và cũng nhằm mục đích quản lý tốt hơn các trạng thái đầu tư của Công ty v.v..

### Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

TTCK Việt Nam năm 2022 chịu tác động sâu sắc từ cuộc chiến tranh Nga – Ukraine, từ yếu tố lãi suất và tỷ giá, bên cạnh đó là các sự kiện xảy ra trong nước. Cụ thể, chỉ số VN30 Index bắt đầu giảm nhanh từ tháng 4/2022 và kéo dài tới trung tuần tháng 5/2022 nhưng đã ghi nhận mức giảm tới 22%. Sau 4 tháng kế tiếp dao động trong biên độ rộng, TTCK có đợt giảm mạnh thứ hai với mức giảm 25% do những tác động tiêu cực trên thị trường trái phiếu.

Dù vậy, với cách tiếp cận thận trọng xuyên suốt trải qua nhiều giai đoạn thị trường khác nhau từ quá khứ, SSI đã theo sát mọi diễn biến và có những điều chỉnh cần thiết, từ đó giúp hạn chế rủi ro tín dụng phát sinh từ biến động thị trường liên quan đến sản phẩm phái sinh. Từ đó, năm 2022 không ghi nhận trường hợp khách hàng nào giao dịch chứng khoán phái sinh bị mất khả năng thanh toán dẫn tới rủi ro tín dụng cho Công ty.

### Nghiệp vụ phát hành chứng quyền có bảo đảm

Năm 2022, SSI tiếp tục duy trì vị thế trong là một trong những công ty dẫn đầu thị trường về giá trị phát hành và giá trị giao dịch với 24 mã chứng quyền có bảo đảm hoàn thành việc đáo hạn trong năm và 28 mã chứng quyền được phát hành mới. Xét riêng trên phương diện thanh khoản thị trường chứng quyền, SSI luôn nằm trong Top 4 các nhà phát hành có chứng quyền được nhà đầu tư lựa chọn giao dịch nhiều nhất tương ứng với thị phần từ 20% – 30% tùy thời điểm.

Để duy trì được thành tích trên trong năm qua, SSI đã phối hợp nhịp nhàng giữa tạo lập thị trường với phòng ngừa rủi ro, để đảm bảo nhà đầu tư có thể mua bán các chứng quyền do SSI phát hành với khối lượng giao dịch lớn một cách dễ dàng nhưng vẫn đảm bảo quản trị được rủi ro thị trường do biến động của chứng khoán cơ sở.  Ngoài ra SSI cũng thực hiện các phân tích thống kê, đánh giá và tối ưu hóa chi phí cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với từng cổ phiếu cụ thể. Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện hằng ngày bởi Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận QTRR, và được báo cáo hàng ngày cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).



# RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, khách hàng giao dịch phái sinh không thanh toán khi lỗ vị thế vượt giá trị ký quỹ do thị trường biến động mạnh và không thể đóng vị thế kịp thời, đầu tư tiền của Công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.

## Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các tổ chức tài chính dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức tài chính, cùng với việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi tổ chức tài chính sẽ được áp dụng hạn mức giao dịch khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn. Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng để duy trì song song với hoạt động tiền gửi, vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 22 năm hoạt động, SSI không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả QTRR tín dụng rất cao tại SSI.

## Cho vay giao dịch ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu được SSI cũng như UBCK chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Lập danh mục cho vay thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu;
- Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi có thông tin xấu liên quan đến cổ phiếu và/hoặc nhóm ngành cụ thể;
- Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:
  - Tổng hạn mức cho vay ký quỹ,
  - Hạn mức tối đa trên 1 khách hàng,
  - Hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu,
  - Tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn,
  - Tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ, v.v...
- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Ví dụ: dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch, v.v...
- Chấm điểm và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay, v.v...
- Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay ký quỹ.

Năm 2022 chứng kiến những giai đoạn biến động rất nhanh và mạnh của thị trường với những rủi ro mang tính hệ thống cũng như những rủi ro mang tính đơn lẻ ở những cổ phiếu cụ thể. Tuy nhiên, với chiến lược đa dạng hóa danh mục khách hàng cho vay giao dịch ký quỹ, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, luôn chú trọng điều tiết chính sách cho vay phù hợp với tình hình thị trường, SSI đã không có bất cứ rủi ro nào xảy ra với hoạt động cho vay. Năm 2022 tiếp tục là một năm không phát sinh nợ xấu từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

## Hoạt động đầu tư trái phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. SSI thẩm định rất kĩ càng, chỉ đầu tư trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý. Năm 2022 là một năm có nhiều thông tin tiêu cực và sự kiện ảnh hưởng bất lợi cho trái phiếu và thị trường trái phiếu, đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Bất động sản, nhưng SSI cũng không chịu rủi ro đối với trạng thái trái phiếu nào.







# RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại SSI.

Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, lên tới trên 456.000 tài khoản giao dịch trên thị trường cơ sở, hơn 70.000 tài khoản phái sinh, cùng hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Nhằm phục vụ khách hàng được linh hoạt, SSI đã kết nối với hàng chục ngân hàng để quản lý số dư tiền gửi nhà đầu tư bình quân hơn 5.300 tỷ VNĐ trong sự an toàn tuyệt đối.

Năm 2022, do TTCK diễn biến xấu kèm theo đó là lãi suất tăng cao khiến dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đã giảm mạnh (khoảng trên 50%), do đó các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn được đẩy mạnh, đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. SSI cũng là Công ty có trạng thái đầu tư chứng khoán lớn, do đó việc quản lý các khoản đầu tư chiến lược có thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2022 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn luôn duy trì ở mức cao hợp lý từ 369% đến 551%, cao hơn so với tỷ lệ theo quy định của UBCKNN là 180%.

**TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG NĂM 2021**

| THÁNG | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| TỈ LỆ | 391% | 396% | 393% | 382% | 393% | 379% | 369% | 520% | 507% | 551% | 525% | 384% |

Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa các khối tại SSI. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin cũng như đưa ra các cảnh báo.

| | Báo cáo | Tần suất |
|---|---|---|
| **Kế toán** | Báo cáo số dư tiền các tài khoản ngân hàng | Hàng ngày |
| | Báo cáo số dư tiền nhà đầu tư tại SSI | Hàng ngày |
| | Báo cáo số tiền dự chi/dự thu | Hàng ngày |
| **Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính** | Báo cáo dòng tiền đầu ngày | Hàng ngày |
| | Báo cáo kế hoạch dòng tiền | Hàng tháng, khi có phát sinh hoặc đề nghị/Hàng ngày |
| **Dịch vụ Chứng khoán** | Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của khách | Hàng ngày |
| | Báo cáo thanh toán cổ tức | Khi có phát sinh |
| | Báo cáo thanh toán bù trừ phái sinh | Hàng ngày |
| | Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ | Hàng ngày và khi có phát sinh |
| | Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của nhà đầu tư | Khi có phát sinh |
| | Báo cáo thanh toán bù trừ | Hàng ngày |
| | Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua | Khi có phát sinh |
| | Báo cáo nguồn cho vay margin còn lại | Hàng ngày |
| **Quản trị Rủi ro** | Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng | Hàng tháng |
| | Báo cáo tình hình dự trữ thanh khoản | Hàng ngày/ Hàng tháng |
| | Báo cáo các tỷ lệ tài chính thanh khoản (hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán bằng tiền, v.v...) | Hàng tháng |



# RỦI RO HỆ THỐNG VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Năm 2022, việc đầu tư vào bảo mật thông tin trong nhiều năm trước đó đã mang lại thành công lớn. Hệ thống công nghệ thông tin của SSI đã chống chọi với nhiều cuộc tấn công mạng, đặc biệt là cuộc tấn công từ chối dịch vụ DDoS (Distributed Denial of Service) liên tục trong 12 ngày mà không có bất kỳ tác động nghiêm trọng nào đến dịch vụ mà SSI cung cấp cho khách hàng.

## Rủi ro tấn công từ không gian mạng

Công ty đã cải tiến trong việc phát hiện và ngăn ngừa với mục tiêu trọng tâm là phát hiện bất thường trên hệ thống Công nghệ Thông tin, giám sát chặt chẽ các thiết bị đầu cuối nhằm mục tiêu nhận diện sớm và chủ động giảm thiểu rủi ro tấn công mạng. Các hoạt động cải tiến cụ thể như sau:

- Liên tục điều chỉnh chính sách bảo mật thông tin;
- Chủ động, tích cực tìm kiếm các dấu hiệu của những hoạt động nguy hiểm trên hệ thống CNTT SSI;
- Nâng cấp hệ thống chống tấn công DDoS cho phép ngăn chặn tấn công giao thức TCP (TCP attack) và giảm thiểu kết nối trái phép đến ứng dụng (rate limit);
- Thành lập Red Team nội bộ, tập trung vào việc kiểm thử xâm nhập ở các hệ thống với các mức độ bảo mật phần mềm khác nhau nhằm phát hiện, ngăn chặn và xóa bỏ các lỗ hổng bảo mật và thực hiện diễn tập tấn công mô phỏng an ninh mạng với bên thứ ba;
- Phát hiện và cảnh báo sớm bao gồm 99% sự cố đã biết hoặc phần mềm có chứa mã độc.

## Rủi ro từ các mối đe dọa an ninh mạng từ nội bộ

Đây là mối đe dọa độc hại xuất phát từ các cá nhân trong tổ chức, chẳng hạn như nhân viên, cựu nhân viên, nhà thầu hoặc cộng tác viên kinh doanh, những người có thông tin liên quan đến thực tiễn bảo mật, dữ liệu và hệ thống máy tính của tổ chức. Do đó ngoài việc bảo vệ tốt từ các đợt tấn công từ không gian mạng, SSI vẫn phải thực hiện những chương trình để giảm thiểu ảnh hưởng của những mối đe dọa từ nội bộ bằng cách đào tạo nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên cũng như xây dựng các hệ thống để hỗ trợ trong việc phòng chống thất thoát dữ liệu.

- Điều chỉnh liên tục chính sách Phòng chống thất thoát dữ liệu DLP (Data Loss Prevention);
- Xây dựng chính sách và công cụ theo dõi hành vi bất thường của người dùng;
- Dán nhãn và phân loại tài liệu để kiểm soát và quản lý tài liệu nội bộ với các mức độ bảo mật thông tin tương ứng;
- Đào tạo và kiểm tra về nhận thức bảo mật: Cập nhật các khóa đào tạo cho năm 2023 để nâng cao nhận thức về an ninh thông tin, xây dựng sổ tay bảo mật thông tin, sử dụng trình bảo vệ màn hình máy tính (PC Screensaver) và các hoạt động truyền thông nội bộ khác được thực hiện một cách liên tục trong năm.

## Rủi ro về hạ tầng Công nghệ Thông tin

Để giảm thiểu rủi ro đối với hệ thống, SSI đã dự phòng đầy đủ cho tất cả các hệ thống phục vụ kinh doanh và bao gồm cả hạ tầng trung tâm dữ liệu và kênh truyền. Dự phòng mức N+2 được áp dụng cho tất cả các nền tảng hệ thống quan trọng phục vụ kinh doanh. Về khía cạnh năng lực xử lý của hệ thống, Công ty đã thực hiện quy trình cảnh báo tải 50% để mở rộng nhằm đảm bảo có đủ năng lực xử lý cho các tình huống tăng trưởng lưu lượng người dùng đột biến. Các dịch vụ điện toán đám mây và các công nghệ triển khai mới được đưa vào sử dụng để có thể tự động mở rộng hạ tầng khi cần thiết.




*Hướng tới năm 2023, Bộ phận CNTT SSI duy trì sự tập trung vào bảo vệ Công ty trước những mối nguy an ninh mạng từ cả bên ngoài và bên trong.*

- **Đối với việc ứng phó với các tấn công từ không gian mạng:** Tiếp tục tập trung vào việc cải thiện khả năng phát hiện và ngăn chặn tấn công từ không gian mạng, trong đó tập trung nhiều vào việc cải thiện khả năng phát hiện bất thường và cải thiện khả năng quản lý lưu lượng trên mạng và giám sát thiết bị đầu cuối, để phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công từ không gian mạng một cách sớm nhất. Diễn tập tấn công và phòng thủ để tìm lỗ hổng và lên kế hoạch khắc phục.
- **Đối với các mối đe dọa an ninh mạng từ nội bộ:** Tiếp tục tìm kiếm các phương pháp nâng cao nhận thức về bảo mật của nhân viên SSI. Tinh chỉnh và tối ưu hóa hệ thống phòng chống thất thoát dữ liệu DLP. Cải thiện hơn nữa hoạt động giám sát hành vi bất thường của người dùng.
- **Đối với rủi ro công nghệ và rủi ro nhận thức:** Tiếp tục nghiên cứu và triển khai công nghệ mới nhất để có tính sẵn sàng cao, dự phòng, đặc biệt là khả năng khôi phục dịch vụ tức thời. Chuẩn hóa, cập nhật và tinh chỉnh kiến trúc giải pháp tận dụng lợi thế của công nghệ mới nhất.

## RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ và kiểm soát các rủi ro về mặt tuân thủ là hoạt động luôn được Công ty đặc biệt quan tâm, và có nhiều chính sách để phòng ngừa, hạn chế. Với xu hướng ứng dụng công nghệ trong ngành tài chính phát triển mạnh mẽ, Công ty đã phát triển nhiều sản phẩm dựa trên công nghệ mới để thoả mãn nhu cầu thị trường và tạo nền tảng phát triển cho những năm tiếp theo. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ cũng là nguy cơ gây ra các rủi ro tuân thủ mới mà Công ty có thể đối mặt. Sự hình thành các Bộ phận Kinh doanh mới và ứng dụng mới đòi hỏi tính tuân thủ cao hơn, do vậy, việc đảm bảo sự tuân thủ của nhân viên Công ty đối với các quy định của pháp luật, các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp càng được chú trọng và có những định hướng, cách thức kiểm soát phù hợp.

Để phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ, Công ty đã và đang thực hiện các giải pháp sau đây:

- Rà soát và hoàn thiện các quy trình nội bộ với sự tham gia tích cực của các phòng ban có liên quan và ý kiến pháp lý của Bộ phận Luật nhằm bảo đảm các quy trình có thể đáp ứng nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật. Quy trình có sự báo cáo, kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận để kiểm soát được nghiệp vụ về nhiều mặt hoạt động, kịp thời phát hiện các thiếu sót để có hướng thay đổi phù hợp.
- Tăng cường các hoạt động đào tạo về tuân thủ, xây dựng phần mềm đào tạo tuân thủ theo hình thức trực tuyến để đảm bảo tất cả nhân viên có thể tham gia, nhanh chóng tiếp cận với các quy định pháp luật, chính sách nội bộ của Công ty. Hoạt động đào tạo cho nhân viên bao gồm cả tham gia các lớp bên ngoài, hội thảo, diễn đàn và các lớp đào tạo nội bộ với nhiều chủ đề đa dạng, như về văn bản pháp luật mới tùy thuộc vào chuyên môn, nghiệp vụ mỗi phòng ban, các lớp về quản lý rủi ro, KSNB, phòng chống rửa tiền, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm hành chính, hình sự liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và TTCK, cũng như đào tạo về các quy trình, quy chế, hướng dẫn nghiệp vụ, v.v... Công ty cũng thường xuyên cử các cán bộ chuyên trách đến tham gia các buổi hội thảo, đào tạo, đóng góp ý kiến hoặc phổ biến quy định pháp luật của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Áp dụng nhiều kênh tuyên truyền nội bộ về pháp luật và quy định nội bộ như fanpage, email với các loại hình bản tin nội bộ, các thông báo, cảnh báo an toàn để nhân viên dễ dàng tiếp cận và hiểu về trách nhiệm, chủ động tuân thủ. Công ty cũng xây dựng hệ thống Intranet mới cùng với hệ thống quản lý văn bản DMS nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu giải quyết các luồng công việc nội bộ, phục vụ truyền thông nội bộ trong Công ty, hướng đến hệ thống hóa việc quản lý, tra cứu và lưu trữ văn bản một cách hiệu quả, nhanh chóng và an toàn, đồng thời giúp tiết kiệm thời gian trong việc tra cứu, xử lý các công văn, tài liệu được gửi đến Công ty cũng như các văn bản nội bộ do Công ty ban hành.
- Tiếp nhận, giải đáp kịp thời những thắc mắc và đưa ra hướng giải quyết đối với những vấn đề phát sinh liên quan giữa việc áp dụng quy định theo các quy trình và thực tiễn hoạt động cũng được Công ty đặc biệt chú trọng.
- Duy trì và phát triển chặt chẽ hệ thống ba tuyến phòng thủ, trong đó đảm bảo công tác kiểm soát được thực hiện từ khâu đầu vào, các phòng nghiệp vụ, có sự đánh giá, phân tích của bộ phận QTRR nhằm khoanh vùng, phân loại những rủi ro tuân thủ, và kiểm soát sau của bộ phận KSNB và KTNB.
- Phát triển các hệ thống công nghệ, phần mềm để tự động hóa việc kiểm soát tuân thủ, chức năng cảnh báo và cung cấp các báo cáo phục vụ cho công tác quản lý.
- Tăng cường, củng cố khuôn khổ pháp lý trong công tác quản lý, giám sát và điều hành hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của Công ty. Bên cạnh việc áp dụng nghiêm khắc xử lý kỷ luật đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty, việc rà soát, lập danh sách các trường hợp vi phạm để chủ động răn đe, phòng ngừa tái vi phạm cũng được tiến hành đầy đủ và nghiêm túc.
- Tăng cường hơn nữa sự kết nối, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa tất cả các bộ phận của Công ty để đảm bảo sự năng suất, hiệu quả, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành.

Bộ phận KSNB tại SSI thực hiện chức năng KSNB theo Điều 12 Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, phương pháp Kiểm soát "Định hướng theo rủi ro", ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm soát các đơn vị, bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao.

Kế hoạch KSNB được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro, các phát sinh đã ghi nhận và được cập nhật, thay đổi, điều chỉnh phù hợp với các diễn biến, thay đổi trong hoạt động của đơn vị và sự thay đổi của các rủi ro kèm theo.

Năm 2022, KSNB đã có những hoạt động theo chức năng như sau:

- Phát hành 28 báo cáo sau khi thực hiện nhiều cuộc kiểm soát tại toàn bộ các bộ phận nghiệp vụ, trong đó đặc biệt tập trung vào các nghiệp vụ được đánh giá có rủi ro cao nhằm phát hiện và ngăn ngừa kịp thời rủi ro có thể phát sinh, đồng thời đề xuất cải tiến các chốt kiểm soát chưa hiệu quả hoặc hiệu quả chưa cao trong các hoạt động của Công ty;
- Cập nhật các quy định của pháp luật liên quan, các sự kiện lớn ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty từ đó điều chỉnh chương trình kiểm soát cho phù hợp với môi trường kiểm soát tại từng giai đoạn trong năm;
- Hỗ trợ các bộ phận rà soát một số hoạt động, nghiệp vụ khi có sự kiện trọng yếu phát sinh nhằm kịp thời phát hiện các rủi ro và đề nghị biện pháp khắc phục;
- Định kỳ rà soát, đề nghị cập nhật, xây dựng các quy trình, quy định liên quan đến các hoạt động của Công ty, đặc biệt chú ý đến các bộ phận, nghiệp vụ mới thành lập trong năm;
- Thực hiện trình các đề xuất lên Ban giám đốc với các phát sinh phát hiện giúp làm rõ vấn đề chưa được tuân thủ hoặc chưa tuân thủ đúng.





Định hướng năm 2023, KSNB sẽ tiếp tục thực hiện các chức năng nêu trên, đồng thời sẽ từng bước thiết lập, cập nhật chương trình kiểm soát phù hợp với từng chức năng hoạt động của từng bộ phận, đặc biệt tiếp tục cập nhật các hoạt động nghiệp vụ trực tuyến cũng như liên tục cập nhật các sự kiện trọng yếu phát sinh bên trong cũng như bên ngoài Công ty nhằm thay đổi chương trình kiểm soát một cách phù hợp tại từng giai đoạn.

Năm 2022, Bộ phận KTNB đã thực hiện các cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra từ đầu năm bao gồm các cuộc kiểm toán định kỳ và các cuộc kiểm toán phát sinh theo yêu cầu đối với Công ty và các công ty con. Kết quả rà soát cho thấy:

- Báo cáo tài chính năm 2022 được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật, không phát hiện sai sót trọng yếu được ghi nhận. Quá trình rà soát không phát hiện các biến động bất thường đối với các khoản mục trọng yếu về tài sản và kết quả kinh doanh. Các chính sách kế toán và nguyên tắc xác định ước tính kế toán được áp dụng nhất quán, không có thay đổi trọng yếu được ghi nhận;
- Tỷ lệ an toàn tài chính được phản ánh phù hợp quy định, luôn được giám sát chặt chẽ. Năm 2022 cũng là năm có sự kiện lớn gây biến động mạnh về chỉ số trên TTCK, KTNB đánh giá Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp quản trị rủi ro tốt, đảm bảo an toàn tài sản Công ty;
- KTNB cũng ghi nhận Công ty đang trong quá trình cải thiện hệ thống kế toán nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu quản lý, yêu cầu từ việc áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế trong tương lai.

Để đảm bảo chất lượng kiểm toán, KTNB liên tục cập nhật các quy định của pháp luật đối với chính sách kế toán, chính sách thuế cũng như quy định về hoạt động của công ty chứng khoán để sửa đổi các chương trình và thủ tục KTNB, đảm bảo đáp ứng các mục tiêu kiểm toán.

Năm 2023, ngoài việc tiếp tục thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên, KTNB lập kế hoạch xem xét cập nhật khung chức năng của KTNB trong phạm vi hoạt động của Khối Quản trị và Công ty nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn, thông lệ và quy định mới.

Một số rủi ro tuân thủ đã được Công ty nhận diện và xây dựng biện pháp kiểm soát trong năm 2022 và tiếp tục thực hiện trong năm 2023 (bảng 1).

## Bảng 1: Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ (PHẦN 1)

| STT | Rủi ro tiềm tàng | Biện pháp kiểm soát |
|---|---|---|
| 1 | Áp dụng các thay đổi của chính sách pháp luật đối với hoạt động của Công ty | ▶ Thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật mới, đặc biệt là các văn bản, hướng dẫn cụ thể các hoạt động nghiệp vụ, các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp;<br>▶ Rà soát các quy trình, quy chế nội bộ, đối chiếu với các quy định mới của pháp luật, tổng hợp các nội dung có sự mâu thuẫn hoặc chưa được hướng dẫn rõ ràng;<br>▶ Triển khai các quy định trên tinh thần chặt chẽ, vì lợi ích khách hàng và đảm bảo an toàn cho hoạt động Công ty, nhân viên Công ty;<br>▶ Đề nghị sự hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền, sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo. Đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng quy định của toàn thể nhân viên, phòng ban của Công ty. |
| 2 | Rủi ro trong quản lý hoạt động cho vay, các cam kết, thỏa thuận, phát sinh cạnh tranh không lành mạnh nguyên nhân xuất phát từ thay đổi của môi trường kinh doanh, đầu tư nước ngoài, dịch bệnh, TTCK điều chỉnh | ▶ Thực hiện đầy đủ các cam kết, hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết; thương lượng với đối tác/khách hàng để giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh trên tinh thần hợp tác và củng cố mối quan hệ kinh doanh lâu dài, cùng có lợi;<br>▶ Tuân thủ các chính sách liên quan đến phí, nghiệp vụ cho vay đối với khách hàng, quản lý chặt hoạt động cho vay;<br>▶ Thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ về việc ký kết và tiến độ thực hiện các cam kết, hợp đồng, thỏa thuận và thương lượng với khách hàng/đối tác. |
| 3 | Xung đột lợi ích giữa Công ty – Đối tác/Khách hàng – Nhân viên | ▶ Thực hiện tách biệt văn phòng, con người, dữ liệu của các bộ phận có khả năng gây ra xung đột lợi ích;<br>▶ Cập nhật Nội quy lao động phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tiến hành phổ biến đến toàn thể nhân viên;<br>▶ Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp;<br>▶ Xây dựng và áp dụng các chính sách để hạn chế xung đột lợi ích như chính sách phòng chống tham nhũng, chính sách giải quyết khiếu nại;<br>▶ Giám sát tài khoản, giao dịch của nhân viên và những người có liên quan. |
| 4 | Vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền (PCRT), đặc biệt là nhận biết khách hàng và báo cáo về các giao dịch đáng ngờ | ▶ Phổ biến các quy định về PCRT và đào tạo cho toàn thể nhân viên nhằm nâng cao nhận thức về PCRT;<br>▶ Từ chối khách hàng không cung cấp thông tin nhận biết theo quy định của pháp luật;<br>▶ Hoạt động nhận biết khách hàng được thực hiện độc lập, có kiểm soát, kết hợp giữa thực hiện thủ công của phòng nghiệp vụ và sử dụng hệ thống nhận diện khách hàng tự động của bên thứ ba. Áp dụng các phương thức nhận biết và xác minh khách hàng trực tuyến (eKYC);<br>▶ Chủ động thông tin, báo cáo cho cán bộ chịu trách nhiệm về PCRT ngay khi phát hiện giao dịch đáng ngờ;<br>▶ Thực hiện đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố của Công ty để có những khuyến nghị, thay đổi phù hợp. |



## Bảng 1: Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ (PHẦN 2)

| STT | Rủi ro tiềm tàng | Biện pháp kiểm soát |
|---|---|---|
| 5 | Nhân viên vi phạm quy định của pháp luật, quy trình nghiệp vụ của Công ty | ▶ Tăng cường tần suất KSNB đối với các bộ phận được đánh giá là có khả năng xảy ra rủi ro;<br>▶ Ngăn chặn, báo cáo các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện trường hợp nhân viên có hành vi vi phạm quy định của pháp luật;<br>▶ Rà soát thường xuyên các vi phạm, áp dụng hình thức xử lý kỷ luật công bằng, nghiêm khắc đối với nhân viên vi phạm theo Nội quy lao động và các quy định nội bộ của Công ty. |
| 6 | Công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài chính phát triển mạnh mẽ, tạo ra cơ hội phát triển sản phẩm kinh doanh mới | ▶ Nghiên cứu các quy định về giám sát của cơ quan quản lý đối với lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) để thiết kế sản phẩm mới phù hợp với quy định;<br>▶ Kiến nghị cơ quan giám sát cập nhật và bổ sung các văn bản pháp lý liên quan tạo điền kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển;<br>▶ Sử dụng các dịch vụ tư vấn công nghệ và tư vấn pháp lý chuyên ngành để giảm thiểu rủi ro. |
| 7 | Rủi ro tuân thủ pháp luật và hợp đồng khi Công ty áp dụng các hình thức giao dịch trực tuyến | ▶ Nghiên cứu các quy định về giao dịch điện tử, giao dịch trực tuyến có liên quan, đặc biệt trong các hoạt động như mở tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến, vấn đề ký hợp đồng điện tử, sử dụng chữ ký số, nhận biết và xác minh khách hàng trực tuyến;<br>▶ Tham khảo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền, các đối tác cung cấp dịch vụ trực tuyến uy tín, tin cậy để có được giải pháp tối ưu;<br>▶ Soạn thảo các quy trình liên quan để ràng buộc việc thực hiện một cách chặt chẽ, hạn chế rủi ro cho Công ty và nhân viên, và mang tới sự thuận lợi để khách hàng thực hiện giao dịch;<br>▶ Tăng nguồn lực đầu tư vào CNTT để tăng tính hiệu quả của hệ thống giao dịch điện tử, giao dịch trực tuyến. |



Bằng việc đưa ra các giải pháp đồng bộ, kết hợp các hình thức kiểm tra trực tiếp và trực tuyến, các chính sách của Công ty luôn được truyền đạt nhanh chóng đến mỗi nhân viên, các sai phạm cũng được phát hiện kịp thời và có hình thức nhắc nhở, xử lý phù hợp. Toàn thể nhân viên luôn có ý thức tự giác, nghiêm túc trong việc nghiên cứu và tìm hiểu các quy định pháp luật cũng như quy định, chính sách nội bộ của Công ty.

## RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là các rủi ro rất khó đo lường, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín của Công ty do xuất phát từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, việc không tuân thủ các hợp đồng đã ký kết, sự thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Các rủi ro pháp lý mà mỗi công ty thường gặp chủ yếu liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

Để ngăn chặn các rủi ro pháp lý, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý phát sinh như sau:

- Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan. Mở rộng hình thức phổ biến qua các kênh gửi thư, hệ thống nội bộ, đào tạo nội bộ. Các quy định được cập nhật không chỉ liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, mà bao gồm các các lĩnh vực khác có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty như các quy định chung về doanh nghiệp, thương mại, dân sự, cũng như các lĩnh vực chuyên môn kế toán, thuế, lao động, v.v... Phòng Luật sẽ hỗ trợ các phòng ban trả lời các thắc mắc hoặc xin ý kiến từ các cơ quan có thẩm quyền đối với những quy định chưa được cụ thể, rõ ràng hoặc có sự mâu thuẫn giữa các quy định, nhằm đảm bảo cho công tác tuân thủ pháp luật trong nội bộ doanh nghiệp được thực hiện đúng đắn và đầy đủ;
- Việc rà soát, nhận diện, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn được đặc biệt coi trọng trong tất cả các giai đoạn, bao gồm nhưng không giới hạn khi kiểm tra hồ sơ, giấy tờ pháp lý trước khi ký kết các hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bất kỳ đối tác/khách hàng, kiểm tra việc ký kết cũng như tiến độ thực hiện các bước tiếp theo của những dự án này;
- Xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, biên soạn các hợp đồng, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp, cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận để việc sử dụng đáp ứng các chuẩn mực của Công ty; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng, v.v... của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ Phòng Luật nhằm tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật;
- Công ty rất chú trọng việc xây dựng hệ thống, phòng ban chuyên môn về luật. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI tổ chức Phòng Luật với các Luật sư có chứng chỉ hành nghề, thiết lập Bộ phận Luật chuyên trách riêng biệt về kinh doanh, chuyên trách về quản trị doanh nghiệp, các chuyên viên luật có kinh nghiệm cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết;
- Trong bối cảnh các quy định pháp luật mới được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường, các quy định mới này cần được cập nhật kịp thời, được hiểu đúng đắn và triển khai nhanh chóng ngay khi có hiệu lực. Nhằm giảm thiểu các rủi ro pháp lý từ các quy định mới, Phòng Luật đã ưu tiên và tập trung nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ giai đoạn dự thảo đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Phòng Luật, với sự hỗ trợ của các phòng ban có liên quan, cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được Ban Lãnh đạo và toàn thể nhân viên Công ty cam kết thực hiện. Trong năm 2022, nhân viên Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các biện pháp được đề ra và sẽ tiếp tục thực hiện công tác tuân thủ pháp luật trong năm 2023.





## RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Là một trong những định chế tài chính hàng đầu, SSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu nhận biết, định vị của doanh nghiệp mà còn là một tài sản có giá trị đặc biệt đi cùng với niềm tin. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và phát triển của thương hiệu luôn tiềm ẩn những nguy cơ rủi ro, xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Rủi ro thương hiệu có thể được xem là những sự cố, hoặc bất kỳ yếu tố không chắc chắn ngoài sự kiểm soát của nhà quản trị, có thể cản trở quá trình quản trị thương hiệu và thường dẫn đến những tổn thất ảnh hưởng lớn tới các hoạt động kinh doanh. Đặc biệt với SSI, doanh nghiệp kinh doanh trong ngành Tài chính – Chứng khoán, nơi mà sự uy tín và an toàn luôn là thước đo cho sự thành công thì việc quản trị rủi ro thương hiệu là hoạt động tất yếu và vô cùng quan trọng.

Trải qua 22 năm hoạt động và phát triển, SSI đã nhận diện, phân loại và dự báo các rủi ro thương hiệu mà doanh nghiệp có thể gặp phải, từ đó xây dựng các biện pháp xử lý, kiểm soát thích hợp để đóng góp cho việc thực hiện chiến lược thương hiệu thành công.

| Phân loại rủi ro | | Định nghĩa | Biện pháp |
|---|---|---|---|
| **Rủi ro xuất phát từ nguyên nhân khách quan** | Rủi ro bởi yếu tố văn hóa, chính trị, pháp lý và xã hội | Là rủi ro do sự thay đổi của một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới thương hiệu. | Dự đoán và đánh giá ảnh hưởng của các biến cố xảy ra, xác định phương án xử lý làm giảm ảnh hưởng các yếu tố rủi ro vĩ mô đến thương hiệu doanh nghiệp. |
| | Rủi ro bởi thị trường | Là rủi ro do sự thay đổi bất thường trong nền kinh tế hoặc thị trường nói chung và thị trường Tài chính – Chứng khoán nói riêng gián tiếp hoặc trực tiếp gây ảnh hưởng tới thương hiệu. | Xây dựng và chuẩn bị các phương án xử lý khủng hoảng, ứng xử với các tình huống bất định của thị trường, đặc biệt liên quan đến những phản ứng và thay đổi thái độ, hành vi của khách hàng và người tiêu dùng. |
| | Rủi ro bởi đối thủ cạnh tranh | Là rủi ro khi đối thủ đẩy mạnh hoạt động truyền thông hoặc lan truyền các thông tin tiêu cực làm thay đổi quan điểm của công chúng về thương hiệu. | Minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, có quy trình cụ thể trong việc công bố và đính chính thông tin sai lệch. |
| **Rủi ro xuất phát từ nguyên nhân chủ quan** | Rủi ro trong quá trình thiết kế thương hiệu | Bộ nhận diện thương hiệu không đồng bộ thống nhất khi đưa vào phát triển, không được đăng ký bảo hộ trên thị trường. | Xây dựng bộ cẩm nang nhận diện thương hiệu, đăng ký bảo hộ các thành tố của/và liên quan đến thương hiệu cũng như tích cực áp dụng các biện pháp phù hợp để chống xâm phạm thương hiệu. |
| | Rủi ro trong quản lý đặc tính thương hiệu | Doanh nghiệp không đủ năng lực quản lý các tiêu chuẩn và hệ thống đặc tính thương hiệu khiến các yếu tố không nhất quán gây tổn hại đến doanh nghiệp, mâu thuẫn trong truyền tải thông điệp đến cộng đồng, xã hội. | Thiết lập các hệ thống quản trị, các tiêu chuẩn, các biện pháp tiền bảo vệ trong việc quản lý đặc tính thương hiệu; liên tục rà soát, kiểm tra việc triển khai sử dụng các đặc tính thương hiệu tại từng đơn vị, trong từng sản phẩm và dịch vụ của SSI. |

| Phân loại rủi ro | | Định nghĩa | Biện pháp |
|---|---|---|---|
| **Rủi ro xuất phát từ nguyên nhân chủ quan** | Rủi ro trong xây dựng và quản lý tài sản thương hiệu | Doanh nghiệp đánh mất những giá trị khác biệt của chính mình, không có ưu thế so với đối thủ cạnh tranh trên thị trường. | Tại SSI, việc truyền đạt các giá trị của Công ty là rất quan trọng, thể hiện ở khả năng giao tiếp và thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi là yếu tố thúc đẩy danh tiếng hàng đầu, là ưu thế, là sự khác biệt của doanh nghiệp. Mỗi nhân viên SSI, mỗi mắt xích trong tập thể lớn đều là một "đại sứ thương hiệu" để lan tỏa thương hiệu và thông điệp của mình đến khách hàng và đại chúng. |
| | Rủi ro trong hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu | Sự phát triển của công nghệ làm tăng cao rủi ro về danh tiếng thông qua việc con người có thể làm cho các tin tức phát tán nhanh hơn, dễ dàng, ít tốn kém hơn. | ▶ Hoạch định kế hoạch truyền thông, quảng cáo nhằm đảm bảo mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ;<br>▶ Các tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ SSI đều được lựa chọn kĩ càng, mang tính nhất quán cao, có quy định về công bố thông tin và xử lý khủng hoảng;<br>▶ Đầu tư kinh phí dành cho các công cụ quản trị thông tin trên internet, cũng như có các mục tiêu, mục đích rõ ràng để đảm bảo tính hiệu quả, hạn chế rủi ro cho hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu. |
| | Rủi ro trong hoạt động mở rộng thương hiệu | Xảy ra khi một công ty mở rộng quá nhanh khiến việc quản trị trở nên khó khăn, thương hiệu sẽ bắt đầu mất đi sức mạnh, trọng tâm, những thuộc tính thích hợp với nhóm khách hàng thân thuộc. | Xây dựng chiến lược và quy trình quản trị thương hiệu chặt chẽ, đảm bảo tính tương quan và hệ thống giữa thương hiệu chính và thương hiệu mở rộng; mở rộng thương hiệu luôn luôn dựa trên nền tảng thương hiệu gốc. |

Quản trị rủi ro thương hiệu là hoạt động quan trọng, phức tạp và cần được tiến hành thường xuyên trong suốt quá trình phát triển của thương hiệu, đặc biệt trong giai đoạn TTCK năm 2022 nói riêng và trên dòng chảy thời gian nói chung luôn luôn đầy khó khăn và thử thách. Trước bối cảnh đó, việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thương hiệu mang tới cho SSI những phương án phòng tránh những yếu tố bất định, tình huống dẫn đến rủi ro, chủ động kiểm soát, ứng phó tình hình nhằm hạn chế tối đa những tác động tiêu cực, gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Việc nhận thức, xây dựng và áp dụng chiến lược quản trị rủi ro thương hiệu đem đến cho SSI những lợi ích tích cực được kể đến như:

- Tránh lãng phí ngân sách do có thể lường trước được những chi phí do tổn thất phát sinh trong quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu;
- Cung cấp các thông tin, dự báo nguy cơ rủi ro và ngay lập tức đưa ra những biện pháp xử lý tối ưu giúp SSI nhanh chóng kiểm soát được rủi ro thương hiệu, giảm thiểu những tổn thất tiêu cực;
- Là công cụ hỗ trợ hữu ích thúc đẩy kinh doanh, tăng doanh thu, lợi nhuận theo chiến lược phát triển vững bền;
- Tạo dựng và củng cố niềm tin cho khách hàng, tăng lòng trung thành với khách hàng cũ cũng như gây ấn tượng tốt với khách hàng tiềm năng;
- Nâng cao hình ảnh, giá trị thương hiệu.

Trong năm 2022, SSI triển khai rất nhiều các hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu cũng như kịp thời ứng phó, xử lý khủng hoảng truyền thông, đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro thương hiệu đạt hiệu quả tối ưu. Các hoạt động tiêu biểu có thể kể đến như:



| STT | Hoạt động truyền thông đã thực hiện | Kết quả |
|---|---|---|
| 1 | Các chương trình truyền thông, quảng cáo, khuyến mãi, v.v... trên mạng xã hội | ▶ Dẫn đầu thị phần thảo luận trên kênh mạng xã hội, chiếm 33,7% tổng thảo luận ngành, tăng 23% so với năm 2021;<br>▶ Tỷ lệ thảo luận tích cực chiếm 46,1% tổng thảo luận, tăng 13,8% so với năm 2021;<br>▶ Tỷ lệ thảo luận tiêu cực chiếm 2,5% tổng thảo luận, giảm 0,9% so với năm 2021;<br>▶ Top 1 thương hiệu ngành được nhắc đến nhiều nhất trong quyết định lựa chọn của khách hàng. |
| 2 | Các bài báo trích dẫn báo cáo, nhận định từ chuyên gia, các chương trình tư vấn của SSI hỗ trợ nhà đầu tư | ▶ Thực hiện gần 24.000 tin bài;<br>▶ Tuyến chương trình tư vấn cho nhà đầu tư: Café Chứng, Bí mật đồng tiền |
| 3 | Các hoạt động công bố thông tin | ▶ Hoàn thành đầy đủ các công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ;<br>▶ Đảm bảo tính minh bạch, khách quan, trung thực. |
| 4 | Rà soát và kiểm định lại hệ thống nhận diện thương hiệu | ▶ Củng cố và bảo vệ tốt hơn hình ảnh và giá trị thương hiệu;<br>▶ Tạo sự nhất quán cho các sản phẩm trí tuệ và dịch vụ của Công ty. |
| 5 | Hoạt động xử lý khủng hoảng | ▶ Chủ động dự báo, đánh giá các khủng hoảng khách quan;<br>▶ Quy trình xử lý với kịch bản rõ ràng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng. |
| 6 | Kết hợp với những đơn vị tư vấn hàng đầu để có thể lắng nghe được chi tiết nhất những bàn luận của nhà đầu tư và khách hàng | ▶ Chủ động trong việc ứng phó với các thông tin sai lệch;<br>▶ Thu thập và nhìn rõ các định hướng thông tin trên thị trường, nhằm giúp SSI tiếp tục đi tiếp con đường minh bạch hóa thị trường, là người tiên phong của thị trường. |
| 7 | Hoạt động xử lý giả mạo thương hiệu | ▶ Xây dựng quy trình xử lý các hoạt động giả mạo thương hiệu SSI trên thị trường;<br>▶ Truyền thông đến khách hàng về cảnh báo và phòng chống giả mạo các trường hợp giả mạo. |
| 8 | Ban hành, đào tạo các quy định, quy chế về quản trị thông tin;<br><br>Triển khai đào tạo các khóa học như: Khóa học QTRR Kiểm soát Tuân thủ, bao gồm các nội dung về Đạo đức nghề nghiệp, PCRT, Phòng chống rủi ro gian lận; Khóa học đào tạo hội nhập về lịch sử hình thành, các tôn chỉ, mục đích, văn hóa của SSI; Khóa học Đào tạo thương hiệu SSI; Khóa học Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội và Khóa đào tạo về Trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực Chứng khoán. | ▶ Ban hành Quy định về báo cáo và công bố thông tin; Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin trên báo chí; Nguyên tắc quản trị sự cố truyền thông; Quy trình sử lý sự cố rò rỉ thông tin (Data leak); Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội;<br>▶ 100% nhân viên tham gia đào tạo. |

Quản trị rủi ro nói chung và quản trị rủi ro thương hiệu nói riêng là hoạt động quan trọng và cấp thiết trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Do đó, SSI luôn duy trì áp dụng các các biện pháp quản trị rủi ro thương hiệu; hoàn thiện và nâng cấp các quy trình xử lý và đào tạo cũng như liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; không ngừng xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa khách hàng, cổ đông, công chúng làm tiền đề cho chiến lược quản trị rủi ro thương hiệu đạt hiệu quả tối ưu.

# RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Đối với SSI, nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, là nhân tố tạo nên giá trị khác biệt của Công ty. SSI tiếp tục chú trọng vào việc phát triển chính sách và hoạt động quản lý nguồn nhân lực bài bản và toàn diện.

Công tác quản trị nhân sự tại SSI thường xuyên đối mặt với những thách thức mới, cơ hội mới do bối cảnh kinh doanh mang lại. Khi thị trường lao động luôn trong trạng thái nguồn cung không đủ cầu, các công ty đều đẩy mạnh thu hút, tuyển dụng nhân sự từ đối thủ hoạt động cùng ngành. Nhu cầu phát triển các mảng hoạt động kinh doanh mới, ứng dụng công nghệ cao vào kinh doanh và vận hành khiến sự cạnh tranh trong việc tuyển dụng nhân sự CNTT trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. SSI giờ đây không chỉ cạnh tranh với đối thủ trong ngành Tài chính, Chứng khoán, Ngân hàng, mà còn mở rộng ra các công ty trong lĩnh vực Công nghệ.  Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 bùng phát, việc đảm bảo thu nhập, an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe cho mỗi cán bộ, nhân viên cũng là trọng tâm trong công tác quản trị nguồn nhân lực.

Đứng trước những thách thức trong việc duy trì và phát triển đội ngũ, công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động quản trị nhân lực cũng đã được chú ý thực hiện nghiêm túc. Công ty đã lập danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong các hoạt động quản trị nhân sự để xác định đánh giá các rủi ro và có kịch bản xử lý.



| Hoạt động quản trị Nhân sự | Rủi ro tiềm tàng | Các vấn đề cần cân nhắc |
|---|---|---|
| **Lương thưởng và chế độ phúc lợi** | Ảnh hưởng tài chính | ▶ Người có thẩm quyền ký các quyết định liên quan đến lương thưởng và chế độ phúc lợi;<br>▶ Bố trí các cấp kiểm soát khi thực hiện phê duyệt các khoản chi trả nhằm mục tiêu giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng liên quan tới tính chính xác về số liệu, thông tin nhân sự, phân cấp phê duyệt và các chính sách do Luật định;<br>▶ Kiểm soát ngân sách để đảm bảo chính sách được duyệt không vượt quá ngân sách đã định;<br>▶ Xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo mô hình 3P (Positon – vị trí; Person – con người; Performance – Hiệu quả công việc) nhằm tránh việc trả lương theo bằng cấp, thâm niên mà thay vào đó chi trả dựa trên năng lực, đóng góp của cá nhân vào việc hiện thực hóa mục tiêu của doanh nghiệp;<br>▶ Xây dựng các cơ chế chi trả lương doanh số phù hợp với từng lực lượng kinh doanh; định kỳ đánh giá, điều chỉnh phù hợp với mục tiêu từng thời kỳ, gắn thu nhập của nhân viên với hiệu quả công việc và hiệu quả tài chính. |
| **Tuyển dụng** | Phân biệt đối xử trong quá trình tuyển dụng | ▶ Quy trình và tiêu chí sàng lọc xét chọn hồ sơ và tuyển dụng được chuẩn hóa, định kì rà soát và yêu cầu áp dụng đối với tất cả các ứng viên. |
| | Tuyển chọn sai đối tượng | ▶ Áp dụng thời gian thử việc và đánh giá sau thử việc. |
| | Uy tín và danh tiếng tuyển dụng | ▶ Thực hiện đúng những điều kiện/cam kết đã trao đổi với ứng viên trong quá trình tuyển dụng. |
| **An toàn lao động và chăm sóc sức khỏe** | Môi trường làm việc | ▶ Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo cung cấp môi trường và các điều kiện làm việc an toàn, sạch sẽ, lành mạnh và chuyên nghiệp;<br>▶ Khi đại dịch Covid-19 bùng phát, SSI đã cung cấp nước rửa tay kháng khuẩn, khẩu trang y tế tới nhân viên, khách hàng khi đến Công ty làm việc ngay từ thời điểm đầu;<br>▶ Định kỳ theo tuần, các văn phòng được phun khử khuẩn để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm. Máy lọc không khí được trang bị như một biện pháp hỗ trợ bổ sung để giữ gìn sức khỏe cho cán bộ nhân viên;<br>▶ Tuân thủ theo Luật an toàn, vệ sinh lao động Nhà nước ban hành. |
| | Sức khỏe người lao động | ▶ Định kỳ tổ chức khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động, có kế hoạch dự phòng nhân sự khi cần thiết;<br>▶ Tuân thủ luật Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế để đảm bảo cho người lao động trong các trường hợp được hưởng đầy đủ quyền lợi theo từng chế độ được nhà nước quy định, đặc biệt là các chế độ ốm đau, thai sản, v.v...<br>▶ Duy trì gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người lao động với quyền lợi cao, cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo và hỗ trợ về mặt tài chính cho người lao động đủ điều kiện khám chữa bệnh trọng điều kiện tốt;<br>▶ Đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát, sức khỏe của người lao động luôn được đặt lên hàng đầu. SSI triển khai phương án làm việc tại nhà để đảm bảo an toàn cho người lao động, tuân thủ quy định giãn cách xã hội của Nhà nước và vẫn song song duy trì được hoạt động kinh doanh. Có những thời điểm Công ty chỉ duy trì 10 – 20 nhân sự (trên tổng số trên 1.000 nhân sự) trực vận hành tại 02 địa điểm chính: Hội sở và Chi nhánh Hà Nội;<br>▶ Bên cạnh đó, 100% nhân sự SSI đều được bố trí tiêm vắc-xin phòng Covid-19 đủ 3 mũi. Các nhân sự có kết quả xét nghiệm dương tính với Covid-19 đều được cung cấp miễn phí dịch vụ tư vấn với bác sĩ trực tuyến nếu có yêu cầu. |

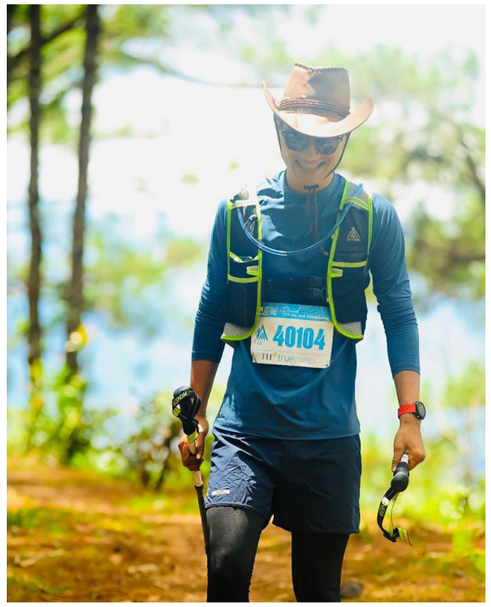
| Hoạt động quản trị Nhân sự | Rủi ro tiềm tàng | Các vấn đề cần cân nhắc |
|---|---|---|
| **Quản lý nhân viên** | Thiếu thông tin và không được hướng dẫn/đào tạo cần thiết để thực hiện công việc | ▶ Nhân sự mới đều được yêu cầu tham gia các khóa đào tạo dành cho nhân viên mới bao gồm: Đào tạo hội nhập, Đào tạo các quy định, quy trình, hướng dẫn áp dụng chung cho toàn Công ty v.v…, và có thể tra cứu lại thông tin bất cứ lúc nào thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến SSI E-Learning;<br>▶ Trong quá trình làm việc, các nhân viên cần được bồi dưỡng, đào tạo nội bộ hoặc đào tạo bên ngoài, và giám sát bởi cấp quản lý để đảm bảo các kiến thức, kỹ năng của mỗi nhân viên đáp ứng yêu cầu hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. |
| | Nhân viên không được đánh giá hiệu quả công việc | ▶ Tất cả vị trí trong Công ty đều được đánh giá hiệu quả công việc thông qua Chương trình Đánh giá Hiệu quả Công việc cuối năm, được thực hiện trên hệ thống Đánh giá Hiệu quả Công việc (PMS) và lưu trữ thông tin các kỳ đánh giá để tham chiếu. Đối với các đối tượng đặc thù như nhân viên Môi giới được đánh giá phân bậc 2 kỳ trong năm. |
| | Dự phòng nhân sự | ▶ Các vị trí trong Công ty cần được xây dựng bản mô tả công việc rõ ràng, đảm bảo khi thiếu hụt nhân sự có thể kịp thời tuyển dụng thay thế để đảm bảo thực hiện đúng chức năng công việc của vị trí đó. Mỗi bộ phận, phòng ban đều có kế hoạch dự phòng nhân sự để đảm bảo hoạt động của phòng khi có nhân viên nghỉ đột xuất hoặc nghỉ dài hạn. Các vị trí chủ chốt trong Công ty có kế hoạch đào tạo nhân sự. |
| | Thiếu hụt nhân sự | ▶ Phát triển và hoàn thiện nhiều kênh đăng tuyển, ứng tuyển trực tuyến; kết nối với các cộng đồng tuyển dụng; hợp tác hiệu quả với các đối tác trong lĩnh vực tuyển dụng để tiếp cận, kết nối với ứng viên tiềm năng;<br>▶ Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phối hợp với nhiều trường đại học lớn trên cả nước và một số tổ chức du học sinh quốc tế nhằm triển khai các chuỗi chương trình hợp tác đa chiều, thường niên trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, công nghệ tại Việt Nam v.v… theo định hướng xây dựng thương hiệu tuyển dụng mạnh, thu hút nguồn nhân lực giàu sức trẻ, năng động và sáng tạo, tạo nguồn ứng viên tiềm năng trong tương lai;<br>▶ Củng cố chính sách đãi ngộ tổng thể khuyến khích và gắn kết quyền lợi người lao động với kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua chính sách lương, thưởng và chương trình phát hành cổ phiếu ưu đãi;<br>▶ Tăng cường công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nội bộ để xây dựng lực lượng lao động có kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tế công việc, xây dựng đội ngũ kế cận. |
| | Vi phạm quy tắc đạo đức | ▶ Đẩy mạnh giám sát chéo thông qua các quy trình nghiệp vụ chặt chẽ. Tổ chức đào tạo và cập nhật về Đạo đức nghề nghiệp và các trường hợp vi phạm để nhân viên ý thức và tránh vi phạm. |
| | Bảo mật thông tin cá nhân | ▶ Các thông tin cá nhân của nhân viên cần được bảo mật, chỉ cung cấp khi có yêu cầu cụ thể từ các cấp có thẩm quyền;<br>▶ Mọi nhân viên đều được ký Hợp đồng Lao động và Thỏa thuận Bảo mật đầy đủ khi làm việc tại doanh nghiệp, đồng thời được đào tạo về bảo mật an ninh thông tin hàng năm. |
| **Đối với nhân viên nghỉ việc** | Thất thoát tài sản của Công ty | ▶ Tuân thủ đúng quy trình bàn giao tài sản và bàn giao công việc để tránh rủi ro thất thoát tài sản cả về vật chất và phi vật chất (thông tin). |
| | Danh tiếng Công ty | ▶ Tiến hành phỏng vấn khi nghỉ việc để nắm được nguyên nhân nghỉ việc của nhân viên, tránh các rủi ro ảnh hưởng tới danh tiếng của Công ty. |



Đối với SSI, tối ưu hóa chi phí vận hành nhưng vẫn phải đảm bảo tốc độ phát triển nguồn lực cả về chất lượng và số lượng, thích ứng với yêu cầu của thị trường; thu hút và giữ chân nhân tài đặc biệt là nhân sự cấp cao luôn là thách thức cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực. SSI đề cao việc quản trị bộ máy bằng hệ thống và các quy trình để đảm bảo tuân thủ chặt chẽ, phát triển bền vững và khả năng dự phòng nhân sự cho cả bộ máy để hạn chế tối đa những rủi ro có thể gặp phải do có biến động về nhân sự. Bộ phận Nhân sự cũng thiết lập các quy trình, công cụ và bộ Chỉ số Đo lường Hiệu quả Công việc (KPIs), Cam kết Chất lượng Dịch vụ (SLAs) nhằm hướng dẫn tác nghiệp, đo lường kết quả hoạt động và nhận diện các rủi ro đối với hoạt động vận hành hàng ngày liên quan tới từng nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, kênh Truyền thông Nội bộ được duy trì để tiếp tục chia sẻ tầm nhìn, chiến lược, củng cố văn hóa doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng tinh thần SSI, gắn kết đội ngũ nhân sự với các mục tiêu của tổ chức. Đây cũng là một biện pháp đảm bảo thông tin xuyên suốt và mỗi nhân viên đều hiểu được mục tiêu của bản thân và của tập thể để tiếp tục đóng góp sức mình vào sự phát triển chung của Công ty. Với sự chia sẻ và minh bạch cao trong tổ chức, bộ máy sẽ vận hành được trơn tru hơn, giảm thiểu những tác động tiêu cực tới nhân sự. Cùng với những cơ hội và thách thức mới, công tác quản trị nhân sự tại SSI nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ban Lãnh đạo để tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ, đậm tinh thần SSI. SSI tiếp tục đóng vai trò là một cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài. Tại đây, SSI tiếp sức cho những hoài bão và sẵn sàng trao cơ hội thử sức và phát triển cho nhân viên. Bằng cách quản trị bằng hệ thống và quy trình kiểm soát chéo, SSI có thể mạnh dạn tạo điều kiện thử nghiệm, thử sức cho đội ngũ nhân viên nhưng vẫn đảm bảo hạn chế được những rủi ro có thể xảy ra.






## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 2023

*Trong năm 2023, hoạt động QTRR sẽ tiếp tục được cập nhật, nâng cao và hoàn thiện để phù hợp với thực tế kinh doanh của SSI cũng như các tiêu chuẩn quốc tế.*

Đi đôi với việc liên tục đổi mới, cập nhật các sản phẩm dịch vụ giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng là sự tăng trưởng đội ngũ nhân sự, cũng như số lượng khách hàng lớn và liên tục gia tăng, cùng với đó là một loạt các hệ thống phần mềm giao dịch và phần mềm hỗ trợ. Dự kiến trong năm 2023, Công ty sẽ tiếp tục đối mặt với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động, đặc biệt là từ nguyên nhân hệ thống, quy trình, và con người. Bên cạnh đó, các rủi ro từ những yếu tố bên ngoài như một số đối tượng giả danh SSI để tiến hành các hoạt động lừa đảo cũng sẽ gia tăng trong năm 2023.

Mặc dù các yếu tố về lạm phát và lãi suất cũng như chiến tranh đã cơ bản phản ánh vào biến động thị trường trong nước và thế giới trong năm 2022, tuy nhiên trong năm 2023 các rủi ro này vẫn là yếu tố có thể tiếp tục gây ảnh hưởng đến thị trường do lãi suất vẫn duy trì ở mức cao, nguy cơ suy giảm của kinh tế toàn cầu đặc biệt rủi ro có thể xảy ra ở một số lĩnh vực/doanh nghiệp cụ thể do kinh doanh gặp khó khăn và doanh nghiệp có tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao.

Thanh khoản thị trường sụt giảm kéo theo dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ giảm sút so với mức đỉnh năm 2022. Để tận dụng hiệu quả nguồn vốn, Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư giấy tờ có giá, đồng thời phân bổ linh hoạt vào các hoạt động kinh doanh khác. Việc đa dạng hóa kênh đầu tư giúp SSI tối ưu hóa việc sử dụng vốn, tuy nhiên cũng đem lại cho Công ty rủi ro thanh khoản.

Chính vì vậy, trọng tâm của năm 2023 là tiếp tục nâng cao hiệu quả của việc QTRR hoạt động, đặc biệt là tiếp tục hoàn thiện kế hoạch dự phòng trong các trường hợp xảy ra sự cố, thảm họa dựa trên những bài học thực tế đã triển khai trong những năm trước, bổ sung/hoàn thiện hệ thống chính sách/quy trình QTRR cho các hoạt động kinh doanh/sản phẩm dịch vụ mới. Cùng với đó, các hoạt động đào tạo nâng cao văn hóa về phòng chống rủi ro cho toàn bộ nhân viên, với mục tiêu mỗi nhân viên như một nhà QTRR trong từng hoạt động của mình tiếp tục được thực hiện. Tăng cường các biện pháp ngăn ngừa rủi ro từ các yếu tố bên ngoài như các hoạt động tuyên truyền, cảnh báo đến toàn bộ khách hàng, nhân viên SSI về các hoạt động lừa đảo mạo danh SSI, liên tục rà soát đánh giá mức độ an toàn của các hệ thống Công nghệ Thông tin để có thể nâng cao khả năng phòng chống xâm nhập từ bên ngoài.

Tiếp theo đó là tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro thị trường, rủi ro ở một số ngành và/hoặc doanh nghiệp cụ thể, mức độ rủi ro tập trung dư nợ liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ để có sự điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, thị trường phái sinh cũng được giám sát hàng ngày để kịp thời điều chỉnh và xử lý nếu có các yếu tố thị trường có thể gây ra mức biến động mạnh của các chỉ số phái sinh.

Bộ phận QTRR tiếp tục phối hợp với Bộ phận Đầu tư đưa ra ý kiến đánh giá và cảnh báo rủi ro cho các hoạt động đầu tư giấy tờ có giá.

Bộ phận QTRR tiếp tục phối hợp với Bộ phận Kinh doanh Chứng quyền tiến hành hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền có bảo đảm cũng như giảm thiểu chi phí phòng ngừa rủi ro.

Hoạt động QTRR thanh khoản luôn được chú trọng để đảm bảo Công ty luôn có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu cho vay giao dịch ký quỹ và không xảy ra rủi ro thanh khoản, cũng như nguồn lực tài chính được thực hiện điều phối và sử dụng một cách hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh khác.

### Khó khăn khi thực hiện hoạt động QTRR

Để thành công trong công tác QTRR cần sự chính xác và hiệu quả trong hoạt động nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo và xử lý rủi ro. Bên cạnh đó, nhận thức của toàn bộ các cấp lãnh đạo cũng như nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR, cùng với ý thức tham gia đóng góp vào công tác QTRR của toàn bộ nhân viên SSI cũng quan trọng không kém.

Do QTRR là một lĩnh vực đang phát triển, nên còn tồn tại những vấn đề có thể có những cách nhìn đa chiều, một số mô hình đo lường rủi ro cũng còn có những điểm hạn chế, cũng như nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động QTRR của đa số người lao động còn cần cải thiện.

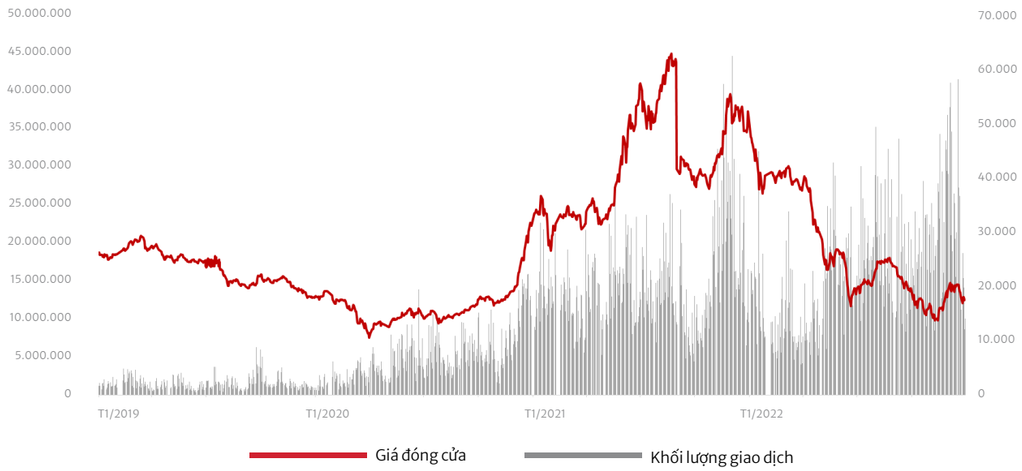
Thế giới, Việt Nam và tại SSI đã và tiếp tục có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang việc áp dụng công nghệ vào trong các sản phẩm kinh doanh cũng như mọi hoạt động hàng ngày nên sẽ có ngày càng nhiều hơn các hệ thống cũng như mức độ phức tạp ngày càng tăng dẫn tới sẽ phát sinh nhiều hơn các rủi ro mới liên quan đến hệ thống công nghệ và an toàn hệ thống mà đòi hỏi nhà QTRR phải có kiến thức sâu hơn về CNTT. Bên cạnh đó, các rủi ro ngoài khả năng dự đoán của con người như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh ngày càng xuất hiện nhiều hơn gây ra các rủi ro đột ngột và khó chống đỡ.



# THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2022

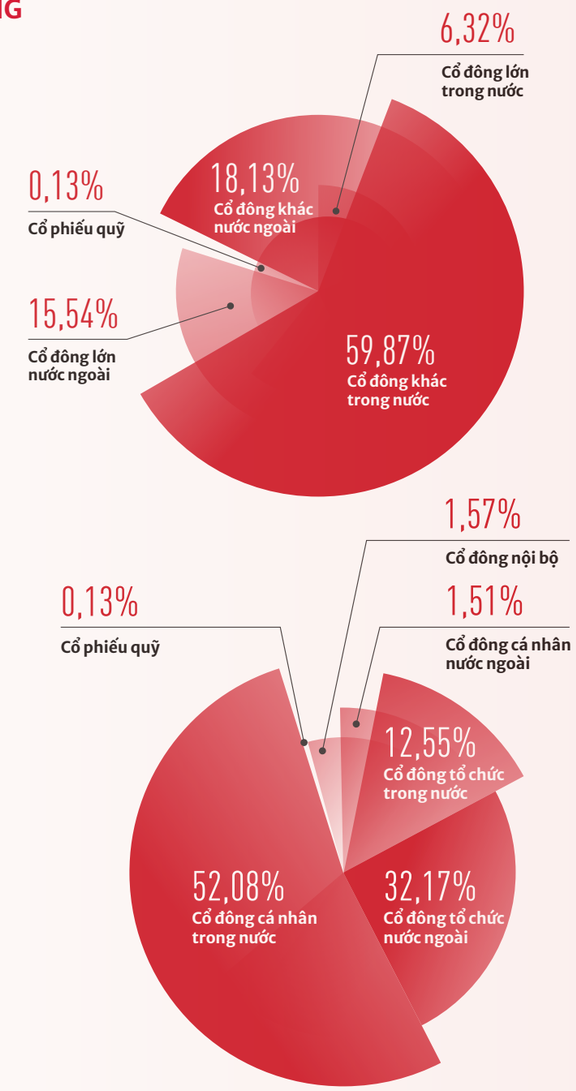
**Diễn biến giá cổ phiếu SSI và khối lượng giao dịch năm 2019 – 2022**




| | |
|---|---|
| **Mã chứng khoán niêm yết:** | SSI |
| **Sàn niêm yết** | Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) |
| **Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2022):** | 1.491.130.137 cổ phiếu |
| **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2022):** | 1.489.138.669 cổ phiếu |
| **Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2022):** | 1.991.468 cổ phiếu |
| **Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2022)** | 17.700 VNĐ/cổ phiếu |
| **Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt** | 10% (01 cổ phiếu được nhận 1.000 VNĐ) |
| Ngày giao dịch không hưởng quyền | 22/06/2022 |
| Ngày đăng ký cuối cùng | 23/06/2022 |
| Ngày thực hiện thanh toán | 20/07/2022 |
| **Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động** | 100.000.000.000 VNĐ |
| Ngày kết thúc phát hành | 23/02/2022 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 10.000.000 cổ phiếu |
| Mệnh giá cổ phiếu | 10.000 VNĐ/cổ phiếu |
| **Tăng vốn điều lệ do chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu** | 4.963.801.150.000 VNĐ |
| Ngày kết thúc đợt chào bán | 09/08/2022 |
| Số lượng cổ phiếu đã chào bán | 496.380.115 cổ phiếu |
| Tỷ lệ thực hiện quyền | 2:1 (02 cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới) |
| Mệnh giá cổ phiếu | 10.000 VNĐ/ cổ phiếu |
| **Tạm ứng cổ tức năm 2022** | Không có tạm ứng cổ tức năm 2022 |



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG




*Số liệu tại ngày 09/08/2022*
*Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán*

**THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN)**

| STT | Cổ đông | Địa chỉ | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu(*) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Đầu tư NDH | Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội | 94.237.688 | 6,32% |
| 2 | Daiwa Securities Group Incorporation | 9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản | 231.737.895 | 15,54% |
| | | **TỔNG CỘNG** | **325.975.583** | **21,86%** |

*(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 1.491.130.137 cổ phiếu. Số liệu tại ngày 09/08/2022.*
*Các thông tin chi tiết về cổ đông, giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ sẽ được cung cấp tại phụ lục 01 và 02 của báo cáo này.*

## HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2022

*Với mục tiêu **"Tối đa hóa lợi ích cổ đông"**, SSI luôn duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, chủ động chia sẻ thông tin, tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư. Công ty đã nhận được sự tin tưởng từ cổ đông hiện hữu, tiếp cận nhà đầu tư tiềm năng, góp phần tạo nên thương hiệu SSI minh bạch tại thị trường Việt Nam và trong khu vực.*

### Bảo vệ quyền lợi và tối đa hóa lợi ích cổ đông

Tại SSI, việc thực hiện các chính sách để bảo vệ quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn được Công ty chú trọng hàng đầu.

Để tạo điều kiện cho cổ đông được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư, trong những năm vừa qua SSI luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website, email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên v.v... Các thông tin đều được công bố song song bằng tiếng Việt – tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử SSI, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các cổ đông trong và ngoài nước.

Các quyền khác của cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ & Quy chế Quản trị Công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sỡ hữu.

Trong những năm vừa qua, SSI luôn duy trì một mức chi trả cổ tức đều đặn 10% với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho cổ đông. Đặc biệt trong năm 2022, bên cạnh việc chi trả cổ tức tiền mặt, SSI cũng thực hiện thành công đợt phát hành thêm gần 496,4 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 và phát hành 10 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Các đợt phát hành thành công này không chỉ có tác dụng bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, mà còn tạo thêm sự gắn kết, gia tăng giá trị tài chính cho cổ đông, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức.

### Minh bạch hóa thông tin & chủ động kết nối với cộng đồng đầu tư

Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, SSI có quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi vấn đề quan trọng và những vấn đề có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư, tuân thủ chặt chẽ Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK.

Trong năm 2022, những nỗ lực thích ứng nhanh với thời cuộc, tiên phong hướng dẫn chuyển đổi số của SSI đã mang lại hiệu quả, sự hài lòng và tiện lợi cho cổ đông. Minh chứng rõ ràng nhất chính là việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) với hình thức trực tuyến của Công ty. Với gần 30 nghìn cổ đông, cơ cấu đa dạng, bao gồm cá nhân và tổ chức, trong nước và ngoài nước, ĐHĐCĐ trực tuyến của SSI đảm bảo mọi cổ đông với thiết bị kết nối Internet đơn giản đều có cơ hội tham gia theo dõi, thảo luận và thực hiện bầu cử/biểu quyết trên hệ thống trực tuyến. Điều này đã giúp xoá bỏ những khó khăn, thu hẹp khoảng cách địa lý và thu hút sự chú ý của giới đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, đặc biệt trong bối cảnh hạn chế đi lại do đại dịch Covid-19 trong nửa đầu năm 2022. Rào cản về ngôn ngữ cũng được SSI gỡ bỏ khi đã tiến hành cung cấp song song hai ngôn ngữ Anh – Việt tại ĐHĐCĐ, đem lại nhiều sự lựa chọn cho cổ đông.

Bên cạnh đó, trong năm vừa qua, Công ty tiếp tục duy trì nhiều cuộc họp trực tuyến với các chuyên gia quản lý danh mục, chuyên gia phân tích đến từ nhiều Quỹ trong và ngoài nước. Các cuộc họp này đều có sự tham gia của đại diện lãnh đạo cấp cao, giúp nhà đầu tư tìm hiểu hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng phát triển trong tương lai của Công ty, cũng như giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, chiến lược hoạt động, v.v...

Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tiếp tục được gửi tới từng cổ đông qua email và qua sự kiện cập nhật kết quả kinh doanh dành cho các Quỹ đầu tư (earnings call), giúp cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, có nhận định chính xác và đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn. Những bản tin này đồng thời được gửi rộng rãi tới các cơ quan thông tấn, báo chí, đảm bảo các nhà đầu tư tiềm năng cá nhân hoặc tổ chức cũng nắm bắt được thông tin cập nhật nhất.

Trang Thông tin Điện tử SSI tại địa chỉ ***www.ssi.com.vn*** với giao diện hiện đại cùng cách trình bày thông tin rõ ràng, cập nhật, là kênh truyền thông thông tin vô cùng hiệu quả, giúp nhà đầu tư có thể dễ dàng tra cứu toàn bộ các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo, cùng các văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty v.v... từ khi thành lập Công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững được xuất bản hàng năm, cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược hoạt động của Công ty, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị cũng như các hoạt động phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, đại diện lãnh đạo Công ty cũng chủ động tham dự nhiều hội thảo, gặp gỡ, chia sẻ thông tin phân tích & góc nhìn về tình hình kinh tế vĩ mô, TTCK Việt Nam cũng như giới thiệu hoạt động của Công ty tới cộng đồng nhà đầu tư nước ngoài tại một số thị trường trọng điểm.



# ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI SSI



SSI luôn tin rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là chìa khóa quan trọng đảm bảo phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đồng thời mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

Song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam nói chung, các quy định áp dụng riêng đối với công ty niêm yết, công tác quản trị của SSI từng bước được hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như "Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN", hay tài liệu "Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất" do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành tháng 08/2019.

Trong thời gian qua, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, SSI đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty của mình, tiệm cận dần với các chuẩn mực tốt trong khu vực. Cụ thể, bốn khía cạnh mà SSI đã thực hiện tốt trong nhiều năm trở lại đây là: Quyền của cổ đông, Đối xử bình đẳng với cổ đông, Vai trò với các bên liên quan và Công bố thông tin minh bạch. Sau khi Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành và có hiệu lực, SSI đã cập nhật hệ thống văn bản quản trị công ty bao gồm Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của UBKT. Các quy chế này được soạn thảo dựa trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, đồng thời có tham chiếu với các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, trong đó đã đề cao tính minh bạch trong công tác quản trị công ty, đối xử bình đẳng và bảo vệ quyền của cổ đông, bao gồm cả cổ đông nhỏ lẻ; cùng với các vấn đề liên quan tới cấu trúc và hoạt động của HĐQT/UBKT.

Đối với khía cạnh Trách nhiệm của HĐQT, SSI đã có những thay đổi tích cực, đạt nhiều tiêu chí hơn so với những năm trước. UBKT với các thành viên là thành viên độc lập HĐQT, đã thực hiện chức năng giám sát, rà soát độc lập về các mặt hoạt động của Công ty, bao gồm việc thẩm định kế hoạch thành lập mới các khối kinh doanh của Công ty. Hoạt động của UBKT không những đáp ứng được yêu cầu của quy định pháp luật, mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế, xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, hạn chế sự trùng lặp về cơ cấu tổ chức kiểm soát tại Công ty và do đó nâng cao hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp. Cùng với UBKT, Tiểu ban Chiến lược Phát triển được thành lập với chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh toàn Công ty dựa trên nghiên cứu môi trường kinh doanh, mô hình kinh doanh, sáng kiến chuyển đổi, sản phẩm mới và các phương án tối ưu hóa nguồn lực, gia tăng giá trị Công ty. Công ty đã tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc, việc này không chỉ nhằm hướng tới kiện toàn mô hình quản trị theo chuẩn mực hiện đại, mà còn là thay đổi cần thiết trong bối cảnh có nhiều thách thức từ môi trường kinh doanh. Điều này sẽ giúp SSI giữ được sự ổn định và tăng trưởng trong dài hạn, tiếp tục triển khai chiến lược hoạt động, chú trọng đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mang tính tiên phong, sản phẩm liên quan giao dịch trực tuyến đi kèm với vận dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động, mang lại những giá trị tốt nhất cho khách hàng, cổ đông và nhân viên Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng minh bạch hơn trong việc công bố các khoản lương, thù lao của các thành viên Ban Tổng giám đốc và thành viên HĐQT.

Về hoạt động đào tạo quản trị công ty, một số thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, và Thư ký Công ty đều đã hoàn thành khóa đào tạo về Quản trị Công ty và được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty cũng đã hoàn tất "Chương trình chứng nhận thành viên HĐQT lần thứ 3" (DCP3) do Viện Thành viên HĐQT Việt Nam tổ chức vào tháng 8/2019.

# 05 HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

# HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trước những thách thức từ môi trường kinh doanh trong năm 2022, SSI vẫn kiên định hoạt động với tầm nhìn ***"Chúng ta cùng thành công"***, xác định rõ thành công của Công ty chính là việc tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng. Đồng thời, thành công mà SSI hướng tới không chỉ tập trung vào những mục tiêu đơn lẻ, ngắn hạn; mà còn là sự tăng trưởng dài hạn của các bên liên quan đặt trong mối quan hệ với nền kinh tế, môi trường và xã hội. Các nỗ lực hướng tới sự phát triển bền vững đặc biệt quan trọng với SSI trong bối cảnh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro đến từ kinh tế vĩ mô, diễn biến khó lường của TTCK, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các đối thủ trong và ngoài nước.

Hơn bao giờ hết, để có thể theo đuổi Sứ mệnh và Tầm nhìn của mình, SSI cần lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào chiến lược phát triển, tiếp tục giữ vững vị trí là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam và vươn ra thị trường quốc tế. Vì vậy, định hướng chiến lược trong dài hạn của SSI chính là đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty song hành cùng với sự phát triển bền vững của Thị trường Tài chính Việt Nam và đóng góp một cách hiệu quả nhất, thiết thực nhất cho các bên liên quan và toàn xã hội, song song với đó không bỏ qua vai trò của từng cá nhân trong Công ty trong công cuộc bảo vệ môi trường.

Năm 2022, SSI tiếp tục triển khai định hướng chiến lược phát triển bền vững nói trên, cân đối giữa các mục tiêu kinh tế – xã hội – môi trường và ghi nhận những thành tích tốt. Trong bối cảnh thị trường biến động, SSI vẫn duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh với Doanh thu thuần đạt gần 6.517 tỷ VNĐ, Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt xấp xỉ 2.110 tỷ VNĐ. Công ty tiếp tục nằm trong nhóm Doanh nghiệp đóng góp cao nhất cho ngân sách Nhà nước và tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông. Cùng với đó là những đóng góp gián tiếp tới sự phát triển của kinh tế – xã hội như: khôi phục lại hoạt động tư vấn doanh nghiệp, huy động vốn sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, góp phần vào sự hình thành một kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn cho nền kinh tế; tích cực tham gia xây dựng TTCK và tiên phong trong việc phát triển sản phẩm mới, nâng cấp những sản phẩm hiện có nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng. Việc làm và đãi ngộ hợp lý cho người lao động được đảm bảo như khi dịch bệnh chưa xảy ra, giúp nhân viên và gia đình duy trì điều kiện sống ổn định; các hoạt động đào tạo – tuyển dụng cũng được chú trọng, duy trì và ngay lập tức chuyển đổi hình thức từ trực tiếp sang trực tuyến. Bên cạnh đó, hoạt động quản trị công ty hiệu quả theo chuẩn mực tốt nhất trong khu vực, lấy sự minh bạch là phương châm trong hoạt động giúp SSI quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ tốt, đảm bảo quyền lợi và công bằng cho cổ đông.

Với cam kết ***"Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng"***, năm 2022 SSI cũng chủ động chung tay cùng cộng đồng trong các hoạt động khôi phục và ổn định đời sống sau đại dịch; song song với đầu tư và xây dựng các chương trình phát triển giáo dục cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Tuy hoạt động trong lĩnh vực tài chính không trực tiếp có tác động tới môi trường, SSI tự nhận thức được mình cần phải có những đóng góp cho môi trường vì một tương lai bền vững, thông qua tuân thủ nghiêm túc các quy định về môi trường; dành nhiều hoạt động nội bộ nhằm nâng cao nhận thức trong việc sử dụng hợp lý năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; và áp dụng các biện pháp giám sát trong tiêu thụ năng lượng, xả thải trong quá trình vận hành góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường chung.

Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV) được SSI lập ra nhằm công khai công bố các tác động của doanh nghiệp tới nền kinh tế, môi trường, xã hội; đồng thời cũng thể hiện những nỗ lực, đóng góp của SSI tới các vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được lập độc lập thay vì tích hợp cùng báo cáo thường niên, được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững – Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) – phiên bản mới nhất **GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi**. Các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững đều được SSI chủ động và tích cực chia sẻ cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm; sau đó được Công ty đánh giá xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, bối cảnh phát triển bền vững của quốc gia và trên toàn cầu, từ đó xác định các vấn đề trọng yếu thực hiện rà soát, cải tiến cũng như trình bày trong báo cáo.

Thông qua đó, Công ty muốn thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong công bố, đánh giá các đóng góp về mặt kinh tế, môi trường, xã hội; một phần giúp Ban Lãnh đạo xác định rõ kế hoạch hoạt động vì mục tiêu phát triển bền vững; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin của cổ đông, nhà đầu tư; góp phần củng cố lòng tin, gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan; khẳng định uy tín và thương hiệu SSI.

*(Báo cáo phát triển bền vững được công bố trên trang điện tử của SSI theo địa chỉ: https://www.ssi.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-thuong-nien.)*

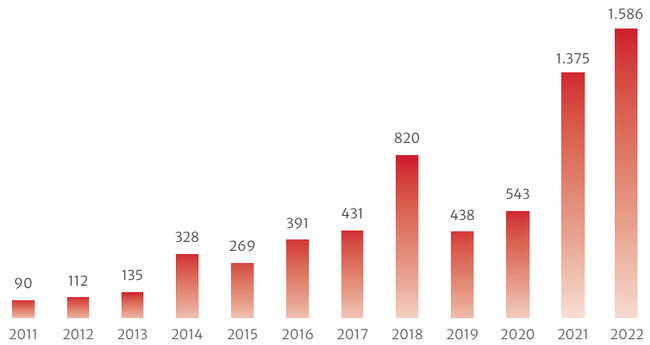
Phần tiếp theo của Báo cáo Thường niên chỉ trình bày một số hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội – cộng đồng nổi bật của SSI trong năm 2022.

## ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kể từ khi thành lập, SSI luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong nhiều năm trở lại đây, Công ty thường xuyên thuộc nhóm các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đồng thời là công ty dẫn đầu trong ngành Chứng khoán.

**Thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước**

*Đơn vị: tỷ VNĐ*




*Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI*

TOP 1000

### DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM (V1000)

TRONG 10 NĂM LIÊN TIẾP (2010 – 2021)

## CHUNG TAY XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG MINH BẠCH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với vị thế là Công ty Chứng khoán số 1 phát triển song hành cùng TTCK Việt Nam, trong nhiều năm qua, SSI không chỉ dừng ở việc chấp hành nghiêm và đầy đủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh và các quy định khác có liên quan, mà còn chủ động trong việc đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTCK, nâng cao tính thực tiễn và chất lượng cho các văn bản của Cơ quan Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường.

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục tham gia đóng góp ý kiến cho các bộ luật; nghị định, thông tư hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 cũng như Luật Doanh nghiệp 2020 và nhiều dự thảo văn bản pháp luật khác nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho TTCK, cụ thể: Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; Luật Phòng chống rửa tiền; Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng chống rửa tiền; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Thông tư thay thế Thông tư 12/2014/TT-NHNN ngày 31/03/2014 quy định điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được chính phủ bảo lãnh; Quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại VSD; Quy chế thành viên lưu ký.

Bên cạnh đó, SSI và SSIAM đều là thành viên tích cực của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán, với đại diện tham gia Ban chấp hành Hiệp hội, là thành viên nòng cốt tại các Câu lạc bộ trực thuộc như Câu lạc bộ Luật, Câu lạc bộ Tư vấn Đầu tư, Câu lạc bộ Đào tạo. Công ty cũng là thành viên tích cực của Ban công tác Thị trường Vốn, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, Câu lạc bộ Quản lý Quỹ Việt Nam, Hiệp hội Kinh doanh Trái phiếu và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thông qua việc đóng góp ý kiến đối với các văn bản Luật, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật và tham gia vào các tổ chức, hiệp hội nêu trên, SSI có thể chủ động đóng góp, đưa ra các giải pháp nhằm kiện toàn hoạt động, tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy thị trường tăng trưởng bền vững. Những giải pháp này cũng liên quan đến nâng cao sự hiểu biết của nhà đầu tư cá nhân về TTCK Việt Nam, định hướng nhà đầu tư hướng tới tư duy đầu tư dài hạn thông qua đầu tư vào các chứng chỉ quỹ mở hoặc những kênh đầu tư mang tính chất tích lũy tài sản; cùng các cơ quan quản lý định hướng sản phẩm mới và đa dạng các kênh phân phối.



## CAM KẾT ĐỒNG HÀNH CÙNG NHÀ ĐẦU TƯ VƯỢT QUA CÁC THÁCH THỨC CỦA THỊ TRƯỜNG

Năm 2022 có thể xem là một năm biến động của TTCK Việt Nam, khi các chỉ số chung điều chỉnh mạnh và nhiều diễn biến trên thị trường tác động không nhỏ đến tâm lý của các nhà đầu tư. Là thành viên tiêu biểu của thị trường – SSI nhận thức được việc đào tạo nhà đầu tư, giúp công chúng có cái nhìn đúng đắn nhất về kênh đầu tư chứng khoán – một kênh huy động vốn trung và dài hạn của nền kinh tế, và làm thế nào để an tâm khi đầu tư, tạo lợi nhuận lâu dài, bền vững cho nhà đầu tư là những mục tiêu hàng đầu của Công ty.



Tiếp cận vấn đề này một cách bài bản và có định hướng, SSI đã phối hợp với các đơn vị truyền thông, báo chí uy tín, có ảnh hưởng tới cộng đồng nhà đầu tư để tổ chức các chuỗi chương trình tư vấn đầu tư, hội thảo trong năm 2022. Mỗi chương trình đều nhắm đến một đối tượng công chúng mục tiêu cụ thể, phục vụ đa dạng thị hiếu khán giả cũng như phù hợp với nhu cầu đầu tư của nhiều nhóm nhà đầu tư khác nhau, và đều cung cấp những thông tin hữu ích cho nhà đầu tư về kinh tế vĩ mô, nhận định thị trường hay góc nhìn chuyên gia.

Tiếp cận đối tượng đại chúng, SSI phối hợp với Trung tâm nội dung số VTV Digital triển khai chương trình "Bí mật đồng tiền" xuyên suốt trong năm 2022 với 53 số phát sóng, thu hút hơn 7 triệu lượt xem trên nền tảng Facebook và Youtube. Chương trình đạt được xấp xỉ 200.000 lượt xem mỗi số, với hơn 1.500 bài báo, giải đáp trực tiếp hàng nghìn câu hỏi tương tác của khán giả cùng hàng nghìn lượt thảo luận đến chương trình. Với đối tượng nhà đầu tư chuyên nghiệp, SSI phối hợp với Báo Đầu tư chứng khoán triển khai chương trình "Chọn Danh mục" nhằm cung cấp các thông tin sâu về từng ngành. Chỉ với 5 chương trình SSI tham gia đã thu hút tới 80.000 lượt xem chỉ trên nền tảng Facebook và gần 90 bài báo trên các kênh Tài chính – Chứng khoán. Với đối tượng nhà đầu tư trẻ, SSI cùng với CafeF và Kênh 14 tổ chức chương trình "Làm giàu tuổi 20" dưới hình thức cuộc thi chia sẻ trải nghiệm đầu tư thu hút 70 bài dự thi. Riêng tuyến bài đồng hành cùng cuộc thi với thông điệp "SSI là công ty chứng khoán đồng hành cùng giới trẻ trên hành trình đầu tư thành công" cũng có tới gần 20 bài viết với gần 100.000 lượt đọc, v.v... Với nội dung chuyên biệt, SSI phối hợp với Thời báo Tài chính Việt Nam – tờ báo trực thuộc Bộ Tài chính triển khai chuyên mục "Tiền đi đâu về đâu" chuyên nội dung về dòng tiền trên TTCK. Đây là chuyên mục được Tòa soạn và độc giả của tờ báo đánh giá cao và liên tục duy trì trong nhóm các chuyên mục có lượng người đọc nhiều nhất của Thời báo Tài chính.

Với sự đa dạng và hữu ích, có thể nói các chương trình của SSI luôn nhận được sự quan tâm lớn từ cộng đồng nhà đầu tư.

Bên cạnh các chương trình kết hợp với các kênh truyền thông đại chúng, trong năm 2022, SSI cũng đã chủ động triển khai nhiều chương trình tư vấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng đầu tư cho khách hàng, cam kết đồng hành cùng khách hàng vượt qua biến động thị trường. Chương trình "Café Chứng" mỗi sáng trên Fanpage Chứng khoán SSI được nhà đầu tư yêu thích và tham gia tương tác rất tích cực là một trong những minh chứng cho việc càng trong bối cảnh khó khăn, nhà đầu tư càng cần những khuyến nghị chất lượng. Trong năm 2022, chương trình gửi tới nhà đầu tư 78 khuyến nghị, trong đó số lượng khuyến nghị sinh lời là 55, chiếm tỷ lệ 71% tổng số khuyến nghị, đồng thời mức lợi nhuận bình quân tính trên 1 khuyến nghị là +3,9%. Đây là mức sinh lời vượt trội so với vận động của VN-Index (giảm 20%) tính từ lúc bắt đầu chương trình vào tháng 5/2022.

Năm 2022, Bộ phận Truyền thông cũng đã triển khai gần 80 kế hoạch truyền thông với thông điệp xuyên suốt "SSI là người đồng hành cùng nhà đầu tư trên hành trình đầu tư chứng khoán, cùng nhà đầu tư vượt qua mọi biến động của thị trường". Phối hợp cùng các Bộ phận Kinh doanh cũng như tăng độ nhận diện của thương hiệu SSI đến với công chúng. Kết quả, năm 2022 đã có gần 24.000 bài báo về thương hiệu SSI, trong đó có 11.000 bài báo về các hoạt động kinh doanh, giới thiệu sản phẩm – dịch vụ và gần 12.000 bài viết trích dẫn nội dung từ các báo cáo tư vấn đầu tư của Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI (SSI Research). Các thông cáo báo chí, công bố thông tin của SSI đều được nhiều tờ báo uy tín trong nước và quốc tế đăng tải, sử dụng.

Tất cả các hoạt động truyền thông của CTCP Chứng khoán SSI đều hướng tới một mục tiêu chung đó là nâng cao hiểu biết của nhà đầu tư, góp phần xây dựng một TTCK an toàn, minh bạch, trở thành kênh đầu tư sinh lời hiệu quả cho nền kinh tế.

làm giàu tuổi 20

Đơn vị đồng hành: SSI

Đơn vị tổ chức: CAFEF.VN, kenh14.vn

Bí mật Đồng tiền

Đơn vị đồng hành: SSI

Đơn vị tổ chức: VTV digital

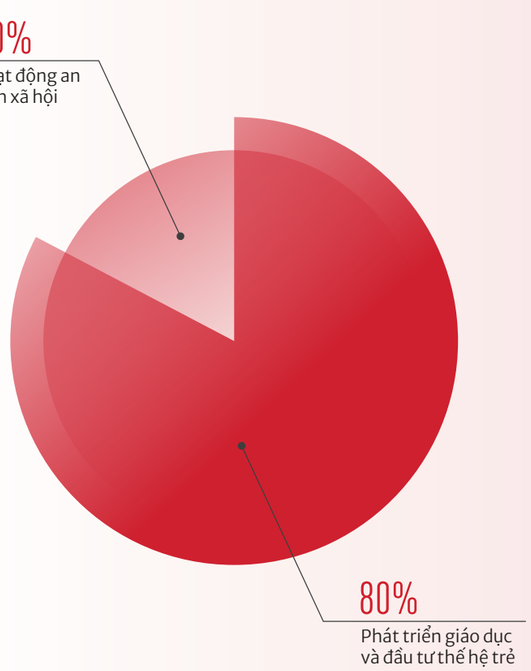
# HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Là Công ty Chứng khoán dẫn đầu thị trường, SSI nhận thức được rằng, trách nhiệm của một doanh nghiệp không chỉ tập trung vào phát triển kinh doanh mà còn phải đặt mục tiêu dẫn lối và đóng góp cho sự tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế, môi trường và xã hội.

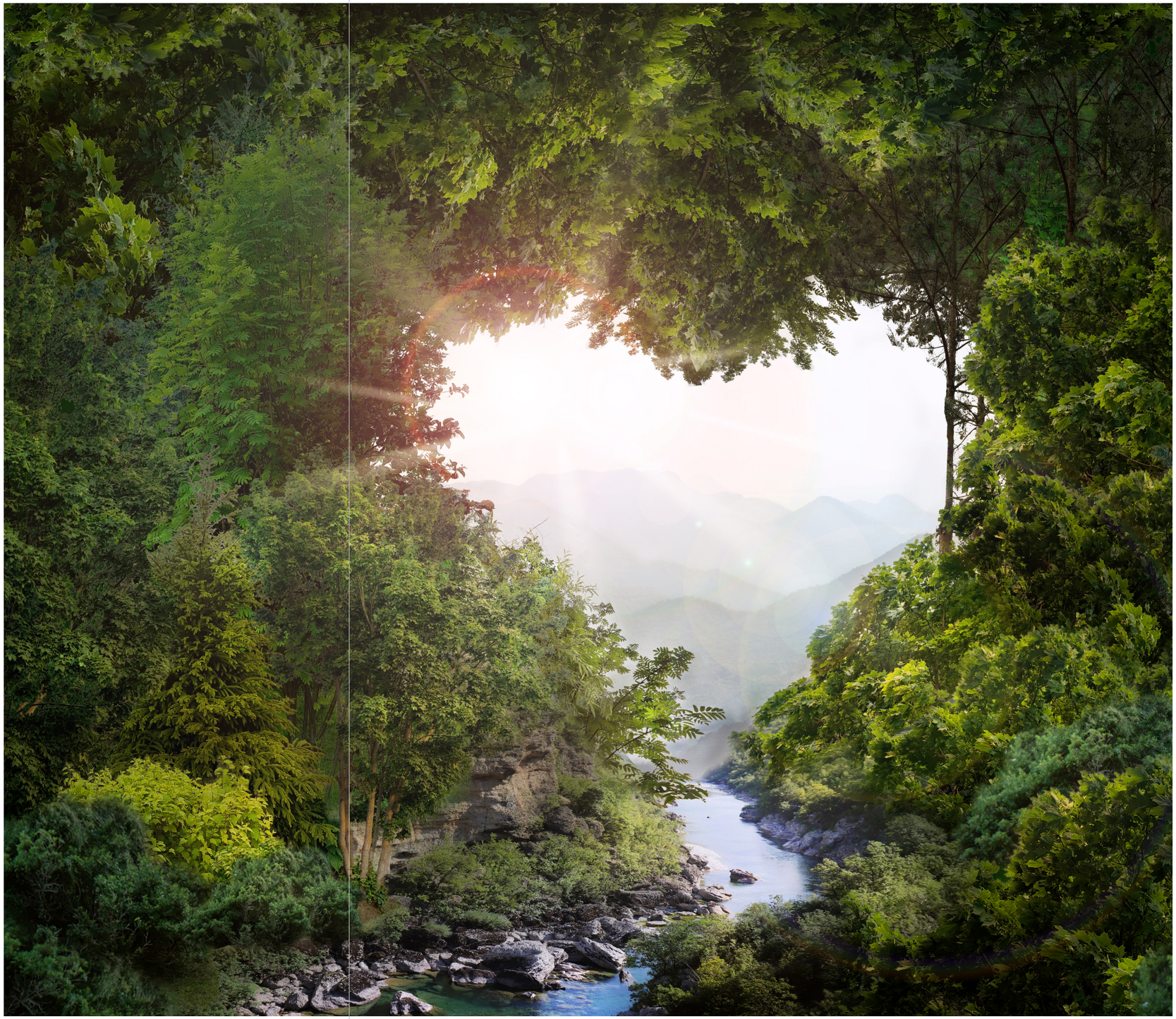
Với tinh thần vì một Việt Nam giàu mạnh, 22 năm qua SSI đã dành hơn 132 tỷ VNĐ ngân sách cho các hoạt động cộng đồng nhằm nỗ lực khởi xướng và đồng hành cùng các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa thiết thực, tập trung vào các hoạt động mang tính bền vững, tác động lâu dài cho sự phát triển của nhiều tỉnh thành Việt Nam và sẵn sàng chung tay mỗi khi Đất nước gặp khó khăn.

Bằng chiến lược đó, năm 2022 SSI tiếp tục dành hơn 8,42 tỷ VNĐ cho các hoạt động vì cộng đồng. Trong đó 80% ngân sách tài trợ vào việc phát triển giáo dục & đầu tư cho thế hệ trẻ và 20% còn lại cho các hoạt động an sinh xã hội.

**Phân bổ chi phí hoạt động cộng đồng của SSI năm 2022**




*Nguồn: SSI*











## Người dẫn đường ươm mầm thế hệ tương lai

SSI tin rằng, đầu tư vào con người chính là bước đi đúng đắn nhất để Việt Nam có những thế hệ kế cận tài giỏi, đóng góp cho tương lai đất nước. Chính vì vậy, giáo dục luôn là ưu tiên hàng đầu của SSI trong tôn chỉ hoạt động vì cộng đồng. Từ năm 2006 đến nay, SSI đã dành hơn 35% ngân sách tài trợ cho hoạt động phát triển giáo dục thông qua các các chương trình xây trường, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó, tặng học bổng cho những em có thành tích tốt, khuyến khích các hoạt động của du học sinh Việt Nam trên thế giới v.v...

Với việc chú trọng phát triển thế hệ kế cận của đất nước, đặc biệt là nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao được đào tạo bài bản, SSI đã tài trợ thông qua các hoạt đông tiêu biểu trong năm 2022 như:

- Chương trình trao học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và đạt kết quả học tập xuất sắc do SSI kết hợp cùng Quỹ học bổng NDH đã tài trợ gần 1,3 tỷ VNĐ cho 6 trường đại học lớn tại Hà Nội liên tục từ năm 2019;
- Tài trợ cho các cuộc thi tài năng sinh viên trên toàn quốc nhằm tìm và trao cơ hội tỏa sáng cho các bạn trong mọi lĩnh vực;
- Tổ chức các sân chơi đầu tư chứng khoán trên ứng dụng giao dịch chứng khoán giả lập iWin để dẫn đường cho thế hệ nhà đầu tư mới trên thị trường, chia sẻ tri thức để các bạn trẻ tự chủ tài chính, làm chủ tương lai;
- Đồng hành cùng Hội Thanh niên – Sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ nhằm định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ phát triển những ý tưởng kinh doanh sáng tạo, trao cơ hội lan tỏa giá trị cho những tài năng Việt tỏa sáng và thành công;
- Tài trợ dự án giáo dục "Steam for Vietnam" dành cho trẻ em Việt Nam phát triển về toán học, khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật với mong muốn đồng hành đem đến môi trường giáo dục tốt nhất, toàn diện nhất;
- Chuỗi hoạt động đồng hành, tư vấn cho học sinh sinh viên về cơ hội nghề nghiệp tại SSI với các trường đại học khối ngành Tài chính – Kinh tế trên cả nước, được thử sức trong một môi trường chuyên nghiệp hàng đầu sẽ là nền tảng vững chắc giúp các bạn tiến xa hơn trong tương lai;
- Tài trợ 1,5 tỷ VNĐ cho "Chương trình học bổng hỗ trợ học sinh – sinh viên dân tộc thiểu số, học sinh nghèo" của báo Người lao động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại vùng khó khăn cũng như chia sẻ, đồng hành hỗ trợ giúp các em và gia đình yên tâm học tập.

Bên cạnh các hoạt động đầu tư giáo dục, trong năm 2022, SSI còn dành sự quan tâm đặc biệt đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn:

- Phối hợp hàng năm với Trung tâm phát huy Bình An thuộc tổ chức Bạn trẻ em đường phố (FFSC) tặng quà và tổ chức tiệc vui trung thu cho các em kém may mắn ở TP.HCM do Trung tâm bảo trợ;
- Đóng góp ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em trên địa bàn phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm;
- Trao tặng 2.000 suất quà Trung thu cho các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn tại Bến Tre.

Từ những bước đi tưởng chừng nhỏ bé đó, SSI sẽ tiếp tục là người dẫn đường truyền cảm hứng và niềm tin đến tương lai cho thế hệ trụ cột trẻ phát triển và thành công, mở ra một trang rực rỡ cho đất nước.





## Thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo

Vẫn với phương châm tạo ra các giá trị bền vững cho xã hội, SSI luôn đi đầu triển khai các hoạt động phòng chống thiên tai tại nhiều địa phương trên cả nước, quan tâm đến các vấn đề hỗ trợ cộng đồng nhằm giúp người dân có thêm kiến thức và cải tạo môi trường lao động, sản xuất kinh tế. Với triết lý "trao cần câu chứ không trao con cá", những dự án SSI lựa chọn luôn là những dự án mang tính thiết thực lâu dài, giúp cho địa phương và người dân có thêm nguồn lực phát triển kinh tế.




- Nhà cộng đồng chống lũ tại UBND tỉnh Hà Tĩnh do SSI tài trợ đã trở thành "phao cứu sinh" cho người dân. Không chỉ là nơi sơ tán tài sản, vật nuôi, mà những người già, trẻ nhỏ cũng được đưa đến đây để tránh trú, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong những ngày mưa lũ;
- Xây dựng và đầu tư hơn 5,3 tỷ VNĐ cho "Chương trình bê tông hoá các tuyến đường giao thông ngõ xóm" trên địa bàn hai xã Mỹ Hạnh Nam và xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, góp phần kết nối giao thương, phòng chống ngập úng, cải thiện mỹ quan môi trường, đồng thời nâng cao công tác thu gom rác thải và năng lực vận chuyển, tránh ô nhiễm môi trường;
- Trao tặng hàng nghìn con giống lợn, bò và gà cho các hộ nông dân nghèo và cận nghèo làm phát triển kinh tế gia đình tại các huyện ở Quảng Trị & 9 huyện biên giới thuộc tỉnh Cao Bằng. Tính đến nay, số lượng giống vật nuôi đã sinh sản và tăng số lượng gấp nhiều lần, mang đến giá trị kinh tế lớn và bền vững cho bà con;
- Trồng cây gây rừng với những loại cây xanh sau nhiều năm phát triển có thể khai thác để phục vụ cũng như cải thiện đời sống, sinh hoạt, huấn luyện của quân và dân trên hải đảo Trường Sa, phủ kín màu xanh của hàng trăm loại cây trồng khác nhau, góp phần bảo vệ, giữ vững chủ quyền biển đảo và môi trường nơi đây;
- Xây cầu dân sinh giúp nối liền, thông suốt những khu vực bị chia cắt bởi sông suối tại Cà Mau. Qua đó tạo động lực để người dân ở những khu vực này tiếp tục vượt qua khó khăn, vươn lên phát triển kinh tế, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.






Trải qua 22 năm bền bỉ nỗ lực xây dựng một Việt Nam tươi đẹp và giàu mạnh hơn, SSI đã, đang và sẽ luôn là người dẫn đường đồng hành và chia sẻ những khó khăn, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội theo tôn chỉ ***"Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng".***

06

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


THÔNG TIN CHUNG 152

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 154

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP 155

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 156

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT 162

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT 165

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT 168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 170

# THÔNG TIN CHUNG

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 04 năm 2000. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VNĐ và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 14.911.301.370.000 VNĐ theo giấy phép điều chỉnh số 84/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 09 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp, hai (02) công ty con sở hữu gián tiếp và hai (02) công ty liên kết sở hữu trực tiếp.






## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

| Họ tên | Chức vụ | Ngày được bầu/Miễn nhiệm |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch | Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT | Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Ngô Văn Điểm | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 7 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Duy Khánh | Thành viên HĐQT | Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Hironoki Oka | Thành viên HĐQT | Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Phạm Viết Muôn | Thành viên HĐQT | Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Quốc Cường | Thành viên HĐQT | Được bầu ngày 7 tháng 5 năm 2022 |

## ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

| Họ tên | Chức vụ | Ngày được bầu/Miễn nhiệm |
|---|---|---|
| Ông Ngô Văn Điểm | Trưởng Ủy ban | Miễn nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2022 |
| Ông Phạm Viết Muôn | Trưởng Ủy ban | Được bầu ngày 18 tháng 7 năm 2022 |
| | Thành viên | Được bầu ngày 9 tháng 10 năm 2020 đến ngày 18 tháng 7 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Quốc Cường | Thành viên | Được bầu ngày 18 tháng 7 năm 2022 |

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

| Họ tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Hồng Nam | Tổng giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020 |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng giám đốc được ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 09/2020/UQ-SSI của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 08 năm 2020.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.




Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2023



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Số tham chiếu: 60755007/66800586-HN*

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 96, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.
Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




**Đặng Phương Hà**
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



**Nguyễn Văn Trung**
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2023

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **48.731.915.104.609** | **46.539.595.154.345** |
| ***110*** | ***I. Tài sản tài chính*** | | ***48.621.880.319.731*** | ***46.464.265.826.322*** |
| 111 | 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 5 | 1.417.807.262.731 | 1.114.235.031.501 |
| *111.1* | *1.1. Tiền* | | *907.209.511.917* | *474.197.771.229* |
| *111.2* | *1.2. Các khoản tương đương tiền* | | *510.597.750.814* | *640.037.260.272* |
| 112 | 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 7.1 | 30.493.056.048.092 | 12.023.091.791.637 |
| 113 | 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 7.3 | 3.507.501.552.879 | 7.834.159.908.363 |
| 114 | 4. Các khoản cho vay | 7.4 | 11.057.163.090.177 | 23.697.887.241.454 |
| 115 | 5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 7.2 | 381.708.255.604 | 271.579.547.769 |
| 116 | 6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 8 | (37.251.669.462) | (62.328.696.315) |
| 117 | 7. Các khoản phải thu | | 415.954.955.033 | 527.729.518.187 |
| 117.1 | *7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính* | 9 | *269.534.422.234* | *521.353.505.084* |
| 117.2 | *7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính* | 9 | *146.420.532.799* | *6.376.013.103* |
| 117.4 | *7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận* | | *146.420.532.799* | *6.376.013.103* |
| 118 | 8. Trả trước cho người bán | 9 | 1.413.299.966.298 | 1.256.037.254.114 |
| 119 | 9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 9 | 19.991.293.644 | 34.796.454.030 |
| 122 | 10. Các khoản phải thu khác | 9 | 184.521.001.543 | 9.744.607.323 |
| 129 | 11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | 9 | (231.871.436.808) | (242.666.831.741) |
| ***130*** | ***II. Tài sản ngắn hạn khác*** | ***10*** | ***110.034.784.878*** | ***75.329.328.023*** |
| 131 | 1. Tạm ứng | | 28.116.569.085 | 11.989.717.067 |
| 132 | 2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ | | 4.458.362.981 | 3.314.801.546 |
| 133 | 3. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 74.314.488.778 | 53.559.486.327 |
| 134 | 4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | 365.116.300 | 3.832.647.350 |
| 136 | 5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 24 | 504.363.766 | 597.877.333 |
| 137 | 6. Tài sản ngắn hạn khác | | 2.275.883.968 | 2.034.798.400 |





*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **200** | **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **3.494.467.781.872** | **4.253.461.407.737** |
| ***210*** | ***I. Tài sản tài chính dài hạn*** | | ***2.773.073.277.309*** | ***3.689.345.130.340*** |
| 212 | 1. Các khoản đầu tư | 11 | 2.773.073.277.309 | 3.689.345.130.340 |
| *212.1* | *1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* | | *2.156.468.315.100* | *3.086.855.720.098* |
| *212.3* | *1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết* | | *616.604.962.209* | *602.489.410.242* |
| ***220*** | ***II. Tài sản cố định*** | | ***281.930.596.475*** | ***188.965.446.921*** |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 12 | 181.650.691.412 | 135.989.246.335 |
| *222* | *1.1. Nguyên giá* | | *365.210.728.483* | *296.700.537.203* |
| *223a* | *1.2. Giá trị hao mòn lũy kế* | | *(183.560.037.071)* | *(160.711.290.868)* |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 13 | 100.279.905.063 | 52.976.200.586 |
| *228* | *2.1. Nguyên giá* | | *237.335.021.233* | *161.432.772.500* |
| *229a* | *2.2. Giá trị hao mòn lũy kế* | | *(137.055.116.170)* | *(108.456.571.914)* |
| ***230*** | ***III. Bất động sản đầu tư*** | ***14*** | ***265.112.905.732*** | ***233.184.318.475*** |
| 231 | 1. Nguyên giá | | 365.497.402.113 | 320.664.842.428 |
| 232a | 2. Giá trị hao mòn lũy kế | | (100.384.496.381) | (87.480.523.953) |
| ***240*** | ***IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*** | ***15*** | ***25.900.319.841*** | ***34.927.073.550*** |
| ***250*** | ***V. Tài sản dài hạn khác*** | | ***148.450.682.515*** | ***107.039.438.451*** |
| 251 | 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 16 | 33.856.918.392 | 32.586.638.490 |
| 252 | 2. Chi phí trả trước dài hạn | 17 | 53.000.229.779 | 24.502.030.428 |
| 253 | 3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 18 | 22.684.275.253 | 14.950.769.533 |
| 254 | 4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 19 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| 255 | 5. Tài sản dài hạn khác | | 18.909.259.091 | 15.000.000.000 |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **52.226.382.886.481** | **50.793.056.562.082** |

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **300** | **C. NỢ PHẢI TRẢ** | | **29.842.500.921.821** | **36.572.973.831.934** |
| ***310*** | ***I. Nợ phải trả ngắn hạn*** | | ***29.788.710.759.101*** | ***36.479.184.836.620*** |
| 311 | 1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 21 | 27.892.289.728.472 | 31.120.908.370.195 |
| *312* | *1.1. Vay ngắn hạn* | | *27.892.289.728.472* | *31.120.908.370.195* |
| 318 | 2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 22 | 49.171.694.783 | 180.055.643.711 |
| 320 | 3. Phải trả người bán ngắn hạn | 23 | 319.360.885.025 | 22.249.743.964 |
| 321 | 4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 4.821.592.590 | 6.200.501.681 |
| 322 | 5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 24 | 114.962.879.495 | 352.627.769.284 |
| 323 | 6. Phải trả người lao động | | 113.560.403.706 | 138.381.185.157 |
| 324 | 7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | | 800.864.803 | 302.986.427 |
| 325 | 8. Chi phí phải trả ngắn hạn | 25 | 58.305.774.563 | 97.740.561.623 |
| 327 | 9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | 129.242.424 | 1.525.471.313 |
| 328 | 10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | 336.491.400 | 1.214.760.000 |
| 329 | 11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 26 | 913.074.286.244 | 4.312.036.356.149 |
| 331 | 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 27 | 321.896.915.596 | 245.941.487.116 |
| ***340*** | ***II. Nợ phải trả dài hạn*** | | ***53.790.162.720*** | ***93.788.995.314*** |
| 351 | 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 28 | 52.587.159.357 | 52.787.159.357 |
| 356 | 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả | 18 | 1.203.003.363 | 41.001.835.957 |





*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **400** | **D. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **29** | **22.383.881.964.660** | **14.220.082.730.148** |
| ***410*** | ***I. Vốn chủ sở hữu*** | | ***22.383.881.964.660*** | ***14.220.082.730.148*** |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 18.191.406.836.235 | 10.642.685.440.635 |
| *411.1* | *1.1.Vốn góp của chủ sở hữu* | | *14.911.301.370.000* | *9.847.500.220.000* |
| *411.1a* | *a. Cổ phiếu phổ thông* | | *14.911.301.370.000* | *9.847.500.220.000* |
| *411.2* | *1.2. Thặng dư vốn cổ phần* | | *3.299.220.472.644* | *817.169.133.373* |
| *411.5* | *1.3. Cổ phiếu quỹ* | | *(19.115.006.409)* | *(21.983.912.738)* |
| 412 | 2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý | 41 | (6.286.385.840) | (3.793.033.106) |
| 413 | 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | 44.775.287.721 | 33.624.236.089 |
| 414 | 4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 61.252.419.507 | 61.252.419.507 |
| 415 | 5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | - | 495.932.169.472 |
| 417 | 6. Lợi nhuận chưa phân phối | 29.1 | 3.953.892.022.051 | 2.927.812.985.141 |
| *417.1* | *6.1. Lợi nhuận đã thực hiện* | | *4.080.124.452.649* | *2.798.808.974.439* |
| *417.2* | *6.2.Lợi nhuận chưa thực hiện* | | *(126.232.430.598)* | *129.004.010.702* |
| 418 | 7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 138.841.784.986 | 62.568.512.410 |
| **440** | **TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **52.226.382.886.481** | **50.793.056.562.082** |

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| | **A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT** | | | |
| 004 | Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ) | | 39.596.726.729 | 5.513.835.807 |
| 005 | Ngoại tệ các loại | 30.1 | | |
| | *USD* | | *2.750.026,32* | *4.228.999,65* |
| | *EUR* | | *101,41* | *112,41* |
| | *GBP* | | *107,64* | *118,64* |
| 006 | Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng) | 29.4 | 1.489.138.669 | 982.343.473 |
| 007 | Cổ phiếu quỹ (số lượng) | 29.4 | 1.991.468 | 2.406.549 |
| 008 | Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VNĐ) | 30.2 | 1.177.265.220.000 | 640.190.290.000 |
| 009 | Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VNĐ) | 30.3 | 10.484.320.000 | 20.480.520.000 |
| 010 | Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VNĐ) | 30.4 | 76.156.000.000 | 21.549.000.000 |
| 012 | Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VNĐ) | 30.5 | 14.641.714.640.000 | 6.413.271.510.000 |
| 013 | Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VNĐ) | | 30.000 | 1.006.880.000 |
| 014 | Chứng quyền (số lượng) | | 139.652.200 | 173.131.400 |
| | **B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG** | | | |
| 021 | Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư (VNĐ) | 30.6 | 86.914.415.659.420 | 78.192.708.630.000 |
| *021.1* | *Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng* | | *71.772.504.608.420* | *63.676.892.129.000* |
| *021.2* | *Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng* | | *1.600.752.740.000* | *1.164.444.740.000* |
| *021.3* | *Tài sản tài chính giao dịch cầm cố* | | *12.563.910.520.000* | *11.559.652.470.000* |
| *021.4* | *Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ* | | *283.790.610.000* | *269.126.600.000* |
| *021.5* | *Tài sản tài chính chờ thanh toán* | | *693.457.181.000* | *1.522.592.691.000* |
| 022 | Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư | 30.7 | 655.464.810.000 | 569.783.120.000 |
| *022.1* | *Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng* | | *631.083.810.000* | *518.015.120.000* |
| *022.2* | *Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng* | | *24.381.000.000* | *51.623.000.000* |
| *022.4* | *Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ* | | - | *145.000.000* |
| 023 | Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư | 30.8 | 691.209.471.000 | 1.595.243.646.000 |





*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| 024b | Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư | 30.9 | 22.654.350.000 | 23.585.470.000 |
| 025 | Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư | 30.10 | 60.083.020.000 | 1.812.141.070.000 |
| 026 | Tiền gửi của khách hàng | | 4.715.407.521.167 | 7.246.465.212.655 |
| 027 | Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 30.11 | 4.014.604.735.879 | 6.473.319.613.124 |
| 027.1 | Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD | 30.11 | 686.416.332.634 | 744.150.173.589 |
| 028 | Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 30.11 | 9.594.783.385 | 17.818.952.433 |
| 030 | Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán | 30.12 | 4.791.669.269 | 11.176.473.509 |
| 031 | Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 30.13 | 4.701.021.068.513 | 7.217.469.786.713 |
| *031.1* | *Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý* | | *4.241.075.877.347* | *6.285.272.187.678* |
| *031.2* | *Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý* | | *459.945.191.166* | *932.197.599.035* |
| 032 | Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán | 30.14 | 1.045.505.000 | 1.926.199.000 |
| 035 | Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 30.15 | 3.746.164.269 | 9.250.274.509 |

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2023

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | **I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG** | | | |
| 01 | 1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | 2.020.267.370.129 | 2.325.246.467.281 |
| *01.1* | *1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL* | *31.1* | *987.264.064.050* | *1.359.825.060.818* |
| *01.2* | *1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL* | *31.2* | *117.166.592.762* | *211.731.605.555* |
| *01.3* | *1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL* | *31.4* | *840.662.880.116* | *458.917.668.706* |
| *01.4* | *1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành* | *31.3* | *75.173.833.201* | *294.772.132.202* |
| 02 | 2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 31.4 | 417.213.313.455 | 720.362.424.624 |
| 03 | 3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 31.4 | 1.800.882.299.866 | 1.570.741.031.737 |
| 04 | 4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 31.4 | 2.853.002.528 | 834.475.000 |
| 06 | 5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | | 1.706.658.107.064 | 2.519.010.314.569 |
| 07 | 6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | | 31.657.545.454 | 28.026.818.182 |
| 08 | 7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | | 27.772.143.504 | 24.949.889.241 |
| 09 | 8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | | 39.748.444.936 | 36.409.739.762 |
| 10 | 9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | | 45.097.009.759 | 53.809.411.773 |
| 11 | 10. Thu nhập hoạt động khác | 33 | 243.673.821.265 | 163.791.339.344 |
| **20** | **Cộng doanh thu hoạt động** | | **6.335.823.057.960** | **7.443.181.911.513** |
| | **II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG** | | | |
| 21 | 1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL | | 961.590.156.565 | 1.342.190.610.939 |
| *21* | *1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL* | *31.1* | *529.629.983.210* | *995.116.893.593* |
| *21.2* | *1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL* | *31.2* | *190.943.874.738* | *248.642.119.067* |
| *21.3* | *1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL* | | *3.270.957.126* | *5.790.434.635* |
| *21.4* | *1.4. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành* | *31.3* | *237.745.341.491* | *92.641.163.644* |
| 23 | 2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại | | - | 929.243.500 |
| 24 | 3. Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 32 | (1.864.347.240) | (43.316.292.947) |
| 26 | 4. Chi phí hoạt động tự doanh | | 50.655.080.008 | 55.188.492.217 |
| 27 | 5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 34 | 1.336.543.002.998 | 1.493.958.919.195 |
| 28 | 6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 34 | 9.520.844.919 | 17.207.268.283 |





*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 29 | 7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 34 | 22.983.067.498 | 20.115.010.683 |
| 30 | 8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 34 | 44.053.887.897 | 41.468.448.535 |
| 31 | 9. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 34 | 47.752.237.313 | 27.668.812.977 |
| 32 | 10. Chi phí hoạt động khác | 34,35 | 233.601.473.127 | 199.151.939.549 |
| **40** | **Cộng chi phí hoạt động** | | **2.704.835.403.085** | **3.154.562.452.931** |
| | **III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 41 | 1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | | 28.287.326.467 | 10.840.924.272 |
| 42 | 2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định | | 35.855.039.392 | 18.954.611.074 |
| 43 | 3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết | | 1.377.269.827 | 241.303.599.806 |
| 44 | 4. Doanh thu khác về đầu tư | | 115.173.358.127 | 72.198.308.202 |
| **50** | **Cộng doanh thu hoạt động tài chính** | **36** | **180.692.993.813** | **343.297.443.354** |
| | **IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH** | | | |
| 51 | 1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | | 123.981.791.060 | 37.681.359.241 |
| 52 | 2. Chi phí lãi vay | | 1.030.649.945.603 | 1.029.858.485.847 |
| 55 | 3. Chi phí tài chính khác | | 261.003.468.575 | 47.056.563.263 |
| **60** | **Cộng chi phí tài chính** | **37** | **1.415.635.205.238** | **1.114.596.408.351** |
| **61** | **V. CHI PHÍ BÁN HÀNG** | | **-** | **-** |
| **62** | **VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ** | **38** | **296.389.420.325** | **265.009.663.885** |
| **70** | **VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG** | | **2.099.656.023.125** | **3.252.310.829.700** |
| | **VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC** | | | |
| 71 | Thu nhập khác | | 11.255.802.218 | 114.101.341.802 |
| 72 | Chi phí khác | | 1.208.433.566 | 1.373.330.333 |
| **80** | **Cộng kết quả hoạt động khác** | **39** | **10.047.368.652** | **112.728.011.469** |
| **90** | **IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ** | | **2.109.703.391.777** | **3.365.038.841.169** |
| 91 | Lợi nhuận đã thực hiện | | 2.408.623.128.553 | 3.232.171.363.849 |
| 92 | Lợi nhuận chưa thực hiện | | (298.919.736.776) | 132.867.477.320 |

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)** | **40** | **412.010.222.978** | **669.971.143.149** |
| 100.1 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 40.1 | 458.919.223.108 | 650.668.031.005 |
| 100.2 | (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | 40.2 | (46.909.000.130) | 19.303.112.144 |
| **200** | **XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN** | | **1.697.693.168.799** | **2.695.067.698.020** |
| 201 | 1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu | | 1.699.319.896.223 | 2.695.913.941.251 |
| 202 | 2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ | | - | 182.965.196.138 |
| 203 | 3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | (1.626.727.424) | (846.243.231) |
| **300** | **XII. THU NHẬP/(LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN** | | | |
| 301 | 1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS | 41.42 | (2.493.352.734) | 929.243.500 |
| **400** | **Tổng thu nhập toàn diện** | | **(2.493.352.734)** | **929.243.500** |
| 401 | Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu | | (2.493.352.734) | 929.243.500 |
| **500** | **XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG** | | **1.699.319.896.223** | **2.512.948.745.113** |
| 501 | Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/1 cổ phiếu) | 43 | 1.432 | 2.852 |
| 502 | Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VNĐ/1 cổ phiếu) | 44 | 1.310 | 2.643 |








Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2023





# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| **01** | **1. Lợi nhuận trước thuế TNDN** | | **2.109.703.391.777** | **3.365.038.841.169** |
| **02** | **2. Điều chỉnh cho các khoản:** | | **(1.704.479.483.934)** | **(1.785.587.212.054)** |
| 03 | Khấu hao TSCĐ | | 88.676.230.141 | 64.114.904.375 |
| 04 | Các khoản dự phòng | | (1.167.906.276) | (43.244.042.982) |
| 05 | Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | | 62.570.946.510 | 32.352.977.726 |
| 06 | Chi phí lãi vay | | 1.030.649.945.603 | 1.029.858.485.847 |
| 07 | Lãi từ hoạt động đầu tư (đầu tư vào công ty con, liên kết và HTM dài hạn) | | (245.547.898.154) | (838.164.923.344) |
| 08 | Dự thu tiền lãi | | (2.642.816.759.174) | (2.029.028.569.735) |
| 09 | Các khoản điều chỉnh khác | | 3.155.957.416 | (1.476.043.941) |
| **10** | **3. Tăng các chi phí phi tiền tệ** | | **458.123.335.265** | **350.339.091.546** |
| 11 | Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền | | 428.689.216.229 | 341.283.282.711 |
| 13 | Hoàn nhập suy giảm giá trị các khoản cho vay | | (621.440.964) | (22.249.965) |
| 14 | Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại | | - | 929.243.500 |
| 17 | Lỗ khác | | 30.055.560.000 | 8.148.815.300 |
| **18** | **4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ** | | **(224.396.325.963)** | **(537.774.283.168)** |
| 19 | Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền | | (192.340.425.963) | (506.503.737.757) |
| 21 | Lãi khác | | (32.055.900.000) | (31.270.545.411) |
| **30** | **5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | | **638.950.917.145** | **1.392.016.437.493** |
| 31 | (Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL | | (18.138.358.519.047) | 1.373.388.533.003 |
| 32 | Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM | | 822.421.067.828 | (2.023.099.662.895) |
| 33 | Giảm/(tăng) các khoản cho vay | | 12.640.724.151.277 | (14.471.729.035.827) |
| 34 | Tăng tài sản tài chính AFS | | (113.245.398.753) | (84.973.674.452) |
| 35 | Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính | | 251.819.082.850 | (216.958.447.918) |
| 37 | Tăng các khoản phải thu khác | | (19.252.746.884) | (7.608.266.514) |
| 39 | (Tăng)/giảm các tài sản khác | | (346.989.269.424) | (1.040.201.148.837) |
| 40 | Giảm/(tăng) các tài sản khác | | (21.410.220.612) | 105.421.082.267 |
| 41 | (Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) | | (9.070.551.600) | 14.476.184.330 |
| 42 | Tăng chi phí trả trước | | (49.237.136.032) | (26.030.441.483) |
| 43 | Thuế TNDN đã nộp | | (647.985.350.710) | (484.434.955.032) |
| 44 | Lãi vay đã trả | | (1.061.026.665.523) | (1.023.521.441.874) |
| 45 | Tăng phải trả cho người bán | | 293.604.863.381 | 15.284.198.117 |
| 46 | Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | | 497.878.376 | 296.101.375 |
| 47 | (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp) | | (48.577.891.650) | 73.548.687.238 |
| 48 | (Giảm)/tăng phải trả người lao động | | (24.817.961.673) | 111.387.160.436 |
| 50 | (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền | | (3.711.583.036.900) | 3.849.869.244.556 |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 51 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 2.510.300.849.506 | 2.107.078.521.424 |
| | • *Tiền lãi đã thu* | | *2.504.871.617.347* | *2.104.655.027.951* |
| | • *Tiền thu khác* | | *5.429.232.159* | *2.423.493.473* |
| 52 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (115.357.167.012) | (83.525.364.956) |
| **60** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh** | | **(7.148.593.105.457)** | **(10.419.316.289.549)** |
| | **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 61 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | | (180.336.153.966) | (165.135.023.133) |
| 62 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | | 38.972.728 | 512.636.363 |
| 63 | Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác | | (2.900.000.000.000) | (5.136.242.200.000) |
| 64 | Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác | | 6.909.263.969.827 | 7.574.642.230.999 |
| 65 | Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | 259.926.465.721 | 566.748.774.618 |
| **70** | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | | **4.088.893.254.310** | **2.840.526.418.847** |
| | **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 71 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 7.550.088.625.000 | 1.202.336.556.685 |
| | *– Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát* | | 77.900.000.000 | - |
| 72 | Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành | | (1.367.229.400) | (1.149.759.050) |
| 73 | Tiền vay gốc | | 339.286.560.127.152 | 254.647.760.778.016 |
| *73.2* | *– Tiền vay khác* | | *339.286.560.127.152* | *254.647.760.778.016* |
| 74 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (342.558.769.368.875) | (246.872.018.111.581) |
| *74.3* | *– Tiền chi trả gốc vay khác* | | *(342.558.769.368.875)* | *(246.872.018.111.581)* |
| 76 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (991.140.071.500) | (647.156.463.350) |
| **80** | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | | **3.363.272.082.377** | **8.329.773.000.720** |
| **90** | **Tăng tiền thuần trong năm** | | **303.572.231.230** | **750.983.130.018** |
| **101** | **Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm** | **5** | **1.114.235.031.501** | **363.251.901.483** |
| 101.1 | Tiền | | 475.673.815.170 | 232.339.764.230 |
| 101.2 | Các khoản tương đương tiền | | 640.037.260.272 | 131.280.693.756 |
| 102 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (1.476.043.941) | (368.556.503) |
| **103** | **Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm** | **5** | **1.417.807.262.731** | **1.114.235.031.501** |
| 103.1 | Tiền | | 904.053.554.501 | 475.673.815.170 |
| 103.2 | Các khoản tương đương tiền | | 510.597.750.814 | 640.037.260.272 |
| 104 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 3.155.957.416 | (1.476.043.941) |





# PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | **I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG** | | | |
| 01 | 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | | 401.931.779.713.572 | 599.609.517.764.931 |
| 02 | 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | | (401.311.481.102.967) | (598.972.716.744.409) |
| 07 | 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | 651.032.593.626.488 | 625.340.846.833.613 |
| 07.1 | 4. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD (tăng/(giảm)) | | (57.733.840.955) | 336.587.037.553 |
| 08 | 5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | (653.956.076.576.323) | (622.628.501.424.924) |
| 11 | 6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng | | (33.183.188.851) | (30.752.957.605) |
| 14 | 7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán | | 5.538.971.297.450 | 3.852.630.503.430 |
| 15 | 8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán | | (5.675.927.619.902) | (5.073.530.022.868) |
| **20** | **(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm** | | **(2.531.057.691.488)** | **2.434.080.989.721** |
| **30** | **II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG** | | **7.246.465.212.655** | **4.812.384.222.934** |
| 31 | Tiền gửi ngân hàng đầu năm: | | 7.246.465.212.655 | 4.812.384.222.934 |
| 32 | Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 7.217.469.786.713 | 4.780.374.009.760 |
| | *Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD* | | *744.150.173.589* | *407.563.136.036* |
| 33 | Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | | 17.818.952.433 | 19.711.153.662 |
| 35 | Tiền gửi của Tổ chức phát hành | | 11.176.473.509 | 12.299.059.512 |
| **40** | **III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG (40 = 20 + 30)** | | **4.715.407.521.167** | **7.246.465.212.655** |
| 41 | Tiền gửi ngân hàng cuối năm: | | 4.715.407.521.167 | 7.246.465.212.655 |
| 42 | Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 30.11 | 4.701.021.068.513 | 7.217.469.786.713 |
| | *Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD* | | *686.416.332.634* | *744.150.173.589* |
| 43 | Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 30.11 | 9.594.783.385 | 17.818.952.433 |
| 45 | Tiền gửi của Tổ chức phát hành | 30.12 | 4.791.669.269 | 11.176.473.509 |

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2023

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số dư đầu năm | | Số tăng/giảm | | | | Số dư cuối năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Năm trước | | Năm nay | | | |
| | | Ngày 01 tháng 01 năm 2021 | Ngày 01 tháng 01 năm 2022 | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
| | | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | | | | | | | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 6.138.044.019.034 | 10.642.685.440.635 | 4.634.136.014.323 | (129.494.592.722) | 7.544.558.359.871 | 4.163.035.729 | 10.642.685.440.635 | 18.191.406.836.235 |
| *1.1. Cổ phiếu phổ thông* | *29.2* | *6.029.456.130.000* | *9.847.500.220.000* | *3.818.044.090.000* | – | *5.063.801.150.000* | – | *9.847.500.220.000* | *14.911.301.370.000* |
| *1.2. Thặng dư vốn cổ phần* | | *29.470.756.034* | *817.169.133.373* | *817.241.683.373* | *(29.543.306.034)* | *2.482.124.439.271* | *(73.100.000)* | *817.169.133.373* | *3.299.220.472.644* |
| *1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn* | | *113.779.095.785* | – | – | *(113.779.095.785)* | – | – | – | – |
| *1.4. Cổ phiếu quỹ* | | *(34.661.962.785)* | *(21.983.912.738)* | *(1.149.759.050)* | *13.827.809.097* | *(1.367.229.400)* | *4.236.135.729* | *(21.983.912.738)* | *(19.115.006.409)* |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 522.187.344.649 | 61.252.419.507 | 58.252.419.507 | (519.187.344.649) | – | – | 61.252.419.507 | 61.252.419.507 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 437.679.749.965 | 495.932.169.472 | 58.252.419.507 | – | – | (495.932.169.472) | 495.932.169.472 | – |
| 4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý | | (4.722.276.606) | (3.793.033.106) | 929.243.500 | – | 4.320.734.436 | (6.814.087.170) | (3.793.033.106) | (6.286.385.840) |
| 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | 39.377.296.810 | 33.624.236.089 | – | (5.753.060.721) | 11.151.051.632 | – | 33.624.236.089 | 44.775.287.721 |
| 6. Lợi nhuận chưa phân phối | | 2.676.816.162.826 | 2.927.812.985.141 | 3.100.113.975.143 | (2.849.117.152.828) | 2.711.996.861.902 | (1.685.917.824.992) | 2.927.812.985.141 | 3.953.892.022.051 |
| *6.1. Lợi nhuận đã thực hiện* | *29.1* | *2.660.148.273.194* | *2.798.808.974.439* | *2.584.889.227.021* | *(2.446.228.525.776)* | *2.461.131.643.480* | *(1.179.816.165.270)* | *2.798.808.974.439* | *4.080.124.452.649* |
| *6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện* | *29.1* | *16.667.889.632* | *129.004.010.702* | *515.224.748.122* | *(402.888.627.052)* | *250.865.218.422* | *(506.101.659.722)* | *129.004.010.702* | *(126.232.430.598)* |
| 7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 63.414.755.641 | 62.568.512.410 | – | (846.243.231) | 77.900.000.000 | (1.626.727.424) | 62.568.512.410 | 138.841.784.986 |
| **TỔNG CỘNG** | | **9.872.797.052.319** | **14.220.082.730.148** | **7.851.684.071.980** | **(3.504.398.394.151)** | **10.349.927.007.841** | **(2.186.127.773.329)** | **14.220.082.730.148** | **22.383.881.964.660** |
| **II. LỖ TOÀN DIỆN KHÁC** | | | | | | | | | |
| 1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS | 41 | (4.722.276.606) | (3.793.033.106) | 929.243.500 | – | 4.320.734.436 | (6.814.087.170) | (3.793.033.106) | (6.286.385.840) |
| **TỔNG CỘNG** | | **(4.722.276.606)** | **(3.793.033.106)** | **929.243.500** | **-** | **4.320.734.436** | **(6.814.087.170)** | **(3.793.033.106)** | **(6.286.385.840)** |

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2023

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 04 năm 2000. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VNĐ và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 14.911.301.370.000 VNĐ theo giấy phép điều chỉnh số 84/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 09 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.603 người (31 tháng 12 năm 2021: 1.310 người).

### NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 14.911.301.370.000 VNĐ, vốn chủ sở hữu bao gồm cả lợi ích cổ đông không kiểm soát là 22.383.881.964.660 VNĐ, và tổng tài sản là 52.226.382.886.481 VNĐ.

#### Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành đối tác của khách hàng cùng thành công, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.





#### Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:

   a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng.

   b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác.

   c. Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết.

   d. Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở.

   e. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

   f. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

   g. Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định tại điểm c, d và e khoản 4 trên.

## CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

| Tên công ty | Được thành lập theo | Ngành hoạt động | Vốn điều lệ | % sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) | Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 122/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 12 năm 2022. | Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. | 75 tỷ VNĐ | 100% |
| Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF) | Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 12/GCN-UBCK ngày 15 tháng 04 năm 2022. | Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản. | 530,5 tỷ VNĐ | 76,15% |

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI như sau:

| Tên công ty | Được thành lập theo | Ngành hoạt động | Vốn điều lệ | % sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Quốc tế SSI | Thành lập tại Hoa Kỳ theo Đăng ký Kinh doanh số 090813396 - 4724807 ngày 27 tháng 08 năm 2009. | Kinh doanh bất động sản. | 18.499.870,31 USD | 76,15% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI | Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0109944126 ngày 25 tháng 03 năm 2022. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.<br>Tư vấn quản lý, lập trình... | 200 tỷ VNĐ | 68,54% |





## CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có hai (02) công ty liên kết sở hữu trực tiếp được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

| Tên công ty | Được thành lập theo | Ngành hoạt động | Vốn điều lệ (VNĐ) | Hình thức sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN) | Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 19 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 22). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 08 năm 2005.<br>Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn Tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường. | 2.163.585.800.000 | Trực tiếp |
| Quỹ Đầu tư công nghệ số Việt Nam | Giấy Chứng nhận Đăng ký lập quỹ thành viên số 38/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2021. | Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác. | 50.000.000.000 | Trực tiếp |

## ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng lợi nhuận kế toán hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 của Công ty là 1.697.693.168.799 VNĐ, giảm 37,01% (tương ứng mức giảm 997.374.529.221 VNĐ) so với năm 2021, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Quy mô giao dịch của thị trường giảm mạnh, doanh thu nghiệp vụ môi giới giảm ở mức 32,25%, tương ứng với mức giảm 812.352.207.505 VNĐ, trong khi chi phí nghiệp vụ môi giới chỉ giảm 10,54% tương ứng với giá trị là 157.415.916.197 VNĐ.
- Thị trường chứng khoán biến động mạnh, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) giảm 13,12% tương ứng với mức giảm là 304.979.097.152 VNĐ so với năm 2021, trong khi lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL giảm với giá trị 380.600.454.374 VNĐ. Đồng thời doanh thu hoạt động tài chính giảm 47,40% tương ứng với giá trị giảm là 162.604.449.541 VNĐ so với năm 2021.

# 2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY

## 2.1. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

## 2.2. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

## 2.3. HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

## 2.4. KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

## 2.5. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").





# 3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

# 4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

## 4.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

a. *Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114")*, với các thay đổi chủ yếu như sau:

   - Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
   - Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
   - Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

   Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022. Áp dụng các thay đổi của Thông tư 114, trong năm, Công ty đã thực hiện hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ *(Thuyết minh số 29.2)*.

b. *Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.*

Thông tư số 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 05 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

## 4.2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

## 4.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
   - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
   - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
   - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
   - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
   - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

## 4.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a. Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b. Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c. Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.





Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

## 4.5. CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

a. Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

b. Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c. Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

## 4.6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a. Các khoản cho vay và phải thu;

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

c. Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

## 4.7. GIÁ TRỊ HỢP LÝ/GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT- BTC và Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 48/2019/TT-BTC (sau đây gọi chung là "Thông tư 48").





## 4.8. NGỪNG GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - » Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
  - » Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

## 4.9. PHÂN LOẠI LẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

**PHÂN LOẠI LẠI KHI BÁN TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÔNG THUỘC NHÓM FVTPL**

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

**PHÂN LOẠI LẠI DO THAY ĐỔI DỰ ĐỊNH HOẶC KHẢ NĂNG NẮM GIỮ**

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

## 4.10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục "Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết)" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi thế thương mại dương được phản ánh vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giả định sau:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xác định bằng nguyên giá trừ hao mòn lũy kế;
- Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);
- Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết, bao gồm thay đổi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cố định và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh của công ty liên kết không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty mà được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

## 4.11. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ ĐEM ĐI THẾ CHẤP

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.





## 4.12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" và "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

| Thời gian quá hạn | Mức trích dự phòng |
|---|---|
| Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30% |
| Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm | 50% |
| Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm | 70% |
| Từ ba (3) năm trở lên | 100% |

## 4.13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

## 4.14 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

## 4.15. KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---|---|
| Máy móc thiết bị | 3 - 5 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 5 năm |
| Phần mềm | 3 - 5 năm |
| Tài sản cố định vô hình khác | 2 - 5 năm |

## 4.16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 27,5 năm.

## 4.17. THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

## 4.18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (01) đến ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí vật dụng văn phòng; và
- Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm.

## 4.19. CÁC HỢP ĐỒNG MUA LẠI

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.





## 4.20. CÁC KHOẢN VAY

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

## 4.21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 4.22. CHỨNG QUYỀN MUA CÓ BẢO ĐẢM

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

## 4.23. LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

### 4.23.1. TRỢ CẤP NGHỈ HƯU

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (17% trong giai đoạn 12 tháng từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2022 theo quy định tại Nghị quyết số 68 ngày 01 tháng 07 năm 2021) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

### 4.23.2. TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

### 4.23.3. BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.Theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, Công ty được giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động xuống bằng 0% trong 12 tháng.

## 4.24. CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

## 4.25. HỢP ĐỒNG PHÁI SINH TIỀN TỆ

Công ty tham gia vào các giao dịch tiền tệ với các Ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ,...) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá và dòng tiền trong tương lai. Lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

## 4.26. CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

## 4.27. CHUYỂN ĐỔI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CON SANG ĐỒNG TIỀN BÁO CÁO CỦA CÔNG TY MẸ

Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền kế toán của công ty mẹ được chuyển đổi sang đồng tiền kế toán của công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Đối với các khoản mục nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân;
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh luỹ kế tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.





## 4.28. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**DOANH THU HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN**

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**THU NHẬP TỪ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

**THU NHẬP KHÁC**

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

**THU NHẬP LÃI**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**CỔ TỨC**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

**DOANH THU TỪ CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN**

Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÁC**

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

## 4.29. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

## 4.30. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ VỐN CHỨNG KHOÁN TỰ DOANH BÁN RA

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

## 4.31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

**THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

## 4.32. VỐN CHỦ SỞ HỮU

**VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

**LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL và khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.





**Các quỹ**

Năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

| | Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|---|---|---|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 5% | 10% vốn điều lệ |

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán trong đó nêu:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

## 4.32. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 4.33. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

## 4.34. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

## 4.35. CÁC KHOẢN MỤC KHÔNG CÓ SỐ DƯ

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 là các khoản mục không có số dư.

## 5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền | 907.209.511.917 | 474.197.771.229 |
| · *Tiền mặt tại quỹ* | *383.171.462* | *431.375.814* |
| · *Tiền gửi ngân hàng* | *906.826.340.455* | *473.766.395.415* |
| Các khoản tương đương tiền | 510.597.750.814 | 640.037.260.272 |
| · *Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng* | *510.597.750.814* | *640.037.260.272* |
| **Tổng cộng** | **1.417.807.262.731** | **1.114.235.031.501** |

## 6 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

| | Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm( đơn vị) | Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ) |
|---|---|---|
| **a. Của Công ty** | **1.687.164.923** | **218.923.200.836.025** |
| · *Cổ phiếu* | *434.122.250* | *16.796.261.233.181* |
| · *Trái phiếu* | *671.009.227* | *139.281.163.216.307* |
| · *Chứng khoán khác* | *582.033.446* | *62.845.776.386.537* |
| **b. Của nhà đầu tư** | **34.320.054.893** | **1.814.855.708.445.776** |
| · *Cổ phiếu* | *33.322.846.170* | *910.844.819.951.352* |
| · *Trái phiếu* | *64.767.729* | *7.053.900.967.894* |
| · *Chứng khoán khác* | *932.440.994* | *896.956.987.526.530* |
| **Tổng cộng** | **36.007.219.816** | **2.033.778.909.281.801** |





## 7 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

### MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH

**GIÁ GỐC**

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

**GIÁ TRỊ HỢP LÝ/GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG**

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.7*.

**GIÁ TRỊ PHÂN BỔ**

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

**GIÁ TRỊ GHI SỔ**

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

## 7.1. TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| **Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết (1)** | **545.312.341.560** | **504.561.988.040** | **1.072.947.011.740** | **1.102.268.396.860** |
| FPT | 23.803.985.453 | 23.378.753.500 | 18.052.188.015 | 17.358.171.000 |
| SGN | 407.513.400.377 | 371.611.614.000 | 407.684.911.102 | 420.402.968.000 |
| VPB | 24.445.330.307 | 24.503.363.700 | 70.064.308.000 | 69.355.375.800 |
| HPG | 19.282.803.312 | 17.873.388.000 | 1.283.542.801 | 1.695.734.400 |
| FUESSVFL | 20.218.936.555 | 20.094.448.500 | 5.228.633.907 | 5.640.456.800 |
| Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác | 50.047.885.556 | 47.100.420.340 | 570.633.427.915 | 587.815.690.860 |
| **Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền** | **32.345.419.551** | **31.633.886.250** | **756.070.971.658** | **753.490.336.500** |
| MBB | 3.439.143.847 | 3.285.405.900 | 86.665.742.393 | 87.415.390.600 |
| VPB | 7.280.492.358 | 7.297.776.300 | 47.131.125.007 | 46.654.237.800 |
| VRE | 10.121.710.560 | 9.684.475.300 | 55.305.263.332 | 54.932.500.000 |
| STB | 7.620.371.478 | 7.643.722.500 | 28.403.215.764 | 30.306.150.000 |
| Cổ phiếu khác | 3.883.701.308 | 3.722.506.250 | 538.565.625.162 | 534.182.058.100 |
| **Cổ phiếu và Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết** | **576.830.917.590** | **559.224.387.540** | **104.339.454.012** | **84.528.770.867** |
| **Trái phiếu niêm yết** | **792.728.150.972** | **784.949.352.684** | **100.074.600.000** | **100.074.600.000** |
| **Trái phiếu chưa niêm yết (2)** | **12.175.839.946.558** | **12.175.839.946.558** | **3.209.941.475.120** | **3.209.941.475.120** |
| **Chứng chỉ tiền gửi (3)** | **16.436.846.487.020** | **16.436.846.487.020** | **6.772.788.212.290** | **6.772.788.212.290** |
| **Tổng cộng** | **30.559.903.263.251** | **30.493.056.048.092** | **12.016.161.724.820** | **12.023.091.791.637** |

(1) Trong số cổ phiếu và chứng khoán niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, có 5.900.000 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 59.000.000.000 VNĐ được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Trong số trái phiếu chưa niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 7.790 trái phiếu có giá trị mệnh giá là 4.775.000.000.000 VNĐ được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(3) Trong đó, giá trị mệnh giá chứng chỉ tiền gửi thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty là 10.980.000.000.000 VNĐ và được sử dụng làm tài sản đảm bảo thanh toán cho Chứng quyền của công ty phát hành là 100.000.000.000 VNĐ.



## 7.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH AFS

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| **Cổ phiếu niêm yết** | **125.504.190.922** | **122.387.500.000** | **-** | **-** |
| OPC | 77.445.659.790 | 71.500.000.000 | - | - |
| Cổ phiếu niêm yết khác | 48.058.531.132 | 50.887.500.000 | - | - |
| **Cổ phiếu chưa niêm yết** | **241.682.764.524** | **236.941.473.138** | **276.320.839.159** | **271.579.547.769** |
| CTCP PAN Farm | 53.408.921.300 | 53.408.921.300 | 53.408.921.300 | 53.408.921.300 |
| CTCP ConCung | 40.007.139.216 | 40.007.139.216 | 40.007.139.216 | 40.007.139.216 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết khác | 148.266.704.008 | 143.525.412.622 | 182.904.778.643 | 178.163.487.253 |
| **Trái phiếu chưa niêm yết** | **22.379.282.466** | **22.379.282.466** | **-** | **-** |
| **Tổng cộng** | **389.566.237.912** | **381.708.255.604** | **276.320.839.159** | **271.579.547.769** |

## 7.3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm | 3.507.501.552.879 | 7.834.159.908.363 |

Trong số tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, có 3.350.000.000.000 VNĐ được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty và 8.500.000.000 VNĐ được dùng để Ngân hàng cấp bảo lãnh.

## 7.4. CÁC KHOẢN CHO VAY

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý (3) | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý (3) |
| Cho vay hoạt động ký quỹ (1) | 10.871.610.987.845 | 10.866.613.664.983 | 22.745.638.861.021 | 22.715.564.511.306 |
| Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2) | 185.552.102.332 | 185.552.102.332 | 945.347.041.803 | 945.347.041.803 |
| Các khoản khác | - | - | 6.901.338.630 | 6.901.338.630 |
| **Tổng cộng** | **11.057.163.090.177** | **11.052.165.767.315** | **23.697.887.241.454** | **23.667.812.891.739** |

(1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 15.819.406.440.000 VNĐ và 15.375.838.486.501 VNĐ, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 31.501.024.508.310 VNĐ và 68.923.089.551.344 VNĐ.

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

## 7.5. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Các loại tài sản tài chính | Số cuối năm | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Chênh lệch đánh giá | | |
| | Giá mua/Giá gốc | Chênh lệch tăng | Chênh lệch giảm | Giá trị đánh giá lại |
| **FVTPL** | **30.559.903.263.251** | **2.355.302.367** | **(69.202.517.526)** | **30.493.056.048.092** |
| Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết | 545.312.341.560 | 110.514.308 | (40.860.867.828) | 504.561.988.040 |
| Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền | 32.345.419.551 | 40.634.964 | (752.168.265) | 31.633.886.250 |
| Cổ phiếu và Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết | 576.830.917.590 | 2.204.153.095 | (19.810.683.145) | 559.224.387.540 |
| Trái phiếu niêm yết | 792.728.150.972 | - | (7.778.798.288) | 784.949.352.684 |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 12.175.839.946.558 | - | - | 12.175.839.946.558 |
| Chứng chỉ tiền gửi | 16.436.846.487.020 | - | - | 16.436.846.487.020 |
| **AFS** | **389.566.237.912** | **4.320.734.436** | **(12.178.716.744)** | **381.708.255.604** |
| Cổ phiếu niêm yết | 125.504.190.922 | 4.320.734.436 | (7.437.425.358) | 122.387.500.000 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 241.682.764.524 | - | (4.741.291.386) | 236.941.473.138 |
| Trái phiếu chưa niên yết | 22.379.282.466 | - | - | 22.379.282.466 |
| **Tổng cộng** | **30.949.469.501.163** | **6.676.036.803** | **(81.381.234.270)** | **30.874.764.303.696** |



*Đơn vị tính: VNĐ*

| Số đầu năm | | | |
|---|---|---|---|
| | Chênh lệch đánh giá | | |
| Giá mua/Giá gốc | Chênh lệch tăng | Chênh lệch giảm | Giá trị đánh giá lại |
| **12.016.161.724.820** | **55.450.720.122** | **(48.520.653.305)** | **12.023.091.791.637** |
| 1.072.947.011.740 | 44.805.763.899 | (15.484.378.779) | 1.102.268.396.860 |
| 756.070.971.658 | 10.644.956.223 | (13.225.591.381) | 753.490.336.500 |
| 104.339.454.012 | - | (19.810.683.145) | 84.528.770.867 |
| 100.074.600.000 | - | - | 100.074.600.000 |
| 3.209.941.475.120 | - | - | 3.209.941.475.120 |
| 6.772.788.212.290 | - | - | 6.772.788.212.290 |
| **276.320.839.159** | **-** | **(4.741.291.386)** | **271.579.547.769** |
| - | - | - | - |
| 276.320.839.159 | - | (4.741.291.386) | 271.579.547.769 |
| - | - | - | - |
| **12.292.482.563.979** | **55.450.720.122** | **(53.261.944.691)** | **12.294.671.339.406** |

## 8 DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay | 4.997.322.862 | 30.074.349.715 |
| Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 32.254.346.600 | 32.254.346.600 |
| **Tổng cộng** | **37.251.669.462** | **62.328.696.315** |

## 9 CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| 1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính | 269.534.422.234 | 521.353.505.084 |
| *Trong đó các khoản phải thu về bán các tài sản tài chính khó có khả năng thu hồi* | *231.621.436.808* | *232.864.343.084* |
| 2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 146.420.532.799 | 6.376.013.103 |
| 3. Trả trước cho người bán | 1.413.299.966.298 | 1.256.037.254.114 |
| 4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 19.991.293.644 | 34.796.454.030 |
| *Trong đó phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp* | *250.000.000* | *9.877.488.657* |
| 5. Các khoản phải thu khác | 184.521.001.543 | 9.744.607.323 |
| 6. Dự phòng phải thu khó đòi | (231.871.436.808) | (242.666.831.741) |
| **Tổng cộng** | **1.801.895.779.710** | **1.585.641.001.913** |

## 9 CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC *(tiếp)*

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

| | Giá trị phải thu khó đòi cuối năm | Số dự phòng đầu năm | Số trích lập trong năm | Phân loại lại trong năm | Số hoàn nhập trong năm | Xử lý nợ trong năm | Số dự phòng cuối năm | Giá trị phải thu khó đòi đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi | 231.621.436.808 | 232.864.343.084 | - | - | (1.242.906.276) | - | 231.621.436.808 | 232.864.343.084 |
| · *Công ty TNHH TMXD Phúc Bảo Minh* | *231.621.436.808* | *232.864.343.084* | - | - | *(1.242.906.276)* | - | *231.621.436.808* | *232.864.343.084* |
| Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi | 250.000.000 | 9.802.488.657 | 75.000.000 | 24.854.187.578 | - | (34.481.676.235) | 250.000.000 | 9.877.488.657 |
| · *Công ty Cổ phần bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An* | *10.000.000* | *7.000.000* | *3.000.000* | - | - | - | *10.000.000* | *10.000.000* |
| · *Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)* | *240.000.000* | *168.000.000* | *72.000.000* | - | - | - | *240.000.000* | *240.000.000* |
| · *Phải thu giao dịch ký quỹ quá hạn - khách hàng cá nhân* | - | *9.627.488.657* | - | *24.854.187.578* | - | *(34.481.676.235)* | - | *9.627.488.657* |
| **Tổng cộng** | **231.871.436.808** | **242.666.831.741** | **75.000.000** | **24.854.187.578** | **(1.242.906.276)** | **(34.481.676.235)** | **231.871.436.808** | **242.741.831.741** |

## 10 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tạm ứng | 28.116.569.085 | 11.989.717.067 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 74.314.488.778 | 53.559.486.327 |
| · *Chi phí trả trước mua công cụ, vật liệu văn phòng* | *3.515.657.458* | *2.996.466.634* |
| · *Chi phí trả trước dịch vụ* | *70.798.831.320* | *50.563.019.693* |
| Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 365.116.300 | 3.832.647.350 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước *(thuyết minh 24)* | 504.363.766 | 597.877.333 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 2.275.883.968 | 2.034.798.400 |
| · *Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Công ty* | *1.217.353.068* | *883.944.800* |
| · *Khác* | *1.058.530.900* | *1.150.853.600* |
| Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ | 4.458.362.981 | 3.314.801.546 |
| **Tổng cộng** | **110.034.784.878** | **75.329.328.023** |

## 11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Hình thức sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết của Công ty | Giá trị VNĐ | Tỷ lệ biểu quyết của Công ty | Giá trị VNĐ |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | 2.156.468.315.100 | | 3.086.855.720.098 |
| *Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn (1)* | | | *2.156.468.315.100* | | *3.086.855.720.098* |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2) | | | 616.604.962.209 | | 602.489.410.242 |
| *Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)* | *Trực tiếp* | *12,73%* | *606.243.226.510* | *12,73%* | *559.135.802.632* |
| *Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha (3)* | *Gián tiếp qua công ty con* | - | - | *48,90%* | *16.523.835.763* |
| *Công ty Cổ phần Đầu tư KAC (3)* | *Gián tiếp qua công ty con* | - | - | *46,70%* | *16.787.119.666* |
| *Quỹ Đầu tư Công Nghệ số Việt Nam (VDF)* | *Trực tiếp* | *20,00%* | *10.361.735.699* | *20,00%* | *10.042.652.181* |
| **Tổng cộng** | | | **2.773.073.277.309** | | **3.689.345.130.340** |

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong số các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có 2.100 trái phiếu với giá trị mệnh giá là 2.100.000.000.000 VNĐ được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong số cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết, có 26.580.120 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 265.801.200.000 VNĐ được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(3) Trong năm, Công ty đã thanh lý toàn bộ hai (02) khoản đầu tư vào công ty liên kết là công ty Cổ phần Công Thắng Alpha và Công ty Cổ phần Đầu tư KAC.

**Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm:**

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 602.489.410.242 | 785.069.409.790 |
| Mua trong năm | - | 56.242.200.000 |
| Thanh lý một phần công ty liên kết trong năm | (34.621.700.000) | (283.338.631.192) |
| Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết | 10.643.136.485 | 31.957.963.865 |
| Lãi từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm | 38.094.115.482 | 33.537.927.279 |
| · *Phần chia sẻ lãi trong năm* | *38.094.115.482* | *33.537.927.279* |
| Cổ tức thực nhận | - | (20.979.459.500) |
| **Số cuối năm** | **616.604.962.209** | **602.489.410.242** |





## 12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Máy móc Thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 269.173.317.131 | 24.346.783.800 | 3.180.436.272 | 296.700.537.203 |
| Tăng trong năm | 88.571.324.921 | 5.367.222.182 | 1.284.747.480 | 95.223.294.583 |
| Giảm trong năm | (26.713.103.303) | - | - | (26.713.103.303) |
| *Thanh lý, nhượng bán* | *(26.676.431.812)* | - | - | *(26.676.431.812)* |
| *Giảm khác* | *(36.671.491)* | - | - | *(36.671.491)* |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 331.031.538.749 | 29.714.005.982 | 4.465.183.752 | 365.210.728.483 |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 146.711.953.612 | 11.507.330.299 | 2.492.006.957 | 160.711.290.868 |
| Tăng trong năm | 46.257.944.792 | 2.653.625.499 | 638.649.005 | 49.550.219.296 |
| *Hao mòn trong năm* | *46.257.944.792* | *2.653.625.499* | *638.649.005* | *49.550.219.296* |
| Giảm trong năm | (26.701.473.093) | - | - | (26.701.473.093) |
| *Thanh lý, nhượng bán* | *(26.664.801.602)* | - | - | *(26.664.801.602)* |
| *Giảm khác* | *(36.671.491)* | - | - | *(36.671.491)* |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 166.268.425.311 | 14.160.955.798 | 3.130.655.962 | 183.560.037.071 |
| **Giá trị còn lại** | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 122.461.363.519 | 12.839.453.501 | 688.429.315 | 135.989.246.335 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 164.763.113.438 | 15.553.050.184 | 1.334.527.790 | 181.650.691.412 |

**CÁC THÔNG TIN KHÁC VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:**

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng | 60.855.109.293 | 61.422.592.425 |

## 13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Phần mềm | Tài sản vô hình khác | Tổng cộng |
|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 151.205.616.458 | 10.227.156.042 | 161.432.772.500 |
| Tăng trong năm | 54.586.981.023 | 21.905.581.070 | 76.492.562.093 |
| Giảm trong năm | (590.313.360) | - | (590.313.360) |
| *Thanh lý, nhượng bán* | *(590.313.360)* | - | *(590.313.360)* |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 205.202.284.121 | 32.132.737.112 | 237.335.021.233 |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 100.575.805.379 | 7.880.766.535 | 108.456.571.914 |
| Tăng trong năm | 26.804.511.524 | 2.384.346.092 | 29.188.857.616 |
| *Hao mòn trong năm* | *26.804.511.524* | *2.384.346.092* | *29.188.857.616* |
| Giảm trong năm | (590.313.360) | - | (590.313.360) |
| *Thanh lý, nhượng bán* | *(590.313.360)* | - | *(590.313.360)* |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 126.790.003.543 | 10.265.112.627 | 137.055.116.170 |
| **Giá trị còn lại** | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 50.629.811.079 | 2.346.389.507 | 52.976.200.586 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 78.412.280.578 | 21.867.624.485 | 100.279.905.063 |

**CÁC THÔNG TIN KHÁC VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH:**

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng | 77.359.440.836 | 60.134.899.356 |





## 14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Nhà và đất |
|---|---|
| **Nguyên giá** | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 320.664.842.428 |
| Tăng trong năm | 44.832.559.685 |
| *Mua mới* | *33.446.248.583* |
| *Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con* | *11.386.311.102* |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 365.497.402.113 |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 87.480.523.953 |
| Tăng trong năm | 12.903.972.428 |
| *Hao mòn trong năm* | *9.937.153.229* |
| *Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con* | *2.966.819.199* |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 100.384.496.381 |
| **Giá trị còn lại** | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 233.184.318.475 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 265.112.905.732 |

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI (SSIIC) đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá của các toà nhà được ghi nhận bằng đô la Mỹ và được quy đổi trong báo cáo tài chính của SSIIC sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng nơi Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSIIMF) mở tài khoản. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của SSIIC từ USD sang VNĐ được ghi nhận vào mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.220.665.660 VNĐ.

*Đơn vị tính: VNĐ*

## 15 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí phát triển phần mềm | 23.461.884.321 | 34.927.073.550 |
| Chi phí xây dựng cơ bản khác | 2.438.435.520 | - |
| **Tổng cộng** | **25.900.319.841** | **34.927.073.550** |

## 16 CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Ký quỹ, đặt cọc của Công ty | 33.856.918.392 | 32.586.638.490 |

Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu là tiền đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

## 17 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí trả trước dịch vụ và công cụ dài hạn | 53.000.229.779 | 24.502.030.428 |

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu gồm các chi phí trang trí nội thất, trang thiết bị văn phòng, chi phí thi công sửa chữa và trang trí ngoại thất, chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì và bảo hành các phần mềm của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong thời gian tối đa 36 tháng.

## 18 TÀI SẢN/ PHẢI TRẢ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/ tính thuế của các khoản mục sau đây:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại** | | |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết tạm thời không được khấu trừ thuế | 4.248.099.320 | 4.248.099.320 |
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay tạm thời không được khấu trừ thuế | 15.186.043 | 139.338.024 |
| Chi phí tạm thời chịu thuế phát sinh | 2.716.180.588 | 1.369.870.544 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khác | 6.511.347.657 | - |
| Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính | 9.193.461.645 | 9.193.461.645 |
| **Tổng cộng** | **22.684.275.253** | **14.950.769.533** |
| **Phải trả thuế thu nhập hoãn lại** | | |
| Thu nhập của công ty con tạm thời không chịu thuế | - | (4.507.801.066) |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL | 471.060.475 | 11.090.142.625 |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS | (1.571.596.462) | (948.258.278) |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành | 2.303.539.350 | 35.367.752.676 |
| **Tổng cộng** | **1.203.003.363** | **41.001.835.957** |





## 19 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VNĐ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VNĐ/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VNĐ đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền nộp ban đầu | 6.087.814.535 | 6.087.814.535 |
| Tiền nộp bổ sung | 7.872.720.527 | 7.872.720.527 |
| Tiền lãi phân bổ | 6.039.464.938 | 6.039.464.938 |
| **Tổng cộng** | **20.000.000.000** | **20.000.000.000** |

## 20 CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty và đảm bảo thanh toán cho Chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Tài sản | Số cuối năm | Số đầu năm | Mục đích đảm bảo |
|---|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **19.272.500.000.000** | **14.690.785.000.000** | |
| Tài sản tài chính FVTPL - tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 7.1)* | 15.814.000.000.000 | 6.939.000.000.000 | Các khoản vay ngắn hạn |
| *Cổ phiếu niêm yết* | *59.000.000.000* | *59.000.000.000* | |
| *Trái phiếu chưa niêm yết* | *4.775.000.000.000* | *780.000.000.000* | |
| *Chứng chỉ tiền gửi* | *10.980.000.000.000* | *6.100.000.000.000* | |
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)* | 1.450.000.000.000 | 6.560.000.000.000 | Các khoản vay ngắn hạn |
| Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)* | 1.900.000.000.000 | 750.000.000.000 | Các khoản vay ngắn hạn |
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)* | 8.500.000.000 | - | Hợp đồng cấp bảo lãnh |
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)* | - | 98.250.000.000 | Chứng quyền |
| Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm (Thuyết minh số 7.3) | - | 343.535.000.000 | Chứng quyền |
| Chứng chỉ tiền gửi FVTPL *(Thuyết minh số 7.1)* | 100.000.000.000 | - | Chứng quyền |
| **Dài hạn** | **2.365.801.200.000** | **3.265.801.200.000** | |
| Trái phiếu có kỳ hạn còn lại trên 1 năm - tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 11)* | 2.100.000.000.000 | 3.000.000.000.000 | Các khoản vay ngắn hạn |
| Đầu tư vào công ty liên kết - tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 11)* | 265.801.200.000 | 265.801.200.000 | Các khoản vay ngắn hạn |
| **Tổng cộng** | **21.638.301.200.000** | **17.956.586.200.000** | |

## 21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết biến động số dư vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn của Công ty trong năm như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Lãi suất vay %/năm | Số đầu năm (VNĐ) | Số vay trong năm (VNĐ) | Số đã trả trong năm (VNĐ) | Số cuối năm (VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|
| Vay thấu chi | Dưới 6,3 | 6.011.665.792.772 | 79.701.728.790.509 | 77.196.263.868.737 | 8.517.130.714.544 |
| Vay ngắn hạn | Dưới 8,1 | 25.109.242.577.423 | 259.659.071.336.643 | 265.393.154.900.138 | 19.375.159.013.928 |
| *· Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam* | | *4.440.000.000.000* | *18.949.000.000.000* | *20.589.000.000.000* | *2.800.000.000.000* |
| *· Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam* | | *4.100.000.000.000* | *14.485.000.000.000* | *14.635.000.000.000* | *3.950.000.000.000* |
| *· Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam* | | *3.000.000.000.000* | *16.330.000.000.000* | *16.930.000.000.000* | *2.400.000.000.000* |
| *· Các ngân hàng khác (*)* | | *10.265.800.000.000* | *27.268.060.000.000* | *29.018.897.500.000* | *8.514.962.500.000* |
| *· Vay khác* | | *3.303.442.577.423* | *182.627.011.336.643* | *184.220.257.400.138* | *1.710.196.513.928* |
| **Tổng cộng** | | **31.120.908.370.195** | **339.360.800.127.152** | **342.589.418.768.875** | **27.892.289.728.472** |

(*) Trong đó một số khoản vay tín chấp có gốc ngoại tệ có giá trị tại thời điểm cuối năm là 228 triệu USD, các khoản vay này một phần được phòng ngừa rủi ro bằng các hợp đồng kỳ hạn mua ngoại tệ tại các ngân hàng và phần còn lại đã được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại thời điểm cuối năm.





## 22 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán | 26.036.223.783 | 45.231.136.706 |
| Phải trả chứng quyền (đang lưu hành) (*) | 23.135.471.000 | 134.824.507.005 |
| **Tổng cộng** | **49.171.694.783** | **180.055.643.711** |

(*) Công ty được phát hành sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm theo các giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Chi tiết số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

*Đơn vị tính: Chứng quyền*

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Số lượng chứng quyền được phép phát hành | Số lượng chứng quyền đang lưu hành | Số lượng chứng quyền được phép phát hành | Số lượng chứng quyền đang lưu hành |
| HPG/7M/SSI/C/EU/Cash-13 | 47.000.000 | 45.138.600 | - | - |
| MBB/4M/SSI/C/EU/Cash-13 | 19.000.000 | 16.098.500 | - | - |
| STB/7M/SSI/C/EU/Cash-13 | 12.000.000 | 9.224.900 | - | - |
| VPB/4M/SSI/C/EU/Cash-13 | 12.000.000 | 9.964.100 | - | - |
| Các chứng quyền khác | 333.000.000 | 202.921.700 | 338.500.000 | 165.368.600 |
| **Tổng cộng** | **423.000.000** | **283.347.800** | **338.500.000** | **165.368.600** |

## 23 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công ty TNHH Hệ Thống Thông tin FPT (FIS) | 5.099.991.600 | 1.335.741.000 |
| Công ty TNHH Độ Phân Giải Cao | 3.382.484.712 | - |
| Công ty TNHH Phần mềm FPT | 3.198.874.000 | 1.288.818.000 |
| Công ty TNHH Fansipang | 2.065.153.360 | 534.832.000 |
| CÔNG TY TNHH SL INTERNATIONAL | 1.920.419.600 | - |
| Phải trả tiền mua chứng khoán | 289.109.896.398 | - |
| Phải trả người bán khác | 14.584.065.355 | 19.090.352.964 |
| **Tổng cộng** | **319.360.885.025** | **22.249.743.964** |

## 24 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | 720.763.429 | 1.837.070.183 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 33.112.581.088 | 222.198.744.178 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 74.377.223.838 | 119.649.345.022 |
| Các loại thuế khác (Thuế nhà thầu) | 6.752.311.140 | 8.942.609.901 |
| **Tổng cộng** | **114.962.879.495** | **352.627.769.284** |

### CHI TIẾT THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

*Đơn vị tính: VNĐ*

| STT | Chỉ tiêu | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Thuế** | **352.029.891.951** | **1.348.379.378.938** | **1.585.950.755.160** | **114.458.515.729** |
| 1 | Thuế giá trị gia tăng | 1.837.070.183 | 6.690.009.566 | 7.806.955.927 | 720.123.822 |
| | Trong đó: | | | | |
| | · *Thuế GTGT phải nộp* | *1.837.070.183* | – | – | *720.763.429* |
| | · *Thuế GTGT thu lại từ nhà nước* | – | – | – | *(639.607)* |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) *(Thuyết minh số 40.1)* | 221.600.866.845 | 458.993.340.794 | 647.985.350.710 | 32.608.856.929 |
| | Trong đó: | | | | |
| | · *Thuế TNDN phải nộp* | *222.198.744.178* | | | *33.112.581.088* |
| | · *Thuế TNDN thu lại từ nhà nước* | *(597.877.333)* | | | *(503.724.159)* |
| 3 | *Các loại thuế khác* | *128.591.954.923* | *882.696.028.578* | *930.158.448.523* | *81.129.534.978* |
| | *Thuế thu nhập cá nhân* | *28.518.906.889* | *179.940.254.378* | *191.245.057.649* | *17.214.103.618* |
| | *Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư* | *91.130.438.133* | *624.394.333.615* | *658.361.651.528* | *57.163.120.220* |
| | *Thuế môn bài* | – | *18.000.000* | *18.000.000* | – |
| | *Thuế khác (thuế nhà thầu)* | *8.942.609.901* | *78.343.440.585* | *80.533.739.346* | *6.752.311.140* |
| **II** | **Các khoản phải nộp khác** | **–** | **67.739.458** | **67.739.458** | **–** |
| | **Tổng cộng** | **352.029.891.951** | **1.348.447.118.396** | **1.586.018.494.618** | **114.458.515.729** |





## 25 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay phải trả | 46.203.408.223 | 76.567.804.348 |
| Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi | 1.597.703.192 | 14.518.541.799 |
| Phí dịch vụ | 693.200.000 | 758.000.000 |
| Phí hoa hồng phải trả cho đối tác | 8.530.148.573 | 4.093.870.506 |
| Các khoản khác | 1.281.314.575 | 1.802.344.970 |
| **Tổng cộng** | **58.305.774.563** | **97.740.561.623** |

## 26 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư để mua chứng khoán (1) | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi (2) | 866.848.374.144 | 4.250.363.558.098 |
| Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu | 7.876.435.232 | 7.224.402.527 |
| *Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty* | *7.337.142.900* | *6.672.786.400* |
| *Phải trả trái tức cho trái chủ của Công ty* | *539.292.332* | *551.616.127* |
| Phải trả khác | 33.349.476.868 | 49.448.395.524 |
| **Tổng cộng** | **913.074.286.244** | **4.312.036.356.149** |

(1) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán và đặt mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng.

(1) Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo quy định của hợp đồng.

## 27 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên | 205.457.270.855 | 148.578.895.899 |
| Quỹ từ thiện | 116.439.644.741 | 97.362.591.217 |
| **Tổng cộng** | **321.896.915.596** | **245.941.487.116** |

## 28 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (BBC) | 8.144.100.724 | 8.144.100.724 |
| Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (SSC) | 19.186.831.881 | 19.186.831.881 |
| Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (LAF) | 1.688.248.597 | 1.688.248.597 |
| Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (VFG) | 12.890.045.591 | 12.890.045.591 |
| Bán cổ phiếu khác cho công ty liên kết | 9.277.932.564 | 9.277.932.564 |
| Doanh thu chưa thực hiện khác | 1.400.000.000 | 1.600.000.000 |
| **Tổng cộng** | **52.587.159.357** | **52.787.159.357** |

Đây là các khoản thu nhập chưa thực hiện phát sinh do Công ty bán cổ phiếu cho công ty liên kết, số liệu trình bày ở trên tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty liên kết thực hiện mua cổ phiếu và phần doanh thu chưa thực hiện khác.





## 29 VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 29.1. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối | 4.080.124.452.649 | 2.798.808.974.439 |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | (126.232.430.598) | 129.004.010.702 |
| *· Lãi/(lỗ) chưa thực hiện và thuế hoãn lại trên đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và phải trả chứng quyền đang lưu hành* | *(59.052.018.857)* | *133.613.475.933* |
| *· Lỗ chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá* | *(67.180.411.741)* | *(4.609.465.231)* |
| **Tổng cộng** | **3.953.892.022.051** | **2.927.812.985.141** |

### 29.2. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | Lợi nhuận chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Số đầu năm** | **9.847.500.220.000** | **817.169.133.373** | **(21.983.912.738)** | **(3.793.033.106)** | **33.624.236.089** | **61.252.419.507** | **495.932.169.472** | **2.927.812.985.141** | **62.568.512.410** | **14.220.082.730.148** |
| Lợi nhuận sau thuế | - | - | - | - | - | - | - | - | 2.695.067.698.020 | 2.695.067.698.020 |
| Phân phối Cổ phiếu Quỹ theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ Ngày 31/12/2020 của ĐHĐCĐ | - | 223.864.271 | 4.236.135.729 | - | - | - | - | - | - | 4.460.000.000 |
| Phát hành cổ phiếu tăng vốn theo chương trình lựa chọn người lao động theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2021 của ĐHĐCĐ | 100.000.000.000 | - | - | - | - | - | - | - | - | 100.000.000.000 |
| Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2022 của ĐHĐCĐ | 4.963.801.150.000 | 2.481.900.575.000 | | - | - | - | - | - | - | 7.445.701.725.000 |
| Chi phí phát hành | - | (73.100.000) | - | - | - | - | - | - | - | (73.100.000) |

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch

B05-CTCK/HN

## 29.2. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU *(tiếp theo)*

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý | Chênh lệch tỷ giá | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ vào lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2022 của ĐHĐCĐ | – | – | – | – | – | – | (495.932.169.472) | 495.932.169.472 | – | – |
| Cổ tức SSI 2021 (10%) theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2022 của ĐHĐCĐ | – | – | – | – | – | – | – | (992.760.231.000) | – | (992.760.231.000) |
| Đánh giá lại tài sản tài chính AFS | – | – | – | (2.493.352.734) | – | – | – | – | – | (2.493.352.734) |
| Mua cổ phiếu quỹ | – | – | (1.367.229.400) | – | – | – | – | – | – | (1.367.229.400) |
| Trích lập quỹ từ thiện, phúc lợi, khen thưởng theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2022 của ĐHĐCĐ | – | – | – | – | – | – | – | (185.242.719.579) | – | (185.242.719.579) |
| Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con phát sinh trong năm | – | – | – | – | 11.151.051.632 | – | – | – | – | 11.151.051.632 |
| Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết | – | – | – | – | – | – | – | 10.643.136.485 | – | 10.643.136.485 |
| Vốn góp của cổ đông không kiểm soát tại công ty con | – | – | – | – | – | – | – | – | 77.900.000.000 | 77.900.000.000 |
| Giảm khác | – | – | – | – | – | – | – | (1.813.214.691) | – | (1.813.214.691) |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | – | – | – | – | – | – | – | 1.626.727.424 | (1.626.727.424) | – |
| **Số cuối năm** | **14.911.301.370.000** | **3.299.220.472.644** | **(19.115.006.409)** | **(6.286.385.840)** | **44.775.287.721** | **61.252.419.507** | **–** | **3.953.892.022.051** | **138.841.784.986** | **22.383.881.964.660** |

## 29.3. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG HOẶC CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| 1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2022 và 1/1/2021) | 2.798.808.974.439 | 2.660.148.273.194 |
| 2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2022 và 31/12/2021) | (137.330.829.893) | (56.827.577.489) |
| 3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm | 2.461.131.643.480 | 2.584.889.227.021 |
| 4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3)) | 5.122.609.788.026 | 5.188.209.922.726 |
| 5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận | (185.242.719.579) | (198.058.226.324) |
| · *Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ* | - | *(58.252.419.507)* |
| · *Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ* | - | *(58.252.419.507)* |
| · *Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng* | *(185.242.719.579)* | *(81.553.387.310)* |
| 6. Các khoản khác làm tăng/(giảm) lợi nhuận chưa phân phối | (1.813.214.691) | 31.957.963.865 |
| 7. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ | (992.760.231.000) | (2.280.128.263.317) |
| · *Phát hành cổ phiếu trả cổ tức* | - | *(1.634.267.279.317)* |
| · *Trả cổ tức bằng tiền* | *(992.760.231.000)* | *(645.860.984.000)* |
| **Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối** | **3.942.793.622.756** | **2.741.981.396.950** |

## 29.4 CỔ PHIẾU

*Đơn vị tính: cổ phiếu*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Số lượng cổ phiếu được phép phát hành** | **1.491.130.137** | **984.750.022** |
| **Số lượng cổ phiếu đã phát hành** | **1.491.130.137** | **984.750.022** |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | 1.491.130.137 | 984.750.022 |
| · *Cổ phiếu phổ thông* | *1.491.130.137* | *984.750.022* |
| · *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| **Số lượng cổ phiếu quỹ** | **(1.991.468)** | **(2.406.549)** |
| Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ | (1.991.468) | (2.406.549) |
| · *Cổ phiếu phổ thông* | *(1.991.468)* | *(2.406.549)* |
| · *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành** | **1.489.138.669** | **982.343.473** |
| · *Cổ phiếu phổ thông* | *1.489.138.669* | *982.343.473* |
| · *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |





# 30 THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## 30.1. NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| USD | 2.750.026,32 | 4.228.999,65 |
| EUR | 101,41 | 112,41 |
| GBP | 107,64 | 118,64 |

## 30.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN ("VSD") CỦA CTCK

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 843.126.510.000 | 255.390.090.000 |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | 324.801.200.000 | 324.801.200.000 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | 9.337.510.000 | 59.999.000.000 |
| **Tổng cộng** | **1.177.265.220.000** | **640.190.290.000** |

## 30.3 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | 9.484.320.000 | 19.480.520.000 |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| **Tổng cộng** | **10.484.320.000** | **20.480.520.000** |

## 30.4 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CTCK

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Cổ phiếu | 76.156.000.000 | 21.549.000.000 |

## 30.5 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chứng chỉ quỹ | 312.069.930.000 | 10.000.000.000 |
| Cổ phiếu | 157.864.710.000 | 135.201.210.000 |
| Trái phiếu | 14.171.780.000.000 | 6.268.070.300.000 |
| **Tổng cộng** | **14.641.714.640.000** | **6.413.271.510.000** |

## 30.6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 71.772.504.608.420 | 63.676.892.129.000 |
| Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng | 1.600.752.740.000 | 1.164.444.740.000 |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | 12.563.910.520.000 | 11.559.652.470.000 |
| Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | 283.790.610.000 | 269.126.600.000 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | 693.457.181.000 | 1.522.592.691.000 |
| **Tổng cộng** | **86.914.415.659.420** | **78.192.708.630.000** |

## 30.7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | 631.083.810.000 | 518.015.120.000 |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 24.381.000.000 | 51.623.000.000 |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ | - | 145.000.000 |
| **Tổng cộng** | **655.464.810.000** | **569.783.120.000** |

## 30.8. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền | 691.199.471.000 | 1.595.243.646.000 |
| Trái phiếu | 10.000.000 | - |
| | **691.209.471.000** | **1.595.243.646.000** |

## 30.9. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Cổ phiếu | 22.654.350.000 | 23.585.470.000 |

## 30.10. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Cổ phiếu | 60.083.020.000 | 1.812.141.070.000 |





## 30.11. TIỀN GỬI NHÀ ĐẦU TƯ

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 4.014.604.735.879 | 6.473.319.613.124 |
| · *Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý* | *3.809.759.568.108* | *5.937.442.160.600* |
| · *Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý* | *204.845.167.771* | *535.877.452.524* |
| Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD | 686.416.332.634 | 744.150.173.589 |
| Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 9.594.783.385 | 17.818.952.433 |
| **Tổng cộng** | **4.710.615.851.898** | **7.235.288.739.146** |

## 30.12 TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành | 1.045.505.000 | 1.926.199.000 |
| Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành | 3.746.164.269 | 9.250.274.509 |
| **Tổng cộng** | **4.791.669.269** | **11.176.473.509** |

## 30.13 PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA CTCK

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 4.701.021.068.513 | 7.217.469.786.713 |
| · *Của Nhà đầu tư trong nước* | *4.241.075.877.347* | *6.285.272.187.678* |
| · *Của Nhà đầu tư nước ngoài* | *459.945.191.166* | *932.197.599.035* |
| **Tổng cộng** | **4.701.021.068.513** | **7.217.469.786.713** |

## 30.14 PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác | 1.045.505.000 | 1.926.199.000 |

## 30.15 PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành | 3.746.164.269 | 9.250.274.509 |

B05-CTCK/HN

# 31 LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

## 31.1. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

| STT | Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán (Đơn vị) | Tổng giá trị bán (VNĐ) | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VNĐ) | Lãi bán chứng khoán năm nay (VNĐ) | Lãi bán chứng khoán năm trước (VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **LÃI BÁN** | | | | | |
| 1 | Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền) | 216.448.924 | 7.153.403.964.699 | 6.979.320.727.999 | 174.083.236.700 | 742.438.166.806 |
| 2 | Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết | 119.722.141 | 1.584.116.352.523 | 1.583.500.000.000 | 616.352.523 | 84.376.643.935 |
| 3 | Trái phiếu niêm yết | 167.497.883 | 17.549.537.430.591 | 17.532.026.473.030 | 17.510.957.561 | 6.860.319.749 |
| 4 | Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết | 67.147.736 | 119.152.558.081.916 | 118.819.729.035.127 | 332.829.046.789 | 284.989.500.760 |
| 5 | Lãi vị thế của hợp đồng CKPS | - | - | - | 180.882.827.000 | 102.569.866.000 |
| 6 | Chứng quyền do Công ty phát hành | 414.084.100 | 413.167.948.277 | 131.826.304.800 | 281.341.643.477 | 138.590.563.568 |
| | **Tổng cộng** | **984.900.784** | **145.852.783.778.006** | **145.046.402.540.956** | **987.264.064.050** | **1.359.825.060.818** |
| **II** | **LỖ BÁN** | | | | | |
| 1 | Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền) | 174.119.282 | 5.125.509.935.757 | 5.458.059.025.527 | (332.549.089.770) | (245.428.494.919) |
| 2 | Cổ phiếu và Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết | 534.286 | 39.134.920.956 | 39.135.074.627 | (153.671) | (672.721.358) |
| 3 | Trái phiếu niêm yết | 87.790.000 | 9.113.423.900.000 | 9.119.516.592.705 | (6.092.692.705) | (3.286.500.000) |
| 4 | Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết | 5.246.319 | 11.366.696.709.048 | 11.410.675.480.237 | (43.978.771.189) | (83.070.584.304) |
| 5 | Lỗ vị thế của hợp đồng CKPS | - | - | - | (121.267.354.000) | (312.210.422.000) |
| 6 | Chứng quyền do Công ty phát hành | 126.722.600 | 88.415.910.025 | 114.157.831.900 | (25.741.921.875) | (350.448.171.012) |
| | **Tổng cộng** | **394.412.487** | **25.733.181.375.786** | **26.141.544.004.996** | **(529.629.983.210)** | **(995.116.893.593)** |

## 31.2 CHÊNH LỆCH VỀ ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

*Đơn vị tính: VNĐ*

| STT | Danh mục các loại tài sản tài chính | Giá trị mua theo sổ kế toán | Giá trị hợp lý | Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm | Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm | Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Loại FVTPL** | **30.559.903.263.251** | **30.493.056.048.092** | **(66.847.215.159)** | **6.930.066.817** | **(73.777.281.976)** |
| **1** | **Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết** | **545.312.341.560** | **504.561.988.040** | **(40.750.353.520)** | **29.321.385.120** | **(70.071.738.640)** |
| | FPT | 23.803.985.453 | 23.378.753.500 | (425.231.953) | (694.017.015) | 268.785.062 |
| | SGN | 407.513.400.377 | 371.611.614.000 | (35.901.786.377) | 12.718.056.898 | (48.619.843.275) |
| | VPB | 24.445.330.307 | 24.503.363.700 | 58.033.393 | (708.932.200) | 766.965.593 |
| | HPG | 19.282.803.312 | 17.873.388.000 | (1.409.415.312) | 412.191.599 | (1.821.606.911) |
| | FUESSVFL | 20.218.936.555 | 20.094.448.500 | (124.488.055) | 411.822.893 | (536.310.948) |
| | Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác | 50.047.885.556 | 47.100.420.340 | (2.947.465.216) | 17.182.262.945 | (20.129.728.161) |
| **2** | **Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền** | **32.345.419.551** | **31.633.886.250** | **(711.533.301)** | **(2.580.635.158)** | **1.869.101.857** |
| | MBB | 3.439.143.847 | 3.285.405.900 | (153.737.947) | 749.648.207 | (903.386.154) |
| | VPB | 7.280.492.358 | 7.297.776.300 | 17.283.942 | (476.887.207) | 494.171.149 |
| | VRE | 10.121.710.560 | 9.684.475.300 | (437.235.260) | (372.763.332) | (64.471.928) |
| | STB | 7.620.371.478 | 7.643.722.500 | 23.351.022 | 1.902.934.236 | (1.879.583.214) |
| | Cổ phiếu khác | 3.883.701.308 | 3.722.506.250 | (161.195.058) | (4.383.567.062) | 4.222.372.004 |
| **3** | **Cổ phiếu chưa niêm yết** | **576.830.917.590** | **559.224.387.540** | **(17.606.530.050)** | **(19.810.683.145)** | **2.204.153.095** |
| **4** | **Trái phiếu niêm yết** | **792.728.150.972** | **784.949.352.684** | **(7.778.798.288)** | **-** | **(7.778.798.288)** |
| **5** | **Trái phiếu chưa niêm yết** | **12.175.839.946.558** | **12.175.839.946.558** | **-** | **-** | **-** |
| **6** | **Chứng chỉ tiền gửi** | **16.436.846.487.020** | **16.436.846.487.020** | **-** | **-** | **-** |
| **II** | **Loại AFS** | **389.566.237.912** | **381.708.255.604** | **(7.857.982.308)** | **(4.741.291.386)** | **(3.116.690.922)** |
| **1** | **Cổ phiếu niêm yết** | **125.504.190.922** | **122.387.500.000** | **(3.116.690.922)** | **-** | **(3.116.690.922)** |
| **2** | **Cổ phiếu chưa niêm yết** | **241.682.764.524** | **236.941.473.138** | **(4.741.291.386)** | **(4.741.291.386)** | **-** |
| **3** | **Trái phiếu chưa niêm yết** | **22.379.282.466** | **22.379.282.466** | **-** | **-** | **-** |
| | **Tổng cộng** | **30.949.469.501.163** | **30.874.764.303.696** | **(74.705.197.467)** | **2.188.775.431** | **(76.893.972.898)** |

## 31.3 CHÊNH LỆCH VỀ ĐÁNH GIÁ LẠI PHẢI TRẢ CHỨNG QUYỀN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| STT | Danh mục các loại chứng quyền Công ty phát hành | Giá trị phát hành theo sổ kế toán | Giá trị thị trường | Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm | Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm | Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | HPG/7M/SSI/C/EU/Cash-13 | 4.823.201.828 | 2.708.316.000 | 2.114.885.828 | - | 2.114.885.828 |
| 2 | STB/7M/SSI/C/EU/Cash-13 | 2.001.714.829 | 2.121.727.000 | (120.012.171) | - | (120.012.171) |
| 3 | MWG/7M/SSI/C/EU/Cash-13 | 1.972.494.990 | 1.117.508.000 | 854.986.990 | - | 854.986.990 |
| 4 | TCB/12M/SSI/C/EU/Cash-13 | 1.707.768.318 | 1.728.342.000 | (20.573.682) | - | (20.573.682) |
| 5 | Chứng quyền khác | 23.200.087.161 | 15.459.578.000 | 7.740.509.161 | 173.141.304.416 | (165.400.795.255) |
| | **Tổng cộng** | **33.705.267.126** | **23.135.471.000** | **10.569.796.126** | **173.141.304.416** | **(162.571.508.290)** |

## 31.4 CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, AFS, CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Từ tài sản tài chính FVTPL | 840.662.880.116 | 458.917.668.706 |
| Từ tài sản tài chính HTM | 417.213.313.455 | 720.362.424.624 |
| Từ các khoản cho vay và phải thu | 1.800.882.299.866 | 1.570.741.031.737 |
| Từ tài sản tài chính AFS | 2.853.002.528 | 834.475.000 |
| · *Cổ tức, trái tức phát sinh từ tài sản tài chính AFS* | *2.853.002.528* | *834.475.000* |
| **Tổng cộng** | **3.061.611.495.965** | **2.750.855.600.067** |

## 32 HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay | (621.440.964) | (22.249.965) |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán khó đòi | (1.242.906.276) | (57.404.239.582) |
| Trích lập dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | 14.110.196.600 |
| **Tổng cộng** | **(1.864.347.240)** | **(43.316.292.947)** |

## 33 THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Doanh thu cho thuê tài sản | 8.220.665.660 | 7.914.495.000 |
| Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ | 69.487.075.189 | 45.339.714.598 |
| Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục ủy thác | 67.434.385.578 | 31.868.302.961 |
| Doanh thu khác | 98.531.694.838 | 78.668.826.785 |
| **Tổng cộng** | **243.673.821.265** | **163.791.339.344** |





## 34 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác) | 1.336.543.002.998 | 1.493.958.919.195 |
| Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 9.520.844.919 | 17.207.268.283 |
| Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 47.752.237.313 | 27.668.812.977 |
| Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 22.983.067.498 | 20.115.010.683 |
| Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 44.053.887.897 | 41.468.448.535 |
| *Chi phí hoạt động khác (Thuyết minh số 35)* | 233.601.473.127 | 199.151.939.549 |
| **Tổng cộng** | **1.694.454.513.752** | **1.799.570.399.222** |

## CHI TIẾT CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí môi giới chứng khoán | 344.101.936.315 | 457.520.134.607 |
| Chi phí hoạt động lưu ký | 41.971.968.707 | 39.982.985.714 |
| Chi phí lương và các khoản khác theo lương | 764.546.096.114 | 952.566.697.517 |
| Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN | 38.840.843.250 | 29.567.039.670 |
| Chi phí vật tư văn phòng | 1.306.518.241 | 920.653.356 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 11.312.372.975 | 4.706.107.124 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT | 57.004.559.636 | 44.310.595.049 |
| Chi phí dự phòng | 75.000.000 | 50.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 331.081.122.989 | 188.231.940.327 |
| Chi phí về vốn | 72.720.002.130 | 60.473.564.831 |
| Chi phí chia sẻ lợi tức của hoạt động quản lý quỹ | - | 347.976.082 |
| Chi phí khác | 31.494.093.395 | 20.892.704.945 |
| **Tổng cộng** | **1.694.454.513.752** | **1.799.570.399.222** |

## 35 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí hoạt động quản lý quỹ | 73.203.385.161 | 41.747.993.527 |
| Chi phí hoạt động quản lý danh mục | 286.811.444 | 2.328.859.660 |
| Chi phí hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ | 7.834.404.916 | 2.350.876.931 |
| Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi | 66.304.327.225 | 45.930.426.415 |
| Chi phí hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư | 21.876.488.789 | 19.597.664.650 |
| Trích lập chi phí dự phòng phải thu khó đòi | 75.000.000 | 50.000.000 |
| *• Trích lập chi phí dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp* | *75.000.000* | *50.000.000* |
| Chi phí khác | 64.021.055.592 | 87.146.118.366 |
| **Tổng cộng** | **233.601.473.127** | **199.151.939.549** |

## 36 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 28.287.326.467 | 10.840.924.272 |
| Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và dưới ba (03) tháng | 35.855.039.392 | 18.954.611.074 |
| *Lãi chia sẻ từ công ty liên kết (Thuyết minh số 11)* | 38.094.115.482 | 33.537.927.279 |
| Lãi từ giảm tỷ lệ sở hữu và thanh lý công ty liên kết | 1.377.269.827 | 241.303.599.806 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 77.079.242.645 | 38.660.380.923 |
| **Tổng cộng** | **180.692.993.813** | **343.297.443.354** |

## 37 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 123.981.791.060 | 37.681.359.241 |
| Chi phí lãi trái phiếu phát hành | - | 14.713.190.434 |
| Chi phí lãi vay ngắn hạn | 1.030.649.945.603 | 1.015.145.295.413 |
| Chi phí tài chính khác | 261.003.468.575 | 47.056.563.263 |
| **Tổng cộng** | **1.415.635.205.238** | **1.114.596.408.351** |





## 38 CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lương và các khoản phúc lợi | 98.197.577.456 | 77.394.898.824 |
| BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN | 8.600.900.600 | 6.366.066.740 |
| Chi phí văn phòng phẩm | 2.117.429.961 | 2.040.898.101 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 8.792.145.770 | 4.873.308.000 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 30.170.157.781 | 18.111.362.866 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 132.233.300.356 | 134.172.185.868 |
| Chi phí khác | 16.277.908.401 | 22.050.943.486 |
| **Tổng cộng** | **296.389.420.325** | **265.009.663.885** |

## 39 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Thu nhập khác | 11.255.802.218 | 114.101.341.802 |
| *• Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản* | *109.770.457* | *537.927.272* |
| *• Thu nhập khác* | *11.146.031.761* | *113.563.414.530* |
| Chi phí khác | (1.208.433.566) | (1.373.330.333) |
| *• Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản* | - | *(22.415.224)* |
| *• Chi phí khác* | *(1.208.433.566)* | *(1.350.915.109)* |
| **Tổng cộng** | **10.047.368.652** | **112.728.011.469** |

## 40 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### 40.1. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **Lợi nhuận thuần trước thuế** | **2.109.703.391.777** | **3.365.038.841.169** |
| ***Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán*** | ***19.146.829.922*** | ***(187.123.563.003)*** |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 428.689.216.229 | 467.225.977.530 |
| · *Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết cuối năm* | *-* | *14.110.196.600* |
| · *Hoàn nhập dự phòng chứng khoán trong năm* | *-* | *62.746.745.234* |
| · *Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL* | *190.943.874.738* | *248.642.119.067* |
| · *Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành* | *237.745.341.491* | *92.641.163.644* |
| · *Chênh lệch từ thanh lý cổ phiếu công ty liên kết trên BCTC hợp nhất so với BCTC riêng* | *-* | *49.085.752.985* |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (409.542.386.307) | (654.349.540.533) |
| · *Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức* | *(27.128.801.704)* | *(33.908.194.016)* |
| · *Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm* | *(17.179.284.676)* | *-* |
| · *Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL* | *(117.166.592.762)* | *(211.731.605.555)* |
| · *Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành* | *(75.173.833.201)* | *(294.772.132.202)* |
| · *Lợi nhuận trước thuế từ công ty con* | *(82.299.576.402)* | *(71.253.901.686)* |
| · *Lợi nhuận chia sẻ từ công ty liên kết* | *(38.094.115.482)* | *(33.537.927.279)* |
| · *Điều chỉnh khác* | *(52.500.182.080)* | *(9.145.779.795)* |
| **Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành** | **2.128.850.221.699** | **3.177.915.278.166** |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| **Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành** | **425.770.044.343** | **635.583.055.633** |
| **Thuế TNDN phải trả ước tính tại công ty con** | **19.530.719.951** | **14.637.672.748** |
| Thuế TNDN phải trả đầu năm | 221.600.866.845 | 55.954.590.638 |
| Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế | 13.618.458.814 | (139.497.142) |
| Điều chỉnh thuế TNDN của công ty con theo biên bản của cơ quan thuế | 74.117.686 | - |
| Thuế TNDN đã trả trong năm | (647.985.350.710) | (484.434.955.032) |
| **Thuế TNDN phải trả cuối năm** | **32.608.856.929** | **221.600.866.845** |





## 40.2. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại** | | |
| Số đầu năm | 14.950.769.533 | 13.417.304.448 |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm | - | 2.822.039.320 |
| Thuế TNDN hoãn lại khác | 6.511.347.657 | - |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do (hoàn nhập)/ trích lập dự phòng suy giảm giá trị khoản cho vay | (124.151.978) | 115.539.425 |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản chi phí tạm thời tính thuế | 1.346.310.041 | (1.404.113.660) |
| **Số cuối năm** | **22.684.275.253** | **14.950.769.533** |
| **Thuế TNDN hoãn lại phải trả** | | |
| Số đầu năm | 41.001.835.957 | 20.365.258.726 |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN | (2.003.546.591) | 105.220.981 |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL | (10.619.082.151) | (14.741.442.456) |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS | (623.338.184) | - |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do đánh giá (tăng)/giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành | (33.064.213.325) | 35.272.798.706 |
| Thuế TNDN hoãn lại khác | 6.511.347.657 | - |
| **Số cuối năm** | **1.203.003.363** | **41.001.835.957** |

Công ty đã ghi nhận chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do trích lập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm | - | (2.822.039.320) |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập/(trích lập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay | 124.151.978 | (115.539.425) |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản chi phí phát sinh tạm thời chịu thuế | (1.346.310.041) | 1.604.113.660 |
| Thuế TNDN hoãn lại từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN | (2.003.546.591) | 105.220.981 |
| Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá (giảm)/tăng tài sản tài chính FVTPL và đánh giá (tăng)/giảm phải trả chứng quyền | (43.683.295.476) | 20.531.356.248 |
| **(Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại** | **(46.909.000.130)** | **19.303.112.144** |

## 41 LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Số phát sinh | Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán | (3.793.033.106) | (2.493.352.734) | - | (6.286.385.840) |





## 42 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu | 11.598.939.485 | 34.198.614.205 |
| • *Lãi khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu* | *955.803.000* | *1.311.406.840* |
| • *Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại* | - | *929.243.500* |
| • *Lãi phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con* | *10.643.136.485* | *31.957.963.865* |
| Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu | (5.262.370.422) | (72.550.000) |
| • *Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS* | *(2.493.352.734)* | - |
| • *Lỗ khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu* | *(2.769.017.688)* | *(72.550.000)* |
| **Tổng cộng** | **6.336.569.063** | **34.126.064.205** |

## 43 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ theo tỷ lệ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm. Báo cáo năm 2022 được tính trên cơ sở chưa gồm tỷ lệ trích lập các quỹ do chờ ý kiến Đại hôi cổ đông phê duyệt. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VNĐ | 1.699.319.896.223 | 2.512.948.745.113 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.187.083.380 | 880.992.801 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VNĐ | 1.432 | 2.852 |

## 44 THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu, hay lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế đã điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng cho mục đích tính lãi suy giảm.

Theo đó, lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm, điều chỉnh cho các khoản sau:

- Các khoản cổ tức hoặc các khoản khác liên quan tới cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giảm trừ vào số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu của công ty mẹ;
- Bất kỳ khoản lãi nào được ghi nhận trong năm liên quan đến cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm; và
- Các thay đổi khác của thu nhập hoặc chi phí do chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của số bình quân gia quyền của số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm với số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giả định chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm báo cáo hoặc tại ngày phát hành cổ phiếu phổ thông tiềm năng nếu ngày phát hành cổ phiếu này sau thời điểm đầu năm báo cáo; hoặc tại thời điểm phát sinh đối với các cổ phiếu phổ thông tiềm năng là quyền chọn mua, chứng quyền và các công cụ tương đương.

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông – VNĐ | 1.699.319.896.223 | 2.512.948.745.113 |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu – VNĐ | – | – |
| · *Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phát sinh trong năm* | – | – |
| Lợi nhuận sau điều chỉnh – VNĐ | 1.699.319.896.223 | 2.512.948.745.113 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu phổ thông tiềm năng để tính thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu (*) | 1.297.646.272 | 950.667.987 |
| Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu – VNĐ | 1.310 | 2.643 |

(*) Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của:

- Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành theo chương trình ESOP, chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành vào thời điểm Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") chấp thuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2022.





## 45 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 45.1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

| Danh sách bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con | Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI |
| | Thành viên Hội đồng Quản trị SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng giám đốc NDH |
| Daiwa Securities Group Inc và các công ty con | Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ khoảng 15,7% vốn có quyền biểu quyết của SSI |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con | Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng Quản trị của PAN, công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư KAC | Công ty liên kết đến Quý 2 năm 2022 |
| Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha | Công ty liên kết đến Quý 4 năm 2022 |
| Quỹ Đầu tư công nghệ số Việt Nam | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh | Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh |
| Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn | Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI |

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

## 45.1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*



*Đơn vị tính: VNĐ*

| Công ty liên quan | Giao dịch | Phải thu/(phải trả) | | | | Doanh thu/ (chi phí) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm | |
| Quỹ Đầu tư công nghệ số Việt Nam | Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu | 10.042.652.181 | 319.083.517 | – | 10.361.735.698 | 319.083.517 |
| | Phí quản lý quỹ | – | 432.394.136 | (171.727.562) | 260.666.574 | 432.394.136 |
| Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha (Công ty liên kết đến Quý 4 năm 2022) | Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu | 16.523.835.763 | 11.548.861.749 | (28.072.697.512) | – | 2.412.634.064 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư KAC (Công ty liên kết đến Quý 2 năm 2022) | Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu | 16.787.119.666 | 275.380.334 | (17.062.500.000) | – | 275.380.334 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con | Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác | (289.881.621.991) | (4.617.950.117.663) | 4.075.035.671.806 | (832.796.067.848) | – |
| | Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác | (351.216.160) | (45.374.990.519) | 44.200.272.279 | (1.525.934.400) | (41.083.323.852) |
| | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | – | 993.485.034 | (993.485.034) | – | 993.485.034 |
| | Chi phí mua hàng hóa | – | (85.252.675) | 85.252.675 | – | (85.252.675) |
| | Cổ tức được nhận | – | 1.473.672.500 | (1.473.672.500) | – | 1.473.672.500 |
| | Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu | 524.663.685.462 | 47.107.423.876 | – | 571.771.109.338 | 36.464.287.393 |
| | Phải trả khác | – | (143.307.538) | 143.307.538 | – | – |
| | Giao dịch bán chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi | – | 7.020.936.494.000 | (7.020.936.494.000) | – | 8.260.662.792 |
| | Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi | – | (8.143.832.872.000) | 8.143.832.872.000 | – | – |
| | Doanh thu hợp đồng tư vấn | 5.231.111.200 | 1.393.128.000 | (5.396.111.200) | 1.228.128.000 | 1.266.480.000 |
| | Ứng trước hợp đồng tư vấn | (100.000.000) | (100.000.000) | – | (200.000.000) | – |
| Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | – | 1.787.569.988 | (1.787.569.988) | – | 1.625.063.625 |
| | Phí hoa hồng phải trả | (1.181.620.553) | (4.990.728.536) | 5.539.685.472 | (632.663.617) | (4.990.728.536) |
| | Doanh thu hợp đồng tư vấn | 1.350.723.417 | 2.035.497.170 | (2.472.553.724) | 913.666.863 | 2.035.497.170 |
| | Doanh thu tư vấn đầu tư quỹ | 2.769.820.842 | 6.590.307.918 | (8.045.776.183) | 1.314.352.577 | 6.293.891.835 |
| | Cổ tức SSI | – | (154.491.930.000) | 154.491.930.000 | – | – |
| | Phải thu khác | 493.790.548 | 12.274.022 | (506.064.570) | – | – |
| Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | – | 296.549.396 | (296.549.396) | – | 296.549.396 |
| | Cổ tức SSI | – | (2.500.001.000) | 2.500.001.000 | – | – |
| Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | – | 50.878.484 | (50.878.484) | – | 50.878.484 |
| | Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác | – | (173.059.328.893) | 173.059.328.893 | – | – |
| | Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác | – | (23.694.950) | 23.694.950 | – | (23.694.950) |
| | Cổ tức SSI | – | (54.901.068.000) | 54.901.068.000 | – | – |
| Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | – | 111.733.880 | (111.733.880) | – | 111.733.880 |
| | Phí quản lý danh mục | 16.653.336 | 199.840.080 | (199.840.080) | 16.653.336 | 199.840.080 |
| | Doanh thu tư vấn, dịch vụ | 2.138.155.000 | 4.062.000.000 | (5.525.155.000) | 675.000.000 | 3.692.727.273 |
| | Giao dịch bán chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi | – | 9.842.740.732.680 | (9.842.740.732.680) | – | 16.262.260.544 |
| | Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi | – | (16.206.380.897.386) | 16.206.380.897.386 | – | – |
| | Ứng trước phí dịch vụ | (216.841.988) | (751.880.000) | 765.021.988 | (203.700.000) | (751.880.000) |
| | Cổ tức SSI | – | (94.237.688.000) | 94.237.688.000 | – | – |
| Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | – | 564.652.838 | (564.652.838) | – | 564.141.190 |
| | Giao dịch bán chứng khoán | – | 6.733.879.602 | (6.733.879.602) | – | 129.301.506 |
| | Giao dịch mua chứng khoán | – | (720.334.258) | 720.334.258 | – | – |
| | Cổ tức SSI | – | (20.643.433.000) | 20.643.433.000 | – | – |
| | Phí quản lý danh mục | 6.932.152 | 80.726.014 | (80.726.014) | 6.932.152 | 80.726.014 |
| | Các giao dịch khác | (5.500.983.330) | (3.067.372.933.110) | 3.068.441.806.125 | (4.432.110.315) | (697.538.832) |

## 45.1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

**Thù lao của từng thành viên HĐQT và tiền lương của Ban Tổng giám đốc và những người quản lý khác**

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | | Năm nay | | Năm trước | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Họ tên** | **Chức danh** | **Tiền lương** | **Thù lao** | **Tiền lương** | **Thù lao** |
| Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Hội đồng đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban chiến lược | 7.796.400.000 | - | 6.545.900.000 | - |
| Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 6.593.900.000 | - | 4.660.900.000 | - |
| Ngô Văn Điểm | Thành viên HĐQT | - | 296.400.000 | - | 504.900.000 |
| Phạm Viết Muôn | Thành viên HĐQT | - | 1.646.000.002 | - | 1.645.500.000 |
| Nguyễn Duy Khánh | Thành viên HĐQT | - | 300.000.000 | - | 300.000.000 |
| Nguyễn Quốc Cường | Thành viên HĐQT | - | 452.500.000 | - | - |

## 45.2. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

**Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Môi giới và dịch vụ khách hàng (1) | Tự doanh | Kinh doanh nguồn vốn | Quản lý danh mục | Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Năm 2022** | | | | | | |
| 1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán | 3.564.487.585.589 | 2.069.341.948.380 | 634.691.449.893 | 164.950.867.701 | 94.300.002.428 | 6.527.771.853.991 |
| 2. Các chi phí trực tiếp | 2.003.411.680.512 | 1.488.755.881.775 | 465.184.478.096 | 69.760.162.102 | 94.566.839.402 | 4.121.679.041.887 |
| 3. Khấu hao và các chi phí phân bổ | 210.436.488.431 | 29.342.552.612 | 18.613.255.597 | 13.752.469.103 | 24.244.654.584 | 296.389.420.327 |
| **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế** | **1.350.639.416.646** | **551.243.513.993** | **150.893.716.200** | **81.438.236.496** | **(24.511.491.558)** | **2.109.703.391.777** |
| **Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022** | | | | | | |
| 1. Tài sản bộ phận | 11.088.129.508.153 | 33.335.022.241.333 | 6.163.910.276.328 | 101.475.639.177 | 202.401.748.502 | 50.890.939.413.493 |
| 2. Tài sản phân bổ | 351.005.715.305 | 48.943.050.444 | 31.046.702.706 | 22.938.965.057 | 40.439.813.397 | 494.374.246.909 |
| 3. Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | - | 841.069.226.079 |
| **Tổng tài sản** | **11.439.135.223.458** | **33.383.965.291.777** | **6.194.956.979.034** | **124.414.604.234** | **242.841.561.899** | **52.226.382.886.481** |
| 4. Nợ phải trả bộ phận | 9.815.150.558.266 | 16.585.113.281.252 | 2.770.836.107.110 | 74.714.649.437 | 8.702.763.275 | 29.254.517.359.340 |
| 5. Nợ phân bổ | 309.743.310.715 | 43.189.560.226 | 27.397.013.962 | 20.242.379.742 | 35.685.919.460 | 436.258.184.105 |
| 6. Nợ không phân bổ | - | - | - | - | - | 151.725.378.376 |
| **Tổng công nợ** | **10.124.893.868.981** | **16.628.302.841.478** | **2.798.233.121.072** | **94.957.029.179** | **44.388.682.735** | **29.842.500.921.821** |

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký.

## 45.2. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN *(tiếp theo)*

**Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** *(tiếp theo)*

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Môi giới và dịch vụ khách hàng (1) | Tự doanh | Kinh doanh nguồn vốn | Quản lý danh mục | Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Năm 2021** | | | | | | |
| 1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán | 4.140.700.691.133 | 2.727.410.636.248 | 838.030.291.718 | 100.675.670.854 | 93.763.406.716 | 7.900.580.696.669 |
| 2. Các chi phí trực tiếp | 2.081.840.338.255 | 1.719.421.901.695 | 357.757.405.876 | 39.476.170.600 | 72.036.375.190 | 4.270.532.191.616 |
| 3. Khấu hao và các chi phí phân bổ | 188.686.880.684 | 25.440.927.733 | 16.960.618.489 | 12.455.454.202 | 21.465.782.776 | 265.009.663.884 |
| **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế** | **1.870.173.472.194** | **982.547.806.820** | **463.312.267.353** | **48.744.046.052** | **261.248.750** | **3.365.038.841.169** |
| **Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021** | | | | | | |
| 1. Tài sản bộ phận | 23.704.430.505.996 | 14.725.253.129.856 | 11.510.588.129.804 | 55.790.297.887 | 15.848.562.840 | 50.011.910.626.383 |
| 2. Tài sản phân bổ | 250.992.876.862 | 33.841.736.206 | 22.561.157.471 | 16.568.350.018 | 28.553.964.924 | 352.518.085.481 |
| 3. Tài sản không phân bổ | – | – | – | – | – | 428.627.850.218 |
| **Tổng tài sản** | **23.955.423.382.858** | **14.759.094.866.062** | **11.533.149.287.275** | **72.358.647.905** | **44.402.527.764** | **50.793.056.562.082** |
| 4. Nợ phải trả bộ phận | 18.748.969.256.620 | 6.941.331.029.142 | 10.059.273.937.233 | 5.694.736.250 | 11.744.044.203 | 35.767.013.003.448 |
| 5. Nợ phân bổ | 273.853.468.994 | 36.924.063.235 | 24.616.042.157 | 18.077.405.959 | 31.154.678.355 | 384.625.658.700 |
| 6. Nợ không phân bổ | – | – | – | – | – | 421.335.169.786 |
| **Tổng công nợ** | **19.022.822.725.614** | **6.978.255.092.377** | **10.083.889.979.390** | **23.772.142.209** | **42.898.722.558** | **36.572.973.831.934** |

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký.

**Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý**

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (nhỏ hơn 1%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

## 45.3. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Đến 1 năm | 111.502.437.193 | 103.840.735.917 |
| Trên 1 - 5 năm | 243.894.365.642 | 286.784.024.066 |
| Trên 5 năm | 180.994.645.775 | 201.678.403.284 |
| **Tổng cộng** | **536.391.448.610** | **592.303.163.267** |





## 45.4. CAM KẾT THEO HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Trụ sở chính (tại Thành phố Hồ Chí Minh) | 7.582.633.082.953 | 602.807.907.478 |
| Hà Nội | 6.632.622.978.569 | 481.547.009.768 |
| Nguyễn Công Trứ | 1.416.740.408.426 | 109.101.913.942 |
| Mỹ Đình | 315.263.644.813 | 31.765.237.156 |
| Hải Phòng | 181.128.897.393 | 19.511.581.979 |
| **Tổng cộng** | **16.128.389.012.154** | **1.244.733.650.323** |

## 45.5. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021.

**RỦI RO LÃI SUẤT**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**RỦI RO NGOẠI TỆ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Cho mục đích giảm thiểu rủi ro ngoại tệ, Công ty áp dụng biện pháp phòng ngừa rủi ro thông qua việc ký kết các hợp đồng phái sinh ngoại tệ với ngân hàng thương mại.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản vay gốc ngoại tệ của Công ty có tổng giá trị là 228.000.000 USD (tương ứng 5.317.962.500.000 VNĐ). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của USD so với VNĐ có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên chi phí tài chính từ chi phí lãi vay của Công ty.

**RỦI RO VỀ GIÁ CỔ PHIẾU**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 658.583.374.290 VNĐ. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.





### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 7.3*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC CHO KHÁCH HÀNG**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8* và *Thuyết minh số 9*, Ban Tổng giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Tổng cộng | Số dư đã dự phòng | Không quá hạn và không bị suy giảm | Quá hạn nhưng không bị suy giảm | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | < 90 ngày | 91-180 ngày | 181-210 ngày | >210 ngày |
| **Số đầu năm** | 23.697.887.241.454 | 30.100.170.311 | 23.667.744.128.240 | 10.329.042 | 4.939.540 | 488.597 | 27.185.724 |
| **Số cuối năm** | 11.057.163.090.177 | 4.997.415.362 | 11.052.148.323.953 | 7.880.271 | 2.519.603 | 1.288.736 | 5.662.252 |

B05-CTCK/HN

## Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Quá hạn (bao gồm số dư đã trích lập dự phòng) | Không kỳ hạn | Đến 01 năm | Từ 01 – 05 năm | Trên 05 năm | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Ngày 31 tháng 12 năm 2022** | | | | | | |
| **TÀI SẢN** | | | | | | |
| ***Tiền và các khoản tương đương tiền*** | - | ***907.209.511.917*** | ***510.597.750.814*** | - | - | ***1.417.807.262.731*** |
| ***Tài sản tài chính*** | ***5.014.766.224*** | ***31.060.316.406.028*** | ***14.374.097.774.500*** | - | ***2.773.073.277.309*** | ***48.212.502.224.061*** |
| Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ | | 30.493.056.048.092 | - | - | - | 30.493.056.048.092 |
| Giữ đến ngày đáo hạn | | - | 3.507.501.552.879 | - | 2.156.468.315.100 | 5.663.969.867.979 |
| Các khoản cho vay | 5.014.766.224 | 185.552.102.332 | 10.866.596.221.621 | - | - | 11.057.163.090.177 |
| Sẵn sàng để bán | - | 381.708.255.604 | - | - | - | 381.708.255.604 |
| Góp vốn đầu tư dài hạn | - | - | - | - | 616.604.962.209 | 616.604.962.209 |
| ***Tài sản khác*** | ***234.189.665.095*** | ***493.884.694.942*** | ***375.000.000*** | ***307.830.916.316*** | ***265.112.905.732*** | ***1.301.393.182.085*** |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược | - | 34.222.034.692 | - | - | - | 34.222.034.692 |
| Phải thu khác | 234.189.665.095 | 385.902.585.125 | 375.000.000 | - | - | 620.467.250.220 |
| Tài sản khác | - | 73.760.075.125 | - | - | - | 73.760.075.125 |
| Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang) | - | - | - | 307.830.916.316 | 265.112.905.732 | 572.943.822.048 |
| **Tổng cộng** | **239.204.431.319** | **32.461.410.612.887** | **14.885.070.525.314** | **307.830.916.316** | **3.038.186.183.041** | **50.931.702.668.877** |
| **NỢ PHẢI TRẢ** | | | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | 8.517.130.714.544 | 19.375.159.013.928 | - | - | 27.892.289.728.472 |
| Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán | - | 26.036.223.783 | 23.135.471.000 | - | - | 49.171.694.783 |
| Chi phí phải trả | - | 10.504.663.148 | 47.801.111.415 | - | - | 58.305.774.563 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | - | 114.962.879.495 | - | - | - | 114.962.879.495 |
| Phải trả, phải nộp khác | - | 796.844.981.230 | 871.848.374.144 | - | - | 1.668.693.355.374 |
| **Tổng cộng** | **-** | **9.465.479.462.200** | **20.317.943.970.487** | **-** | **-** | **29.783.423.432.687** |
| **Mức chênh lệch thanh khoản ròng** | **239.204.431.319** | **22.995.931.150.687** | **(5.432.873.445.173)** | **307.830.916.316** | **3.038.186.183.041** | **21.148.279.236.190** |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

## 45.6. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CỦA CÔNG TY CON

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác | 44.081.399.664 | 58.377.057.070 |
| Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác | 1.306.564.417.964 | 1.317.490.551.668 |
| Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác | 1.271.909.397 | 1.074.683.053 |
| Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác | 704.610.143 | 6.199.299.297 |

Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Giá mua | Giá trị giảm giá | Số lượng | Giá mua | Giá trị giảm giá |
| Hellomam | 55.625 | 11.013.850.125 | (11.013.850.125) | 55.625 | 11.013.850.000 | (11.013.850.000) |
| RICONS | 1.520 | 130.312.002 | (31.512.002) | 1.216 | 130.311.996 | (51.271.996) |
| OCB | - | - | - | 41.000 | 1.128.635.290 | (9.335.290) |
| PLC | 37.700 | 1.390.160.000 | (541.910.000) | - | - | - |
| VHM | 12.380.000 | 1.006.692.949.273 | (412.452.949.273) | 7.524.670 | 619.423.695.022 | (2.400.755.022) |
| TCB | 148.600 | 7.145.949.263 | (3.304.639.263) | 100.700 | 5.221.660.000 | (186.660.000) |
| Khác | 1.855.429 | 99.465.830.715 | (28.000.006.265) | 778.478 | 51.722.969.680 | (2.947.985.047) |
| **Tổng** | **14.478.874** | **1.125.839.051.378** | **(455.344.866.928)** | **8.501.689** | **688.641.121.988** | **(16.609.857.355)** |





## 45.7. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| | Chỉ số năm 2022 | Chỉ số năm 2021 |
|---|---|---|
| **Cơ cấu tài sản** | | |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 93,31% | 91,63% |
| Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | 6,69% | 8,37% |
| **Cơ cấu nguồn vốn** | | |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 57,14% | 72,00% |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 42,86% | 28,00% |
| **Tỷ suất lợi nhuận** | | |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 3,25% | 5,31% |
| Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) | 7,63% | 19,04% |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 11,39% | 27,37% |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 26,05% | 34,61% |
| **Khả năng thanh toán** | | |
| Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn) | 1,64 | 1,28 |
| Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn]/Nợ ngắn hạn) | 1,57 | 1,23 |

## 46 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.




| | | |
|---|---|---|
| Bà **Nguyễn Thị Hải Anh** | Bà **Hoàng Thị Minh Thủy** | Ông **Nguyễn Hồng Nam** |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2023

# 07 THÔNG TIN KHÁC


THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2022 244

ĐỊA BÀN KINH DOANH 258

# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2022



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT được trình bày chi tiết tại mục Cơ cấu Tổ chức.
- Đa số thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do UBCKNN cấp, thông tin cụ thể như sau :

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số chứng chỉ QTCT | Ngày cấp |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT | 36 QTCT 21/QĐ-TTNC | 12/11/2009 |
| 2 | Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 22 QTCT 122/QĐ-TTNC | 29/01/2010 |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh Hà | Giám đốc Tài chính | 38 QTCT 21/QĐ-TTNC | 12/11/2009 |
| 4 | Nguyễn Kim Long | Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty | 31 QTCT 96/QĐ-TTNC | 30/06/2009 |
| 5 | Hoàng Thị Minh Thủy | Kế toán trưởng | 61 QTCT 96/QĐ-TTNC | 30/06/2009 |

## CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI được niêm yết và giao dịch tại HOSE với mã chứng khoán SSI và được lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

### CỔ PHIẾU

- Ngày 23/02/2022, Công ty đã hoàn thành phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Ngày 09/08/2022, Công ty đã hoàn thành phát hành 496.380.115 cổ phiếu theo hình thức chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Tại ngày 31/12/2022, Vốn điều lệ của SSI là 14.911.301.370.000 đồng, tương ứng 1.491.130.137 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ TRONG NĂM 2022

Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2022 là 1.991.468 cổ phiếu, giảm so với thời điểm tại ngày 31/12/2021 là 2.406.549 cổ phiếu, trong đó:

1. Mua lại cổ phiếu lô lẻ từ các nhà đầu tư trong năm 2022: 30.919 cổ phiếu
2. Bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động:
   - Thời gian thực hiện: ngày 20/01/2022
   - Giá giao dịch bình quân: 10.000 VNĐ
   - Số lượng cổ phiếu giao dịch: 446.000 cổ phiếu

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 23/06/2022 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp và Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 09/08/2022.

# PHỤ LỤC 1. GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SSI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2022

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ(*) | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ(**) | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật | 6.284.700 | 0,64% | 10.177.050 | 0,68% | Ngày 23/02/2022: mua 500.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021<br>Ngày 09/08/2022: tăng 3.392.350 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu |
| 2 | Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 2.792.999 | 0,28% | 5.239.498 | 0,35% | Ngày 23/02/2022: mua 700.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021<br>Ngày 09/08/2022: tăng 1.746.499 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu |
| 3 | Ngô Văn Điểm | Không còn là Thành viên HĐQT từ ngày 07/5/2022 | 115.700 | 0,01% | 145.700 | 0,01% | Ngày 23/02/2022: mua 30.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021 |
| 4 | Phạm Viết Muôn | Thành viên HĐQT, Trưởng Uỷ ban Kiểm toán | 145.199 | 0,01% | 292.798 | 0,02% | Ngày 23/02/2022: mua 50.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021<br>Ngày 09/08/2022: tăng 97.599 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu |
| 5 | Nguyễn Duy Khánh | Thành viên HĐQT | 1.865.999 | 0,19% | 3.098.998 | 0,21% | Ngày 23/02/2022: mua 200.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021<br>Ngày 09/08/2022: tăng 1.032.999 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu |
| 6 | Nguyễn Thị Thanh Hà | Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền công bố thông tin (CBTT) | 2.709.436 | 0,28% | 2.429.936 | 0,16% | Ngày 23/02/2022: mua 250.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021<br>Tháng 06/2022: bán 14.700 cổ phiếu<br>Ngày 15/07/2022: chuyển nhượng 2.954.536 quyền mua (tương đương 1.477.268 cổ phiếu)<br>Tháng 07/2022: bán 120.000 cổ phiếu<br>Tháng 08/2022: bán 380.000 cổ phiếu<br>Tháng 10/2022: bán 5.000 cổ phiếu |
| 7 | Hoàng Thị Minh Thủy | Kế toán trưởng | 228.900 | 0,02% | 214.550 | 0,01% | Ngày 23/02/2022: mua 54.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021<br>Tháng 03/2022: bán 2.900 cổ phiếu<br>Tháng 04/2022: bán 4.800 cổ phiếu<br>Tháng 05/2022: bán 15.100 cổ phiếu<br>Tháng 06/2022: bán 70.000 cổ phiếu<br>Ngày 09/08/2022: tăng 95.050 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu<br>Tháng 08/2022: bán 16.700 cổ phiếu<br>Tháng 10/2022: bán 19.600 cổ phiếu<br>Tháng 11/2022: bán 19.600 cổ phiếu<br>Tháng 12/2022: bán 14.700 cổ phiếu |
| 8 | Nguyễn Kim Long | Người phụ trách Quản trị kiêm Thư ký Công ty | 964.648 | 0,10% | 1.086.148 | 0,07% | Tháng 01/2022: Bán 4.900 cổ phiếu<br>Ngày 23/02/2022: mua 150.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021<br>Tháng 05/2022: Bán 13.800 cổ phiếu<br>Ngày 14/07/2022: chuyển nhượng 1.095.948 quyền mua (tương đương 547.974 cổ phiếu)<br>Tháng 10/2022: Bán 4.900 cổ phiếu<br>Tháng 11/2022: Bán 4.900 cổ phiếu |
| 9 | Daiwa Securities Group Inc. | Người có liên quan của thành viên HĐQT (Ông Hironori Oka) | 154.491.930 | 15,69% | 231.737.895 | 15,54% | Ngày 09/08/2022: tăng 77.245.965 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu |
| 11 | Công ty TNHH Đầu tư NDH | Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch HĐQT SSI | 94.237.688 | 9,57% | 94.237.688 | 6,32% | Ngày 14/07/2022: chuyển nhượng 94.237.688 quyền mua (tương đương 47.118.844 cổ phiếu) |

# PHỤ LỤC 01. GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SSI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2022

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ(*) | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ(**) | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 12 | Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh | Người có liên quan của thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Nguyễn Hồng Nam | 54.901.068 | 5,58% | 54.901.068 | 3,68% | Ngày 14/07/2022: chuyển nhượng 54.901.068 quyền mua (tương đương 27.450.534 cổ phiếu) |
| 13 | Nguyễn Mạnh Hùng | Em ruột của Chủ tịch HĐQT | 5.000.000 | 0,51% | 7.725.000 | 0,52% | Ngày 23/02/2022: mua 150.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021<br>Ngày 09/08/2022: tăng 2.575.000 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu |
| 14 | Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Sài Gòn | Công ty do em ruột của Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc SSI làm chủ sở hữu | 2.500.001 | 0,25% | 2.500.001 | 0,17% | Ngày 14/07/2022: chuyển nhượng 2.500.001 quyền mua (tương đương 1.250.000 cổ phiếu) |
| 15 | Phùng Thị Ngọc Linh | Em dâu của Giám đốc Tài chính | 44.640 | 0,01% | 62.180 | 0,00% | Tháng 01/2022: Bán 12.400 cổ phiếu<br>Ngày 23/02/2022: mua 30.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021<br>Ngày 09/08/2022: tăng 31.120 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu<br>Tháng 09/2022: Bán 19.600 cổ phiếu<br>Tháng 10/2022: Bán 11.580 cổ phiếu |
| 15 | Nguyễn Duy Linh | Con của Chủ tịch HĐQT | 0 | 0% | 47.118.844 | 3,16% | Ngày 09/08/2022: tăng 47.118.844 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu |

*(*) Tỷ lệ trên 100% vốn điều lệ thực góp 984.750.022 cổ phiếu*
*(**) Tỷ lệ trên 100% vốn điều lệ thực góp: 1.491.130.137 cổ phiếu*



## CÁC GIAO DỊCH KHÁC

(các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

| Danh sách bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con | Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch HĐQT SSI<br>Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng giám đốc NDH |
| Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con | Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ khoảng 15,7% vốn có quyền biểu quyết của SSI |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con | Chủ tịch HĐQT SSI cũng là chủ tịch HĐQT của PAN, công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư KAC | Công ty liên kết đến Quý 2 năm 2022 |
| Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha | Công ty liên kết đến Quý 4 năm 2022 |
| Quỹ Đầu tư Công nghệ số Việt Nam | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất Động sản Sài Gòn Đan Linh |
| Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Sài Gòn | Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em ruột Chủ tịch HĐQT SSI |

## SỐ DƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TẠI NGÀY 31/12/2022

(theo số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán)

*Đơn vị tính : VNĐ*

| Công ty liên quan | Giao dịch | Phải thu/(phải trả) | | | | Doanh thu/ (chi phí) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm | |
| **Quỹ đầu tư Công nghệ số Việt Nam** | Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu | 10.042.652.181 | 319.083.517 | - | 10.361.735.698 | 319.083.517 |
| | Phí quản lý quỹ | - | 432.394.136 | (171.727.562) | 260.666.574 | 432.394.136 |
| **Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha (Công ty liên kết đến Quý 4 năm 2022)** | Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu | 16.523.835.763 | 11.548.861.749 | (28.072.697.512) | - | 2.412.634.064 |
| **Công ty Cổ phần Đầu tư KAC (Công ty liên kết đến Quý 2 năm 2022)** | Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu | 16.787.119.666 | 275.380.334 | (17.062.500.000) | - | 275.380.334 |
| **Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con** | Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác | (289.881.621.991) | (4.617.950.117.663) | 4.075.035.671.806 | (832.796.067.848) | - |
| | Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác | (351.216.160) | (45.374.990.519) | 44.200.272.279 | (1.525.934.400) | (41.083.323.852) |
| | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | - | 993.485.034 | (993.485.034) | - | 993.485.034 |
| | Chi phí mua hàng hóa | - | (85.252.675) | 85.252.675 | - | (85.252.675) |
| | Cổ tức được nhận | - | 1.473.672.500 | (1.473.672.500) | - | 1.473.672.500 |
| | Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu | 524.663.685.462 | 47.107.423.876 | - | 571.771.109.338 | 36.464.287.393 |
| | Phải trả khác | - | (143.307.538) | 143.307.538 | - | - |
| | Giao dịch bán chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi | - | 7.020.936.494.000 | (7.020.936.494.000) | - | 8.260.662.792 |
| | Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi | - | (8.143.832.872.000) | 8.143.832.872.000 | - | - |
| | Doanh thu hợp đồng tư vấn | 5.231.111.200 | 1.393.128.000 | (5.396.111.200) | 1.228.128.000 | 1.266.480.000 |
| | Ứng trước hợp đồng tư vấn | (100.000.000) | (100.000.000) | - | (200.000.000) | - |
| **Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con** | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | - | 1.787.569.988 | (1.787.569.988) | - | 1.625.063.625 |
| | Phí hoa hồng phải trả | (1.181.620.553) | (4.990.728.536) | 5.539.685.472 | (632.663.617) | (4.990.728.536) |
| | Doanh thu hợp đồng tư vấn | 1.350.723.417 | 2.035.497.170 | (2.472.553.724) | 913.666.863 | 2.035.497.170 |
| | Doanh thu tư vấn đầu tư quỹ | 2.769.820.842 | 6.590.307.918 | (8.045.776.183) | 1.314.352.577 | 6.293.891.835 |
| | Cổ tức SSI | - | (154.491.930.000) | 154.491.930.000 | - | - |
| | Phải thu khác | 493.790.548 | 12.274.022 | (506.064.570) | - | - |
| **Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Sài Gòn** | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | - | 296.549.396 | (296.549.396) | - | 296.549.396 |
| | Cổ tức SSI | - | (2.500.001.000) | 2.500.001.000 | - | - |

## SỐ DƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TẠI NGÀY 31/12/2022 *(tiếp theo)*

(theo số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán)

*Đơn vị tính : VNĐ*

| Công ty liên quan | Giao dịch | Phải thu/(phải trả) | | | | Doanh thu/ (chi phí) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm | |
| **Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh** | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | - | 50.878.484 | (50.878.484) | - | 50.878.484 |
| | Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác | - | (173.059.328.893) | 173.059.328.893 | - | - |
| | Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác | - | (23.694.950) | 23.694.950 | - | (23.694.950) |
| | Cổ tức SSI | - | (54.901.068.000) | 54.901.068.000 | - | - |
| **Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con** | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | - | 111.733.880 | (111.733.880) | - | 111.733.880 |
| | Phí quản lý danh mục | 16.653.336 | 199.840.080 | (199.840.080) | 16.653.336 | 199.840.080 |
| | Doanh thu tư vấn, dịch vụ | 2.138.155.000 | 4.062.000.000 | (5.525.155.000) | 675.000.000 | 3.692.727.273 |
| | Giao dịch bán chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi | - | 9.842.740.732.680 | (9.842.740.732.680) | - | 16.262.260.544 |
| | Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi | - | (16.206.380.897.386) | 16.206.380.897.386 | - | - |
| | Ứng trước phí dịch vụ | (216.841.988) | (751.880.000) | 765.021.988 | (203.700.000) | (751.880.000) |
| | Cổ tức SSI | - | (94.237.688.000) | 94.237.688.000 | - | - |
| **Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc các cá nhân liên quan** | Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác | - | 564.652.838 | (564.652.838) | - | 564.141.190 |
| | Giao dịch bán chứng khoán | - | 6.733.879.602 | (6.733.879.602) | - | 129.301.506 |
| | Giao dịch mua chứng khoán | - | (720.334.258) | 720.334.258 | - | - |
| | Cổ tức SSI | - | (20.643.433.000) | 20.643.433.000 | - | - |
| | Phí quản lý danh mục | 6.932.152 | 80.726.014 | (80.726.014) | 6.932.152 | 80.726.014 |
| | Các giao dịch khác | (5.500.983.330) | (3.067.372.933.110) | 3.068.441.806.125 | (4.432.110.315) | (697.538.832) |

# PHỤ LỤC 02 . CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

## CƠ CẤU SỞ HỮU THEO LOẠI CỔ ĐÔNG

Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/06/2022 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp và Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 09/08/2022.

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) (*) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | **Cổ đông Nhà nước** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| 2 | **Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| | *Trong nước* | - | - | - | - | - |
| | *Nước ngoài* | - | - | - | - | - |
| 3 | **Cổ đông lớn** | **325.975.583** | **21,86%** | **2** | **2** | - |
| | *Trong nước* | 94.237.688 | 6,32% | 1 | 1 | - |
| | *Nước ngoài* | 231.737.895 | 15,54% | 1 | 1 | - |
| 4 | **Công đoàn Công ty** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| | *Trong nước* | - | - | - | - | - |
| | *Nước ngoài* | - | - | - | - | - |
| 5 | **Cổ phiếu quỹ** | **1.989.791** | **0,13%** | **0** | **0** | |
| 6 | **Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)** | - | - | - | - | - |
| | **Cổ đông khác** | **1.163.164.763** | **78,01%** | **90.822** | **309** | **90.513** |
| | *Trong nước* | 892.769.828 | 59,87% | 87.408 | 188 | 87.220 |
| | *Nước ngoài* | 270.394.935 | 18,13% | 3.414 | 121 | 3.293 |
| | **TỔNG CỘNG** | **1.491.130.137** | **100,00%** | **90.824** | **311** | **90.513** |
| | **Trong đó:** *Trong nước* | 987.007.516 | 66,19% | 87.409 | 188 | 87.220 |
| | *Nước ngoài* | 502.132.830 | 33,68% | 3.415 | 122 | 3.293 |
| | *Cổ phiếu quỹ* | 1.989.791 | 0,13% | 0 | 0 | 0 |

*(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 1.491.130.137 cổ phiếu*



## CƠ CẤU SỞ HỮU THEO LOẠI HÌNH

Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/06/2022 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp và Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 09/08/2022.

| Đối tượng | | Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng | Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do | Tổng cộng | Tỷ lệ sở hữu (%) (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| **I.** | **Người nội bộ và Người có liên quan** | **6.326.050** | **17.036.478** | **23.362.528** | **1,567%** |
| | 1. Hội đồng Quản trị (*) | 3.272.550 | 10.514.846 | 13.787.396 | 0,925% |
| | 2. Ban Giám đốc | 1.806.000 | 3.433.498 | 5.239.498 | 0,351% |
| | 3. Giám đốc Tài chính | 674.000 | 2.280.536 | 2.954.536 | 0,163% |
| | 4. Kế toán trưởng | 157.500 | 127.650 | 285.150 | 0,014% |
| | 5. Người phụ trách Quản trị Công ty, Thư ký Công ty | 416.000 | 679.948 | 1.095.948 | 0,073% |
| **II.** | **Cổ phiếu quỹ** | **-** | **1.989.791** | **1.989.791** | **0,133%** |
| **III.** | **Công đoàn Công ty** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| **IV.** | **Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| **V.** | **Cổ đông khác** | **48.043.987** | **1.417.733.831** | **1.465.777.818** | **98,300%** |
| | 1. Trong nước | 47.698.987 | 915.946.001 | 963.644.988 | 64,625% |
| | *1.1.Cá nhân* | 47.698.987 | 728.825.489 | 776.524.476 | 52,076% |
| | *1.2. Tổ chức* | 0 | 187.120.512 | 187.120.512 | 12,549% |
| | 2. Nước ngoài | 345.000 | 501.787.830 | 502.132.830 | 33,675% |
| | *2.1. Cá nhân* | 345.000 | 22.144.867 | 22.489.867 | 1,508% |
| | *2.2. Tổ chức* | - | 479.642.963 | 479.642.963 | 32,166% |
| **TỔNG CỘNG** | | **54.370.037** | **1.436.760.100** | **1.491.130.137** | **100,00%** |

*(*) Không bao gồm số cổ phần của Ông Nguyễn Hồng Nam – Thành viên HĐQT đồng thời là Tổng giám đốc Công ty*
*(**) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 1.491.130.137 cổ phiếu*

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC (SỞ HỮU TỪ 5% CỔ PHẦN TRỞ LÊN) TÍNH ĐẾN NGÀY 09/08/2022

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD | Ngày cấp | Địa chỉ | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) (*) | Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **A. Cổ đông nhà nước** | | | | | | | |
| | | | | | - | - | - |
| **Tổng Cộng A** | | | | | **-** | **-** | **-** |
| **B. Cổ đông lớn** | | | | | | | |
| | Daiwa Securities Group Inc. | CS6098 | 03/07/2007 | 9-1 Marunouchi 1-chome, Chiy-oda-ku, Tokyo, Nhật Bản | 231.737.895 | 15,54% | - |
| | Đại diện: Hironori Oka | TH1551742 | 08/09/2006 | Căn hộ số 3405, Khu căn hộ Pacific Place, Pacific Place 88 Queensway, Hồng Kông | | | - |
| | Công ty TNHH Đầu tư NDH | 0104285751 | 30/10/2014 | Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội | 94.237.688 | 6,32% | - |
| | Đại diện: Nguyễn Duy Hưng | 056062007929 | 30/12/2021 | Số 54 ngõ 61/17 Đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội | | | - |
| **Tổng Cộng B** | | | | | **325.975.583** | **21,86%** | **-** |
| **C. Cổ đông chiến lược** | | | | | | | |
| | Daiwa Securities Group Inc.<br>Đại diện: Hironori Oka | CS6098 | 03/07/2007 | 9-1 Marunouchi 1-chome, Chiy-oda-ku, Tokyo, Nhật Bản | 231.737.895 | 15,54% | - |
| **Tổng Cộng C** | | | | | **231.737.895** | **15,54%** | **-** |
| **D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)** | | | | | | | |
| | | | | | - | - | - |
| **Tổng Cộng D** | | | | | **-** | **-** | **-** |
| **Tổng Cộng (A+B+C+D)** | | | | | **325.975.583** | **21,86%** | **-** |

*(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 1.491.130.137 cổ phiếu*



## DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Số liệu được cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 23/06/2022 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp và Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 09/08/2022.

| STT | Họ tên | Chức vụ | Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng | Cổ phần chuyển nhượng tự do | Tổng cộng | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT | 2.570.150 | 7.606.900 | 10.177.050 | 0,683% |
| 2 | Nguyễn Hồng Nam | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 1.806.000 | 3.433.498 | 5.239.498 | 0,351% |
| 3 | Ngô Văn Điểm | Thành viên HĐQT, Trưởng UBKT (Không còn là Thành viên HĐQT từ ngày 07/5/2022) | 83.200 | 135.350 | 218.550 | 0,015% |
| 4 | Nguyễn Quốc Cường | Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT (Trở thành Thành viên HĐQT từ ngày 07/5/2022) | - | - | - | - |
| 5 | Phạm Viết Muôn | Thành viên HĐQT, Trưởng UBKT (Trở thành Trưởng UBKT từ ngày 18/7/2022) | 103.200 | 189.598 | 292.798 | 0,020% |
| 6 | Hironori Oka | Thành viên HĐQT | - | - | - | - |
| | Đại diện phần vốn: Daiwa Securities Group Inc | | - | 231.737.895 | 231.737.895 | 15,54% |
| 7 | Nguyễn Duy Khánh | Thành viên HĐQT | 516.000 | 2.582.998 | 3.098.998 | 0,208% |
| 8 | Nguyễn Thị Thanh Hà | Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền CBTT | 674.000 | 2.280.536 | 2.954.536 | 0,198% |
| 9 | Hoàng Thị Minh Thủy | Kế toán trưởng | 157.500 | 127.650 | 285.150 | 0,019% |
| 10 | Nguyễn Kim Long | Người phụ trách Quản trị Công ty, Thư ký Công ty | 416.000 | 679.948 | 1.095.948 | 0,073% |
| | **TỔNG CỘNG** | | **6.326.050** | **17.036.478** | **23.362.528** | **1,57%** |

# ĐỊA BÀN KINH DOANH

SSI cung cấp dịch vụ thông qua mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam và qua kênh giao dịch điện tử, phục vụ khách hàng trên toàn thế giới.



## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

### PHÍA NAM

**Trụ sở chính**

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3824 2897
Fax: (028) 3824 2997

**Chi nhánh Nguyễn Công Trứ**

Tầng 7 Tòa nhà TNR,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường
Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3821 8567
Fax: (028) 3821 3867

**Phòng Giao dịch Lê Lợi**

Phòng số 03, Tầng 18,
Tòa nhà Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi,
Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3636 3688
Fax: (028) 3636 3668

**Phòng Giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai**

Tầng 1, Tòa nhà Golden Tower
số 6 Nguyễn Thị Minh Khai,
Phường Đa Kao, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 2666
Fax: (028) 3622 2333

**Phòng Giao dịch Nguyễn Văn Cừ**

Tầng 8, Tòa nhà Royal Centre Tower,
235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cư Trinh,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 0123
Fax: (028) 3622 6667

**Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh**

Tầng Trệt và Tầng 1 của P2-SH.06,
Tầng Trệt và Tầng 1 của P2-SH.07,
Tháp Park 2, Vinhomes Central Park,
206 Nguyễn Hữu Cảnh, Quận Bình
Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 2233
Fax: (028) 3622 2277

**Phòng Giao dịch Cách Mạng Tháng Tám**

Tầng 6, Tòa nhà Lim II,
Số 62A Cách Mạng Tháng Tám,
Phường 6, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 7788
Fax: (028) 3622 5666



### PHÍA BẮC

**Chi nhánh Hà Nội**

1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3936 6321
Fax: (024) 3936 6311

**Chi nhánh Mỹ Đình**

C014 và C015, Tầng G, Tòa nhà The
Manor – Mỹ Đình, Đường Mễ Trì,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3794 6699
Fax: (024) 3794 6677

**Chi nhánh Hải Phòng**

22 Lý Tự Trọng,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (0225) 356 9123
Fax: (0225) 356 9130

**Phòng Giao dịch Vạn Phúc**

Tầng 1 và Unit 3A tầng 3, Tòa Nhà The
Imperial Suites, 01-N1, Ngõ 40, Phố
Vạn Bảo, Phường Liễu Giai,
Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3773 4999
Fax: (024) 3771 4999

**Phòng Giao dịch Times City**

Tầng 1, 2, 3 và Unit 07 tầng 10,
Toà nhà Century Tower,
số 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3941 3383
Fax: (024) 3941 3385

**Phòng Giao dịch Lê Văn Lương**

Tầng 1, Tòa nhà Star City,
số 23 Lê Văn Lương,
Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3209 1256
Fax: (024) 3568 0738

SSI Asset Management

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI**

1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3936 6321
Fax: (024) 3936 6337

# ĐÓN NHẬN THÁCH THỨC

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2022

VUI LÒNG XEM BÁO CÁO
ONLINE TẠI ĐÂY

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT : 028 38 242 897 – Fax : 028 38 242 997

www.ssi.com.vn